

THẾ KỶ 21

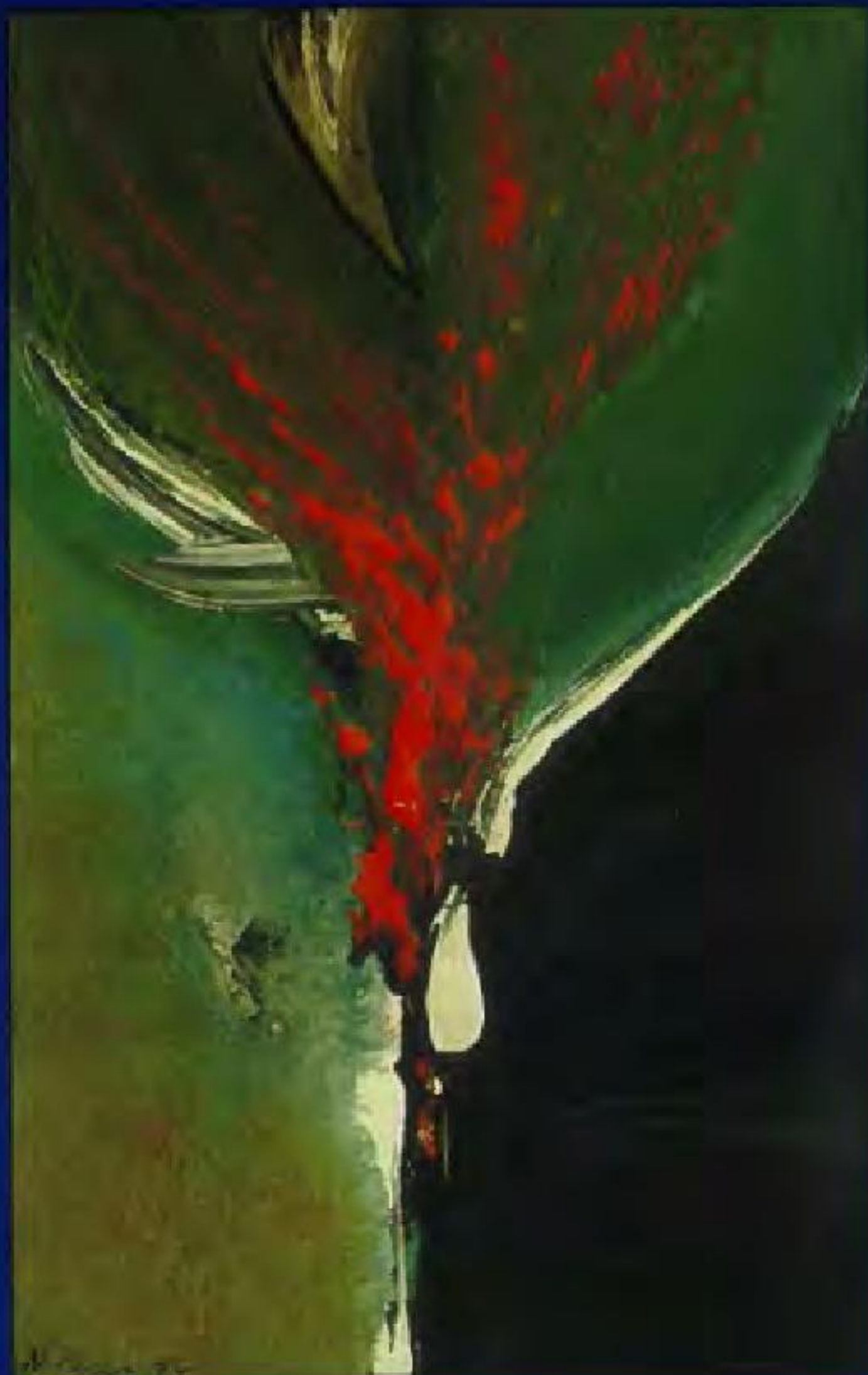
11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

LÀM GÌ
BÂY GIỜ ?

**B.S. HOÀNG
TIẾN BẢO**

A WOUND
WHICH
MAY NEVER
HEAL

**NGUYEN
LUONG
TUYEN, M.D.**



KỂ SĨ VÀ CHỮ "NGHĨA"

B.S. TRẦN VĂN TÍCH



Bộ mới nhất - Hoàn hảo nhất

Từ Điển Phát Âm Điện Tử

THẾ KỶ EV-555

Sẽ giúp bạn mở tung cánh cửa bước vào thế giới mới. Học tiếng Anh dễ dàng, giải quyết mọi khó khăn trong đời sống và giao dịch với người ngoại quốc.

Trên 40 đặc tính và công dụng tuyệt hảo:

Tạm ghi ra đây:

1. Phát âm giọng Mỹ của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Đại Học Berkeley (USA).
2. Anh - Việt, Việt - Anh 85,000 từ (lớn nhất hiện nay), có đối chiếu.
3. Đàm thoại thông dụng: Hàng ngàn câu về đời sống, du lịch, thương mại.
4. Văn phạm và cú pháp có giải thích và dẫn chứng.
5. Đầy đủ nhóm từ, thành ngữ để tra cứu cấp tốc.
6. Có Vạn Dụng Tự Điển để dùng riêng trong việc ăn, mặc, ở, đi đứng.
7. Làm từ điển riêng với chữ mới hay chữ chuyên môn.
8. Chữ đồng nghĩa và phản nghĩa hiện ngay trên màn ảnh.
9. Có đủ sổ ghi điện thoại, sổ hẹn, sổ ghi nhớ, có chuông báo, lớn 128K.
10. Có các trò chơi nhanh trí để tập luyện trí nhớ và phản ứng.
11. Đồng hồ quốc tế Toàn Năng cho giờ địa phương và giờ quốc tế.
12. Bộ phận máy tính rất lớn, làm tới 12 hàng số.
13. Lịch Vạn Niên có âm dương đối chiếu hiện ngay lên màn ảnh.
14. Luyện thi Nhập Tịch Mỹ: Tài liệu song ngữ đầy đủ nhất.
15. Cần giữ hồ sơ bí mật có thể đặt mã số riêng.
16. Phần phát âm có thể mở lớn nhỏ và nhanh chậm.
17. Tự động tắt nếu bị bỏ quên.
18. Có màn ảnh và lời chào mừng của chủ nhân khi mở máy.
19. Tính hồi xuất quốc tế nhanh chóng.
20. Dùng pin hay điện nhà đều được (với Adapter).

Giữ nguyên hệ thống phát âm của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Berkeley USA.



GS. Lê Chính Long: "Tôi muốn giới thiệu tới bạn máy từ điển này."

Tổng đại lý tại Hoa Kỳ & Canada:

GOLDEN MATE INC.
2646 DUFFEE AVE., EL MONTE, CA 91732

Các đại lý và khách hàng xin liên lạc cô Mỹ Chi:
1-800-248-3948 hoặc (818) 279-9898
(818) 307-1188 * Fax: (818) 279-9899

- Sức máy mạnh, chuyển chữ nhanh, không phải chờ đợi
- Bộ nhớ lớn, lưu trữ hàng ngàn chữ mới và tài liệu riêng
- Vạn Dụng Từ Điển có trên 35 lãnh vực sinh hoạt
- Luyện Thi Nhập Tịch có phát âm hai phần hỏi đáp
- Trục máy tân kỳ, màn ảnh đứng vững nhiều góc
- Máy gọn, nhẹ, tiện dụng nhất hiện nay.

GIÁ CHÍNH THỨC: \$329 GIÁ ĐẶT MUA: \$279

Chi nhánh các nơi

MONTEREY PARK:	443-C Garvey Ave.	(818) 307-1188
ROWLAND HTS:	18414 Colima Rod.	(818) 965-2538
MONTEREY PARK:	127 N. Garfield Ave.	(818) 571-6598
CHINATOWN (LA):	727 N. Broadway # 128	(213) 625-8609
LITTLE SAIGON:	9200 Bolsa Ave. #226	(714) 897-9808

*Một chương trình Paris By Night mới lạ.
Một sân khấu huy hoàng, cảnh trí tuyệt vời, ánh sáng tân kỳ.
Những tiết mục trình diễn đầy sáng tạo, hấp dẫn, lôi cuốn...*

PARIS BY NIGHT 31

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

với sự góp mặt đặc biệt lần đầu tiên trong chương trình Paris By Night

Nữ Ca Sĩ NGỌC LAN

Giá 25\$ 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÙY NGÀ**

Mỹ & Canada:

9295 Bolsa Ave - Westminster, CA 92683 - USA

P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA

Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:

44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc:

323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200

AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Ái Vân - Ngọc Lan - Ý Lan
Hương Lan - Dalena - Thanh Hà
Diễm Liên - Bảo Hân - Jenny
Loan - Phi Phi - Ái Thanh - Mỹ
Linh - Phương Loan - Duy
Quang - Don Hồ - Nguyễn
Hung - Thế Sơn - Henry Chúc
ban The Kings - Chí Tài...

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC

Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

THE KY 21

OFFICE: 11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510. Fax: (714) 638-1944

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back cover:.....\$640.00
- Inside (front/back):.....\$520.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page.....\$460.00
- † (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- 1 page:.....\$200.00
- 1/2 page:.....\$110.00
- 1/4 page:.....\$60.00
- 1/8 page:.....\$40.00
- † Add-on color (red/blue) any size:.....\$40.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings.
- 10% for 8 runnings.
- 20% for 12 runnings.
- 25% for paying in advance.

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO

Thế Kỷ 21

☐ Xin gửi ngay cho tôi tạp chí THẾ KỶ 21, kể từ số.....
Tôi kèm theo đây số tiền \$US40.00 (trong nước Mỹ, *bulk rate*; hoặc \$52.00 *first class*);
US\$58.00 (Canada); \$76.00 (Âu châu); \$86.00 (Úc/Á châu) một năm (12 số báo),
trong đó đã tính cả cước phí. Xin trả bằng ngân phiếu / lệnh phiếu Mỹ kim.

Họ tên:.....
Địa chỉ:.....

THẾ KỶ 21: 11022 Acacia Pkwy #A, Garden Grove CA 92640 USA • (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

TRUNG TÂM XUẤT BẢN, NHÀ SÁCH, VÀ PHÁT HÀNH

MINH VĂN

2808 GRAHAM ROAD, FALLS CHURCH, VA 22042

Điện thoại: (703) 698-8490 / 698-8491 Fax: (703) 204-9239

Minh Văn là nhà sách qui mô có bán tất cả các loại sách, đầy đủ băng nhạc của tất cả các trung tâm sản xuất, có đủ các loại trà và bình trà của Trung Quốc, Đài Loan, và các loại tượng và hộp quí.



1. NGÀY QUANH QUẦN (tập truyện, Trần Long Hồ)..... \$10.00
2. NIỀM VUI UNG THU (tập truyện, Trần Long Hồ)\$10.00
3. KỂ ĐÀO MỒ (tập truyện, Trần Long Hồ)\$11.00
4. CỎ SA MÙ (quyển 1, trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ)..... \$18.00
5. CỬA ĐỊA NGỤC (quyển 2, trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ)..... \$22.00
6. BÓNG THIÊN ĐƯỜNG (tập 1, quyển 3, t. t. Dung Thân của Trần Long Hồ)... \$15.00
7. CHÂN TRỜI LAM NGỌC (ký sự, Hồ Trường An)..... \$11.00
8. ÂM BẢN (tập truyện của Ngô Nguyên Dũng)..... \$11.00

Tổng cộng:

Tên và địa chỉ của độc giả mua sách: Tên họ:

Địa chỉ:

.....Điện thoại:

Quý vị muốn mua sách của Minh Văn xin hỏi tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc về địa chỉ như trên. Chi / lệnh phiếu xin đề MINH VĂN



FAMILY DENTISTRY

HỒ LAN ANH, D.D.S.

2611 W. ORANGETHORPE, FULLERTON, CA 92633
(ORANGETHORPE PLAZA, góc Magnolia-Orangethorpe, trong khu Phở 93)

- * NGUYỄN NHA SĨ BỆNH VIỆN NGUYỄN VĂN HỌC GIA ĐỊNH, SAIGON
- * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM HÀNH NGHỀ TẠI VIỆT NAM, SAN DIEGO, ORANGE COUNTY
- * PHÒNG MẠCH MỎI, RỘNG RÃI, TRANG BỊ TỐI TÂN
- * DỤNG CỤ KHỬ TRÙNG THEO TIÊU CHUẨN OSHA

CHUYÊN TRỊ

- NHA KHOA TỔNG QUÁT CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM
- TIỂU GIẢI PHẪU NHA KHOA
- NHA KHOA THẨM MỸ
(PORCELAIN VENEER, BONDING, BLEACHING)
- RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
- BỆNH NỮC RĂNG

NHẬN: MEDICAL - BẢO HIỂM - TIỀN MẶT

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 9:30 am - 6 pm
Chủ Nhật: Theo hẹn

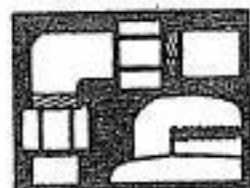
Tel: 714-871-9070

ĐẶC BIỆT: CÓ XE ĐƯA RƯỚC CHO QUÝ VỊ KHÔNG CÓ PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN

Xin mời bạn
gia nhập, bảo trợ, tham dự sinh hoạt

**HỘI VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
(VAALA)**

Liên lạc: (hỏi ông Vũ Duy Tự)
(714) 537-8352



**PAUL'S
PLUMBING & HEATING**
State Lic. 606153

Paul, Phuoc

- New, Remodel, Repair
- Electronic Leak Detection
- Electronic Pipes Location
- All Plumbing Needs

• INDUSTRIAL • COMMERCIAL • RESIDENTIAL
Phone (714) 893-3997 MASS. FAX: (714) 893-7517
Beeper (714) 806-8997

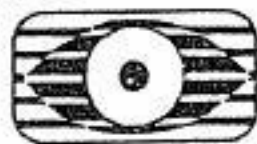
SÁCH MỚI

Nhà phát hành **THẾ KỶ** hân hạnh giới thiệu các sách mới sau đây. Quý vị độc giả của báo **Thế Kỷ 21** có thể đặt mua các sách này nơi nhà phát hành **THẾ KỶ**, được bớt 10%.

1. Ngụ Ngôn La Fontaine, tập I: \$10.00
2. Ngụ ngôn La Fontaine, tập II: \$10.00
3. Hồi Ký Một Đời Người, của Phạm Ngọc Lũy, tập I: \$25.00
4. Hồi Ký Một Đời Người, của Phạm Ngọc Lũy, tập II: \$25.00
5. Tự Điển Giải Nghĩa Điện Toán, của Lê Thiệu Lương và Đỗ Thông Minh: \$20.00
6. Phiên Dịch Sách Báo Anh Việt, của Nguyễn Văn Tạo: \$30.00
7. Để Thương Để Nhớ, của Nguyễn Sĩ Tín: \$12.00
8. Super mini Dictionary (lớn): 3500yen.
9. Super mini Dictionary (nhỏ): 2911yen.
10. Tự Điển Tin Học Tổng Hợp, của Đỗ Thông Minh: \$30.00
11. Những Mối Ưu Tư Của Người Việt Đôi Bờ, của Bửu Sao: \$15.00.
12. Na Uy và Tôi, của Nguyễn Thị Vinh: \$15.00

THẾ KỶ
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

Infinity Vision



OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhân Khoa

14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

□ Nhân khoa tổng quát

- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

□ Contact Lens

- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Disposable
- Daily và Flexiblewear
- Gas Permeable
- Soft
- Toric

□ Kính

- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lặn
- Kính mát kiểu mới nhất

FRWY 22	
Westminster	
Brookhurst	Nhà hàng Mỹ Nguyên
	Chợ Quang Minh
Hazard	
Bolsa	

Trông khu
Chợ Quang Minh

- Xin gọi điện thoại để lấy hẹn
- Nhận Medical và Bảo Hiểm

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

- Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.
- Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- TRỊ BỆNH NỨO RĂNG
- LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
- NHA KHOA THẨM MỸ
- NHA KHOA NHI ĐỒNG

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM □ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

THE KY 21

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944

E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc:
theky21@ix.netcom.com

Nhóm chủ trương: Đỗ Quý Toàn,
Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát,
Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Diểu, Lý
Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt,
Tống Hoàng, Trần Đại Lộc.

Chủ nhiệm:

Lê Đình Diểu

Chủ bút:

Vương Hữu Bội

Phụ tá Chủ bút:

Phạm Phú Minh

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và phải để rõ xuất xứ. Tiền nhuận bút tùy thỏa thuận giữa tòa báo và người viết

Trị sự:

Văn phòng trưởng:

Vũ Duy Tỵ

Quảng cáo & phát hành:

Phan Mỹ Sương

Đại diện phát hành:

Bắc Cali: Bùi Duy Thuyết

(408) 225-8429

Đông HK: Nguyễn Văn Khanh

(703) 379-8976

Pháp: Mme Le Tat Luyen

45 83 19 12

Canada: Hoàng Chiêu Nhân

(514) 445-0529

Western Australia: Bình Anson

(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Tòa báo của chúng ta tháng này có hai "biến cố" lớn: trụ sở có thêm "cư dân," và tờ báo "lên lưới."

Nguyên lai căn nhà mang số 11022 đường Acacia, thị xã Garden Grove, do hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) thuê để làm văn phòng và nơi tổ chức sinh hoạt (triển lãm, hội thảo, trình diễn văn nghệ bỏ túi, v.v...). Báo *Thế Kỷ 21* của chúng ta chia một phần diện tích để làm tòa soạn, quầy bán sách, và... kho chứa báo.

Nằm ở giữa khu vực đầy tính chất văn hóa của thị xã, trụ sở này tương đối ít người lui tới vì không gần khu phố Bolsa — nơi có hàng ngàn cơ sở thương mại và dịch vụ của người Việt ở quận Cam, California. Nay, nhân một nhóm anh chị em, hầu hết cũng là hội viên của VAALA và cộng tác viên của *Thế Kỷ 21*, đứng ra làm một đài phát thanh tiếng Việt, phát hàng ngày trên làn sóng 106.3 FM, đặt phòng thu ngay tại trụ sở này. Đài bắt đầu hoạt động từ 12 tháng Sáu (chậm một tuần so với thông báo ban đầu, có đăng trên *Thế Kỷ 21* số trước). Và kể từ hôm đó, trụ sở rộn rịp hẳn lên, vì lúc nào cũng có hàng chục người tới lui, cười nói rộn ràng. Bấy đường dây điện thoại và fax của ba đơn vị "cư trú" trong căn nhà này reng liên tục.

Cùng lúc đó, *Thế Kỷ 21* được đưa "lên lưới" diện toàn cầu. Tòa báo có gửi thư cho một số thân hữu và độc giả để thông báo sơ khởi và xin bảo trợ.

Nay xin chính thức thông báo (xin đọc bài giới thiệu chương trình và thể thức đọc báo trên màn ảnh máy điện toán), và mong nhận được sự hưởng ứng của toàn thể thân hữu và độc giả bốn phương.

"Lên lưới" có nghĩa là đưa bài vở (và dần dần cả hình ảnh) của tờ báo lên mạng thông tin điện tử, phát đi khắp nơi trên thế giới. Bất cứ ai có máy điện toán gắn modem, và ghi tên tham gia một hệ thống truyền tin điện tử (như Compuserve, Internet, America Online, v.v...), đều có thể đọc *Thế Kỷ 21* trên máy.

Đây là phương tiện truyền thông hiện đại nhất, và sẽ là phương tiện hàng đầu của thế kỷ tới. Chúng ta đã thực sự phóng lên "siêu xa lộ thông tin" của thời kỳ hậu kỹ nghệ trong lịch sử văn minh nhân loại.

Những chương trình xử lý máy điện toán ngày càng giản dị, và "thân thiện" với người sử dụng, chắc chắn sẽ giúp cho phương tiện truyền thông trên "lưới" điện toán được phổ cập — ngay cả ở Việt Nam, quê hương chúng ta.

Mong được đón nhận những góp ý, tiếp tay cũng như bảo trợ của đông đảo quý bạn đọc.

Mùa hè tới, nếu có vị nào ở xa ghé chơi quận Cam, xin mời đến tòa báo — để có dịp chúng ta cùng... lên báo, lên đài (phát thanh), hoặc lên lưới!

THẾ KỶ 21

Tranh bìa: Phan Nguyên (Paris)
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp.
Minh họa: Vũ Thái Hòa, Nguyễn Tư, Đinh Cường.
Hí họa: Hiếu Đệ, Fus.
Ảnh: Báo Thiện Chí, Lý Kiến Trúc.

MỤC LỤC

Số 75 • Tháng Bảy 1995

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

- 11. Tư bản Khổng Giáo (*Vương Hữu Bột*)
- 18. Đạo lý và vấn đề "cũ, mới" trong công cuộc kiến thiết xứ sở (*Tôn Thất Thiện*)
- 26. Kề sĩ và chữ "nghĩa" (*Trần Văn Tích*)

LỊCH SỬ

- 22. Nhớ lại và suy nghĩ: Hồi chuyện Nguyễn Minh Cần (*Đỗ Quỳn thực hiện*) (tiếp theo)
- 92. Những viên ảnh mới từ hồ sơ quốc tế tại Moscow (*Sophie Quinn Judge - Trần Ngọc dịch*) (tt)

KHOA HỌC - NGHỆ THUẬT

- 29. Nói chuyện về cổ học giả Nguyễn Bạt Tụy (*Mai Thái Linh thực hiện*)
- 32. Lằn ranh tử tử qua sinh (*Sơn Diên Nguyễn Viết Khánh*)
- 43. Lưới điện toán (*Lê Tam CA*)
- 58. Nói chuyện với Nguyễn Thị Chân Quỳnh (*Nguyễn Nam Anh thực hiện*)
- 79. Một vài suy nghĩ và nhận xét về chữ nghĩa (*Bùi Vĩnh Phúc*)
- 96. Người nghệ sĩ không bao giờ già (*Hoàng Khởi Phong*)
- 99. Nước thanh bình bao nhiêu năm cũ (*Quỳnh Giao*)

VĂN HỌC

- 35. Làm gì bây giờ (*Hoàng Tiến Bảo*)
- 56. Bâng quơ về viết chơi (*Võ Phiến*)
- 62. Tiếng hú tâm linh (*Doãn Quốc Sỹ*) (tiếp theo và hết)
- 66. Bối cảnh sinh hoạt văn học Cộng sản từ năm 1975 (*Lê Đại Lãng*)
- 71. Khán giả (*Phùng Nguyễn*)
- 76. Lạc nhau (*Hà Thúc Sinh*)
- 84. Nơi đâu, vẫn còn chỗ đó (*Nguyễn Chí Kham*)
- 90. Ngủ cho qua một cuộc chiến (*Hoàng Mai Đạt*)

THƠ

57 Suối (*Trần Hồng Châu*). 59 Nhớ. Anh đứng đây là đâu (*Hoàng Cẩm*). 64 Nhớ thương (*ĐHAT*). 65 Quá khứ (*Lưu Nguyễn*). 67 Độc hành (*Minh Hân*). 69 Vọng Phu Thạch. Vương Kiến. Vô gia biệt Đỗ Phủ (*Phan Nhật Nam dịch*). 81 Đáy hồn em rụng tiếng tiêu sơ (*Phố Thị Ngọc Ni*). 86 Ông hàng xóm. Trối (*Hạo Nhiên*).

MỤC THƯỜNG LỆ

- 6. Thư tòa soạn
- 8. Bạn đọc viết
- 9. Tòa soạn và bạn đọc
- 10. Hộp thư trị sự
- 39. Sổ tay ký giả
- 101. Vòng chân trời văn học nghệ thuật
- 102. Sách báo trong tháng

ENGLISH SECTION

- 45. The Viet Nam war: Twenty years later (*Nguyen Luong Tuyen, MD*)
- 47. Viet Nam's economic and political "renovation" (*Vo Nhan Tri*)
- 49. Western influence on modern Vietnamese Literature (*Nguyen Ngoc Tuan*)■



Góp ý kiến về mục "Sách báo trong tháng"

Mục "Sách báo trong tháng" của *Thế Kỷ 21* ngày càng khá. Lối điểm sách tương đối nghiêm chỉnh, chứng tỏ người điểm có đọc sách, dù là không kỹ lưỡng lắm, nhưng có được các nhận xét, các ý kiến đáng gọi là nhận xét, ý kiến. Chứ còn cái lối giới thiệu lanh quanh, nói vu vơ vài câu vô thưởng vô phạt (vì không chịu khó đọc sách) khiến người đọc không có được một ý niệm gì về cuốn sách thì không ích lợi gì cả.

Nhưng tôi cũng nhận thấy các lời bình phẩm phần nhiều đều nghiêng về khen chứ ít khi chê, mà theo tôi là một thái độ không đầy đủ khi giới thiệu một cuốn sách. Vẫn biết trong mười dòng giới thiệu ngắn ngủi không thể nào phân tích kỹ mọi khía cạnh, nhưng người viết có nhiệm vụ nói lên tính chất chính yếu của tác phẩm, đủ để người đọc có một ý niệm chung.

Đòi hỏi của tôi như vậy có là quá đáng cho những người làm công việc giới thiệu sách hàng tháng không?

Vĩnh Thanh (Paris, Pháp quốc)

Xin đa tạ sự góp ý thẳng thắn của ông. Đọc giả càng đòi hỏi nhiều thì tòa soạn càng phải cố gắng, tuy có mệt hơn nhưng như thế mới... hào hứng chứ!

Vài ý nghĩ về "mặt trận chữ nghĩa"

Đúng như ý kiến của ông Nguyễn Hưng Quảng, chuyện chữ nghĩa đã trở thành một "mặt trận" trên *Thế Kỷ 21*. Nếu một mặt trận của sự trao đổi kiến thức thuần túy thì là điều rất hay, nhưng tôi thấy nó bắt đầu có những mũi tên tầm thuốc độc bắn qua bắn lại rồi!

Thuốc độc đó là gì? Đó một hàng rào vô hình ngăn cách nhau về ngôn ngữ và định kiến của những người đã sống và được đào tạo tại hai miền Nam Bắc Việt Nam trước đây, đó là con ngáo ộp "thân cộng" mà người ta nắn thành hình những cái mũi sẵn sàng chộp vào đầu nhau, để giành "chính nghĩa" về phía mình (nhằm phụ giúp thêm vào các lý luận tranh cãi khoa học cho thêm... vững chắc!)

Tôi nghĩ những cái đó là di căn nặng nề mà một giai đoạn lịch sử dân tộc chia rẽ để lại cho chúng ta, những tưởng trong một cuộc thảo luận có vẻ là thuần túy khoa học và văn chương chữ nghĩa của những người có học trên một tờ báo đứng đắn thì

nó không lộ ra, ai ngờ có dịp thì nó cũng sẵn sàng "phóng âm khí" như trong bất cứ một cuộc tranh luận chính trị nào của cộng đồng người Việt!

Xin quý vị trở về với "mặt trận chữ nghĩa" đúng nghĩa của nó, với tất cả ý nghĩa trân trọng truyền thống của người Việt Nam đối với hai tiếng "chữ nghĩa", là có học, có văn hóa, có lương tri, có tấm lòng... Hy vọng với sự trở về ấy, những di căn đau khổ của hục hặc chia rẽ sẽ dần dần phai nhạt đi, và những người có học sẽ xứng đáng là những người "có chữ nghĩa"!

Trần Hữu Nam (Orange, CA)

Chúng tôi vẫn luôn cố gắng để "bình tĩnh," cũng như giữ cho các cuộc tranh luận trong chừng mực nào đó được hòa nhã. "To tiếng" không bao giờ chứa đựng "nhiều" chân lý hơn nhỏ nhẹ, có phải không ạ?

Món quà quý từ phương xa

Cũng như một vài tờ báo khác được các anh chị bên ấy gửi cho, *Thế Kỷ 21* được bọn tôi ở đất Budapest này chuyển tay nhau rất trân trọng, như một món quà quý từ phương xa. Lắm khi, lúc tờ báo quay trở lại tay tôi, nó đã không còn giữ được "hình hài" vốn dĩ...

Về phần mình, ngoài phần văn học vốn là niềm say mê của tôi, những bài viết của các ông Sơn Diên Nguyễn Viết Khánh và Thang Ma làm tôi khoái nhất. Tôi cho rằng giá như *Thế Kỷ 21* thu thập bài viết của các ông ấy lại mà in thành sách, chắc thế nào cũng được độc giả hoan nghênh.

Hoàng Linh (Budapest, Hungary)

Cám ơn các bạn ở Budapest. Tiền cước bưu điện đắt quá, chứ nếu không TK 21 sẵn sàng gửi báo sang để các bạn đọc cho vui!

Tuy nặng vẫn tán dương

Thế Kỷ 21 vừa qua, số 74, quả có hơi... nặng, nhất là bài viết về ngôn ngữ. Tuy nhiên, tôi rất chịu vở kịch của nhà văn Doãn Quốc Sỹ, cho tôi gửi đến ông lời tán dương.

Thân chúc *TK 21* vẫn đẹp như đã từng đẹp.

Nguyễn Hàn Thư (Sacramento, CA)

Bàn thêm về chữ "thâm"

Bài Bàn về chữ "thâm" của Nguyễn Thị Băng Linh trên *Thế Kỷ 21* số 74 vừa qua là một phát hiện khá độc đáo trong ngôn ngữ Việt. Nó cho chúng ta biết rằng tiếng của ta cũng rất giàu có, một chữ "thâm" mà có thể mang trong nó biết bao là ý nghĩa, biết bao là tình huống thâm trầm.

Nhưng trong bài ấy có một đoạn tôi không nghĩ như tác giả. Đoạn ấy như sau:

Đêm ngày luống những âm thầm

Nguyễn Du đã "nâng cấp" âm thầm từ tĩnh, trạng, lên địa vị danh từ. Những âm thầm, ừ, thì cả những nỗi niềm lui cui chiếc bóng.

Theo ý của tôi, chữ "âm thầm" trong câu Kiều *Đêm ngày luống những âm thầm* vẫn là một tính từ chứ không phải là một danh từ, và chữ "những" ở đây không phải là một loại từ chỉ số nhiều, tương

đương với chữ “les” trong tiếng Pháp. Nếu hiểu như thế và định nghĩa *những âm thầm* ở đây là *những nỗi niềm lui cui chiếc bóng* thì cả câu thơ trở nên rất kỳ, vai trò chữ “luống” sẽ trở nên rất lôi thôi.

Thật ra ở đây “luống những” là một cặp chữ đi đôi với nhau, để diễn tả một cảm giác, một tâm trạng nào đấy tiếp theo. Ví dụ: *Nghe anh nói mà tôi luống những ngậm ngùi*. “Luống những” như thế có nghĩa là “cảm thấy”, “rơi vào tâm trạng”. Người ta có thể dùng một mình chữ “luống” mà không có chữ “những”, nhưng cũng rất nhiều khi dùng cặp với nhau. Và luôn luôn sau đó là một tính từ diễn tả tâm trạng.

Nguyễn Du đã không “nâng cấp” một tính từ lên địa vị danh từ với một chữ “những” như thế đâu!

Tôn Nữ Ngọc Trai (San Jose, CA)

Chia rẽ dân tộc làm lợi cho độc tài

Trong bài “Câu Chuyện 20 Năm Sau” của ông Nguyễn Hữu Chung đăng trên *Thế Kỷ 21* số 74, trang 19, có đoạn:

Một trong những yếu tố quan trọng có lợi cho đảng CSVN là sự không đồng thuận, đồng tâm giữa những người miền Nam và những người miền Bắc. Tôi không nói rằng đảng CSVN đang có một chương trình chia rẽ dân tộc để làm lợi cho họ. Tôi chỉ xác nhận rằng sự chia rẽ đó có lợi cho họ, cũng như nó có lợi cho bất cứ nhà nước độc tài nào khác, như nhà nước thực dân Pháp trước đây.

Trong vấn đề lựa chọn thể chế chính trị, đương nhiên là người miền Nam muốn có dân chủ. Một thiểu số người miền Bắc, nhất là những người trí thức đô thị, cũng bắt đầu muốn có dân chủ. Nhưng trong hiện tại, chưa có khả năng kết hợp dân chúng hai miền để tạo một phong trào quốc gia. (trang 19)

Tôi nghĩ ông Nguyễn Hữu Chung quá đáng khi cho rằng hiện có sự không đồng thuận đồng tâm, nói trắng ra là **chia rẽ** (chính ông cũng đã dùng chữ ấy), giữa người dân miền Nam và người dân miền Bắc hiện nay. Sau biến cố 1975, rõ ràng là có sự khác biệt giữa não trạng, tâm lý, thói quen giữa dân hai miền. Nhưng sự khác biệt ấy dần dần bớt đi với thời gian khi dân miền Bắc ngày càng có dịp ra khỏi cái tổ kén bưng bít mấy mươi năm. Sự khác biệt càng xóa đi thì càng làm cho dân hai miền gần nhau hơn chứ không làm chia rẽ họ thêm ra. Và đến nay, 20 năm sau, thêm tác động của nhiều biến cố lớn lao trong thế giới cộng sản, tôi nghĩ toàn thể dân Việt Nam đều ước muốn có tự do dân chủ như nhau. Không thể nói rằng vì dân miền Nam trước đây đã từng được sống tự do dân chủ mà bây giờ họ có nhu cầu ấy nhiều hơn. Chính những người không biết gì hết, khi được ném mìn, mới càng khao khát mạnh.

Nói thế để thấy rằng nếu bây giờ chưa tạo được một phong trào quốc gia đòi hỏi dân chủ thì lý do nằm ở chỗ khác hơn là sự chia rẽ Nam Bắc. Tôi cho rằng những nhận định như của ông Nguyễn Hữu Chung có thể khơi dậy một tình cảm tiêu cực

vốn đã quá nặng nề trong quá khứ của dân tộc ta, là sự chia rẽ. Và đúng như ông đã viết: *Chia rẽ dân tộc làm lợi cho độc tài.*

Nguyễn Quang Xương (San Diego)

Đính chính:

Mục Bạn Đọc Viết số 74, ở bài “Hai vùng hỏa tuyến” có mấy chỗ cần đính chính: 1. *Capital gang*, thay vì *Capitol gang*. 2. Ở đoạn cuối: “Ông Tôn Thất Thiện đã góp ý về vấn đề định mệnh...” thay vì “Ông Trần Thanh Hiệp đã góp ý...”

Thành thật xin lỗi tác giả, độc giả, cùng hai ông Tôn Thất Thiện và Trần Thanh Hiệp.



TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua, Tòa soạn đã nhận được bài vở của quý vị sau đây: Nguyễn Trân, Phạm Xuân Hy, Ngô Thế Vinh, Trần Gia Phụng, Francis Phu, Viên Phong, Nguyễn Đăng Ngọc, Hoàng Chính, Trần Hoài Thư, Hiếu Đệ, Mai Nguyên, Huỳnh Mạnh Tiên, Du Thị Diễm Buồn, Nguyễn Quý Nhơn, Hà Kỳ Lam, Đỗ Quyên, Võ Doãn Nhân, Đỗ Thông Minh, Nguyễn Hàn Thư, Phục Hưng, Phạm Ngọc Khôi, Lý Minh Hào, Hồ Phổ Lại, Lưu Nguyễn, Phùng Nguyễn, Đỗ Thị Kênh G, Vũ Tiến Dũng, Nguyễn Hoài Vân.

Xin cảm ơn tất cả quý vị và các bạn. Ước mong sự cộng tác của quý vị và các bạn với *Thế Kỷ 21* ngày càng phong phú và bền chặt.

Phản Nhãn Tin:

Phạm Xuân Hy (Paris, France): Tòa soạn đã nhận được “Nhân vật số hai của ĐCS TQ”, xin cảm ơn anh. Không đăng được vì cái đó chỉ thuần là tài liệu. Tuy nhiên chúng tôi để dành để dùng khi cần vì tài liệu ấy rất hay. Một lần nữa xin cảm ơn anh và chúc anh vui luôn.

Trần Gia Phụng (Toronto, Canada): Bài về PCT anh gửi chúng tôi sẽ đăng trong một dịp nói về nhân vật ấy hoặc tư tưởng ấy. Chúc mọi chuyện đều vui. Chờ các bài tiếp theo. Thân.

Viên Phong (Boulder, CO): Lâu mới lại thấy ông gửi thơ về tòa soạn. Sẽ đăng trong một số tới. Chúc ông được dồi dào sức khỏe và vẫn làm thơ đều. Kính.

Hồ Phổ Lại (Quebec, Canada): Điều trở trêu là chúng tôi đã nhận được thư bỏ khuyết phần kết luận của truyện CLDB, trong khi chính truyện ấy thì không thấy tới. Chắc là bưu điện làm chậm trễ hoặc thất lạc rồi. Phiên chị gửi cho chúng tôi một bản khác, xin cảm ơn chị trước. Chúc vui.

Phan Nhật Nam (Houston, TX): Sau khi nhận được thư và các bài của bạn, chúng tôi có gửi ngay cho bạn mấy số báo #74. Các cuốn sách được giới

thiếu trong ấy. Sẽ hỏi lại K.Tr. về bài thơ mà bạn nói. Hiện nay chúng tôi đang "khai thác" những bài dịch thơ Đường. Ông H.L.LVV cũng là chỗ quen thân đã lâu, chúng tôi sẽ chuyển lời thăm của bạn đến ông ta. Chúc sức khỏe. Thân.

Vũ Tiến Dũng (*White Head Detention Center, Hong Kong*): Đã nhận được truyện Căn Nhà Mới của anh. Chúng tôi đang đọc. Cảm ơn anh đã có những nhận xét tốt về tờ TK 21. Chúng tôi nghĩ rằng anh cố gắng đọc nhiều sách văn học và chịu khó viết liên tục, kết quả tốt sẽ đến. Chúc anh nhiều may mắn trong nghịch cảnh hiện tại.

Đỗ Thị Kênh G (CA): Sẽ đăng TNT trong một số tới. Chúc bạn vui luôn.

Nguyễn Hoài Vân (*Vitré, Pháp*): Bài về thơ của PV rất tiếc không đăng. Xin gửi tiếp cho những bài khác. Chúc vui.

Bửu Sao (*Orlando, FL*): Xin anh cứ gửi những đoạn "nhử mồi" ấy về Tòa soạn. Về cuốn NMUT thì bạn đọc vẫn mua lai rai, nhưng ở đây hãy chờ. Chờ một thời gian sẽ thanh toán một lần. Mừng anh chị dọn về nhà mới, xin chúc mọi chuyện yên vui. Kính.

Hải Hồ Phạm (*Malente, Đức*): Chúng tôi vừa nhận được thư và truyện dịch Heinrich Boll do ông gửi, khi báo tháng Bảy sắp lên khuôn. Chúng tôi không thể đăng bài ấy trong số báo tháng Bảy như yêu cầu của ông được, vì bài đến quá trễ (ngay trong trường hợp được chọn đăng). Vậy xin thông báo để ông tùy nghi. Xin cảm ơn ông và xin hẹn dịp khác. Kính.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nguyễn Hữu Tường (San Jose CA), Hà Dương Cự (Bethlehem PA), Nguyễn Văn Vỹ (Richfield MN), Mai Xuân Trần (Baton Rouge LA), Liên Đoàn (Seal Beach CA), Long Quốc Thái (Lansdale PA), Nhất Tuấn (Olympia WA), Trần Văn Quang (Westminster CA), Nguyễn Văn Luận (Garden Grove CA), Phùng Nguyễn (Bakersfield CA), Dương Đoàn (San Jose CA), Tina & David Đoàn (W Covina CA), Đài Diễn Đàn Dân Chủ (Pomona CA), Nga Lam (Seattle WA), Nguyễn Tấn Phú (Orlando FL), Phạm Văn Điền (Longbeach CA), Andre & Lana Bửu Sao (Orlando FL), Hoàng Phượng (Royal Oak MI), Lê Văn Tám (Berlin GERMANY), Nguyễn Vinh (Memphis TN), Nguyễn Thế Vinh (Mission Viejo CA), Ann

Phong (Anaheim CA), Trần Xuân Lợi (Thousand Oaks CA), Lotosblute GmbH (Leipzig GERMANY), Nga Nguyễn Sheehan (San Jose CA), Lê Nguyễn Phương (Garden Grove CA), Trịnh Văn Hiếu (Orange CA), Nguyễn Tường Vân (College Park MD), Phạm Ngọc Khôi (Montreal, Que CANADA), Nguyễn Thế Huy (Montreal, PQ CANADA), Đào Đức Hoàng (Montreal, PQ CANADA), Nguyễn Minh Hương (Portland OR), Nguyễn Xuân Thuyên (Garden Grove CA), Trầm Trọng Tài (Honolulu HI), Phạm Ngọc Cường (Berlin GERMANY), Vanessa Nguyễn (Rosemead CA), Nguyễn Đức Chinh (Frankfurt/M GERMANY), Hoàng Thanh Tâm (Saarbruecken GERMANY), Nguyễn Văn Canh (Orebro SWEDEN), Võ Văn Đình (Hatfield PA), D. Nguyễn (Hawthorne CA), Đoàn Đắc Khai (Riverside CA), Nguyễn Đan (Tustin CA), L. Phan (Torrance CA), Nguyễn Nguyên Phương (Denver CO).

Nguyễn Tấn Phú (*Orlando FL*): Nhà xuất bản Thế Kỷ vừa gửi đến ông những sách được order. Cảm ơn ông đã ủng hộ và quan tâm đến TK 21. Thân kính.

Hoàng Phượng (*Royal Oak MI*): Độc giả cũ hưởng giá cũ, chi phiếu bạn gửi, gia hạn thêm 14 số báo (#75 - #88) nữa. Thân mến.

Yên Phong (*Waldkappel GERMANY*): Ban phát hành đã gửi TK đến TC từ số đầu năm 1995 đến nay. Chúc quý hữu lúc nào cũng dồi dào thiện chí trên đường tiến tới thế kỷ 21. Thân kính.

Nhà sách Tân Phước (*Berlin GERMANY*): Vừa nhận được tiền báo trả cho năm 1994. Đa tạ quý tiệm đã chia sẻ phần nào gánh nặng trên vai của bốn báo. Thân chào.

Hoàng Chiêu Nhân (*Brossard CANADA*): Đã gửi báo đến anh làm ba gói nhỏ như lời đề nghị. Lúc này chắc anh bận lắm (?) không còn thì giờ để đi xem tranh (!). Thân mến.

Nhà sách Thiên Nga (*Houston TX*): Đã nhận được chi phiếu trả tiền báo từ số 69 đến 74. TK 21 cảm ơn và thân chúc cơ sở TN ngày càng phát triển. Thân mến.

Hoàng Thanh Tâm (*Saarbruecken GERMANY*): Nhà xuất bản TK đã gửi đến chị quyển "Hà Nội Trong Mắt Tôi" của nhà văn PXĐ, số tiền còn lại xin để gia hạn báo đến số 102. Thân mến. ■

Tri ân

Thế Kỷ 21 trân trọng ghi nhớ sự hưởng ứng và giúp đỡ của quý thân hữu và độc giả trong việc đưa tờ báo của chúng ta "lên lưới" điện toán. Chúng tôi đã nhận được tiền bảo trợ của một số thân hữu, mà không vị nào cho phép nêu danh tính trên báo hoặc trên lưới. Xin đa tạ. TK 21.

TƯ BẢN KHỔNG GIÁO

VƯƠNG HỮU BỘT

Xưa nay không mấy ai nói tới Tư Bản Công Giáo hay Tư Bản Hồi Giáo. Có lẽ vì gán ghép một tôn giáo với một cách làm ăn buôn bán không lấy gì làm thiêng liêng có thể khiến các tín đồ họ phản đối. Ngược lại, những từ đã nhiều người dùng như “Chủ nghĩa xã hội Phật giáo, Chủ nghĩa xã hội Thiên Chúa giáo” nghe dễ lọt tai hơn. Vì bốn chữ “chủ nghĩa xã hội” nghe đã có vẻ tôn giáo rồi (cho tới giờ nó vẫn chỉ là một định hướng xa xôi chứ chưa thành sự thật).

Người ta nói Tư Bản Khổng Giáo mà không thấy ai lên tiếng phản đối. Tại sao vậy? Phải chăng vì “giáo lý” đó bây giờ không còn ai theo nên không ai thấy mình bị xúc phạm nữa, như một giò họ đã hết con cháu, không có người nào thừa tự. Nhưng cũng có thể là các môn đồ Khổng Mạnh nhận thấy từ mới này không có gì xúc phạm cả. Khổng Tử vốn không phải là thần thánh thiêng liêng, mà trong tư tưởng và hành động ông lại có óc chuộng thực dụng.

Còn chuyện Tư Bản Khổng giáo là gì thì chưa ai nói ra, cho nên ai muốn hiểu sao cũng được. Một tờ báo loan tin tức kinh tế bên Anh có lần đùa đặt cái tựa “Confucian Confusion.”

Việc ghép một tôn giáo vào nền kinh tế tư bản thật ra đã có tiền lệ. Một nhà xã hội học Đức, Max Weber (1864-1920), đã quan sát sự phát triển của kinh tế tư bản Âu Mỹ. Ông nhận thấy ở các nước theo đạo Tin Lành (Anh, Đức, Mỹ) kinh tế tư bản phát triển nhanh hơn những nước mà đa số dân theo giáo hội La mã. Ông viết thành sách, đến nay được coi là cổ điển: “Luân Lý Tin Lành và Tinh Thần của Chủ Nghĩa Tư Bản.” Sinh viên kinh tế, quản lý và xã hội học ở đâu cũng phải biết đến sách này.

Chắc chắn không thể giải thích cả một hiện tượng lịch sử phức tạp bằng một yếu tố duy nhất, dù là tôn giáo. Max Weber cũng chỉ nhìn nhận một yếu tố định tính về mặt văn hóa trong đời sống kinh tế.

Gần đây, khi các nước Á Đông, bắt đầu từ Nhật Bản, rồi đến Đại Hàn, Đài Loan, Hồng Kông và Singapore cùng phát triển sản lượng kinh tế nhanh chóng hơn các nước kém phát triển khác, nhiều nhà báo Tây phương tự hỏi có cái gì tương đương trong văn hóa truyền thống các nước này, có thể đóng vai trò giống như “Đạo Đức Tin Lành” của Calvin, cũng thúc đẩy người ta chịu khó làm việc, tiết kiệm và đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh tế của các con rồng Á Đông?

Họ thấy một mẫu số chung là Khổng giáo, vì người dân năm xứ trên đều chịu ảnh hưởng luân

lý Khổng Mạnh qua nhiều thế kỷ. Hai nước Đài Loan và Singapore chính thức đề cao Khổng giáo ở trường học cũng như trong các diễn giải về chính sách quốc gia tuy không nước nào có ý biến Khổng giáo thành một ý hệ chính thức, vì họ theo quy tắc dân chủ. Các nhà báo bắt được một danh từ đẹp, họ bèn mượn tên đức Thánh Khổng, đặt ra một từ mới: “Tư Bản Khổng Giáo”. Từ này bây giờ đã thành thời thượng vì nó giúp các nhà báo vừa chứng tỏ mình có mắt quan sát tốt, vừa chứng tỏ mình uyên bác trong cả môn kinh tế lẫn lịch sử triết học. Mua được hai cái tiếng tốt bằng một từ ngữ như vậy, nói theo kiểu tư bản, là giá rất rẻ. Cũng giống như tất cả các từ thời thượng, được loan truyền nhờ báo chí hơn là nhờ các công trình khảo cứu trang nghiêm, mấy chữ này dễ gây hiểu lầm vì quá giản lược và hàm hồ chứa nhiều nghĩa. Có điều nguy hiểm là nó có thể được hiểu lầm ra một thứ toa thuốc trị bá bệnh đối với các người làm chính trị không có thói quen tư duy, chỉ nghĩ và nói bằng các khẩu hiệu đơn giản.

Đạo đức Tin Lành và tác phong kinh tế

Nhiều nước ở Âu Châu bắt đầu cuộc cách mạng công nghệ và cách mạng kỹ thuật vào khoảng cùng một thời gian, giữa thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19. Nhưng Max Weber nhận thấy các xứ đã theo phong trào cải cách tôn giáo từ hồi thế kỷ 16, tiếng Việt thường gọi chung là các xứ theo đạo Tin Lành, họ có nhịp phát triển nhanh hơn các xứ còn trung thành với giáo hội La Mã. Yếu tố nào giải thích sự khác biệt về tốc độ phát triển? Thay vì giải thích bằng các yếu tố như địa lý, khí hậu, chủng tộc, Max Weber đưa ra giả thuyết rằng tôn giáo là yếu tố quan trọng.

Đạo Đức Tin Lành theo phái của Calvin đề cao khổ hạnh nhưng cũng đề cao sự làm việc. Làm việc là vinh danh Thiên Chúa. Những lời dạy trong Kinh Thánh thì giáo hội La Mã hay các giáo hội Tin Lành đều học giống nhau, chỉ khác vì giáo lý mỗi phái nhấn mạnh vào những trọng điểm riêng. Lời dạy trong Tê-xa-lô-ni-ca (Thessalonians) của thánh Phao Lô nói rằng (1):

“Chính anh em thừa biết là anh em phải bắt chước chúng tôi như thế nào. Khi ở giữa anh em chúng tôi đã không sống vô kỷ luật. Chúng tôi đã chẳng ăn bám ai, trái lại đêm ngày đã làm lụng khó nhọc vất vả, để khỏi trở nên gánh nặng cho người nào trong anh em...để nêu gương cho anh em bắt chước.

“Thật vậy, khi còn ở với anh em, chúng tôi đã chỉ thị cho anh em: ‘Ai không chịu làm thì cũng

đừng ăn!’ Thế mà chúng tôi nghe nói: trong anh em có một số người sống vô kỷ luật, chẳng làm việc gì mà việc gì cũng xen vào. Nhân danh chúa Giê-su Ky-tô chúng tôi truyền dạy và khuyên nhủ những người ấy hãy ở yên mà làm việc để có của nuôi thân.”

Weber nhìn thấy trong nền luân lý thẩm nhuần Tin Ngưỡng Calvin thái độ coi trọng sự làm việc, đồng thời vấn đề cao đức khổ hạnh. Nghĩa là khi làm việc có thể coi sự thành công là ân sủng của Thượng đế, nhưng nếu làm việc chỉ cốt để được hưởng thụ dục lạc thì sẽ bị khinh rẻ. Nền đạo đức này, theo Weber, là một động cơ thúc đẩy kinh tế tư bản.

Tư bản nghĩa là vốn, mà vốn khác với của cải. Của cải chỉ trở thành vốn khi được đem dùng để sinh ra của cải mới, gọi là đầu tư. Các vua chúa thời phong kiến cũng tích lũy của cải dưới hình thức vàng ngọc, lầu đài, quân hầu, nghi vệ v.v... nhưng đó không phải là tư bản. (Bây giờ vua chúa trưng bày các của cải đó cho dân coi, cung cấp dịch vụ du lịch, đầu tư vào cửa!)

Nền kinh tế tư bản phát sinh khi giai cấp xã hội nắm quyền đã tích lũy của cải nhưng không sử dụng của cải với mục đích tiêu thụ thuần túy, như phô trương sự giàu có, mà biến của cải thành vốn, đầu tư thêm, tạo thêm việc làm, sinh lợi. Nền đạo đức Tin Lành, như Max Weber giải thích, tác động người ta làm việc, gia tăng của cải nhưng không khích lệ tính xa hoa phung phí, do đó thúc đẩy tiết kiệm, đầu tư và nhờ tiếp tục đầu tư nên kinh tế phát triển hơn nữa.

Người quân tử kinh doanh?

Vậy trong luân lý Khổng giáo có gì tương đương với tinh thần đạo lý Calvin để thúc đẩy các người quân tử kinh doanh sinh lợi hay chăng? Nói tới “Luân lý Khổng giáo” không phải chỉ là trích dẫn các lời dạy của Khổng tử mà cần nhìn tới toàn cảnh, nói về cả nếp sống luân lý của các xứ chịu ảnh hưởng Khổng giáo.

Đạo Khổng có đề cao sự chuyên cần. Nhưng nếu ai nói Khổng giáo cổ động cho việc kinh doanh sinh lợi thì chắc phải nhắc lời trong Luận Ngữ (2) dạy ta nên lo chưa giữ đạo lý chứ đừng lo ăn hay lo nghèo: Mưu đạo bất mưu thực, Ưu đạo bất ưu bản (XV-31), Quân tử dụ nghĩa, tiểu nhân dụ lợi (IV-16). Cho nên Mạnh Tử cũng nói với Lương Huệ Vương: “Xin nhà vua hãy hỏi về Nghĩa, chớ nói đến Lợi.” Trong số môn đệ, Khổng Tử ngợi khen thầy Nhan Hối hơn cả: Một giỏ cơm, một bầu nước, ở trong ngõ hẻm... vẫn không đổi niềm vui (VI-9). Một nền luân lý coi nhẹ của cải và tiện nghi như vậy thì làm sao thúc đẩy người ta buôn bán phát tài? Nếu Thầy Khổng có đề cao hoạt động kinh tế thì tư tưởng của ngài không đặt trong phạm vi luân lý cá nhân mà trên vấn đề trị quốc. Nói theo ngôn ngữ thời nay, ngài đặt vấn đề kinh tế trên phạm vi vĩ mô! Như khi ngài khuyên người trị nước phải lo cho dân giàu trước, rồi lo việc giáo dục (Phú chi, giáo chi, XIII-9), hay đưa

ra ba điều kiện của ổn định chính trị là “túc thực, túc binh, dân tín chi hi, XII-7).

Cho nên cũng không thể phạm lỗi “nhất nguyên” lấy một yếu tố văn hóa duy nhất để giải thích sự phát triển. Max Weber cũng không có tham vọng đó. Ông không coi văn hóa là yếu tố giải thích sự phát triển, mà chỉ như một biến số giải thích nhịp phát triển nhanh chậm khác nhau giữa các nước có cùng điều kiện kinh tế, xã hội.

Như vậy nếu Khổng giáo có thể là một yếu tố giúp tạo nên những nền kinh tế phát đạt ở Á Đông ngày nay thì không phải vì nền luân lý đó khích lệ thói ham làm giàu. Thực ra những con người sống hai ngàn năm trên ruộng đất chật chội như ở Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật thì tự nhiên họ phải tập được thói cần cù chịu khó, tự nhiên coi tiết kiệm và chuyên cần là các đức tính, không cần giáo lý nào khuyên bảo. Nhưng khi so sánh hai nước Trung Hoa và Nhật Bản, từ sau đại chiến thứ hai họ cùng bắt đầu tái thiết từ số không, mà kinh tế hai nước phát triển khác nhau, thì ta thấy với hai thể chế chính trị khác biệt, họ cũng sống trong các hệ thống luân lý khác hẳn nhau, một bên làm “đại cách mạng văn hóa vô sản”, bên kia ôn hòa giữ theo nếp cũ. So sánh Nam và Bắc Triều Tiên cũng có sự khác biệt như vậy. Bây giờ ta thử xem chính người Nhật giải thích hiện tượng kinh tế phát đạt ở xứ họ như thế nào?

Tinh thần tư bản Nhật

Trong cuốn “Tinh thần của kinh tế tư bản ở Nhật,” ông Yamamoto Shichihei đã trình bày nguồn cội tinh thần của nước Nhật thời nay (3). Ông trở lại gốc rễ văn hóa Nhật, hình thành từ thời đại Tokugawa (1603-1867), còn gọi là thời đại Edo, tên cũ của Tokyo. Yamamoto vốn là một người theo Thiên Chúa giáo, nhưng ông thấy cơ bản của sinh hoạt doanh thương của dân Nhật trong truyền thống Phật giáo và Khổng giáo, được phát huy trong thời đại Edo. Khác với các thời đại trước, khi người Nhật chỉ cố học theo Trung Hoa, hay thời Minh Trị họ cố bắt chước Âu Châu, và sau thế chiến thứ hai, mô phỏng Mỹ, trong thời đại Edo nền kinh tế, thương mại phát triển, mức sống dân chúng lên cao, giáo dục phổ cập hơn, và tư tưởng cũng nở rộ, làm nền tảng tinh thần cho dân tộc Nhật Bản thời hiện đại.

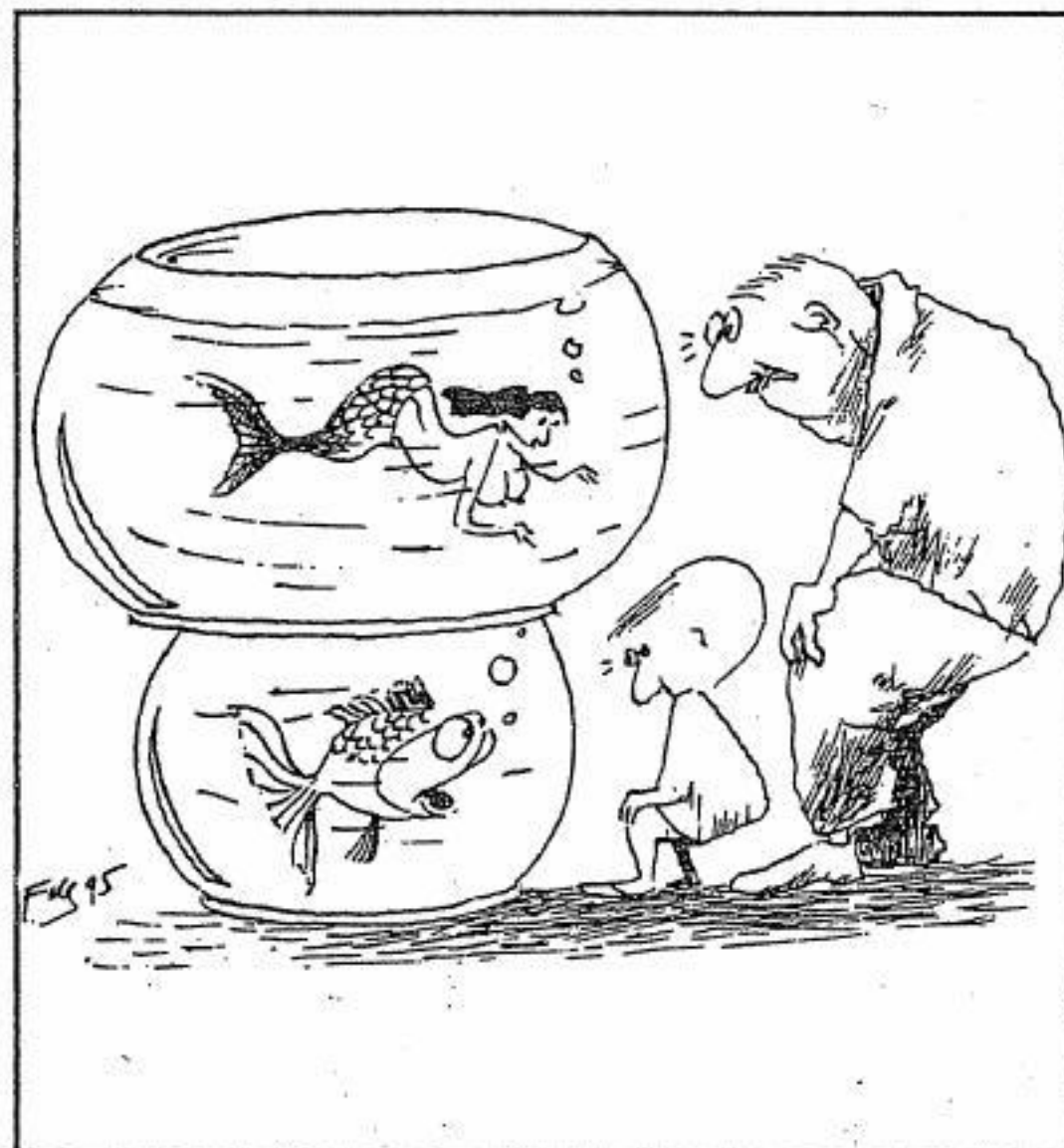
Xã hội Nhật thời đó cũng gồm “tứ dân”: sĩ, nông, công, thương, như ở Việt Nam, nhưng sĩ là võ sĩ (samurai). Trên bề mặt thì các samurai đứng hàng đầu, nhưng thương gia là tầng lớp năng động và có ảnh hưởng rất lớn trên xã hội. Họ cung cấp hàng hóa, cho các võ sĩ và cho các lãnh chúa vay tiền, họ tạo mãi đất đai. Yamamoto nhận thấy xã hội Nhật biết trọng thương mại từ thời đó, và nền kinh tế đã được tiền tệ hóa từ thế kỷ 15, 16.

Ông tìm lại nền tảng tư tưởng của giới kinh doanh Nhật ngày nay trong những tác giả thời Edo như Ishida Baigan, Suzuki Shōsan, Tominaga Nakamoto, hay Yamata Bantō.

Suzuki Shōsan gốc là võ sĩ, sống vào đầu thế kỷ 17. Năm 1620, dù làm trái luật của các võ sĩ, ông cạo đầu đi tu và trở thành một thiền sư từ đó cho tới năm 77 tuổi. Đạo đức học của Suzuki dựa trên căn bản Phật giáo và Tống Nho. Tác phẩm của ông, "Tứ Dân Nhật Dụng", đặt nền tảng trên ý tưởng: "Mọi nghề nghiệp đều là tu tập Phật Pháp, trong việc làm người ta chứng Đạo." Tư tưởng này vốn rất quen thuộc trong Thiền Tông theo truyền thống Huệ Năng (ngài thiền quán trong khi bồ cùi, quét nhà) hay Bách Trượng (vô tác bất thực, trong thiền viện ai không làm thì không ăn).

Suzuki đề cao chữ Tín trong Khổng giáo, và Tín Tâm trong Phật giáo. Ông nêu rõ các quy tắc luân lý cho giai cấp võ sĩ, rồi tới những quy tắc hành động của ba lớp dân kia, mà căn bản là việc tu tâm. Tác giả Yamamoto cho rằng do ảnh hưởng của Suzuki Shōsan mà các hoạt động nghề nghiệp, kinh tế của người Nhật đều thực hiện như kinh nghiệm tu tập thiền quán: "Dùng con mắt tôn giáo nhìn vào sự làm việc, chứ không phải nhìn vào sự nghèo khổ, đó là cơ sở của sự thành công kinh tế của dân Nhật." Ông còn nói với thính chúng Tây phương, hơi quá đáng, rằng muốn hiểu Thiền Tông thì hãy quan sát cách làm việc của một công ty lớn của Nhật! Nhưng chúng ta cũng có thể nhắc lại ý kiến của Schumacher, khi bàn về Chính Mệnh. Ông nói theo quan điểm kinh tế Phật giáo thì lao động không được coi chỉ là một "yếu tố sản xuất" mà lao động chính là sự thể hiện nhân tính, là kết quả của quá trình sản xuất. Quan niệm nhân bản này trả lời phần nào cả mối quan tâm của Hegel và Marx về hiện tượng vong thân trong đời sống kỹ nghệ.

Ishida Baigan (1685-1744) con nhà nông trung lưu nhưng gia đình thuộc giới võ sĩ nghèo, ông đi làm việc ở một nhà buôn trên tỉnh nhưng cũng là người rất ham đọc sách. Phát xuất từ giới nông dân và thương nhân, ông đã tìm học các vị thầy Nho giáo. Nhưng vị thầy ảnh hưởng tới ông hơn cả là thiền sư Oguri Ryōdun, do ông mà Ishida đã học được rằng "con người bản tính vô phân biệt". Năm 42-43 tuổi, Ishida mở một trường tư ở Kyoto và càng ngày trường càng đông môn sinh. Vì không có chế độ thi cử nên học sinh được giảng dạy rất tự do. Ishida đã tập thành những tư tưởng Phật giáo, Khổng giáo, Lão, Trang và Thần đạo. Ông và môn đệ giảng một đạo lý dựa trên "chân tâm" (honshin), đề cao tính căn cơ, tiết kiệm, và nhấn mạnh đến tính bình đẳng của mọi giới trong việc tu thân, mà ông cũng coi là tu tâm. Tư tưởng của Ishida ảnh hưởng đến cả giai cấp võ sĩ lẫn thương gia, tổng hợp đạo lý Nho gia, nền tảng Thiền Tông, để lập nên một nền đạo đức phù hợp cho cả những nhà công nghệ và thương nhân. Trong xã hội cổ truyền hai giới này bị coi thường, Ishida nêu lên tinh thần bình đẳng qua lời Khổng



tử trong Đại Học: "Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản."

Vào năm 1726 một thương gia làm tướng ở Osaka được phép mở học viện tư Kaitokudō lấy Tống Nho, Lý học của Chu Hi, với tứ thư ngũ kinh làm căn bản. Trường dạy đạo Trung, Hiếu làm đầu, thu nhận cả sinh viên không có tiền mua sách, và sinh viên có công việc cần được ra về giữa buổi học. Người tới học cũng không phải thi cử lấy bằng cấp hay nhận chứng chỉ ra trường. Quả là một không khí tự do giáo dục! Tới năm 1869 trường mới đóng cửa khi Minh Trị Thiên Hoàng cải tổ giáo dục quốc gia. Từ ngôi trường này có hai học giả được đào tạo trong tinh thần Tống Nho và Phật giáo là Tominaga Nakamoto (1715-46) và Yamagata Bantō (1748-1821). Họ đã trở thành những nhà tư tưởng ảnh hưởng lớn tới tinh thần người Nhật.

Trong không khí bao dung của thời đại đó, Tominaga đã phê phán một cách khoa học các văn bản kinh điển Nho, Phật và các huyền tích Thần đạo. Với tinh thần không nề chấp, ông tập thành các tư tưởng từ cả ba truyền thống. Điểm đặc biệt của ông là óc thực tế và thực dụng: "Phật, Nho, và Thần đạo đều có những dị điểm, người theo học phải cẩn thận, đừng để bị mê hoặc." Yamagata đã được học các vị thầy theo Tống Nho và có thể ông đã được đọc bản dịch Principia của Newton. Ông chủ trương nền luân lý dựa trên chữ Thành trong Trung Dung, giải thích gần với tư tưởng Thiền tông mà Suzuki nêu ở trên. Yamagata và một học giả đương thời, Kamata Ryūō là những người phát triển một tinh thần khoa học mà vẫn dựa trên Lý học của Chu Hi (1130-1200) đời Tống. Các ông đã bàn về thiên văn học, về nguồn gốc các chủng loại trước Darwin. Tominaga cùng thời Lê Quý Đôn

(1726-1784), còn Yamata cùng thời Phan Huy Ích (1750-1822) ở nước ta.

Khi tìm lại dấu vết của các hiền giả và các nhà tư tưởng trên, Yamamoto muốn chứng tỏ rằng sự thành công về kinh tế của dân Nhật không phải chỉ nhờ học theo Tây Phương, từ thời Minh Trị canh tân. Ông muốn cho ta thấy nền văn minh Nhật đã chứa sẵn các yếu tố tinh thần giúp họ bước vào thời đại công nghiệp một cách vững chãi. Vốn liếng tinh thần đó là Thiền Tông, luân lý Nho giáo, cộng thêm tinh thần phê phán và trọng thực tế có sẵn trong truyền thống tu tập của Phật giáo. Những vốn liếng đó phát huy được nhờ sinh hoạt kinh tế phát triển trong thời đại Edo, với một tình trạng hòa bình kéo dài sau thời nội chiến. Kinh nghiệm Nhật Bản chắc không phải nước nào ở Á Đông cũng trải qua.

Đạo lý và phát triển

Khi nhìn vào một nước đang phát triển kinh tế ai cũng thấy ngay nhiều thay đổi làm đảo lộn các trật tự tinh thần, các hệ thống giá trị. (Xem bài của giáo sư Tôn Thất Thiện trong số báo này.) Do hiện tượng này người ta hay bàn cách đối phó những vấn đề tiêu cực sinh ra do sự đối nghịch giữa nền đạo lý cổ truyền và đời sống kinh tế mới.

Danh từ Tư Bản Khổng Giáo thách thức chúng ta nhìn từ góc cạnh khác. Câu hỏi tích cực có thể đặt ra, là đạo lý Khổng Mạnh có các yếu tố nào phù hợp, hay hỗ trợ cho các hoạt động công nghệ và thương mại trong nền kinh tế tư bản hay không? Vấn đề không phải tìm một tương quan nhân quả giữa một bên là Luân lý Khổng giáo, bên kia là phát triển kinh tế. Cuộc va chạm Đông Tây buộc các nước Á Đông phải lo phát triển kinh tế, điều đó cũng xảy ra khắp thế giới, bất kể truyền thống văn hóa. Nhưng khi so sánh hiện tượng phát triển trong cùng những năm 1970-80, người ta thấy các nước Á Đông phát triển nhanh hơn các nước Nam Á hay Châu Mỹ La Tinh. Như vậy chắc hẳn có các đặc điểm của xã hội của họ phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường, giúp nền kinh tế các xứ đó tiến mau hơn. Khi so sánh các nước Á Đông với lục địa Trung Hoa và Việt Nam, nơi Khổng giáo bị coi là phản tiến bộ, chúng ta mới thấy rõ là truyền thống Khổng Mạnh có nhiều yếu tố tích cực, phù hợp với tác phong kinh tế của thời kỳ phát triển.

Luân lý đạo Khổng chú trọng tới tương giao xã hội. Tuy tu thân là điểm xuất phát của đạo lý, nhưng các nhà Nho đề cập tới việc tu thân trong mục đích điều hợp xã hội: Tu, Tề, Trị, Bình. Khổng Tử nói về đời sống hơn về sự chết, nghĩ đến con người hành động trong xã hội nhiều hơn con người đơn lẻ đối diện với cõi vô biên. Khổng Tử đề cập tới liên hệ kinh tế và đạo lý một cách rõ ràng nhất khi nói: “Bang hữu đạo, bản khả tiện yên, sĩ dã; bang vô đạo, phú thả quý yên, sĩ dã” — Nước có đạo mà mình nghèo hèn thì đáng xấu hổ; nước vô đạo mà mình phú quý thì đáng xấu hổ (VIII-14).

Trong tinh thần thực dụng và chú trọng đến quan hệ xã hội đó, nền giáo dục đạo Khổng đề cao chữ TÍN. Tín là một đức tính duy trì những tương quan xã hội văn minh. Người ta có thể đối đãi với nhau trong tinh thần trọng pháp luật để duy trì trật tự chung, nhưng muốn xã hội điều hợp và có tính người thì cần những ràng buộc ngoài cao hơn luật pháp, như danh dự, tín nghĩa. Trong đời sống kinh tế thị trường chữ Tín là một điều kiện rất quan trọng. Kinh tế thị trường hoạt động được nhờ nhiều người hợp tác trong các công ty, tổ hợp, v.v. rồi ký hợp đồng làm ăn buôn bán với các cá nhân hay công ty khác. Những tương quan kinh tế đó không thể hình thành, không thể phát triển nếu không có chữ Tín, nhất là ở các nước còn chưa mở mang.

Luật pháp có ràng buộc cũng không thể khiến người ta hết lòng tôn trọng các giao kèo, nếu họ không tâm niệm rằng danh dự của mỗi người còn hay mất là do người đó giữ chữ Tín hay không. Chữ Tín không chỉ là một giá trị luân lý cá nhân mà chính là một giá trị đã được “xã hội hóa”. Khi hai đơn vị kinh tế ký một giao kèo làm ăn, họ không phải chỉ cân nhắc các ràng buộc pháp lý, mà còn biết họ được cả hệ thống luân lý của xã hội chung quanh đứng bảo đảm, bắt hai bên phải tôn trọng giao kèo. Xét trên tiêu chuẩn kinh tế thì loại bảo đảm đó, tuy không chính xác như các giao kèo bảo hiểm rủi ro, khi tính chung cho tất cả giới kinh doanh và tất cả xã hội thì “rẻ hơn” là khi mỗi người phải đi mua bảo hiểm riêng. Dùng danh từ Kinh tế học, người ta gọi hệ thống giá trị đó là một “tiện ích chung” (public goods) mà ai cũng được hưởng, giống như xa lộ hay các bản tin tiên đoán thời tiết.

Điều này ở các nước chưa mở mang càng cần thiết. Tại các nước chưa quen sống dân chủ, hệ thống pháp lý còn lỏng lẻo, “Nén bạc đâm toạc tờ giấy”, lòng tín nhiệm càng có giá trị kinh tế cao hơn. Khi người ta biết rằng cơ cấu luật pháp không đủ bảo đảm cho việc thi hành các hợp đồng thì họ biết còn có thể dựa vào đạo lý của xã hội như một bảo đảm cho việc cộng tác làm ăn. Khi mọi người cùng học thói quen giữ danh dự, trọng tín nghĩa thì họ có một thứ mà Kinh Tế Học bây giờ gọi là “Hợp đồng ngầm” (Implicit Contract). Đó là một ý niệm hiện nay hay được dùng để nghiên cứu Lý Thuyết Trung Gian Tài Chánh (Financial Intermediation) và Kinh tế Nhân Dụng (Labor Economics).

Huyết mạch của nền kinh tế tư bản là hệ thống tài chánh mà quan trọng nhất trong đó là hệ thống tín dụng. Ngân hàng, thị trường chứng khoán thành bại khi người ta có tin nhau làm ăn sòng phẳng hay không. Lòng tin và sự cộng tác là những vốn chung của xã hội không thuộc về một ai, mà ai cũng được hưởng. Đó là vốn đầu tư công cộng rất lớn. Tạo ra vốn đòi hỏi thời gian và cả xã hội cùng tạo tác, mà khi đã có vốn rồi thì kết quả đầu tư rất lâu dài. Xây dựng hạ tầng cơ sở kinh tế mất năm mươi năm, xây dựng lòng tín nhiệm trong xã hội phải mất một thế hệ, nếu có quyết tâm chung. Khi một chế độ

chính trị phá bỏ hệ thống luân lý đó là họ phá cả một di sản kinh tế chứ không phải chỉ làm mất gia tài tinh thần.

Cho nền Tín Nghĩa chính là một nền tảng cho sự phát triển. Một xã hội không có tín nghĩa thì rất khó phát triển. Khổng Tử nói “Dân vô tín bất lập” (XII-7): Nhân dân không có lòng tin nhà cầm quyền thì chế độ không đứng vững. Chúng ta có thể hiểu là nếu trong nhân dân không có lòng tin cần lẫn nhau thì nền kinh tế không thể phát triển được.

Giáo dục và điều hợp xã hội

Khi phân tích sự phát triển của các nước Á Đông, các tác giả thuộc Ngân hàng Thế giới ghi nhận hai đặc điểm, là họ chú trọng vào giáo dục, đào tạo, và họ san sẻ đồng đều các thành quả, phân bố lợi nhuận công bằng (4).

Nền văn hóa Á Đông tôn trọng học vấn, đó là điều ai cũng công nhận. Từ đó có một biến thái xấu là óc ham chuộng bằng cấp và hư văn mà có lẽ nước Nhật tránh được dễ hơn vì thời xưa họ không lập ra chế độ thi cử như ở Tàu và Việt Nam. Một phần vì thế Nhật dễ thích ứng hơn các nước kia khi bước vào thời hiện đại. Các nước kia bị tinh thần nệ cổ, chuộng hư danh ngăn trở. Nhưng nền giáo dục mới hướng về thực dụng, việc ganh đua học hành giờ chỉ là một ưu điểm. Công nhân có học vấn phổ thông là một tài nguyên rất quý trong sự phát triển kinh tế. Khi gạt bỏ được óc chuộng hư danh rồi thì truyền thống khích lệ sự học của Khổng giáo trở nên một động cơ phát triển.

So sánh ngân sách giáo dục các nước Á Đông với Nam Á và châu Mỹ La tinh, bản báo cáo của Ngân hàng Thế giới nhận thấy các nước Á Đông đầu tư về lượng cũng ngang nhiều nước (khoảng 3% tới 5% TSLQG). Nhưng sự khác biệt là ở Á Đông ngân sách giáo dục tiểu học chiếm tỷ lệ quan trọng hơn ở các nước kia. Giáo dục tiểu học phổ cập thì trẻ em thuộc tầng lớp xã hội nào cũng được hưởng. Trên tiêu chuẩn kinh tế, đó lại là việc đầu tư có hiệu suất cao hơn đầu tư vào bậc đại học mà thường giai cấp thượng lưu được hưởng nhiều hơn. Nhìn vào sự phân bố ngân sách giáo dục thấy ở Á Đông con nhà nghèo, nông dân cũng đòi hỏi và được hưởng nền giáo dục căn bản bậc tiểu học. Tinh thần “Hữu giáo vô loại” (XV-38) của Khổng Tử, giáo dục không phân biệt các loại người sang hèn, vẫn được thể hiện.

Giáo dục là một phương tiện tạo cơ hội đồng đều cho nhiều lớp dân, nhờ thế xã hội được điều hợp. Nền kinh tế được quản trị bởi một tầng lớp chuyên gia có cơ hội thăng tiến như nhau, do khả năng chứ không phải do liên hệ thân tộc hay đảng phái chính trị, đây cũng là một điều kiện cho sự phát triển. Nói chung đây là những xã hội mà khả năng nghiệp vụ coi trọng hơn liên hệ chính trị (chuyên hơn hồng).

Max Weber cũng là một người đầu tiên phân tích guồng máy quản trị, gọi bằng từ “bureaucracy” (hệ thống hành chánh). Chuyên nghiệp hóa

ngành quản lý với các quy luật và kỹ năng riêng, tưởng thưởng nhân viên dựa theo khả năng, tính trung lập của guồng máy quản lý đối với các xung đột quyền lợi cá nhân về kinh tế và chính trị, đó là những đặc điểm của “bureaucracy” theo phân tích của Weber. Đó cũng là những điều kiện cần thiết của việc quản lý kinh tế vĩ mô hữu hiệu. Những học giả Tây Phương đều công nhận rằng “bureaucracy” không phải được sáng chế dưới thời Napoléon ở Pháp mà thực ra đã phát sinh từ Trung Hoa, trong nền cai trị theo mô thức Khổng giáo. Hệ thống quản lý hành chánh trong mô thức đó dựa theo khả năng khi tuyển thí và thăng cấp (meritocracy), có tính cách trung lập giữa các quyền lợi kinh tế khi cố đạt lý tưởng công bằng, pháp bất vị thân.

Một đề tài về kinh tế đang phát triển là làm sao “trung lập hóa” bộ máy công quyền, để họ không thuộc phe nhóm tài chính và kinh tế nào. Đây không phải là một vấn đề đạo đức mà chính là một vấn đề kinh tế. Bộ máy quản lý càng có tính trung lập thì kinh tế càng phát triển nhanh nhờ tài nguyên phân bố đúng hơn, như một bộ máy không dễ năng lượng bị hao phí. Thí dụ quyết định xây một đập nước, mở một tuyến dây điện cao thế phải được cân nhắc theo tiêu chuẩn kinh tế hơn là tiêu chuẩn chính trị. Bản báo cáo của NHTG về các nước Á Đông gọi vấn đề này là “Insulating the Economic Technocracy”, khả năng để guồng máy viên chức kinh tế có thể độc lập, không bị áp lực của các nhóm quyền lợi tư, nhất là áp lực đảng phái chính trị. Hồng Kông được coi là đạt tới mức độc lập cao nhất, vì các công chức cao cấp “người ngoài” từ Anh quốc cử sang không bị ràng buộc từ gốc rễ vào các nhóm ảnh hưởng ở địa phương. Nhật Bản cũng có những viên chức hành chánh khá độc lập nhờ bộ máy công quyền rất có thể lực, mạnh hơn cả các nhóm chính trị, cho nên họ không sợ các áp lực đảng phái. Nền giáo dục theo luân lý Khổng giáo tạo nên một xã hội với hệ thống giá trị tương ứng, là khung cảnh tinh thần thuận tiện cho một guồng máy quản lý kinh tế hữu hiệu.

Bản báo cáo của NHTG ghi nhận năm nước Á Đông đã đạt tới những bộ máy quản lý kinh tế có khả năng và trong sạch nhờ hệ thống tuyển mộ, tưởng thưởng theo khả năng, lương bổng và hưu bổng đủ cao, có thể cạnh tranh với lãnh vực tư. Một bộ máy hành chánh thanh liêm thì có ích dụng cho nền kinh tế hơn, do đó cũng xứng đáng được trả lương cao hơn. Dùng cách tăng lương công chức để giúp họ thanh liêm có khi rẻ hơn là lập thêm cả một guồng máy “chống tham nhũng” để kiểm soát họ. Khi tường thuật cuộc cải tổ hành chánh, chống tham nhũng của Phác Chính Hi ở Đại Hàn người ta ghi nhận ảnh hưởng tốt của luân lý Khổng giáo trên viên chức hành chính.

Văn hóa và kinh tế

Vào đầu thế kỷ 20 cả Trung Hoa lẫn Việt Nam đều có một phong trào bài xích Khổng giáo, vì hệ tư tưởng này bị đồng hóa với sự trì trệ của các xã



hội Á Đông. Tống Nho bị đả kích nặng nề, coi như chịu hết trách nhiệm. Nhưng hơn nửa thế kỷ sau, nền luân lý đó lại được coi là nền tảng cho những xã hội đầy sức sống. So sánh với các xã hội khác cùng bước vào thời hiện đại ở thế kỷ này, sống trong những truyền thống tinh thần khác, các xã hội Khổng giáo thực đã chứng tỏ có sức mạnh. Có thể kết luận rằng kinh tế thị trường đã nhờ đạo lý Khổng Mạnh mà phát triển ở các nước Á Đông.

Kinh tế thị trường phát triển khi mọi người cạnh tranh theo đuổi tư lợi. Nó dựa trên lòng tham và óc tranh đua. Trong khi đó xã hội muốn tiến phải kiểm chế tính tham lam vị kỷ, và khuyến khích sự điều hợp, cộng tác. Bí quyết của hệ thống gọi là tư bản là nó tạo cơ duyên đưa năng lực của mọi người khi lo tìm lợi riêng lại góp phần làm gia tăng phúc lợi chung. Bằng cách nào mà những cá nhân chăm chăm lo lợi cho riêng mình lại có thể thúc đẩy cho cả cộng đồng tiến tới, đó là sức mạnh của hệ thống gọi là tư bản. Nhưng thị trường chỉ là một bộ phận trong hệ thống đó, như bộ máy chỉ là một phần của cái xe. Hệ thống kinh tế tư bản, nói như Karl Marx, còn phần "thượng tầng kiến trúc" nữa.

Sức mạnh thị trường không biểu hiện được nếu ta hành sử quyền tự do trong tinh thần rùng rú, thuần túy mạnh được yếu thua. Hệ thống thị trường không tự phát sinh ra trong trống rỗng mà đã phát sinh từ các xã hội sẵn có truyền thống đạo lý. Hệ thống đạo lý có sẵn trở thành nền tảng cho thị trường hoạt động. Robert Heilbroner tự hỏi: "Liệu chúng ta có thể điều hành một hệ thống thị trường nếu không có Tính Thành Thật như một đặc tính xã hội hay không?" (5) Nếu có thì chắc hệ thống này không phải là những thị trường có hiệu quả cao như đã thấy.

Thử tưởng tượng khi làm ăn mà luôn luôn phải nghĩ những người đối tác với mình chỉ toàn người

gian dối. Khi đó chỉ có hai cách trị. Một là dùng bạo lực kiểu băng đảng mafia để dọa. Hai là dùng bạo lực chính thống, nghĩa là xã hội phải đặt ra nhiều luật lệ hơn, nhiều tòa án, nhà tù và luật sư hơn, và nhiều cảnh sát công an hơn. Nói chung là sẽ tốn kém cho toàn thể xã hội hơn, vì nhiều tài nguyên phải đem phân bổ vào các hoạt động không mang lại phúc lợi cao nhất cho nhiều người nhất. Ví thử lương bổng của tất cả những quan tòa, luật sư, cảnh sát thặng dư đó được trả cho những ca đoàn, họa sĩ, thợ trồng hoa thì xã hội nhận được nhiều phúc lợi hơn. Người đã từng sống trong các xứ nuôi quá nhiều công an tất hiểu luận điểm này dễ dàng. Vì vậy đối với toàn thể xã hội, đức thành thật có giá trị kinh tế.

Nói chung, kinh tế thị trường như một bộ máy đem sử dụng ở các nước đã có các truyền thống đạo lý sẽ nhờ nền tảng đạo lý mà hoạt động hữu hiệu hơn. Thiếu nền tảng kiên cố thì bộ máy đó vẫn chạy nhưng hao tổn tài nguyên qua các chi phí "tiêu cực". Một nước đã phá hủy nền đạo lý cổ truyền mà chưa dựng nên được nền đạo lý mới thì phải tốn rất nhiều phí phạm tiêu cực.

Hiện nay người ta đã đồng ý rằng không phải chỉ có một mà nhiều "chế độ tư bản". Một tác giả Pháp đặt tên cuốn sách của ông là "Tư Bản Chống Tư Bản" để phân biệt mô thức Anh-Mỹ với mô thức Đức-Nhật (6). Một người Nhật viết cuốn "Vượt Tư Bản" để sau đó khiêm tốn hơn, nhận rằng nước ông theo "Chủ nghĩa Tư Bản kiểu Nhật" (7). Chữ Chủ nghĩa Tư Bản nói chung không còn ý nghĩa cụ thể, vì có nhiều thứ tư bản quá, và chắc sẽ còn các kiểu mới sắp ra đời.

Hiện tượng phát triển kinh tế đã xảy ra ở các nước tiền tiến là sự chuyển hóa của các xã hội trên mặt mưu sinh để tự tồn tại. Nếu chúng ta dùng đơn vị "nền văn minh" (một thời thượng) thì có thể nói các nền văn minh của loài người trong mấy thế kỷ vừa qua đã dùng cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật, và kinh tế thị trường để tồn tại trước đe dọa của nạn nhân mãn, bệnh dịch và nạn đói. Nền văn minh tồn tại nghĩa là có khả năng duy trì các "tế bào văn hóa cơ bản có tính di truyền". Thí dụ hệ thống giá trị luân lý, sự ổn định của cơ cấu xã hội căn bản, nếu mất đi thì nền văn minh tạo ra chúng bị suy diệt. Theo cách nhìn đó thì các nền văn minh Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Phật giáo hay Khổng giáo đều có cách sử dụng kinh tế thị trường để tồn tại theo lối riêng của họ. Điều đó cho thấy kinh tế thị trường có thể đi đôi với nhiều hệ luân lý khác nhau, miễn là nền luân lý đó đủ tính uyển chuyển và cởi mở để thích ứng với khung cảnh sống mới mà không bị hủy diệt.

Nói như vậy nghĩa là "Kinh Tế Thị Trường Theo Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa" cũng là một ý niệm không phải tự nó là vô nghĩa. Để cho ý

niệm đó hoàn toàn có nghĩa, những người chủ trương cần làm hai việc.

Thứ nhất là họ hãy tạo nên một nền đạo lý mang đặc tính xã hội chủ nghĩa, dựa trên Mác và Lênin. Người ta đã thử từ năm 1917 ở Nga và 1950 ở Trung Quốc mà vẫn chưa thiết lập được một "nền luân lý xã hội chủ nghĩa". Thật khó phát triển một nền đạo đức dựa trên đấu tranh, căm thù, dùng bạo lực và che dấu sự thật. Phần lớn các nền đạo lý trên thế giới xây dựng trên tình thương yêu và sự hiểu biết mới tồn tại lâu dài.

Điều thứ hai họ cần làm là bảo đảm rằng nền đạo lý xã hội chủ nghĩa phù hợp với sự vận hành của kinh tế thị trường. Thiên chúa giáo ở Âu Châu, Khổng giáo và Phật giáo ở Á Đông đã chứng tỏ có thể thích nghi với đời sống kinh tế mới. Nhờ các nền đạo nghĩa đó loài người bước vào thời kinh tế thị trường một cách vững chãi. Nghĩa là loài người không bị cơ chế đó biến thành các con vật kinh tế thuần túy, mà ngược lại chính cơ chế thị trường được nền đạo nghĩa chuyển hóa. Cũng như thay vì con vật kinh tế làm chủ người thì chính người thuần hóa và sử dụng nó.

Sự thành công của các nước Á Đông chứng tỏ nền văn minh cổ truyền ở đó có khả năng sử dụng bộ máy kinh tế thị trường. Trung Quốc và Việt Nam tách rời khỏi truyền thống và bị vượt qua. Khi các nhà trí thức Nhật tìm cách xác định chế độ kinh tế của họ là "vượt tư bản" họ chứng tỏ việc thuần hóa con thú còn đang diễn ra. Đã có truyền thống nào tự nhận là hoàn toàn thuần hóa được con thú

đó đâu? Hiện nay có nhiều dấu hiệu chứng tỏ hai dân tộc Trung Hoa và Việt Nam cùng tìm đường trở lại. Nếu họ rước "con khủng long kinh tế" đó vào nhà mà không có đạo lý để thuần hóa thì rất nguy hiểm. ■

Chú thích:

1- Đoạn trích từ kinh thánh Tê xa lô ni ca (3:7-12) là bản dịch Kinh Thánh Tân Ước do Tòa Tổng Giám Mục Sài Gòn ấn hành năm 1994. Các dịch giả là Nhóm phiên dịch các giờ kinh phụng vụ.

2- Lời Khổng Tử trích trong Luận Ngữ, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Nghệ. Số La mã là số thứ tự của chương, số Ả rập là số thứ tự của câu trong chương. Lời Mạnh Tử từ sách Mạnh Tử, chương Lương Huệ Vương, câu thứ tư.

3- The Spirit of Japanese Capitalism của Yamamoto Shichihei, bản tiếng Anh do Madison Books xuất bản, London, 1992. Tác giả vốn là một chủ nhân và nhà quản đốc xí nghiệp, nguyên trung úy trong quân đội Thiên hoàng.

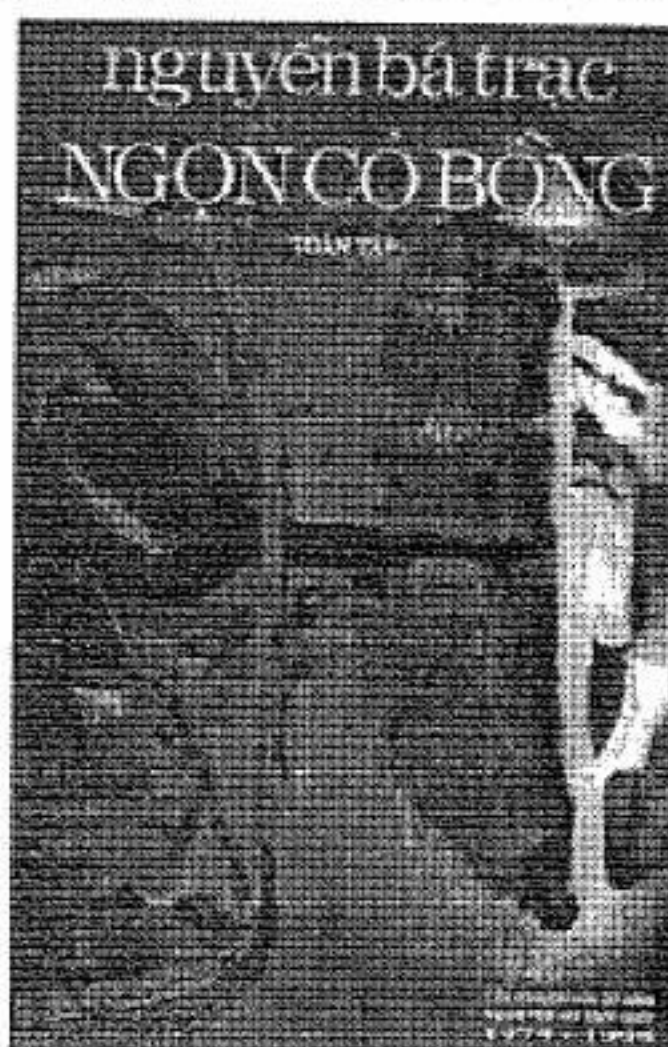
4- The East Asian Miracle do Ngân Hàng Thế Giới và Oxford University Press xuất bản, 1993.

5- Heilbroner, Robert, Twenty-first Century Capitalism, Anansi xuất bản, 1992, câu trích dẫn ở trang 12.

6- Michael Albert, một nhà tài chánh làm hăng bảo hiểm ở Pháp viết cuốn "Capitalisme contre Capitalisme" sau khi cộng sản ở Đông Âu sụp đổ, so sánh Tư bản kiểu Anh-Mỹ và kiểu Bắc Âu-Nhật.

7- Sakakibara Eisuke viết "Beyond Capitalism-The Japanese Model of Market Economics, University Press of America, 1993. Bản tiếng Nhật xuất bản năm 1990. Tác giả là một viên chức cao cấp bộ Tài chính Nhật.

Tìm Đọc Hai Tác Phẩm Của Nguyễn Bá Trạc



Ngọc Cỏ Bồng Toàn Tập (500 trg, \$16 Mỹ Kim) : Câu chuyện 20 năm của người Việt rời bỏ nước, được kể bằng mọi hình thức: văn, thơ, thư từ. Mộc mạc và lãng mạn. Cười cợt với đau thương.

Nước Mắt Trước Con Mưa (600 trang, \$20 Mỹ Kim): Sử liệu phỏng vấn về sự sụp đổ Miền Nam Việt Nam. Bản dịch từ Nguyên tác Anh Ngữ của Larry Engelmann với 71 câu chuyện sau khi phỏng vấn trên 300 người, Việt lẫn Mỹ, kẻ thắng lẫn người bại.

Đã Có Bán Tại Các Tiệm Sách

ĐẠO LÝ VÀ VẤN ĐỀ “CŨ, MỚI” TRONG CÔNG CUỘC KIẾN THIẾT XỨ SỞ

TÔN THẤT THIÊN

Dùng bạo lực để đối xử với nhau chỉ có thể tạo ra thú vật mới chứ không thể tạo ra con người mới. “Cái mới” thiết yếu nằm trong “cái cũ”.

Một vấn đề đã đặt ra từ 100 năm

Trong những vấn đề mà những người Việt muốn kiến thiết xứ sở gặp phải có vấn đề đạo lý. Vấn đề này không thể tránh được vì Việt Nam ngày nay đang là một quốc gia lâm vào tình trạng hỗn loạn, thoái hóa và băng hoại, một xã hội bị xáo trộn và mất hướng. Nguyên nhân của tình trạng này là hai cuộc chiến tranh quá khốc liệt và quá trường kỳ, và một cuộc cách mạng xã hội quá độ, điên cuồng mù quáng không những đã làm sụp đổ toàn bộ thượng tầng kiến trúc của quốc gia mà còn làm tan rã trầm trọng hạ tầng cơ sở của xã hội. Vì vậy xây dựng lại hạ tầng cơ sở là ưu tiên số một của mọi kế hoạch kiến thiết. Hạ tầng cơ sở có vững thì xã hội mới vững; xã hội có vững thì mới an; xã hội có an thì quốc gia mới tồn, và quốc gia có tồn thì quốc dân mới tiến được.

Trong sự xây dựng lại cơ sở xã hội, đạo đức và tinh thần đương nhiên chiếm phần chính. Nhưng giá trị đạo đức và tinh thần nào? giá trị cũ, hay giá trị mới? Câu hỏi cần được trả lời chính xác. Thực ra nó không phải là mới. Nó đã được đặt ra từ một trăm năm nay rồi, từ sau khi những phong trào Cần Vương, Phan Đình Phùng, Tôn Thất Thuyết-Hàm Nghi, và Trần Cao Vân-Duy Tân thất bại nặng nề và thê thảm. Những thế hệ trưởng thành sau Thế giới chiến I quan niệm rằng thế hệ trước họ thất bại vì đã theo những giá trị “cũ” của Nho giáo, cho nên muốn thành công trong công cuộc giải phóng xứ sở phải bỏ “cái cũ” đó và áp dụng “cái mới”. Những khẩu hiệu như “duy tân”, những danh từ như “tân thời”, “mô đéc” (moderne), “hủ lậu”, “xưa”, tôi đã được nghe rất thường lúc tôi còn đánh đáo và nhảy cò cò. Nhưng nay, sáu mươi năm sau, tôi lại được nghe những danh từ tương tự: “cởi mở”, “đổi mới”, và dưới hình thức tiếng Tàu: “khai phóng”, “cải cách”, tiếng Nga: “glasnost”, “perestroika”, hay tiếng Anh: “openness”, “re-structuraton”.

Như vậy, không phải dân Việt chúng ta mới có vấn đề này. Dân Nga, dân Mỹ, và nhiều dân khác

trên thế giới cũng đang đặt vấn đề “cũ”, “mới”, không những chỉ về kinh tế, mà còn cả về chính trị và xã hội, trong đó có vấn đề đạo lý và tinh thần. Người Nga, cũng như người Mỹ, bàn luận rất nhiều về vấn đề “trở lại những giá trị cổ truyền”. Không khác gì người Việt, họ phải đặt vấn đề giá trị đạo lý và tinh thần, vì đây là một vấn đề tiên quyết trong công cuộc xây dựng một xã hội lành mạnh vĩnh cửu.

Vấn đề tiên quyết trên đây tóm tắt trong mấy câu: 1/ xác định những nhu cầu “mới” là gì? 2/ căn cứ trên sự xác định đó, xét lại những giá trị tinh thần và đạo đức của dân tộc và quyết định giá trị nào còn thích hợp, giá trị nào không (hoặc hết) thích hợp? 3/quyết định phá hết cái cũ để xây dựng cái hoàn toàn mới, hay chỉ sửa chữa lại những gì cần sửa chữa, giữ lại những gì còn giữ được, và xây thêm những gì cần phải có thêm? Phần nhiều “những gì” này thuộc về lĩnh vực văn hóa, đạo lý và tinh thần, đã được dân chúng áp dụng rất lâu nên đã thành giá trị truyền thống ăn sâu vào tư tưởng và nếp sống của cộng đồng, có thể nói là đã thành nét tăt của đại chúng. Vì vậy chủ trương bỏ truyền thống thường gây chống đối, ít nhất là trong giai đoạn đầu.

Nhưng ngày nay, nhờ những sự xáo trộn đã xảy ra trong hai mươi năm qua, nhờ sự thất bại ngoạn mục của “cách mạng”, nhờ có hàng triệu người đủ các giới đã có cơ hội sinh sống ở nhiều nước và được tiếp xúc với những xã hội mà nền văn minh không những rất khác mà có vẻ tiến bộ hơn xã hội Việt Nam, nhờ những phát minh kỹ thuật, nhất là kỹ thuật truyền tin, nên sự bám víu vào “cái cũ” không còn mạnh như trước nữa, và sự chấp nhận “cái mới” tương đối dễ dàng hơn.

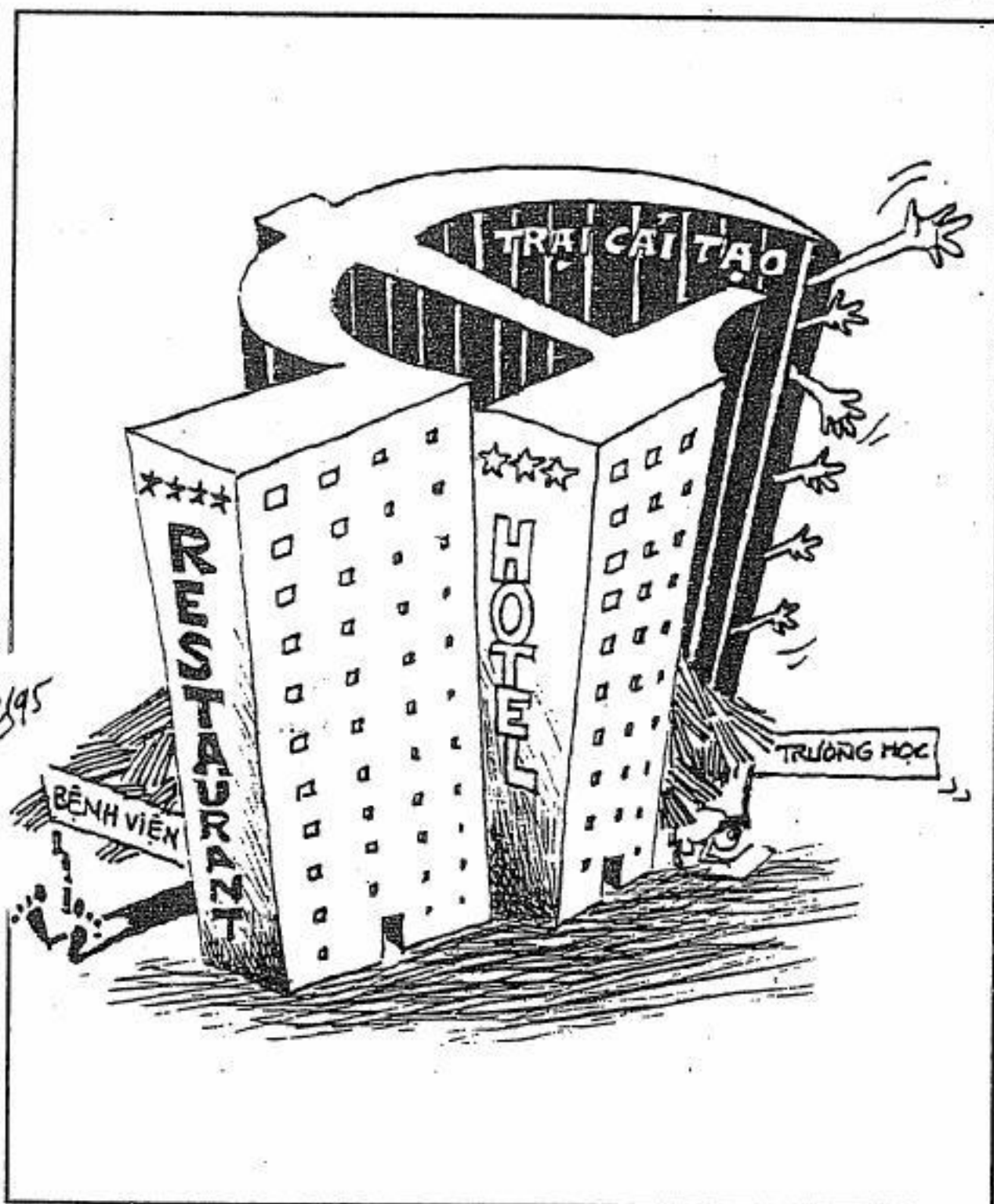
Giữ lại những gì? loại bỏ những gì?

Tuy nhiên, nếu xây dựng những cái mới là một vấn đề tương đối dễ giải quyết vì những cái mới phần lớn dễ nhận diện và có tính cách kỹ thuật, bỏ cái cũ là một vấn đề phức tạp hơn. Nó đòi hỏi phải giải đáp hai câu hỏi: 1/giữ lại những gì? 2/giữ lại hay loại bỏ đến mức nào?

Giữ lại những gì, loại bỏ những gì và đến mức nào là những câu hỏi rất khó giải đáp dứt khoát. Nó đòi hỏi một trình độ trí tuệ và kiến thức rất cao.

Những người làm việc này phải là những người biết tường tận đâu là gốc, đâu là ngọn của vấn đề, phải làm cái gì trước, cái gì sau; biết đâu là đúng mức, phải đi đến đâu, phải dừng lại ở đâu, đừng có nhiều quá (thái quá) mà cũng đừng có ít quá (bất cập). Trong Nho giáo, những câu hỏi này được lấy làm chủ đề cho hai quyển trong bốn quyển sách giáo khoa (*Tứ thư*) của các thế hệ trước: *Đại học*, mà đề tài là: “tri bản, mật”, “tri chung, thủy”, và *Trung dung*, mà đề tài là: không “thái quá”, không “bất cập”. Chỉ có những người ở cấp “đại học”, cấp “quân tử”, có đủ tư cách và khả năng để “trị quốc”, mới làm được việc đó. “Tiểu nhân”, bản lĩnh tầm thường, tư tưởng hẹp hòi, kiến thức ít, không phân biệt được lớn nhỏ, chỉ cái lợi trước mắt, không làm được việc đó: “Tiểu nhân phản trung dung!”

Vấn đề “tri bản” và “trung dung” trên đây không phải là một vấn đề mới và riêng của Việt Nam. Nó đã được đặt ra từ hơn một thế kỷ, và gây tranh luận rất gắt gao trong các giới trí thức Trung Hoa và Nhật Bản vào những thập niên của cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, và lại được đặt ra từ cuối Thế giới chiến I. Tất nhiên những sĩ phu Việt Nam từ trước Thế giới chiến I, theo gót sĩ phu Tàu và Nhật, cũng đặt vấn đề một cách tương tự. Vấn đề này liên quan đến chữ “lý”. Câu hỏi căn bản là: Một khi đã nhận thức được sự quan trọng của chữ “lý”, phải hiểu “lý” là thế nào? Tàu và Nhật đã đưa ra những giải đáp khác nhau dẫn đến những giải pháp khác nhau, với những hậu quả hoàn toàn khác nhau.



Sĩ phu Trung Hoa, và theo đuôi họ, sĩ phu Nho học Việt Nam, thậm chí suy diễn méo mó về tư tưởng Khổng tử của Tống Nho, quan niệm “lý” chỉ có thể là “đạo lý”, cái “lý” của “đạo”, và “đạo” đây là “đạo đức”. Do đó, họ chỉ loay hoay trong việc mình giải cái “lý” của đạo đức, và không để ý đến cái “lý” của sự vật và cái “đạo” của thiên nhiên, hiểu theo nghĩa “quy luật” về biến hóa và phát triển của sự vật, nghĩa là theo nghĩa của khoa học thực nghiệm. Họ đã “dốt”. Cái “dốt” đó là không biết, không hiểu rằng phát triển khoa học là điều kiện căn bản của mọi cuộc canh tân, nghĩa là của phú cường. Họ đã không nhận diện được chính xác vấn đề căn bản. Vì vậy, họ đã cực lực bác bỏ những cái mới, ra sức duy trì những cái cũ. Sự kiện này là nguyên do chính của tình trạng trì trệ của hai nước trong hơn 100 năm, với hậu quả là vong quốc, lạc hậu và nghèo nàn.

Trong khi đó, trí thức Nhật hiểu được rằng “lý” phải áp dụng vào cả đạo lẫn vật. Họ phân biệt được *dori* (đạo lý) và *butsurei* (vật lý), và quan trọng hơn nữa, họ coi hai lãnh vực này quan trọng bằng nhau, và cần phát triển đồng đều. Hậu quả là họ vừa duy trì và phát huy những truyền thống đạo lý tinh thần của Nhật và Đông phương vừa thiết lập và phát triển một hệ thống giáo dục mới, đặt nặng khoa học thực nghiệm, với những phương pháp quan sát, phân tích, suy tư khách quan. Nhờ đó họ có khả năng giải quyết đúng (nghĩa là đáp ứng đòi hỏi của thực tại) mọi vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội, kể cả sự chấp nhận những mô thức dân chủ trong sinh hoạt chính trị. Cho nên Nhật đã thành công rực rỡ và đã canh tân được xứ sở và trở thành một quốc gia phú cường.

Đối với một số quốc gia, đặc biệt là những quốc gia tự hào là “cách mạng” theo chủ nghĩa xã hội mô hình mác lê đang nỗ lực “canh tân” và “đổi mới”, nguy cơ ngày nay là trong sự “canh tân” và “đổi mới” này họ đang phạm một sai lầm vĩ đại. Sai lầm này đã gây nhiều tai hại, và còn gây nhiều tai hại nữa trong tương lai. Đó là họ quên mất “tri bản” và “trung dung”, đã “quá chi” về *butsurei*, và “bất cập” về *dori*. “Đổi mới” của họ đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế, coi nhẹ vấn đề đạo lý, và phủ nhận nhu cầu cải tổ mô thức sinh hoạt chính trị theo chiều hướng dân chủ.

Bài này không bàn đến các khía cạnh kinh tế và chính trị. Nó chỉ chú tâm vào khía cạnh đạo lý. Yếu tố này là yếu tố quan trọng nhất của một xã hội lành mạnh có cơ năng phát triển lớn, nhưng trong chế độ xã hội chủ nghĩa hiện tại nó lại bị coi thường. Không phải là các ông lãnh tụ hiện tại của ĐCSVN không hề nói đến vấn đề

này. Ông Đỗ Mười có đề cập đến việc “giáo dục nếp sống đạo đức và phong cách ứng xử có văn hóa cho mọi người”, kiên quyết “chống những hành vi thô bạo, lai căng phản văn hóa, phi đạo đức và nhân tính thuần phong mỹ tục” và “phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc ta.” Ông Võ Văn Kiệt cũng có nói đến con người Việt Nam có “nền tảng văn hóa và giáo dục, cần cù, hiếu học, giàu lòng nhân nghĩa.”

Tuy nhiên, những điểm trên đây chỉ được đề cập đến trong mấy chữ trong những bài diễn văn dài hàng mấy ngàn, hoặc mấy chục ngàn chữ. Đề tài chính của các diễn văn này là kiên trì đường lối xã hội chủ nghĩa “trong sáng”, nghĩa là theo mô hình bốn sê vich/lê nin nít, và “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng”, nghĩa là duy trì địa vị và thế lực của Đảng. Nếu các lãnh tụ hiện tại của ĐCSVN có đề cập đến việc xây dựng “con người mới”, mục đích của họ là dùng “con người mới” này vào việc thực hiện xã hội chủ nghĩa mô hình lê nin nít/bốn sê vich. Phương thức chính của họ là dùng “bạo lực cách mạng”. Cách mạng hay không, bạo lực vẫn là bạo lực, và dùng bạo lực để đối xử với nhau chỉ có thể tạo ra thú vật mới chứ không thể tạo ra con người mới. Mà đã là thú vật thì không thể biết đạo lý là gì.

Mác Lê và đạo lý

Các học giả xã hội học và chính trị học đồng ý rằng chủ nghĩa xã hội mô hình lê nin nít bốn sê vich hoàn toàn phủ nhận những giá trị văn hóa mà nhân loại đã áp dụng từ mấy chục ngàn năm trước khi chủ nghĩa lê nin nít xuất hiện. Người cộng sản chấp nhận thuyết xã hội chủ nghĩa mô hình lê nin nít/bốn sê vich tất nhiên coi những giá trị trên đây là những “giá trị tư bản chủ nghĩa” có tính chất “phản động”, là “thuốc phiện” ru ngủ lương dân, cần thay thế bằng “đạo đức cộng sản chủ nghĩa”. Đạo đức này, theo quan niệm của Lê Nin, chủ trương một “chuyên chế triệt để, không chấp nhận một giới hạn của một luật pháp nào hết” và chỉ lấy phục vụ quyền lợi của Đảng cộng sản làm tiêu chuẩn tối thượng.

Xã hội xây dựng theo những giá trị trên đây là một xã hội lật ngược, một “phản xã hội” (counter-society). Nhưng đó chính là điều Lê Nin chủ trương. Do đó, đối với những người cộng sản tự hào là “trung kiên”, “chính thống”, quyết tâm không “chệch hướng” chủ nghĩa lê nin nít “trong sáng”, nghĩa là, trong thực tế, bảo thủ hạng nặng, thì những lời tuyên bố của các ông Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt trên đây về đạo đức không phản ánh quan điểm của họ. Thêm nữa, vì họ là những người nắm thực quyền trong Đảng hiện nay, cho nên lập trường của các ông Mười và Kiệt không những mâu thuẫn với cương lĩnh chính thức của Đảng, mà lại còn vô nghĩa. Nếu nó không biểu hiện một sự dối trá, và nếu hai ông này thực tình thì nó chỉ là một chuyện giỡn chơi, nói cho vui miệng mà thôi.

Chung quy, thái độ của ban lãnh tụ hiện tại của ĐCSVN chẳng khác gì thái độ của sĩ phu Tàu và

Việt hồi cuối thế kỷ XIX: khư khư bám vào cái cũ, nhất quyết từ chối cái mới. Tuy nhiên nó có khác ở một điểm. Về phía Tàu, “cái cũ” mà sĩ phu không chịu buông là “cái cũ” thiết đối với người Tàu - quan niệm đạo lý cổ truyền của Trung Hoa - và “cái mới” mà họ không chịu đầu là “cái mới” thiết đối với họ - quan niệm vật lý khoa học thực nghiệm. Về phía Việt, “cái cũ” mà nhóm lãnh tụ hiện tại của ĐCSVN không chịu buông là “cái mới” đối với người Việt - quan niệm vô thần mác lê - truyền nhập vào Việt Nam từ ngoài xứ, nhưng nay cũng đã thành “cũ” vì đã bị chính người phát minh ra nó, người Nga, coi như sai lầm, lỗi thời và đã liệng vào giỏ rác lịch sử, còn “cái mới” mà họ không chịu đầu là quan niệm một xã hội dân chủ tự do điều hướng bởi những giá trị đạo đức căn bản phổ cập trong toàn nhân loại xuyên qua thời gian, mà hiện nay nhiều quốc gia, trong đó có cả Mỹ lẫn Nga, thấy cần phải phục hồi và phát huy như những giá trị mới. “Cái mới” thiết yếu lại nằm trong “cái cũ”!

Những giá trị cần phục hồi

Những giá trị đạo lý mà Việt Nam cần phải phục hồi và phát huy mạnh trong tình trạng hiện tại là: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Thành, Tín. Không có những giá trị này thì không có xã hội nào đứng vững được. Các chế độ Việt Nam hơn 100 năm nay đã yếu đi và sụp đổ vì đã bỏ mất nội dung của những đức tính trên đây và chỉ còn ôm cái vỏ. Chế độ cộng sản lại còn tệ hơn nữa vì ngay cả cái vỏ người cộng sản cũng liệng bỏ: theo họ tất cả những giá trị đạo lý không mang tính chất cộng sản là những giá trị phải dứt khoát diệt tận gốc, bóc tận rễ. Họ không ý thức rằng chế độ cộng sản đã sụp đổ tại nhiều nơi và sẽ không tồn tại trên trái đất này vì họ không tôn trọng một số giá trị không cộng sản trong bang giao với những giới không cộng sản, và nhất là ngay cả giữa họ với nhau.

Trong những giá trị trên, họ chỉ chú trọng đến Trí, mà họ hiểu như là thủ đoạn chính trị xảo quyết nhằm lừa gạt kẻ khác, kể cả đồng chí của họ, để trục lợi cho Đảng và “cách mạng thế giới”, đẩy Đảng và “cách mạng thế giới” đi tới, thay vì quan niệm nó theo nghĩa “trí tuệ” dùng để hiểu người hiểu mình, hiểu sự vật quanh mình, với mục đích là làm điều thiện và đưa toàn dân đi tới.

Về Nhân, là thương dân, quý sinh mạng tài sản của dân, trọng tự do nhân phẩm của dân, lo cho dân được sống trong an bình no ấm, trong hy vọng về ngày mai, ông Hồ và nhóm lãnh tụ hiện tại của ĐCS hoàn toàn không có. Người cộng sản lê nin nít không muốn có, và không thể có Nhân được, vì đòi hỏi của “kiên trì” đường lối cách mạng mác lê, với quan niệm lê nin nít “chuyên chế vô sản” - xử dụng bạo lực tối đa không chấp nhận một giới hạn nào hết - buộc họ phải chỉ biết có Đảng và sẵn sàng làm những điều tàn ác và bất nhân nhất để phục vụ lợi quyền của Đảng.

Về Thành Tín, là nói và làm như một, nghĩ sao nói vậy, ngày nay qua ngày mai không thay đổi.

họ cũng không có. Mà với quan niệm lê nin nít “sự thật là cụ thể” - thay đổi tùy người, tùy nơi, tùy hoàn cảnh, tùy thời gian, nay vậy mai khác - họ không thể có được. Cho nên mồm thì họ liên tục hô “độc lập, tự do, hạnh phúc”, nhưng thực ra thì họ đã sử dụng không tiếc xương máu của dân vào việc tăng quyền, lực, và thế của Đảng, và họ đã hy sinh hàng triệu sinh mạng của dân để thi hành “nghĩa vụ quốc tế” để chứng minh “ai thắng ai”.

Một xã hội không có Nhân, Thành, Tín thì cũng không có Lễ và Nghĩa. Khi mà những người trong xã hội đó chỉ biết có Trí, hiểu như trên, và nhắm mắt theo những giáo điều của Lê Nin thì không thể có Lễ và Nghĩa được.

Ngoài Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Thành, Tín tất nhiên còn nhiều giá trị tinh thần đạo đức khác, ví dụ: Trung, Hiếu, Dũng... Nhưng những giá trị này cần được xét lại và suy diễn lại cho hợp với tình thế và hoàn cảnh mới. Đồng thời cũng cần xét lại một số tật và khuyết điểm đã làm cho xã hội Việt Nam trì trệ, suy yếu, bị đô hộ lấn áp và không thoát khỏi cảnh nghèo nàn cơ cực. Hai trong những quan niệm này là Thanh bản và Danh vọng.

Những người suy tôn “thanh bản” không tán thành “làm giàu”; họ khinh thị tiền bạc, của cải, tài sản. Họ không hiểu rằng những thứ này là biểu hiện của sức mạnh của nền kinh tế của một quốc gia và của sự sung mãn của dân quốc gia đó. Những người lấy thanh bản làm lý tưởng sống

trong nghèo nàn, vui trong cảnh nghèo nàn, và lấy đó làm niềm hãnh diện. Nhưng họ quên rằng như thế là không tham dự vào công cuộc tạo ra hàng hóa và dịch vụ để gia tăng lợi tức quốc gia - nghĩa là không đóng góp vào việc tạo điều kiện căn bản để nâng cao đời sống của đồng bào và gây sức mạnh cho xứ sở.

Những người tham “danh vọng” là những người hiếu danh. Họ thích “làm quan” - quan phong kiến hoặc quan cộng sản. Họ thích ăn trên ngồi trước, nắm nhiều quyền hành trong tay để có thể sai khiến để lấn áp người khác, hay trục lợi cho bản thân và gia đình. Họ đặt nặng vấn đề “thể diện”, tranh dành nhau chức vị, và vì vậy, họ đánh đấm, xoi bói, phá hoại nhau.

Hai tệ trạng trên đây đã gây rất nhiều tai hại cho xứ sở. Nó đã làm cho nước Việt Nam yếu hèn và nghèo nàn, và xã hội Việt Nam phân ly, tan rã tề liệt. Nó cần loại bỏ.

Xây dựng lại cơ sở tinh thần đạo đức của xã hội Việt Nam là một vấn đề rất lớn, cần có sự chú tâm, suy nghĩ và tham gia của mọi người, mọi giới, đặc biệt là của những người có kiến thức, có thiện chí, ưu tư về giáo dục, lo cho tiền đồ của dân tộc, và của những giới lãnh đạo tinh thần, là những giới thấy rõ vấn đề này hơn người khác, và chắc chắn là lo âu hơn người khác. ■

Ottawa, tháng 3, 1995

CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG

Tập truyện *Trần Mộng Tú*
Biên *Khánh Trường*
Tựa *Nguyễn Xuân Hoàng*
Bạt *Nguyễn Mộng Giác*

200 trang
Giá \$10.00

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944



NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Hỏi chuyện NGUYỄN MINH CẦN

- một cán bộ cao cấp ly khai đảng Cộng Sản Việt Nam từ năm 1964 như là một nạn nhân của “Vụ Án Xét Lại.”
- một người Việt Nam tham gia HAI CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM: tháng Tám 1945 ở Việt Nam và tháng Tám 1991 ở Nga.

ĐỖ QUYÊN thực hiện

(tiếp theo)

Phân Hai

Cuộc đời lưu vong - tinh thần và ý nguyện

Đỗ Quyên: Về “Vụ án xét lại chống Đảng” nói chung thì lẽ thế. Bây giờ muốn anh kể vài điều chi tiết liên quan đến việc anh ly khai ĐCSVN và ở lại Liên Xô... Khi anh quyết định ở lại thì đã có sự nguy hiểm đến cá nhân chưa, hay là anh chỉ mới chống lại sự đàn áp của giới lãnh đạo Đảng đối với những anh em có quan điểm đổi mới ở trong nước?

Nguyễn Minh Cần: Đúng ra là lúc đó, khoảng 1962 - 1964, chưa có việc đàn áp mạnh, chưa có bắt bớ ở trong nước, mà mới chỉ có sự cô lập, sự vô hiệu hóa... Cũng có một vài việc gây ra điều dị nghị như việc ông Dương Bạch Mai chết một cách đột ngột. Phải mãi đến giữa năm 1967 trở đi mới có các vụ bắt giam ở quy mô lớn. Nhưng với chúng tôi, nói cụ thể là cá nhân tôi, có vướng vào mấy vụ. Vụ tôi sắp kể ra đây là một chuyện tình cờ, một tình cờ tai vạ. Rồi nhân vụ này mà người ta gây chuyện, người ta đã tìm mọi cách truy bức vì biết chúng tôi là người theo đường lối mới. Sự việc là thế này...

Đó là dịp về nước nghỉ hè, thăm vợ con, hồi năm 1963. Đạo đó tôi là Bí thư đảng của Đoàn cán bộ học ở Trường Đảng cao cấp Liên Xô. Chúng tôi dừng ở một ga thuộc Xibêri, giáp biên giới Trung Quốc. Tôi còn nhớ rõ tên ga đó là Tartarskaya. Có một anh trong đoàn, anh này theo đường lối của LX như chúng tôi, mà hình vóc anh lại rất giống người Trung Quốc! Bỗng có một người nào đó dúi cho một lá thư và anh bạn này bèn cầm. Sau này chúng tôi đoán rằng người đưa thư tưởng anh bạn này là Trung Quốc nên muốn gửi thư về Trung Quốc. Lúc đó tôi đang ngủ trong toa nên không biết. Anh bạn này về toa giở thư ra xem cùng một số anh em khác, trong đó có anh Nguyễn Kiến Giang...

ĐQ: Thế ra có cả Nguyễn Kiến Giang (4) trong đoàn của anh đạo đó?

NMC: Vâng! Anh Nguyễn Kiến Giang đi cùng đoàn, chúng tôi cùng học với nhau. Thân nhau lắm! Lại nói tiếp... Thế rồi tất cả cùng xem lá thư đó. Tất nhiên, trong đoàn cũng có hai phe: phe theo Mao, theo ĐCS TQ và phe theo đường lối mới của ĐCS LX. Chuyện này thì đã rõ ràng rồi, khi học chính trị ở LX chúng tôi tranh cãi nhau ra rả suốt ngày. Chả lạ gì nhau! Khi ở trong nước thì anh nào cũng im cái mồm, còn đây là lúc đi học chính trị, lại học ở LX, nên cứ tha hồ tranh luận. Bức thư đó chữ rửa Khrushchev và tán dương Mao, chắc người ta muốn đưa về Trung Quốc cho người của phe Mao. Nói đúng ra nội dung của thư chả có gì sinh động, viết lách thì lằng nhằng. Đầu thư chả đề gửi cho ai, cuối thư cũng không có chữ ký. Tôi bèn mời cả đoàn lại họp, cả hai phe. Nói chung là anh em thấy sự việc đột ngột và không có ý kiến gì. Anh Nguyễn Kiến Giang đề nghị coi đó là một việc qua đường, không phải việc của mình và nên trao lại cho trưởng tàu. (Song, nghĩ lại nếu khôn ngoan hơn lúc đó phải xé thư, vứt biến nó đi thì sẽ chẳng có chuyện gì!) Thế là tất cả đồng ý đưa cho trưởng tàu...

Khi chúng tôi về đến Việt Nam, tình hình ở nhà sôi sục ghê lắm! Tôi thấy mà buồn quá! Tôi vừa về đến nhà thì người đầu tiên đến hỏi thăm là anh Phạm Viết. Cũng chả kịp nói gì về tình hình. Khi Phạm Viết vừa ra khỏi thì Trần Vỹ, phó bí thư Thành ủy Hà Nội và ở tầng trên cùng khu nhà với tôi, vào ngay và nói: “Cậu phải chú ý! Tay Phạm Viết này...” Tôi kể lại chuyện đó để thấy rằng tinh thần của cán bộ ở nhà rất căng thẳng. Rồi tôi đến thăm hỏi các cơ quan thì anh em theo đường lối mới tập hợp lại với tôi ngay, và tôi cũng nói chuyện đảng hoàng. Các anh em ở “phe kia” cũng cụm lại. Cứ thế thì biết được không khí ra sao... Sau đó đoàn chúng tôi gặp ông Lê Đức Thọ nghe huấn thị, rồi trở lại LX.

ĐQ: Buổi đó ông Lê Đức Thọ nói chắc là “dữ” lắm?

NMC: Vấn đề đó có lẽ sẽ nói thêm khi tôi nhớ kỹ lại... Sau khi chúng tôi trở lại LX, các ông ở Sở quán theo lệnh từ VN yêu cầu tôi phải triệu tập tất cả đảng viên đang ở trường Đảng, cả các nghiên cứu sinh, đến họp. Đúng ra là họ muốn có một cuộc đấu tố tôi. Nhiều anh em đồng chính kiến đã gặp trước tôi và nói: "Cậu thông cảm! Tình hình này không cho phép mình phát biểu ý kiến trong cuộc họp tới đâu!" Tôi cũng không muốn các anh Trần Minh Việt, Nguyễn Kiến Giang và vài anh em đồng chính kiến khác xuất đầu lộ diện. Anh Nguyễn Kiến Giang còn sáu con nhỏ, sẽ rất kệt cho anh ấy. Cuộc đấu tố diễn ra thật kinh khủng, người ta xúm lại kết tội tôi chống phá trào lưu cách mạng. Vì người ta kết luận rằng "chỉ có ĐCS Trung Quốc và đồng chí Mao Trạch Đông là nơi giương cao ngọn cờ cách mạng quốc tế", còn Liên Xô thì "xét lại", "chống phá cách mạng" mà tôi theo LX tức là tôi chống cách mạng! Đó là những lời buộc tội chết người! Cả cuộc họp nhao nhao lên, ai cũng muốn tỏ ra mình là cách mạng; chỉ có anh em cùng ý kiến với tôi thì im lặng. Tôi đã phát biểu rằng thực tế nó là như thế chứ tôi không hề có ý định chống phá cách mạng gì cả. Những ngày tháng sau đó tôi có bàn với vài anh em khác, như anh Trần Minh Việt, hoặc hai anh học ở Học viện Quân chính Lê Nin là đại tá Lê Vinh Quốc và thượng tá Văn Doãn. Chúng tôi bàn tính mãi... Thú thật, là người cách mạng ai cũng muốn trở về với nước, với dân. Chúng tôi làm cách mạng là vì yêu nước, yêu dân. Như cá phải về với nước, người cách mạng muốn quần chúng theo đường lối mình thì phải về trong dân. Nhưng tình thế đã như vậy nếu về nước chúng tôi sẽ bị đàn áp ngay lập tức. Tôi đoán chắc 100% là thế. Cho nên tôi quyết định không về theo lệnh của cấp trên. Đó là một quyết định đau xót, lớn lao. Vì tôi còn có gia đình, có vợ và bốn con mà tôi rất yêu quý... (thở dài, trầm ngâm) Thế rồi anh Nguyễn Kiến Giang trở về, anh không được ở với gia đình mà bị đưa đi "công tác thực tế" như là một kiểu giam lỏng ở Quảng Bình, Thái Bình, đến năm 1967 anh bị biệt giam trong sáu năm trời và từ 1973 bị bắt đi lao động và quản chế ở Vĩnh Phú cho đến 1976. Còn anh Trần Minh Việt cũng về nước đợt đó, bị bắt giam cầm và được thả về nhà một thời gian thì qua đời. Bị chết ở trong tù là anh Phạm Việt, anh là người đầu tiên đến thăm hỏi tôi khi tôi về phép năm 1963 như đã kể ở trên. Có người được ra tù để về nhà chết như trường hợp anh Phạm Kỳ Vân. Tóm lại là rồi cũng chết cả thôi! (buồn thảm thở dài).

ĐQ: Từ ngày anh bị đấu tố cho đến khi có lệnh gọi cả đoàn cán bộ về nước là bao lâu?

NMC: Chưa đầy nửa năm. Và tất nhiên là lúc đó tôi bị cách chức bí thư Đảng của đoàn, họ cũng chưa khai trừ tôi khỏi Đảng. Chỉ khi họ gọi về

nước, tôi không về, tức là tôi tự ý thoát ly, ly khai khỏi hàng ngũ ĐCSVN.

ĐQ: Sau đó ở VN người ta có thi hành kỷ luật Đảng và chính quyền đối với anh không? Họ có gửi quyết định kỷ luật sang LX không?

NMC: Không! Việc một loạt cán bộ trung, cao cấp của Đảng ở lại LX năm 1964 gây chấn động rất lớn ở trong nước. Nên người ta phải cố ý giữ kín. Mãi sau này, theo tôi được biết, mới có quyết định thi hành kỷ luật chúng tôi nhưng chỉ thông báo nội bộ đảng và chỉ ở cấp tỉnh. Sau nữa thì tôi không rõ lắm, chắc là vấn đề này đã dịu đi rồi.

Đau khổ hơn vẫn là gia đình tôi. Vợ con tôi hoàn toàn bị cô lập, bị coi là thân nhân của "bè lũ xét



Nguyễn Minh Căn (Ảnh của báo *Thiện Chí*)

lại", "phản cách mạng", "chống Đảng"... Vợ tôi bị gọi lên và người ta đòi phải có thái độ dứt khoát, tức là tuyên bố li dị tôi, nhưng vợ tôi không chịu. Nhà tôi cũng là một cán bộ, tham gia phong trào từ sau tháng 8.1945, những năm 1946 - 1951 cũng vào sinh ra tử, và ra Hà Nội hoạt động cùng tôi; đạo đó làm ở Đảng đoàn Hội phụ nữ thành phố Hà Nội. Tôi ở lại vợ tôi khổ lắm, gia đình thì nghèo, sau này nhà tôi mất vì ung thư phổi (*hạ giọng buồn bã*). Các con tôi cũng khổ vì tôi, chúng không được vào Đại học theo ý muốn. Cũng may là còn có nhiều anh em bất chấp quyết nghị của Ban tổ chức Trung ương vẫn ủng hộ gia đình tôi, giúp các cháu trong việc học hành. Rồi cả đến chuyện lấy chồng của các con gái tôi cũng vất vả theo. Có điều là tôi vẫn lo rằng các con sẽ oán tôi, nhưng gần đây,

có dịp gặp lại, các con tôi bảo: “Bây giờ nghe biết tất cả các sự việc chúng con mới hiểu được bố.”

Nhưng bi kịch của tôi, của gia đình tôi chỉ là một bi kịch nhỏ. Tôi còn may hơn các anh em bị tù tội, chết chóc. Mà với các anh em đó cũng chỉ là các bi kịch nhỏ trong toàn bộ bi kịch lớn của đất nước. Tôi muốn nhấn mạnh điều đó. Vì vậy nói đến vấn đề “Vụ án xét lại” tôi đòi khôi phục công bằng xã hội không phải chỉ cho cá nhân mình hay cho các anh em bị oan, mà là cho cả dân tộc. Tôi muốn mọi người hiểu cho tôi vấn đề này. Vì thế bà Phạm Thị Tề, quả phụ của ông Vũ Đình Huỳnh, đã nói một câu tôi thấy rất cảm động. Khi ông Lê Đức Thọ tỏ ý muốn khôi phục ngấm ngấm cho riêng ông Vũ Đình Huỳnh, thì bà Tề nói: “Đây là một vụ án chung với bao nhiêu người bị oan ức, không thể giải quyết riêng rẽ mà phải xét xử lại cho tất cả.” Cuối cùng, tôi muốn nói rộng hơn nữa. Không chỉ với một “vụ án xét lại” mà cả vụ Nhân Văn - Giai Phẩm cùng các vụ bất công khác mới đây như vụ GS Đoàn Viết Hoạt, BS Nguyễn Đan Quế, vụ ông Nguyễn Hộ, vụ đàn áp Câu lạc bộ Những người kháng chiến cũ... tôi cũng đòi phải đưa ra xét xử lại. Đó là công bằng xã hội!

ĐQ: Ngoài anh ra còn có những cán bộ cao cấp nào ở lại Liên Xô dạo năm 1964 đó?

NMC: Những người ở lại trước tôi vài tháng là: đại tá Lê Vinh Quốc, phó chính ủy Quân khu Ba, từng là chính ủy sư đoàn 308 là sư đoàn chủ lực đánh ở Điện Biên Phủ; thượng tá Văn Doãn, tổng biên tập báo “Quân Đội Nhân Dân”, một nhà báo xuất sắc, người đã từng chấp bút và cùng viết với các đại tướng Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh. Hai anh đó ở lại cùng một lúc và đẩy lại là dịp phái đoàn VN do các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ dẫn đầu sang LX. Các ông này tức điên người lên, vì các ông vẫn thường nói với LX là ĐCSVN rất nhất trí! Khoảng tháng Tư, tháng Năm 1964 thì có lệnh rút tất cả cán bộ, học sinh về nước. Ngày 8 tháng Sáu 1964 tôi quyết định ở lại LX.

Cần nói thêm là không phải chỉ ba anh em chúng tôi ở lại. Tôi nhớ là có anh Lê Năng (bí thư Đảng ủy sinh viên trường Lomonoxov, cháu của ông Lê Văn Lương) cùng rất nhiều anh em trẻ khác. Cũng không phải là chúng tôi lôi kéo họ đâu, thậm chí có rất nhiều người mà chúng tôi không biết họ từ trước dù họ cùng chính kiến. Rồi không phải chỉ ở Matxcơva, ở cả Trung Á và các nơi khác cũng có anh em ở lại. Sau này nhiều người thư từ với chúng tôi.

Nhân đây tôi muốn nói đến một điều rất khổ tâm. Chúng tôi ở lại không phải vì muốn ở lại nước Nga, không phải vì muốn được yên ổn hoặc ở lại để mà... nằm chơi! Chúng tôi đã có một dự định. Người hoạt động cách mạng nào chả mong mỗi ý niệm của mình được đưa tới mọi người, trước hết là những người ở trong Đảng. Chúng tôi cũng đã bàn với nhau về các việc cần phải làm để tiếng nói của mình được vang lên ở đâu đó, để anh em trong nước biết được việc làm của mình v.v... Thế nhưng có một chuyện không may cho chúng tôi,

và cũng có thể là không may cho con đường lịch sử của LX. Đó là cuộc đảo chính tháng 10.1964 khiến Khrushchov đổ, Brejnev lên như đã nói ở trên. Khi đọc tin đó trên báo “Pravda” (“Sự Thật”) chúng tôi biết rằng khó khăn sắp đến với mình, dù thông cáo về cuộc đảo chính nói “đường lối của ĐCS LX là bất di bất dịch.” Có nhiều điều khó xử trong công việc của chúng tôi. Khi các anh Lê Vinh Quốc, Văn Doãn ở lại, phía LX nói là “Các anh tạm lánh đi khỏi Matxcơva vì có các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ đang ở đây.” Rồi họ đưa hai anh đó về Taskent, một nơi rất xa Matxcơva và cứ để các anh ở mãi đấy. Tôi có lý do đang học dở nên được ở lại Matxcơva. Có nghĩa là ba chúng tôi bị tách ra như thế. Cho nên khi Brejnev cầm quyền thì chúng tôi càng không thể làm những gì đã dự định với nhau. Không những thế chúng tôi còn được biết ban lãnh đạo ĐCSVN đã đặt vấn đề với phía LX để đưa trả chúng tôi về VN.

ĐQ: Đây cũng là điều muốn anh cho biết thêm để thấy được cách ứng xử của phía LX.

NMC: Chính xác thì tôi không biết được, chỉ nghe người khác kể lại... Phía LX cho rằng nếu giao trả chúng tôi về VN thì sẽ có khó khăn cho họ. Lúc đó còn có đảng viên CS của các nước khác cũng cư trú chính trị ở đó. Giải quyết vụ chúng tôi không cẩn thận sẽ mang tiếng, vì người ta biết anh em chúng tôi cũng có ảnh hưởng nào đấy với các đảng viên của các nước khác. Nên LX từ chối việc đưa chúng tôi về, và họ nói thế này: “Các vị lãnh đạo VN cứ yên tâm, chúng tôi sẽ không để những người này hoạt động chính trị tại LX đâu!”

ĐQ: Phía LX có đặt điều kiện trực tiếp như thế với các anh không?

NMC: Không! Họ không làm thế một cách chính thức. Nhưng cũng “bắn tin” kiểu như thế thông qua các cán bộ đến thăm với tư cách cá nhân. Và chúng tôi cảm thấy, hiểu được ngay.

ĐQ: Các anh có cảm tưởng là bị theo dõi từ phía VN hay phía LX không?

NMC: Đứng về mặt nào đó mà nói thì có. Và tất nhiên là từ cả hai phía. Việc đi lại trong LX thôi cũng không dễ dàng đâu! Các anh bây giờ tỵ nạn ở Đức đây thoải mái hơn rất nhiều. Mỗi lần muốn ra khỏi Matxcơva đúng ra là tôi phải xin giấy phép, nhưng mà tôi cứ đi khắp nơi, đi “chui”. Suốt thời gian ở LX tôi chỉ một lần xin phép, vì lần đó tôi đến một nhà nghỉ mà vô tình có các vị cao cấp nào đó của VN cũng nghỉ ở gần đó. Thế là người ta “má” cho tôi: “Anh phải cẩn thận nhé! Tốt nhất là cứ lấy một giấy phép!”

ĐQ: Lúc đó anh có quốc tịch Nga chưa? Và nói chung thì anh sinh sống ra sao trong ba mươi năm qua?

NMC: Suốt một thời gian dài tôi phải dùng giấy thông hành “không quốc tịch”. Vì sao vậy? Vì muốn giữ quốc tịch VN thì phải gia hạn hộ chiếu ở sứ quán VN mà điều đó là không thể được. Còn vào công dân LX thì tôi không muốn vì vẫn còn nặng lòng với đất nước. Mãi đến 1988, chả là đến lúc tôi sắp về hưu phải tính đến chế độ hưu trí, nên

đã vào quốc tịch Nga. Mà cũng nhờ đó kể từ 1988 đến giờ tôi đi được các nước thoải mái.

Sau khi Brejnev lên chúng tôi buồn ghê lắm! Ngoài cái đau chung còn cái đau riêng, và phải làm sao vượt thoát ra được. Đó là những lúc buồn nhất trần đời! Và trong nỗi buồn đó tôi gặp nhà tôi bây giờ. Bà là người Nga, thông cảm được hoàn cảnh của tôi và chúng tôi lấy nhau. Cuộc đời tôi nó bất định như vậy nên chúng tôi bàn với nhau là không nên có con... Tôi tiếp tục học cho xong ở Trường Đảng cao cấp đó, tôi học rất chăm chỉ không phải vì bằng cấp mà là để tự trang bị kiến thức, thỏa mãn khao khát hiểu biết. Chứ không thì buồn lắm anh ạ! Các thầy ở Trường quý tôi, họ muốn tôi ở lại tiếp tục bảo vệ luận án cao hơn. Nhưng tôi nghĩ khác, lúc đó ở nhà đang có cuộc chiến tranh chống Mỹ. Trời ơi, cái đó nó dội vào tâm tư mình thật ghê gớm, mình cứ như bị bó chân bó tay trước những biến động của đất nước. Buồn ghê gớm! Do đó tôi đề nghị được đi làm việc và tôi phải tự đi xin việc làm, Trường Đảng đó chỉ có trách nhiệm đào tạo thôi. Tôi xin được làm dịch thuật cho nhà xuất bản "Progres" (Tiến Bộ) của Liên Xô. Tôi dịch đủ các loại văn học, chính trị... dưới bút danh Trường Sơn. Đến khi VN đề nghị LX cho xuất bản bằng tiếng Việt toàn bộ tác phẩm của Lê Nin thì tôi thấy đây là cơ hội hiếm có để "móc" các anh ở dưới Taskent lên Matxcơva. Đó là khoảng cuối năm 1969. Thực ra phía Việt Nam còn đề nghị làm toàn bộ tác phẩm của Mác nữa nhưng phía LX không muốn. Thế rồi chính quyền LX đã đồng ý cho hai anh đó lên Matxcơva, nhưng rồi chỉ có anh Văn Doãn lên. Có hai người làm việc với nhau cuộc sống của tôi cũng vui hơn. Nhưng anh Văn Doãn thì luôn luôn buồn, cứ nghe tin tức ở nhà đưa sang là anh lại chán. Có một hôm, đang ở nhà tôi nhận được điện thoại của anh nói muốn gặp nhau, mà ngoài trời thì mưa tầm tã. "Trời mưa như thế này thì gặp nhau làm sao đây? Hay cậu đến nhà mình nhé?", tôi nói. Sau khi thỏa thuận chúng tôi gặp nhau ở công viên văn hóa Gorki. Gặp nhau rồi mà cũng chả thấy Văn Doãn nói gì nên chuyện, bỏ cho một cuộc gặp gỡ dưới trời mưa rả rích. Chúng tôi toàn nói những chuyện lằng nhằng, rồi chia tay nhau. Sáng hôm sau từ căn hộ đang sống ở tầng sáu Văn Doãn nhảy xuống tự tử. Và chết... Cái chết của anh là cú sốc rất mạnh trong tôi. Tôi thì khác Văn Doãn, tôi hay khuyên anh: "Cậu ạ, tụi mình nên làm một việc gì có ích để cho đỡ phải suy nghĩ!" Do đó từ 1967 tôi lao vào việc làm bộ tự điển Nga - Việt, tôi còn kéo cả nhà tôi vào làm nữa.

ĐQ: A! Thế ra bộ tự điển Nga - Việt hai tập rất quen thuộc đó là do anh làm?

NMC: Vâng! Nhưng cũng không phải được dễ dàng đâu! Tôi đã phải dùng tên dưới dạng "bí mật" như thế (Alikanov K.M., đó là tên Nga của tôi), nhưng phía Việt Nam đã tìm cách để hạn chế việc làm tự điển đó. Tôi làm việc này liên tục suốt 10 năm trời trong những giờ nghỉ ngoài giờ làm

việc. Đến năm 1977 bộ tự điển được xuất bản, rồi tái bản lần một, lần hai... chủ yếu là phục vụ cho nhu cầu ở trong nước. Do vậy tâm trạng của tôi cũng dễ chịu hơn. Còn điều nữa tôi cũng muốn tâm sự. Đa số anh em chúng tôi, nhất là tôi, luôn luôn sống với ý nghĩ rằng sẽ có ngày mọi việc được sáng tỏ. Riêng anh Văn Doãn thì không nghĩ thế, mà luôn luôn bi quan.

ĐQ: Còn Lê Vinh Quốc thì sao? Ở trong nước từ lâu người ta đồn rằng Lê Vinh Quốc làm tới trung tướng của Quân đội và Hải quân Xô Viết, lại còn làm cả Phó tư lệnh quân đội Hiệp ước Varsava và có một lần theo hạm đội về VN! Có đúng vậy không anh?

NMC: Không! Trời ơi! Làm gì có chuyện đó! Lê Vinh Quốc có làm tướng tá gì ở đây đâu! Ở lại Taskent, anh bảo vệ luận án phó tiến sĩ văn học; nghe nói hình như còn làm cả tiến sĩ nữa. Vì cách nhau quá xa, tôi cũng không rõ cuộc sống tinh thần của anh. Tất nhiên mỗi người có một cách sống. Có lẽ vì cũng muốn yên ổn nên gần đây anh không muốn có liên hệ.

ĐQ: Các anh em trẻ khác...

NMC: Với họ tôi cũng ít biết! Khi phải sống gần như một mình, tinh thần tự do của tôi vẫn mạnh, dù điều kiện giao tiếp ngặt nghèo tôi hết sức theo dõi tình hình chính trị của LX để hiểu "trào lưu ngầm" của chính trị ở đây. Tôi không bỏ sót cơ hội nào qua các đài BBC, Châu Âu Tự Do, VOA... Từ đó tôi thấy được các mạch chống đối ở bên trong quân chúng Nga. Một dịp may hiếm có, và cũng là nguy hiểm, đến với tôi. Có một người Bỉ làm ở một hãng hàng không nước ngoài tại Matxcơva. Với những người như thế chính quyền Nga công khai cấm có liên hệ. Do tình cờ chúng tôi quen nhau, thân nhau, rồi đi chơi, trò chuyện. Anh bạn người Bỉ đã chuyển cho tôi rất nhiều sách báo nước ngoài, chẳng hạn sách của các nhà văn Nga lưu vong, tạp chí "Continent" của phe đối lập LX tại Paris, sách của Solzenitsin xuất bản ở nước ngoài v.v... Những tư liệu, tin tức đó đã nuôi tôi, làm tôi hy vọng.

À, tôi quên chưa nói với anh một điều là trong quá trình ở LX tôi đã có dịp xem xét lại toàn bộ cuộc đời mình, nhất là suy nghĩ về chủ nghĩa cộng sản...

(Còn tiếp)

Đính chính:

Trong bài "Nhớ lại và suy-nghĩ" phần đầu (Lời dẫn của người thực hiện) đăng trên *Thế Kỷ 21* số 74, dòng thứ chín, nói về chức vụ cũ của ông Nguyễn Minh Cần, tòa soạn đã đánh thiếu 11 chữ, là một chức vụ nữa của ông Cần. Xin quý độc giả thêm: Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội.

Xin cáo lỗi cùng quý độc giả và người thực hiện.

KẺ SĨ VÀ CHỮ “NGHĨA”

TRẦN VĂN TÍCH

Mỗi hệ tư tưởng xã hội có những tiêu chuẩn luân lý của mình, mang dấu ấn của một hay nhiều học thuyết. Trong hệ tư tưởng xã hội Việt Nam, dấu ấn quan điểm đạo đức sâu đậm nhất trải qua gần suốt chiều dài lịch sử dân tộc là Nho giáo. Ngay đến ngày nay, dấu rằng dấu ấn ấy đã phai mờ, nhưng vẫn còn hằn những nét rất lớn và rất rõ. Bài viết hôm nay bàn về dấu ấn khái niệm *nghĩa* lưu lại trên cung cách xử sự của kẻ sĩ.

Nói một cách thực tổng quát, người Việt quan niệm vì *nghĩa* là để cái chung lên trên cái riêng, dám vì cái chung mà hy sinh cái riêng nếu cần. Con người ai cũng cầu lợi, nhưng nếu vì lợi ích nhỏ mọn của mình mà làm hại đến *nghĩa* lớn thì đó là điều đáng trách. Cho nên *đại nghĩa* đối lập với *tiểu kỷ*. Mạnh tử, Mặc tử giảng xuất sắc về *nghĩa*. Khổng tử nói nhiều về *nhân* hơn. Không thể chối cãi là tổ tiên chúng ta đã chịu ảnh hưởng những lời tử viết đó.

Nguyễn Trãi chẳng hạn, cho rằng khi muốn đánh giá một sự kiện, một công việc thì hãy coi xem nó có đúng với *nhân nghĩa* hay không; nếu đúng thì là có *nghĩa*, nếu trái thì dầu gì đi nữa cũng là *phi nghĩa*. Đối với hành động của một cá nhân cũng có thể đánh giá qua quan sát xem hành động ấy có biểu hiện *nhân nghĩa* hay không; nếu phải thì người ấy có công, *nghĩa* càng lớn thì công càng to; bằng không biểu hiện *nhân nghĩa* thì cho dù hành động chọc trời đi nữa cũng chưa chắc đáng gọi là công trạng. Cho nên bài *Bình Ngô đại cáo* mới mở đầu bằng hai chữ *nhân nghĩa*. Cho nên truyện *Lục Vân Tiên* mới trình bày một loạt *nghĩa cử*: Lục Vân Tiên đánh Phong Lai cứu Nguyệt Nga, Hớn Minh bẻ gãy giò con quan huyện, chú tiểu đồng nặng *nghĩa* tử thầy với chàng trai họ Lục và ngược lại, quan Trạng tân khoa cũng bày lễ tế tiểu đồng cho trọn *nghĩa* chủ bộc. Nhưng làm việc *nghĩa* phải vô tư khăng khải, đừng mong đem lại lợi ích riêng tư cho mình. Ông Tiều không nhận bạc của Hớn Minh:

Tiều rằng lão vốn tay không,
Một mình ngợ ngẩn non tòng hôm mai.
Tấm lòng chẳng muốn của ai,
Lánh non danh lợi chông gai cực lòng.
Còn ông Ngự thì cũng y như vậy:
Ngự rằng: lòng lão chẳng mơ,
Đốc lòng làm *nghĩa* há chờ trả ơn.

Trong tất cả các *nghĩa* thì cái *nghĩa* lớn nhất, gọi là *đại nghĩa*, là cứu nước. Khi hô hào đồng bào nổi lên chống lại giặc nước thì gọi là *xướng nghĩa*, *khởi nghĩa*. Lực lượng vũ trang tham gia công cuộc

hào hùng đó gọi là *nghĩa quân*, là binh dân ứng *nghĩa*. Ai có chí hướng như thế là *nghĩa sĩ*, hành động như vậy là *tự nghĩa*. Gặp việc *nghĩa* tất phải làm, chẳng vì bại mà không làm. *Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã* (thấy điều *nghĩa* không làm là không phải kẻ dũng). Cho nên *nghĩa* đi với *dũng* và cũng đi với *trí*. *Trí* tức là biết được một cách đúng đắn rõ ràng điều phải điều trái trong mọi vấn đề thuộc phạm vi đạo đức. *Dũng* là dám làm điều *nghĩa* trong mọi hoàn cảnh gay go nguy hiểm; nhưng dám không làm điều *phi nghĩa*, bất chấp mọi quyền đồ, lời kéo cũng là *dũng*. Ca dao khẳng định:

Trai mà chi, gái mà chi,
Sinh ra có gái có nghề thì hơn.
có khác gì truyện nôm khuyết danh:
Nghĩa cả vua tôi nặng đĩnh đầu. (1)

Hồ Huân Nghiệp tuy học giỏi nhưng không ra Huế dự thi vì chữ hiếu: ông phải phụng dưỡng mẹ già và cư tang thân phụ. Tuy nhiên đến khi giặc cướp thành Gia Định thì dầu mẹ già vẫn còn đó, Hồ Huân Nghiệp đã lên đường *tự nghĩa*, theo tiếng gọi *tự nghĩa*. Việc lớn chưa thành, kẻ sĩ đã rơi vào tay giặc. Trước khi bị hành hình, Hồ Huân Nghiệp vượt tóc, sửa áo ngậm thơ tuyệt mệnh:

Kiến nghĩa nình cam bất dũng vi. (2)
(Thấy việc *nghĩa* lẽ nào không dũng cảm làm).

Cho nên đã vì *đại nghĩa* đối với đất nước thì chẳng thể tính toán lợi lộc riêng tư, mưu cầu lợi lộc bản thân:

Hễ làm người chớ ở hai lòng, đã vì nước phải theo một phía;

Trước làm *nghĩa*, sau cũng làm *nghĩa*, trước sau trọn *nghĩa* vua tôi. (3)

Bổng lộc, lợi nhuận không phải chỉ hiểu theo *nghĩa* hiện kim, tài vật. Mà đi tìm cơ hội thỏa tình gia đình cũng là mưu cầu lợi lộc, đi tìm cách thế thỏa lòng tự cao cũng là mưu cầu lợi lộc nốt.

*

Anh là y sĩ. Anh nghĩ rằng anh phải về Việt Nam cứu chữa đồng bào, mặc dầu đồng bào đang sống dưới một chế độ mà chính anh đã chối bỏ và thế giới đang lên án. Cái *trí* của anh để đâu, hỡi kẻ sĩ? Anh không thấy rằng khi ba tỉnh miền Đông mất và thầy lang Nguyễn Đình Chiểu đã tỵ địa ở Ba Tri, có bao giờ vị lương y ký thác vào thi ca tâm trạng băn khoăn đã không giúp đỡ được đồng bào ở Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long? Kẻ sĩ Nguyễn Đình Chiểu làm thế nào tưởng tượng nổi rằng nên quay trở lại vùng đất mình đã rời bỏ để “cứu nhân độ thế”? Nếu có một lời lăng mạ thì còn lời lăng mạ nào nặng nề hơn, nếu có một lời

vũ nhục thì còn lời vũ nhục nào xúc phạm hơn khi ngày nay chúng ta đưa ra ức thuyết rằng Anh, kẻ sĩ 1995, Anh lên tiếng chê Nguyễn Đình Chiểu — để mượn câu văn của một đồng nghiệp — là đã không biết "tự mình khám phá cuộc sống" mà chỉ biết "vì câu nhân nghĩa phải ra đi"? (4)

Anh hãy rán mà hiểu Nguyễn Đình Chiểu. Kẻ sĩ đất Bình Dương đó đã cố gắng suốt đời xem việc cứu chữa cho một dóm người nơi vùng giặc chiếm nặng hơn hay việc làm thơ điệu Trương Định nơi vùng ty địa nặng hơn.

Giữa nghĩa và phi nghĩa, bao giờ cũng có sự lựa chọn do cái tâm con người. Trong đời sống, người ta có thể bị uy hiếp, lôi cuốn, lừa dối, mê hoặc mà làm điều bất nghĩa, phi nghĩa. Cho nên phải có sự sáng suốt, tỉnh táo để nhận thức, thẩm định, bình giá. Trí rất cần để làm động cơ đúng cho *nghĩa* và *dũng* cũng rất cần để mang sức quyết thắng cho *nghĩa*. Trước những thử thách gay go phức tạp, con người có thể gặp những hoàn cảnh, nói như Mạnh Kha, phải *xả thân dĩ thủ nghĩa* (bỏ thân mình để giữ lấy nghĩa). Nói thế thôi chứ có ai đòi hỏi kẻ sĩ 1995 nhiều đến thế đâu. Chẳng ai đòi hỏi Anh có được cái đởm lược của năm mươi nhà trí thức Hoa lục trong số có Viện trưởng Viện Nghiên cứu Nguyên tử lực mới đây — ở ngay dưới nanh vuốt tàn ngược chứ không phải ở Mỹ, ở Pháp, ở Úc như Anh! — đã gửi thư cho bạo quyền cộng sản yêu cầu thả tất cả tù nhân chính trị và chấp nhận bất đồng chính kiến. Điều cộng đồng dân tộc đòi hỏi ở Anh là *thủ nghĩa*. Và nghĩa đối với nước bao giờ cũng là thử thách cao nhất đối với nhân phẩm con người. Trong cơn thử thách đang diễn ra, từ lời nói đến việc làm, Anh hãy tỏ ra có nhân phẩm. Hãy có thái độ vững vàng, không dao động trước tình thế, không đầu hàng trước quyền lợi. Anh hãy nghe một lần nữa lời khuyên của Cụ Đồ:

Thế vậy răn mình đừng có vậy,

Cờ mao chống chọi chớ cho xiêu. (5)

Nhất định Anh biết Ngô Thì Nhậm, Cao Bá Quát. Và chắc chắn Anh cũng biết Chu Văn An. Nhưng có thể Anh không biết Ngô Thì Nhậm có tự là Hy Doãn, Cao Bá Quát chọn hiệu là Chu Thần; còn Chu Văn An thì được tên thụy là Văn Trinh. Qua tự và hiệu, nhị vị tiền bối muốn nói lên hoài bão của mình, nhằm trở thành bề tôi giỏi như Y Doãn, Chu Công để đưa nước ra khỏi loạn. Còn Ngô Thế Vinh, nhà văn học nổi tiếng thế kỷ XIX trong bài bi ký ở đền Phương Sơn đã thích giảng hai chữ Văn Trinh là "*Văn, đức chi biểu dã; Trinh, đức chi chính cố dã*" (Văn là vẻ bên ngoài [thuần nhất] của đức; Trinh là tính kiên định, chính trực của đức). Tên thụy như vậy nhằm ca tụng một con người thân thái thuần hậu ôn hòa mà bản chất kiên cường chính trực.

*

Anh đang cầm bút. Thay vì bắt mạch nơi rãnh mạch người bệnh, Anh bước qua lãnh vực bắt mạch tâm tình quần chúng độc giả. Anh tự vạch cho mình chức năng phản ánh sinh hoạt xã hội.

Trong thế giới hiện thực muôn màu muôn vẻ, Anh quan tâm đến số phận con người, đến những tính cách và những quan hệ của con người. Tất nhiên Anh tự nhủ là phải tôn trọng sự thật, thông qua sự thật mà thuyết phục độc giả. Nhưng anh đừng lẫn lộn giữa chân lý khoa học — khi mang ống nghe hành sử nghề y sĩ — với chân lý nghệ thuật — khi dùng ngòi bút xây dựng hình tượng mỹ học.

Bạn Anh, trong tư cách chuyên viên ung thư học, làm một bản tổng hợp y văn về mối liên hệ nhân quả giữa chất da cam và bệnh tật ác tính. (6) Với tư cách là một tài liệu tham khảo, nó có giá trị của nó, cũng như các tài liệu phản bác, phủ nhận mối liên hệ nhân quả này do Minokowski hay *Académie des sciences* đưa ra. (7)

Nhưng khi Anh, qua trình bày những rung động và suy tư của chủ quan tác giả trước biến cố của đời sống, đưa ra một nhân vật bị u bạch huyết do da cam thì lại khác hẳn. Ở đây không còn sự lạnh lùng của những con số thống kê, không còn tính vô hồn của các báo cáo khoa học. Ở đây là phương thức cấu trúc hình tượng, phương thức bộc lộ quan điểm; ở đây là sự đánh giá của chính Anh đối với cuộc sống, sự suy ngẫm của chính Anh về số phận dân tộc.

Trong truyện ngắn, những con người do nhà văn thể hiện đều hành động với sự giúp đỡ của tác giả. Tác giả luôn luôn ở bên cạnh họ, tác giả giải thích cho người đọc những ý nghĩ thầm kín, những động cơ bí ẩn ở phía sau các hành động của nhân vật được miêu tả. Nói chung, tác giả thường xuyên giắt dây cho nhân vật thực hiện những mục đích của mình, điều khiển nhiều khi một cách rất khéo léo và rất võ đoán hành trạng, nội tâm, ngôn ngữ, tương quan của nhân vật; qua đó ủy thác cho kết cấu, bố cục, cốt truyện của truyện ngắn chức năng hàng đầu là góp phần thể hiện nội dung tư tưởng tác phẩm. Công thức nổi tiếng của Maupassant:



"L'habileté de son plan consistera (...) dans le groupement adroit de petits faits constants d'où se dégagera le sens définitif de l'oeuvre." (8)

Chuyện da cam có gây ung thư hay không là vấn đề tranh cãi chưa hề ngã ngũ. Cho nên khi xây dựng hồ sơ nhân vật mà Anh lại khiến độc giả nghĩ rằng đây là một liên hệ chắc nịch thì người đọc có thẩm quyền và trình độ ắt phải nhìn tác phẩm với cặp mắt dè dặt. Ngay cả trong trường hợp đặt ức thuyết là da cam quả đúng có gây ung thư đi nữa thì Anh cũng không thể không phân biệt nhân vật trong văn học với con người trong đời sống. Nhà văn xuất phát từ những con người trong đời sống để xây dựng những nhân vật văn học, song không thể đồng nhất nhân vật văn học với con người ngoài cuộc đời vì nhân vật văn học là sản phẩm của quá trình sáng tạo nơi nhà văn. Mà đã là nhà văn thì ai cũng cầu mong hoài bão giới thiệu được những nhân vật đạt đến một chất lượng nghệ thuật nhất định, lưu lại ở người đọc một ấn tượng rõ nét về con người vừa cụ thể vừa có ý nghĩa tiêu biểu trên một số phương diện nào đấy. Một nhà văn không thuộc y giới, tuy là một nhà văn lớn, có thể lập hồ sơ bệnh lý thiếu chính xác khiến một nhân vật bị bại liệt tứ chi mặc dầu theo chi tiết lý lịch nhân vật thì vết thương không làm tổn thương não tủy; điều đó độc giả sẵn sàng thông cảm. Nhưng vừa cầm ống nghe vừa cầm cây bút mà Anh lại khẳng định một vấn đề pháp y còn tồn nghi thì tác hại nghiêm trọng của thái độ võ đoán đó khiến chất thơ, chất văn trong sáng tác phẩm không bay cao bay xa được.

Tác phẩm văn học có giá trị là một hiện tượng thẩm mỹ được sáng tạo theo qui luật riêng của tình cảm, bao giờ cũng kêu gọi ở người đọc những rung động sâu xa. Người đọc Anh, kể từ 1995, đến với Anh, đến với truyện ngắn của Anh bằng tất cả tâm hồn, tình cảm của mình. Nói đúng hơn, không phải chỉ tình cảm mà là thiện cảm. Mặt khác, người đọc Anh đã là nạn nhân của những phóng viên báo chí, những phái đoàn truyền hình ngoại tộc. Dân tộc Anh đã oan khiên chịu tai ách của cái được gọi là *impérialisme intellectuel*. Có tiền, có thế, có nhân lực, có phương tiện, họ đã mặc sức đưa tin xuyên tạc. Họ có chút dây mơ rễ má gì với chính nghĩa dân tộc Việt Nam đâu. Nhưng Anh, nhất định Anh chẳng thể nào nở lòng không *thủ nghĩa* trong sáng tác.

Chủ đề và tư tưởng của truyện ngắn là một trong những căn cứ biểu thị tài năng, mức độ phong phú của môi trường tinh thần trong đó nhà văn sinh sống. Những ý định và tư tưởng sai lạc sẽ phá hoại giá trị thẩm mỹ của tác phẩm. Khi chủ đề và tư tưởng của tác phẩm được xây dựng trên những nhận thức và quan điểm lệch lạc, khi nhà văn cố đeo đuổi để chứng minh cho những tư tưởng giả dối thì thế tất sẽ ra sức thúc ép những tài liệu vốn rất sinh động của cuộc sống phục vụ một cách khiên cưỡng cho lý tưởng chủ quan, bố trí các thông tin vốn rất phức tạp ngoài đời theo đuổi một

cách bẽ bàng lập trường phi nghĩa. Và một khi chân lý cuộc sống không được tôn trọng thì chân lý nghệ thuật sẽ triệt tiêu luôn, giá trị thẩm mỹ của tác phẩm do đó cũng không còn nữa. Có người đọc nào dừng dừng xem nội dung truyện ngắn Anh viết chỉ đơn giản là cuộc đời bên ngoài được ngòi bút chụp lại ảnh? Độc giả hằng đọc giữa các hàng chữ nỗi niềm tâm sự của Anh, hằng rút ra những lời ký thác, những điều gửi trao của Anh dành cho họ. Và độc giả thì không phải chỉ có người cao tuổi hơn hay người bằng tuổi với Anh. Độc giả còn là em út, con cháu Anh nữa.

*

Đối với chính nghĩa quốc gia, Anh, kể từ 1995, có *chút nghĩa cũ càng*. Chút nghĩa đó càng sáng rõ khi thế giới chỉ còn bốn nước quần quai dưới gông cùm cộng sản. Và Anh có quyền tự hào là đã góp phần vào vĩ nghiệp thay đổi bộ mặt chính trị thế giới khi bỏ nước ra đi. Đã ra đi, tất Anh từng hẹn sẽ trở về. Nhưng có thể trong đời Anh, ngày ấy chưa đến. Đau buồn thực nhưng Anh hãy ráng chịu đựng. Và Anh hãy ráng dạy cho con cái Anh *chút nghĩa cũ càng* đó. Qua ngôn ngữ nói và viết, qua hành động trước và sau. Có thể Anh dạy nhưng con cái Anh không theo. Dầu thế bất cứ trong hoàn cảnh nào việc nghĩa thì vẫn phải làm, nợ nước thì vẫn cứ trả. Đành rằng Anh đã trả phần nào qua những năm dài tù ngục trong ngục tù cải tạo, qua những tháng ngày lặn lội lao đao làm lại cuộc đời, qua những giờ phút thách đố tử thần trên biển Đông, qua cảnh sống tha phương cầu thực hiện tại trong cô quạnh. Nhưng chưa đủ, rõ ràng là chưa đủ. Tuy thế, hãy tiếp tục tự nhủ là thế sự hết rồi lại thái, thất bại rồi sẽ thành công. Không thể căn cứ vào việc *mất, còn, việc nên, hư* trước mắt mà đánh giá được. "*Vì nước tắm thân đã gọi (ở Pháp, ở Mỹ, ở Úc), còn mất cũng cam; Giúp đời cái nghĩa đáng làm (nghĩa chống độc tài đảng trị), nên hư nào ngại.*" (9) Lại vẫn là văn chương Đồ Chiểu đấy.

Bad Meinberg. Tháng Thiên 1995

Chú thích

- (1) *Nhị Độ Mai*
- (2) *Lâm hình thời tác* (Làm lúc sắp bị hành hình).
- (3) Nguyễn Đình Chiểu.- *Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh Tây*.
- (4) Nguyễn Đình Chiểu.- *Từ biệt cố nhân*.
- (5) Nguyễn Đình Chiểu.- *Tự thuật*.
- (6) Diep N. Bui, MD.- *Agent orange: a review*. Tài liệu được trình bày bằng máy điện toán, không thấy ghi tên tạp chí phổ biến nên không rõ đã được đăng tải trên văn đàn y học chưa hay chỉ là tài liệu tham khảo cá nhân của tác giả. Xin cảm ơn anh Ngô Thế Vinh đã gửi cho.
- (7) Phạm Ngọc Tỏa.- *Le Vietnam après l'enfer ou comment on travestit la vérité sur des bases pseudoscientifiques*. Nội san Hội Y giới Việt Nam Tự do. Paris. Số 27, tháng 02.1995.
- (8) Préface de Pierre et Jean, 1887.
- (9) Nguyễn Đình Chiểu.- *Văn tế Trương Định*.

Nói chuyện với ông Nguyễn Thụy Ứng

VỀ CỔ HỌC GIẢ NGUYỄN BẠT TỤY

Người thực hiện: MAI THÁI LĨNH

Chiều ngày 18 tháng Tư 1995, sau khi dự đám tang cổ học giả Nguyễn Bạt Tụy, tôi và Nguyễn Xuân Tú (Hà Sĩ Phu) cùng một vài người bạn đến thăm ông Nguyễn Thụy Ứng — em trai của nhà nghiên cứu họ Nguyễn. Vốn là một nhà dịch thuật nổi tiếng của miền Bắc, ông Ứng đã dành cho chúng tôi một cuộc phỏng vấn hơn hai tiếng đồng hồ, xoay quanh chủ đề bảo vệ và công bố di sản văn hóa của người quá cố. Sau đây là nội dung chính của cuộc phỏng vấn.

Mai Thái Linh (MTL): Ông có thể cho biết qua về mối quan hệ giữa ông và ông Nguyễn Bạt Tụy (NBT)?

Nguyễn Thụy Ứng (NTU): Trong nhà, có lẽ giữa tôi và anh tôi là hợp với nhau hơn cả, không cãi nhau bao giờ. Nhưng hai anh em xa nhau đã lâu: anh tôi xa nhà từ rất sớm, sau đó tôi tham gia kháng chiến chống Pháp; kể Bắc người Nam, mãi đến sau 30 tháng Tư 1975 anh em mới được gặp nhau vài lần. Khoảng 1977-78 gì đó, anh tôi có ra Hà Nội để trình bày những phim slide về vùng Tây Nguyên trong một hội nghị khoa học dành riêng cho anh ấy — một hội nghị rất nghiêm túc.

MTL: Theo ông, tại sao khi học giả NBT còn sống, ông ấy đã gặp trở ngại trong việc công bố tác phẩm? Có vướng mắc gì giữa những người có thẩm quyền trong lĩnh vực ngôn ngữ học, dân tộc học với học giả NBT?

NTU: Tôi biết Nguyễn Tài Cẩn vẫn thường nhắc đến anh tôi. Đã có lần ông ấy mời anh tôi đăng bài trên tờ tạp chí của Viện Ngôn ngữ học, đăng nguyên văn chứ không thay đổi chút nào cách hành văn của anh tôi. Như vậy, không có sự cắt đứt hoàn toàn giữa hai bên. Nhưng rõ ràng là không có sự chấp nhận lẫn nhau, thoải mái với nhau.

MTL: Theo ông, vì lý do gì?

NTU: Theo tôi, do thiếu cái mà Liên Hiệp Quốc nêu làm phương châm của năm nay: sự bao dung (tolérance). Trên đời này, nếu người nào cũng giống người nào thì buồn chết! Nhưng người ta khó chấp nhận lẫn nhau, nhất là về phương diện ngữ ngôn. Ngữ ngôn vốn là một công cụ giao tế (véhicule) đưa tư tưởng của người này đến với người khác. Trong ngữ ngôn, vấn đề tập quán hết sức quan trọng: anh tôi không chấp nhận nổi tập quán hiện hành, mà người ta cũng khó chấp nhận cái kiểu cách phá tập quán của anh tôi. Điều quan trọng nhất, như bà Indira Gandhi thường nói, là

chấp nhận sự khác biệt của nhau; đó là cái các giới chức có thẩm quyền và cả anh tôi đều thiếu.

Mặt thứ hai của vấn đề là lề lối biên tập, như của các tạp chí chẳng hạn. Ở Việt Nam mình rất khó có được quyền tự do phát biểu. Trong phát biểu có phương thức phát biểu: dường như có một con đường, một phương thức phát biểu đã trở thành quen thuộc, người nào ra khỏi cái đó là không được. Không giống như ở Pháp, như thường thấy trên các tạp chí: mình viết điều gì, nói cái gì cũng được, miễn là có được cái mới để người ta suy nghĩ. Anh vẽ thế nào, vẽ cái gì, theo trường phái nào tôi không cần biết, miễn là anh có được một bức vẽ bắt người ta phải suy nghĩ đến một cái gì đó về nội dung hay về phương thức thể hiện. Ở đây, cái mà anh tôi đưa ra, không những về nội dung, về cách giải mã vấn đề, mà cả về cách nói cũng không làm cho người ta chấp nhận được. Theo tôi, đó là một điều rất căn bản mà mình phải suy nghĩ về cung cách biên tập. Tuy nhiên, kể cả vấn đề thứ hai này cũng không vượt ra khỏi phạm vi của vấn đề thứ nhất, tức là sự bao dung.

MTL: Chúng tôi cố tìm hiểu qua vấn đề, tuy không ở cùng lãnh vực chuyên môn với ông Tụy. Có một số điểm về nội dung và cách phát biểu của ông có thể gây khó chịu cho người khác. Ví như lập luận cho rằng đã đến lúc dân tộc ta phải từ bỏ tên Việt để trở lại với tên Giao. Hay như cách viết của ông ấy: thay vì viết “ngôn ngữ học” hay “ngữ ngôn học,” lại viết “học-ngữ;” thay vì viết “dân tộc học,” lại viết là “học-dân” v.v... Theo ông, điều gì đã tạo ra sự thiếu thông cảm giữa những nhà chuyên môn ở nước ta với cổ học giả NBT? Nội dung hay phong cách trình bày? Hoặc cả hai?

NTU: Cả hai. Tuy nhiên, như tôi đã nói, cả hai vấn đề, chung quy cũng chỉ là vấn đề bao dung lẫn nhau. Như vấn đề “dân Giao - dân Việt”, “tiếng Giao - tiếng Việt”, “ngữ Giao - ngữ Việt” chẳng hạn. Việt là một khái niệm khá rộng. Nước Việt của Câu Tiễn xưa kia đánh nhau với nước Ngô của Phù Sai cũng là Việt. Nếu tra trong các từ điển cơ bản thời cổ của Trung Quốc, trong *Thuyết Văn* của thế kỷ II, trong *Nhĩ Nhã*, *Phương Ngôn*, *Quảng Nhã* về sau này, hay trong các cuốn của đời Thanh như *Từ Nguyên*, *Từ Hải*... thì Việt là một khái niệm khá mơ hồ. Thuở xa xưa, ở vùng Giao Châu này không có người Việt, chỉ có người Giao. Mà nói tới Giao lại có thể lẫn lộn với các sắc dân ở Tây Tạng dọc theo các triền sông chảy về phía đông-nam, trong đó có các nhánh của dân tộc Mèo. Tôi nghĩ cả hai

khái niệm đều khó chấp nhận: cả Giao cũng khó chấp nhận mà Việt cũng khó chấp nhận. Cả hai cũng chỉ nằm trong vấn đề *định danh*.

Thú thật, tôi không coi vấn đề định danh là quan trọng. Điều quan trọng là cái *thực*: Dân tộc này phát nguyên từ đâu, phát triển như thế nào, có những đặc điểm nào hình thành nên tính cách dân tộc? Đó mới là cái quan trọng. Tất nhiên định danh cũng là một vấn đề không thể bỏ qua, nhưng theo tôi đây không phải là vấn đề lớn. Vấn đề lớn vẫn là không bao dung, không chấp nhận nhau. Còn một chuyện nữa, nói đến chuyện này là phạm tới tổ chức đây: anh tôi đang ở ngoài lại nhảy vào một bàn cờ đã bày sẵn, muốn người ta chấp nhận mình cũng không phải dễ. Đó cũng là cái khó, mà cũng là sự dũng cảm của ông anh tôi. Có thể ví ông ấy như Triệu Tử Long. Tác phong Triệu Tử Long cũng là cái làm cho người ta không chấp nhận ông ấy. Ông ấy là một người không lẻo láis, không có thủ đoạn, không biết mềm.

MTL: Chúng tôi nghĩ vấn đề một cách đơn giản: nói đến lý luận khoa học, không thể dễ dàng kết luận đúng hay không đúng. Có những điều hôm nay cho là đúng ngày mai có thể là sai và ngược lại. Ai cũng biết ông Tuy có một công trình nghiên cứu khoa học tương đối quy mô, công phu; nhưng trong giới chuyên môn lại có những cách đánh giá trái ngược nhau: người đánh giá cao, kẻ lại cho rằng ông chỉ có nhiều tài liệu chứ về lý luận thì tầm thường thôi. Chúng tôi chưa biết ai đúng ai sai; nhưng điều quan trọng trước hết là phải cho công bố tác phẩm, như thế mới có thể có sự cọ xát, tranh luận, mới giúp tìm ra chân lý. Điều thiết yếu là nhiều năm nay, ông Tuy chỉ đăng được vài bài ngắn trên một vài tạp chí...

NTU: Đó cũng chỉ là sự thường tình thôi. Bình thường, mọi sự tranh chấp về lý luận khoa học, văn học, kể cả tôn giáo... cũng vậy thôi. Nghĩ lại, khi Galilée phát biểu rằng quả đất tròn, bị đưa ra Tòa án tôn giáo, có nguy cơ bị đưa lên giàn hỏa thiêu; những người khác biết là đúng cũng không dám bênh. Về sau, đến thời xã hội chủ nghĩa, lý thuyết của Lưxencô được đề cao; có người tin Mendel dám chống lại Lưxencô thì coi chừng, phải đi Xibia đấy! Bình thường, trong giới khoa học cũng có vấn đề miếng ăn hàng ngày, có vấn đề địa vị, quyền lực và kèm theo đó là quyền lợi của vợ con. Khi đã hình thành một quan niệm gọi là chính thống thì đừng hòng... Tôi trở về vấn đề bao dung. Chúng ta phải làm thế nào để có được một sự đối thoại thoải mái. Khi mà tôi nói một ý kiến này,

Lời khuyên các nhà văn trẻ: Khi viết bạn nên để ý những chỗ nào mình viết mà đọc giả đọc tới đó thì nhảy qua không đọc. Mình cũng nên nhảy qua đoạn đó, không viết.

anh lại nói một ý kiến khác, hai bên không nghe nhau, không có gì để trao đổi cả, thì cũng tựa như hai người truyền giáo trên sa mạc vậy.

MTL: Chúng tôi được biết những tài liệu của ông Tuy đã được niêm phong cẩn thận. Ông nghĩ sao về vấn đề này?

NTU: Nếu niêm phong để bảo vệ khi thân nhân chưa kịp đến thì đó lại là vấn đề khác. Còn như tiếp tục niêm phong thì cũng không khác nào cấm tôi nghiên cứu những tài liệu của ông anh tôi? Dù là tài liệu của người khác, tôi vẫn có quyền nghiên cứu nếu tôi được phép. Nhưng tài liệu này theo luật thừa kế tôi có quyền được sử dụng; niêm phong lại chẳng khác nào cấm tôi không được nghiên cứu nữa...

MTL: Như ông đã nói, theo luật thừa kế thì ông được quyền giữ các tài liệu này. Nhưng chính ông cũng cho biết có người đã nói với ông rằng đây là những tài liệu quý giá, là tài sản quốc gia. Giả định có người nói rằng ông và gia đình ông không thể nào bảo quản được, nên giao cho cơ quan Nhà nước bảo quản thì lúc ấy thái độ của ông sẽ như thế nào?

NTU: Anh tôi đã bắt đầu những công việc này từ lâu lắm rồi, từ trước 1975. Nếu các giới khoa học, kỹ thuật và chính trị nói rằng đây là những thứ cực kỳ quan trọng; đồng thời cũng đã có các viện nghiên cứu được dành kinh phí hàng năm, được khen hàng mấy chục năm thì thử hỏi: tại sao suốt hàng ấy năm trời không ai dùng, không ai công bố, không ai bảo chúng là quan trọng để rồi niêm phong lại? Hay cho rằng anh tôi trước kia có quyền giữ, còn hiện nay tôi — Nguyễn Thụy Ứng — không đủ tư cách để nghiên cứu những tài liệu về dân tộc học, ngữ ngôn học này? Xin mời những nhà ngữ ngôn học, dân tộc học hãy đến đây thử bàn với tôi xem sao.

MTL: Chúng tôi rất tán đồng ý kiến của ông trong lần gặp gỡ hôm qua về việc phải tôn trọng tác giả, không được sửa chữa tùy tiện. Chúng tôi có đọc nhiều tác phẩm "toàn tập" ở phương Tây, trong đó bên cạnh những tác phẩm đã hoàn chỉnh còn có các bản thảo chưa hoàn chỉnh, thậm chí các mẫu văn phác thảo mà không sửa đổi gì hết...

NTU: Tôi xin nói thêm điều này: nếu sợ gia đình tôi không bảo quản được thì xin hãy giúp đỡ, tạo điều kiện cho chúng tôi bảo vệ, chứ đừng nỡ cướp những thứ ấy khỏi tay tôi để tôi không được nghiên cứu chúng; và nhân danh bảo vệ mà cất chúng đi độ vài chục năm hay vài thế kỷ nữa...

Tôi không hề có ý nghĩ giấu chúng để làm của riêng hay bán chúng đi để lấy tiền. Hiện nay người ta còn đem bán cả những thứ còn quý hơn nhiều. Nhiều thứ bị bán lầm, tôi không muốn tôi cũng bị bán. Hôm nọ có người nói với tôi về việc có những thứ giao cho cơ quan an ninh giữ hộ mà rồi cũng chẳng còn. Chúng ta đã có kinh nghiệm xa xưa về cái ấn mấy ký lô vàng của vua Bảo Đại giao lại cho chính quyền cách mạng; cơ quan an ninh được giao bảo vệ vì nó làm bằng vàng, thế mà không cánh cũng bị bay mất.

Lúc vào đến đây, tôi đã thấy cái cửa kia bị niêm. Con gái tôi bị giữ lại, đòi phải có gia phả chứng minh nó là cháu của bác nó. Công an hỏi nó về gia phả đấy; may mà người ta không hỏi tôi về gia phả.

MTL: Chúng tôi biết trước đây đã có một vài nhân vật có tiếng tăm từ Hà Nội vào yêu cầu ông Tuy giao tài liệu để đăng báo; cuối cùng thì có đăng báo thật nhưng tên tác giả lại là tên người khác. Chính vì vậy mà sau này ông Tuy đã mất lòng tin... Chúng tôi nghĩ rằng ông phải rất cẩn thận.

NTU: Đúng thế! Nói thật tôi sống đến năm nay đã 70 tuổi. Tôi đã viết không biết bao nhiêu bài báo, đã in độ trăm đầu sách, trong đó có những đầu sách một bộ tám cuốn dày như bộ "Sông Đông êm đềm." Trong cuộc đời tôi cũng đã trải qua bao nhiêu chuyện, bị khai trừ khỏi đảng đến hai lần rồi, thành ra những chuyện trên đời này không phải tôi không biết. Muốn phục vụ lợi ích chung, không phải là dễ, không phải chỉ thành tâm là đủ. Cũng có cái may là đất nước mình đang trên đà tiến triển, không có những mâu thuẫn, xung đột gay gắt về sắc tộc, tôn giáo, quan điểm, ý thức hệ, quyền lực...; nhưng chúng ta đang bị những thứ tệ hại kèm theo cái cơ chế thị trường. Vấn đề nghiên cứu khoa học, sử dụng những tư liệu khoa học cũng không ra hỏi quỹ đạo ấy được, vì thế tôi phải cảnh giác.

Đã có lúc tôi nghĩ rằng phải có một viện nghiên cứu mới bảo đảm nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc, nhưng đến nay tôi nghĩ khác. Bởi vì vừa qua có tình trạng: tài liệu khi ở viện này mà viện khác muốn dùng thì dừng hồng, có trả tiền cho tử tế thì mới cho dùng; hoặc dùng với mục đích xung đột với viện của mình thì mình không cho dùng... Bây giờ chuyện này rất khó; nói nhân nghĩa mà không kèm theo biện pháp hữu hiệu để đảm bảo thực hiện thì nhân nghĩa sẽ trở thành phản nhân nghĩa. Tôi nhớ hình như Gorki có nói đại ý: một anh chàng tốt bụng có khi làm hại bằng mười thằng ác ôn. Cho nên phải đề phòng cả cái lòng tốt của chính tôi đấy (cười).

MTL: Ông có an tâm về tình hình an ninh trật tự ở đây không?

NTU: Tất nhiên ở đời không tránh được chuyện may rủi. Nhưng các cơ quan an ninh của ta đã được hưởng lương, hưởng các phương tiện để bảo vệ an ninh, cơ quan an ninh ở nhiều nơi vẫn thường xuyên được khen thưởng, ca ngợi, chẳng nhẽ đấy chỉ là chuyện hình thức? (...) Vả lại, trước đây khi ông Tuy còn sống, có lúc ông ấy phải đi bệnh viện, hoặc đi dự hội nghị, có khi phải ra tận Hà Nội trong thời gian khá lâu. Mới gần đây ông ấy cũng phải nằm bệnh viện, nhà đóng cửa, chỉ nhờ một vài cậu học trò rất ngoan và nhờ hàng xóm trông coi mà vẫn không suy suyển.

(Còn tiếp)

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của thi sĩ Hà Thượng Nhân (Phạm Xuân Ninh)

Cụ HOÀNG SĨ BÌNH

vừa từ trần
ngày 30 tháng Năm 1995
tại Saigon
hưởng thọ 95 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng ông bà Hà Thượng Nhân và tang quyến. Thành kính cầu chúc hương linh cụ ông sớm siêu thoát.

Bùi Duy Thuyết
và tạp chí Thế Kỷ 21

PHÂN ƯU

Được tin

Ông LÊ ĐÌNH DUYÊN

Cựu dân biểu VNCH
Cộng tác viên của tạp chí
Thế Kỷ 21

vừa từ trần
ngày 12 tháng Sáu 1995
thọ 79 tuổi.

Chúng tôi chân thành phân ưu cùng tang quyến, cầu chúc hương hồn ông sớm siêu thoát.

Tạp chí Thế Kỷ 21

LẦN RANH TỬ TỬ QUA SINH

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Từ những phân tử vô sinh, làm thế nào để biến thành những phân tử hữu sinh? Nói cách khác, ai đã làm cho vật chất bước qua được lần ranh giữa sự chết và sự sống ở trên Trái Đất này.

Chúng ta hãy tạm ghé qua môn Thiên văn một chút, để biết đại khái về sự hình thành của Địa Cầu. Ngày nay phối hợp nhiều môn học người ta đã biết Mặt Trời của chúng ta đã sinh ra khoảng 4,600 triệu năm trước đây. Lúc đầu là một đám bụi vũ trụ xoay tròn, do tác động của lực hấp dẫn, cái lõi thành hình và biến thành một vì sao sáng với những phản ứng hạt nhân.

Đám bụi còn lại xung quanh tiếp tục xoay tròn và kết lại từng cục. Khảng hơn 100 triệu năm sau những cục đó dần trở thành lớn vào cỡ Trái Đất ngày nay.

Khởi thủy, Trái Đất là một trái cầu nóng chảy, đỏ như đất nung, sau nguội dần để vỏ bên ngoài cứng lại.

Hình ảnh hết sức khái quát của sự khai thiên lập địa trên Trái Đất chúng ta là như vậy.

Chúng ta không quên vật chất do các nguyên tử tạo thành và để xây dựng lâu dài vật chất, các nguyên tử phải hợp thành các phân tử qua phản ứng hóa học và các phân tử này rất đa dạng, có loại phân tử do hàng chục hàng trăm nguyên tử khác nhau hợp thành.

Dù sao các phân tử đó cũng chỉ là những phân tử vô cơ. Vậy phân tử hữu cơ ở đâu mà ra? Phân tử hữu cơ có thể được coi như ông tổ đầu tiên của sự sống, một loại phân tử đa nguyên tử, trong đó

điều kiện cơ bản là phải có nguyên tử carbon để dễ móc nối với các loại nguyên tử khác, tạo ra một đặc điểm của cái gọi là sự sống: nó phải biết hấp thụ năng lượng, tự phát triển và sinh sản ra các phân tử tương tự như nó.

Không phải chỉ có một loại phân tử như vậy. Phải có hàng chục loại phân tử khác nhau cũng thuộc loại hữu cơ, mới có thể xúm lại tạo thành những tế bào, căn bản của sự sống.

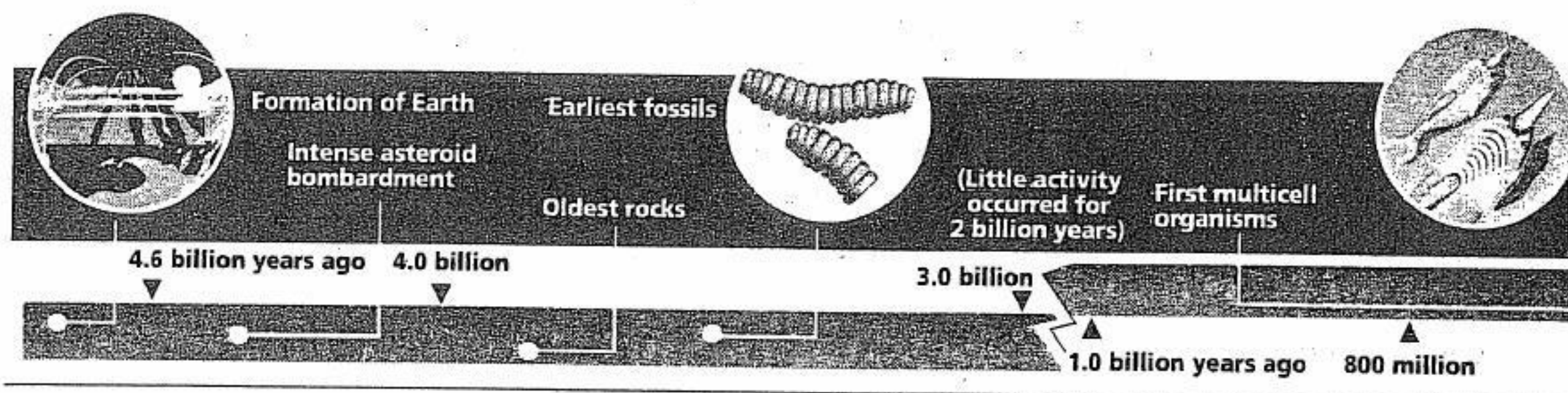
Một số những phân tử hữu cơ này được gọi là amino acids, và các amino acids khác nhau hợp thành những phân tử lớn hơn gọi là protein. Có nhiều loại protein cần thiết cho các chủng loại sinh vật. Ngày nay trong bất cứ sinh vật nào trên Trái Đất, người ta cũng tìm thấy chất protein riêng để nuôi dưỡng tế bào sống, kể cả tế bào của con người.

Nhưng làm thế nào các nguyên tử của vật chất vô cơ như nguyên tử khinh khí, nguyên tử dưỡng khí, nguyên tử các bon, nguyên tử ni-tơ, lại có thể hợp thành những phân tử hữu cơ để tạo ra amino acids, đưa đến chất protein?

Hóa học tiền sinh học

Trước hết phải nhận định rõ là sau khi vỏ Địa Cầu nguội đi, Trái Đất chẳng có hình dạng như Trái Đất mà chúng ta biết ngày nay.

Tất cả chỉ là một quả cầu đá cứng, có những chỗ nứt nẻ, lửa ở trong ruột địa cầu phun ra ngoài, tỏa ra những chất hơi độc. Nghiên cứu những vụ núi lửa phun ra ngày nay, người ta cũng có thể hiểu những chất độc đó như thế nào. Địa cầu lúc đầu



không có nước, không có biển mà cũng chẳng có không khí. Nó còn nóng và bao trùm bởi những đám mây dày đặc, không phải như mây ngày nay, mà là hơi độc, chất khí methane.

Khoảng thập niên 30 của thế kỷ này, một ngành Hóa học mới xuất hiện, gọi là Hóa học tiền Sinh học (prebiotic chemistry), nghĩa là nghiên cứu các chất hóa học của Trái Đất trước khi có sự sống ra đời.

Hai nhà bác học thời đó, ông Alexander I. Oparin ở Nga và ông J.B.S. Haldane ở Anh, chỉ ra rằng các hợp chất hữu cơ cần cho sự sống không thể nào thành hình trên Trái Đất, nếu Địa Cầu lúc đó có những đám hơi gồm nhiều dưỡng khí như ngày nay. Tại sao vậy?

Giản dị là dưỡng khí là loại khí dễ bắt lấy khinh khí để tạo ra nước, nếu có quá nhiều dưỡng khí, nó chỉ việc nuốt cho bằng hết khinh khí làm thành nước (phân tử vô cơ) và như vậy làm cản trở cho việc kết hợp của nguyên tử khí các-bon để tạo ra những phân tử phức tạp hơn là phân tử hữu cơ.

Theo hai nhà bác học này, bầu khí quyển của Địa Cầu hồi mới sơ sinh phải có rất ít dưỡng khí và rất nhiều khinh khí để phối hợp với các khí khác như khí độc methane và khí ammonia. Có nhiều khinh khí là chuyện dễ hiểu, vì khinh khí là loại nguyên tử đơn giản nhất và cũng có nhiều nhất trong vũ trụ. Vậy tại sao các nhà bác học lại biết có khí methane và ammonia?

Trước hết nó ở núi lửa phun ra. Và sau quan trọng hơn, người ta đã "nhìn" thấy các khí methane và ammonia có khá nhiều ở các "khí quyển" xung quanh các hành tinh trẻ hơn Trái Đất. Đó là những hành tinh quay trên quỹ đạo ở vòng ngoài Địa Cầu, tính từ Mặt Trời trở ra. Khoa Thiên văn ngày nay đã xác định được rằng các hành tinh ở vòng ngoài Trái Đất sinh ra muộn hơn.

Chúng ta đã biết Mộc Tinh là một trái cầu hơi khổng lồ ở phía ngoài Trái Đất, gồm phần lớn là khí methane.

Năm 1953, một cuộc thí nghiệm trứ danh gọi là thí nghiệm Miller - Urey, lần đầu tiên thí nghiệm

môn Hóa học tiền sinh học.

Giáo sư Harold C. Urey của trường Đại học Chicago và sinh viên Stanley L. Miller của phòng thí nghiệm Urey, khảo cứu về những phản ứng hóa học trên mặt Địa Cầu khi còn bị bao phủ bởi những chất hơi như hai ông Oparin và Haldane đã vạch ra cho thấy.

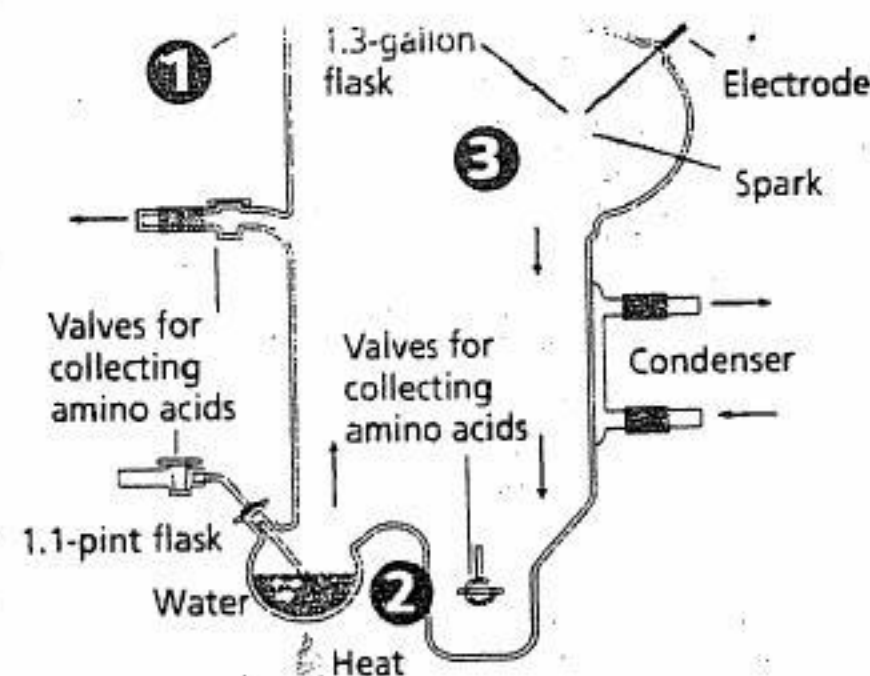
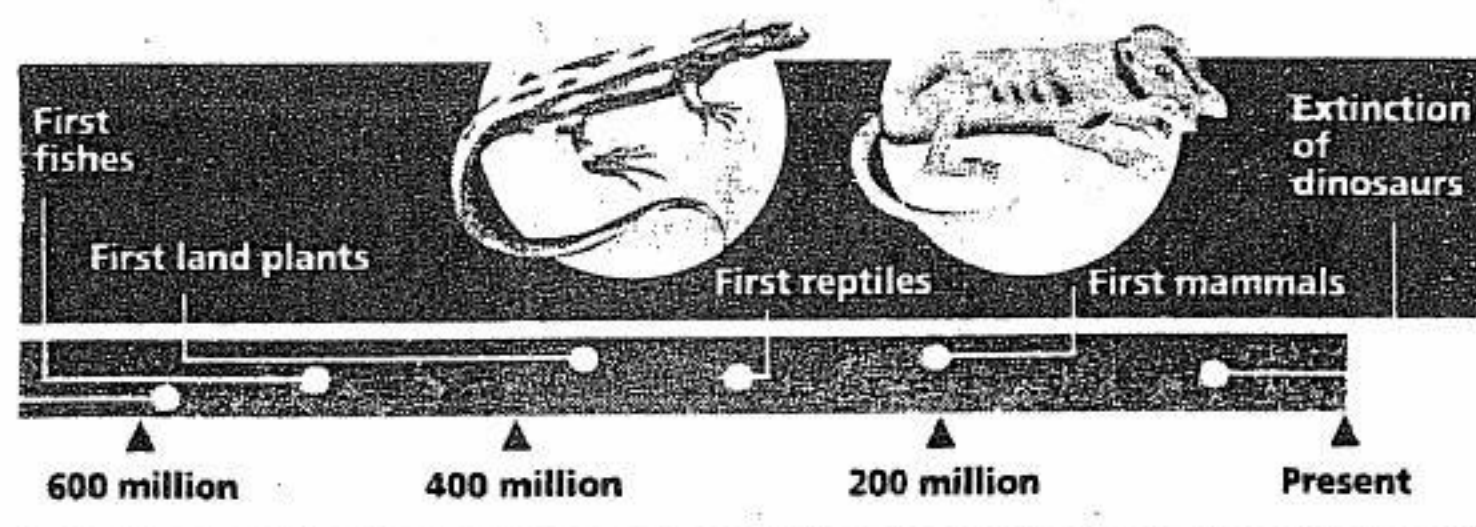
Vào một thời điểm mà đám hơi bao phủ dày đặc che khuất ánh nắng của Mặt Trời làm vỏ Địa Cầu càng nguội đi mau lẹ, một số dưỡng khí đã có dịp bắt lấy khinh khí để tạo ra một thứ tạm gọi là "nước" (vì nước đó chỉ có ít dưỡng khí mà còn lẫn các chất hơi độc khác); sự bốc hơi của loại nước này đã tạo thành mây, và một khi "không khí" lúc đó đã lạnh, mây lại hóa ra mưa làm thành những hồ biển nhỏ trên Địa Cầu, và tự nhiên khi có phản ứng khí quyển với tĩnh điện là có sấm, chớp và sét.

Giáo sư Miller liền tạo ra một môi trường như vậy trong phòng thí nghiệm của ông.

Trong bộ máy thí nghiệm của ông (xem hình), đóng kín với môi trường bên ngoài, có một bình nước nhỏ, nước đó được hâm nóng, coi như ánh sáng Mặt Trời làm nóng nước để nó bốc hơi. Hơi đó được dẫn vào một cái bầu trong có chứa các chất hơi của bầu "khí quyển" Trái Đất khoảng 4000 triệu năm trước đây, tức là gồm hơi nước, khí methane, khí ammonia và khinh khí. Kế đó ông cho các tia điện xẹt, coi như sét đánh, đập vào chất hơi hỗn hợp nói trên. Cố nhiên nước trong bình được tuần hoàn, nghĩa là sau khi hơi bị trộn và bị "sét đánh", nó lại trở về bình cũ để hóa ra nước, để rồi tiếp tục bị hâm nóng, trở lại thành hơi và lại bay lên cái bình chứa bị điện xẹt.

Sau mấy ngày tuần hoàn như vậy, giáo sư Miller đem chất nước trong bình ra phân chất. Ông đã tìm thấy gì?

Ông nhận thấy khoảng 10% các nguyên tử các-bon trong các phân tử khí nói trên đã hợp thành các hợp chất hữu cơ. Một số ít là chất lạ, nhưng có đến 2% phân tử các-bon hợp thành các phân tử amino acids mà ngày nay người ta biết đó là những viên gạch xây dựng thành hợp chất



protein là thành phần cơ bản của tế bào sống.

Sự sống từ vũ trụ đem lại

Kết luận sơ khởi của cuộc thí nghiệm này là vào thời điểm đó, gần 3,500 triệu năm trước đây chính ông Thiên Lô (sét) của cụ Trời đã tạo ra sự thần kỳ là đẩy các chất vô cơ nhảy qua lằn ranh sống chết mà trở thành các chất hữu cơ.

Thế nhưng sự đời lại không phải chỉ đơn giản có vậy. Nó còn phức tạp hơn nhiều.

Các cuộc thí nghiệm trong những năm kế tiếp còn cho thấy một chuyện lạ: chẳng cần có tia sét đánh, các phân tử trong cái nồi súp "tiền sinh học" của Trái Đất cũng có thể tự hợp lại thành một loạt những phân tử hữu cơ thật đơn giản, trong đó có hợp chất hydrogen cyanide (ký hiệu HCN) và hợp chất aldehydes.

Chất aldehydes phối hợp với ammonia và HCN đưa đến một hợp chất tạm aminonitriles. "Tạm" vì hợp chất này hòa với nước trong "biển" nguyên thủy cũng tạo ra các phân tử amino acids.

Năm 1961, nhà bác học Juan Oro của trường Đại học Houston, thử tìm hiểu xem các chất amino acids có thể vào được hợp thành bởi một phản ứng hóa học đơn giản hơn cuộc thí nghiệm Miller-Urey hay không.

Ông trộn chất hydrogen cyanide và chất ammonia trong một dung dịch nước. Kết quả sự pha trộn này cũng đem lại các chất amino acids. Nhưng có một điều bất ngờ nhất: trong các amino acids được tìm thấy bằng cách này, nhiều nhất lại là một chất gọi là adenine.

Ngày nay người ta biết adenine là một là một trong bốn chất tạo thành phân tử cơ bản RNA và DNA, những viên gạch đắp thành chất protein của sinh vật. Nhưng chưa hết chuyện lạ. Khoa học ngày nay đã tìm thấy những hợp chất hữu cơ... ngay cả trong vũ trụ, trong các đám tinh vân còn non chưa kịp biến thành thái dương hệ, trên các đầu sao chổi, các vẩn thạch.

Trong khoảng 500 triệu năm đầu sau khi được thành hình, Trái Đất luôn luôn bị các cuộc "oanh tạc" của các sao chổi, các vẩn thạch, thiên thạch khổng lồ bắn trúng vào nó. Liệu các chất hữu cơ có sống nổi sau khi bị bắn vào trái đất hay không, đó vẫn còn là một đề tài tranh luận.

Một thiên thạch đã rơi xuống Úc châu mấy năm trước đây và khi khảo cứu các mảnh vỡ của thiên thạch này, người ta cũng đã tìm thấy những chất amino acids mà các nhà khoa học đã tổng hợp được trong các phòng thí nghiệm.

Như vậy sự sống trên Trái Đất đã được đem đến từ vũ trụ hay sao? Có thể là cả hai, hoặc từ nhiều nguồn khác nữa. Chẳng hạn như khi vỏ Trái Đất nứt ra ở dưới đáy biển, các chất hơi trong ruột Trái Đất trộn vào nước biển cũng có thể tạo ra các hợp chất hữu cơ. Hoặc các tia phóng xạ của các quặng phóng xạ như uranium cũng có thể mở cho sự sống đầu tiên thành hình. Khoa học chưa giải đáp được hết, chỉ mới thấy một phần của sự thật.

Chúng ta chỉ có thể tạm kết luận rằng con đường đi tìm nguồn gốc của sự sống trên Trái Đất

còn dài.

Một lịch trình khái quát

Tuy nhiên, ngay trong lúc này, trừ những dữ kiện thật chính xác của nguồn gốc của sự sống ở giai đoạn đầu, người ta cũng đã có thể có một hình ảnh khái quát của lịch sử sự sống theo cùng với lịch sử tiến triển của Địa Cầu.

Trái Đất được thành hình 4600 triệu năm trước, nhưng những loại đá cổ nhất được đào thấy cho tới ngày nay chỉ có 3500 triệu tuổi. Đó là vì khoảng thời gian đầu tiên khoảng 900 triệu năm vỏ trái đất còn nóng và mềm. Cũng trong khoảng thời gian này, sự "oanh tạc" của vũ trụ đã kéo dài nhiều nhất.

Những vật hóa thạch ghi nhận từ 3000 triệu năm trước đây cho thấy sự sống đầu tiên đã nảy mầm dưới dạng sinh vật đơn tế bào và kéo dài trong suốt 2000 triệu năm, ít có biến hóa hay hoạt động. Có thể vào đoạn cuối của thời kỳ này, sự sống là những đám rong biển bao phủ mặt biển rất nhiều, tựa hồ như rong rêu ta thấy ngày nay.

Vào khoảng 900 triệu năm trước đây, các sinh vật đa tế bào bắt đầu xuất hiện. Và khoảng hơn 600 triệu năm trước đây, các thủy tổ của loài cá xuất hiện ở biển và kế đó các loại thủy tổ của thảo mộc xuất hiện trên mặt đất.

Còn động vật bao giờ xuất hiện? Khoảng 300 triệu năm trước đây, dưới dạng loài bò sát. Loài vật có vú chỉ xuất hiện 100 triệu năm sau đó, nghĩa là khoảng 200 triệu năm trước đây.

Loài bò sát đã phát triển rất mau lẹ và đa dạng; các loài có thân hình to lớn mà ngày nay ta gọi là thằn lằn khổng lồ (dinosaur) có vẻ đã ngự trị ở Địa Cầu này vào thời đó.

Nhưng 65 triệu năm trước đây, loại khủng long này đã biến mất trên mặt Trái Đất một cách khá mau lẹ, nhường chỗ cho một sự nở rộ của muôn loài cầm và thú.

Xin nhắc lại đây chỉ là hình ảnh khái quát, hết sức khái quát bước tiến hóa của cái mà ta gọi là "sự sống" trên Trái Đất này.

Chúng ta đã phải bỏ qua những lý thuyết hết sức phức tạp và mới nhất về sự kết hợp thành cái "mầm" đầu tiên của tế bào, với một loạt những amino acids tạo thành các phân tử DNA và RNA. Chúng ta đã phải bỏ qua những hóa thạch đầu tiên của một vật đơn tế bào - một sinh hóa gọi là prokaryotic (một dạng vi trùng đơn tế bào) - nằm trong những tụ thạch cổ từ 3500 triệu năm tìm thấy ở dưới các nền đất của Phi châu và Úc châu.

Chúng ta cũng đã phải rảo bước thật nhanh qua những giai đoạn phát triển của sinh vật mà sách vở cổ điển gọi là các "thời đại": thời đại sinh vật không xương của các vật đơn tế bào, thời đại có xương của loài cá, thời đại loài bò sát, thời đại loài có vú, để đi mau đến chủ đề "thời đại con người".

Chúng ta sẽ có dịp bàn đến thủy tổ của con người trong dạng ngày nay mà ta biết, với câu hỏi: Con người tiền sử xuất hiện ở nơi nào trước hết? ■

LÀM GÌ BÂY GIỜ?

HOÀNG TIẾN BẢO

Ghi chú của tòa soạn: Bác sĩ Hoàng Tiến Bảo, nguyên giáo sư Đại học Y khoa Saigon, viết truyện này để "đáp lại" những gợi ý của bác sĩ Ngô Thế Vinh trong câu chuyện "Giấc Mơng Con Năm 2,000" đã đăng trên TK 21. Tựa của truyện này (Làm Gì Bây Giờ?) do tòa soạn đặt.

Bác sĩ Hảo chăm chú đọc những trang quảng cáo tờ nguyệt san *Fishing* số mới nhất: quảng cáo cần câu cá nhỏ cá lớn, cá sông cá biển, lưỡi câu mỗi câu, địa điểm câu cá, thuyền câu hồ ao, tàu câu ngoài biển...

Thời kỳ ở quê nhà, Hảo là dân Hà Nội từ nhỏ và dân Sài Gòn từ tuổi thanh niên, chưa hề cầm chiếc cần câu, cũng chẳng hề nghĩ đến câu cá.

Qua Mỹ, thuê phòng ở cùng nhà với Thúc làm *assembler*, anh này có cái thú cuối tuần đi câu, sẵn xe rử Hảo cùng đi. Lúc đầu, Hảo thấy câu cá chẳng có gì hấp dẫn, đi chỉ để có bạn cùng cảnh ngộ xa quê hương, chia sẻ những nỗi tiếc, nhớ nhung, lạc lõng. Song những buổi chiều về, đưa xâu cá cho Dung vợ chàng, thấy vợ mắt sáng lên, đem cá vào bếp xào chiên thơm lừng, chàng thấy sung sướng. Không thích ăn cá nhưng trong bữa cơm, vợ và hai con ăn ngon lành, chàng thấy từ khi qua Mỹ, đây là những lúc vui hiếm có.

Dần dần cái thú đi câu cuối tuần đến với chàng.

Và bây giờ, sau hai mươi năm định cư ở Mỹ, với hơn chục năm mở phòng mạch tư, vợ chồng tậu nhà ở, nhà cho thuê, xe hơi hai chiếc: một xe du lịch, một xe *van* đầy đồ nghề câu cá, kéo cái xe chở thuyền đi câu có máy.

Hảo ở phòng mạch về là vùi đầu vào đóng bảo câu cá. Càng có nhiều tiền, nhu cầu về phương tiện câu cá của Hảo càng tăng. Mơng của chàng bây giờ là chiếc tàu nhỏ để câu cá biển, giá hơn một triệu, trả lần đầu hai trăm ngàn, còn bao nhiêu mỗi tháng trả năm ngàn trong ba mươi năm. Với tài sản và lợi tức hiện có, chàng có thể thực hiện giấc mơ. Nhưng Hảo chỉ bàn bạc cùng các bạn câu, vì có lần đã động chuyện ấy với Dung, nàng cười như cho là chồng nói đùa.

Phần Dung thông cảm chồng bận bịu tối ngày ở phòng mạch, trừ thứ bảy làm việc tối ba giờ, còn không hôm nào về tới nhà trước bảy giờ. Hảo cần giải trí buổi tối và ngày chủ nhật.

Ngày ngày nàng ra coi phòng mạch, tiếp khách, cất việc cho ba cô thư ký, giải quyết các giấy đòi tiền, giao thiệp với ngân hàng, với dược phòng, với các hãng bán dụng cụ, với đại diện các hãng chế dược phẩm v.v..., nàng nhiều lần thấy mệt mỏi, hướng chỉ chồng là vai chính. Bác sĩ ở đây

trách nhiệm nặng nề, làm đủ bốn phận còn có thể bị kiện cáo, nói chi đến sơ hở. Kiện cáo có bảo hiểm lo, song khi thua kiện, khi hai bên phải điều đình, là tiền đóng bảo hiểm tăng lên gấp bội.

Đôi khi gặp bệnh nặng, cần lo bệnh nhân nhập viện, rồi phải ở lại đấy đến khi bệnh nhân ổn định.

Công việc làm tờ khai đòi tiền Medical, Medicare, các hãng bảo hiểm tuy có thư ký chuyên lo, bác sĩ vẫn không thể không biết luật lệ, mà luật lệ mới với những khoản sửa đổi luật lệ cũ, không mấy tuần phòng mạch không nhận được, nằm trong bao thư lớn dày cộp.

Bác sĩ không mấy ai không nhận được thư từ chối bồi hoàn y phí, nhiều khi vì những chi tiết rất nhỏ nhặt. Có người bị phạt vì có một trái cam trong tủ lạnh đựng ống và lọ thuốc chích, vì mẫu thuốc quá hạn vứt trong thùng rác thay vì kêu hãng thuốc đến lấy về, vì thùng đựng kim và ống chích đã xài không thuê hãng có *license* đem đi đổ, mỗi tội là phạt dăm bảy ngàn.

Ngoài ra, tuy nói chung nghề bác sĩ ở đây cũng thường được tôn trọng, song ở đâu cũng có một số nhỏ người ghiền độc được tìm đủ mọi cách để có toa mua; người nhất định bác sĩ phải kê toa theo ý mình, thậm chí muốn mua thuốc cho người khác dùng; người không muốn đo huyết áp, nhiệt độ, không muốn để bác sĩ thăm bệnh vì chỉ cần mua lọ thuốc họ đã quen dùng nhưng cần phải có toa bác sĩ họ mới mua được; người muốn bác sĩ cấp giấy chứng minh đã có bệnh, đã đến bác sĩ khám để nghỉ học vào một ngày nào đó trong tuần lễ đã qua, mà thực ra ngày ấy họ không bệnh và cũng chẳng đi bác sĩ; người bệnh nhẹ hoặc không có bệnh muốn bác sĩ chứng nhận hiện có bệnh nặng để lãnh tiền...

Hành nghề tư ở đây không đơn giản và dễ căng thẳng.

Dung hàng ngày thấy cảnh ấy, nên mừng là chồng có một thú tiêu khiển để xả hơi và mỗi sáng đến phòng mạch với thân thể, tinh thần đã được nghỉ ngơi.

Chủ nhật vợ chồng đi lễ sớm về, Dung lo bữa ăn sáng và trưa để Hảo đi câu đến chiều tối. Chủ nhật là ngày "social life" của nàng. Cùng một hai bà bạn rảo một vòng chợ búa, cửa hàng trong vùng, hoặc đến nhà các bà bạn vùng lân cận để đấu hót hàng nửa ngày, đến thăm gia đình đồng bào mới qua với tư cách là hội viên Saint Vincent de Paul của xứ đạo; đã qua cầu hàn vi, Dung sẵn lòng quay trở lại giúp đồng bào đang đi trên cầu, chỉ dẫn họ, khuyến khích họ, tìm trường cho trẻ con, tìm việc cho người lớn, đem lại cho họ quần

áo, bàn ghế, đồ dùng, thức ăn, mua bằng tiền của Hội và tiền túi của mình.

Bao giờ nàng cũng nghĩ rằng người làm ra tiền là Hảo, mình chỉ là người quản lý, tiêu tiền cho đúng, và giúp ích được người khác.

*

Tối nay, cơm nước xong, Hảo cúi mũi vào những trang quảng cáo tờ báo *Fishing*. Dung rửa chén và sắp thức ăn cho ngày mai xong, quỳ trên thảm, trải khúc vải mới mua hôm chủ nhật, đặt "pattern" lên vẽ phẩn theo đường cạnh, rồi hì hục cắt. Nhiều quần áo nàng cắt may lấy vì đồ bán sẵn ở các tiệm khổ quá lớn, quần áo trẻ con thì mặc vừa nhưng không hợp. Vừa làm Dung vừa ngheo cổ về một bên, kẹp điện thoại giữa tai và vai thon nhỏ, lần lượt nói chuyện với hai con đi học y khoa ở xa, rồi một vài bà bạn thân.

Cắt xong xấp vải Dung chợt nhớ lúc chiều về nhà có thấy tờ Đặc san Xuân Ất Hợi của hội Y Nha Dược sĩ Việt Nam Florida trong thùng thư, đã định cơm nước xong sẽ đọc, nhưng quên các công việc thường lệ buổi tối, nàng quên mất. Hồi còn là học sinh, Dung mê tiểu thuyết Việt và Pháp, qua Mỹ không mê truyện tiếng Anh. Ở đây nàng chỉ còn cái thú đọc nhật báo, tuần báo, đặc san tiếng Việt. Các tập san của Hội Y Sĩ Canada, Hội Y Nha Dược Florida, Hội Y Sĩ Texas, Hội Y Sĩ Louisiana, Hội Y Sĩ Bắc Cali, Hội Y Sĩ Nam Cali, Hội Y Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ, Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do, nàng đọc từ đầu đến cuối, phần vì những bình luận, tin tức, thơ văn có liên hệ đến nghề nghiệp của chồng, đến tâm tư của giới y sĩ xa quê hương, nhưng cũng phần vì các tác giả hầu hết là chỗ quen biết của vợ chồng nàng.

Mở tờ Đặc san Xuân Ất Hợi, Dung lật mau coi lướt qua, rồi dừng lại đọc bài "Giấc mộng con năm 2000" của Ngô Thế Vinh, bạn cùng lớp với chồng. Dung và Hảo mỗi người ngồi một đầu ghế sofa, chăm chú đọc. Đèn chiếu lên trần tỏa ánh sáng êm dịu.

Hải thấy mình trên "chiếc tàu mơ ước", vịn cán bánh xe cần câu như diên, kéo con cá *marlin* dấy dựa trên mặt nước bắn tung tóe. Dung thì lại liên tưởng đến cái ngày đầu tiên vợ chồng nàng tới Orange County, khi đọc tới đoạn Chính, nhân vật của "Giấc mộng con năm 2000" lái xe về Little Saigon: "Chuyến đi hướng về một thành phố trẻ trung của tương lai nhưng cũng lại là một cuộc hành trình ngược về quá khứ nhìn lại khoảng thời gian đã mất."

Nàng mắt nhìn tờ báo, nhưng trong đầu dồn dập kỷ niệm xa xưa khi vợ chồng từ miền Trung Mỹ đến thăm cộng đồng Việt Nam ở Quận Cam, vào đầu thập niên 80, nhân dịp Hải về thi vấn đáp ở Los Angeles để có thể hành nghề ở Cali. Hồi ấy đâu đã có Little Saigon, song Santa Ana, Westminster, Garden Grove đã là nơi đồng bào quy tụ nhiều nhất trên đất Mỹ.

Đang ở nơi mùa đông băng tuyết, mùa hè đổ lửa, đến với nắng dịu Cali, được nghe tiếng Việt

ngay từ trên xe bus, được nói tiếng Việt thả dãn, được lang thang trước hàng dãy cửa tiệm, hàng ăn Việt Nam, lòng ai mà không rộn ràng?

Little Saigon ngày nay bành trướng quá sức tưởng tượng của Hảo và Dung, song những khát vọng về tương lai đã thực hiện tới đâu? hay cũng như Vinh viết: "Trong bối cảnh lạnh lùng của thực tế chính trị, đương đầu với những vấn đề của Việt Nam tương lai ở ngưỡng cửa thế kỷ 21... quỹ dữ không chỉ là bóng ma cộng sản mà ngay chính vì lòng sao vẫn chai đá của chúng ta."

Dung buông tờ báo ngừng lên nhìn chồng. Hảo của nửa thứ hai thập niên 90 đã khác với Hảo của nửa thứ hai thập niên 70. Không khác mấy về thể chất: vẫn con người vạm vỡ, ưa thể thao, ham tắm nắng, dễ say mê với những gì mình thích. Khác về tinh thần thì quá nhiều. Mộng đẹp của Hảo bây giờ là chiếc tàu đánh cá, còn xưa kia... xưa kia...

Mộng của anh sinh viên Y khoa Hảo là sau khi tốt nghiệp, mở phòng mạch ở một khu nghèo nhất Sài Gòn, nhưng vừa tốt nghiệp là bác sĩ Hảo bị cuốn ngay vào cuộc chiến tranh Nam Bắc. Những năm đầu tiên trên đất Mỹ, một số anh em tốt nghiệp trường Y Sài Gòn đến học thi tương đương ở nơi vợ chồng Hảo thuê: một cái garage chủ nhà đã sửa có phòng ăn, phòng ngủ, nhà bếp và toilet. Anh em mặc quần áo, đi dày mua ở Salvation Army và Thrift store. Bàn ghế, giường, đồ nấu bếp cũng ở đấy mà ra. Anh em chụm đầu mà học, 12, 13, 14 giờ một ngày. Dung nấu cơm ba bữa. Bao lần Dung lòng tràn mẹn phục khi anh em hăng say với chương trình tương lai, một khi thành tài. Không chương trình nào không thực hiện được: xây bệnh viện tư đầy đủ phương tiện tối tân và miễn phí ở quê hương, trường Đại học dạy Y khoa hiện đại cho thanh niên Việt Nam, giúp bác sĩ vừa tốt nghiệp học chuyên môn ở Mỹ, thành lập tổ chức y tế lưu động đem y tế đến các vùng hẻo lánh từ ải Nam Quan cho đến mũi Cà Mau v.v... và v.v...

Cùng từng ấy anh em, ngót hai mươi năm sau, người nào người nấy có bằng chuyên môn này, chuyên môn khác, ai cũng có *job* trên dưới trăm ngàn, hay có phòng mạch tư kiếm hơn thế, hay có cả hai.

Gặp nhau trong buổi dạ tiệc, đại hội, các anh quần áo *taylor made*, đi giày Florsheim, Rockport, Nunn Bush, các chị áo dài Anna Funding, kim cương lóng lánh đầy mình, câu chuyện xoay quanh Lexus, Mercedes, BMW xe nào ít cần bảo trì, son phấn Elizabeth Arden, Max Factor có màu gì mới, khai thuế làm sao khỏi bị *audit*, khó khăn sắp tới khi gia nhập HMO (Health Maintenance Organization)...

Dung nhớ rõ năm 1987 ở Montreal, anh chị em bác sĩ cùng gia đình từ Hoa Kỳ, Pháp, Úc đến họp với anh chị em bác sĩ Gia Nã Đại, ai cũng náo nức mong có một hội Y Sĩ Việt Nam Thế Giới Tự Do để đem tài học, tiền bạc, công sức, thời giờ, chung sức phục vụ quê hương. Hội đã thành hình năm 1989 ở Los Angeles, năm 1991 họp ở Paris, năm 1993 tại Orlando, Florida. Riêng đối với Hảo và

Dung, hứng khởi ban đầu đã theo thời gian mà phai dần trong mỗi lần họp.

Nhiều khi Dung tự trách đã không thấy những hy sinh lớn lao của những người tổ chức, mất không biết bao thì giờ, tiền bạc, công sức để những Đại hội ấy diễn tiến trôi chảy, anh chị em gặp gỡ trong vui mừng, thảo luận và trao đổi ý kiến về những việc lớn lao.

Song chưa lần nào đi họp về mà hai vợ chồng tìm thấy trả lời thỏa đáng cho câu hỏi: “Người bác sĩ Việt Nam hải ngoại và chính bản thân tôi nên làm gì để giúp quê hương thế kỷ tới, năm tới, tháng tới, nhất là ngay từ hôm nay?”

Cách đây không lâu, vợ chồng Hảo tiếp một đàn anh có chân trong ban chấp hành Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do, anh khẳng định lập trường của Hội về việc giúp đồng bào Việt Nam về mặt y tế là:

- Giúp phải đến thẳng tay đồng bào, không qua sự ăn chặn, ăn bớt của cán bộ cộng sản.
- Không tiếp xúc với chính quyền cộng sản.
- Mỗi bác sĩ có thể giúp với tư cách cá nhân, không với tư cách đại diện cho một tổ chức bác sĩ Việt Nam hải ngoại nào.

Ít lâu sau đó, Hảo gặp Sanh, bạn đồng môn, cho biết một đồng nghiệp mới ở Việt Nam qua thăm Hoa Kỳ nhờ anh giúp về tài chánh, dụng cụ, thuốc men cho một bệnh viện lớn tại Sài Gòn. Sanh trả lời sẵn lòng, một đảng thấy mình theo đường lối của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do, một đảng tin cần đồng nghiệp kia mà anh đã biết là người ngay thẳng khi còn ở Sài Gòn. Nhưng Sanh ngă ngửa khi đồng nghiệp đó đặt điều kiện là chỉ nhận giúp đỡ khi Sanh lấy tư cách đại diện cho Hội Y Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ.

“Cà cuống chết đến đít còn cay”, đó là kết luận của Sanh.

Sau hai lần tiếp xúc đó, một hôm Hảo bảo Dung: “Lập trường của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do là thế, lập trường chính quyền trong nước là thế, chúng ta làm gì bây giờ?”

Dung hiểu rõ tâm trạng của chồng: lúc hàn vi ấp ủ bao nhiêu mộng đẹp, lúc thành công mộng đẹp càng xa vời, nên lương tâm cắn rứt. Bây giờ mình có muốn thực hiện hoài bão thuở xưa, thì thấy rằng các yếu tố bên ngoài không cho phép. Hảo như người đang bơi trên mặt hồ nổi sóng, bồng vó được cái phao. Thế là từ nay chàng có thể yên lòng yên chí mà tiếp tục mơ ước đến con tàu đánh cá, khỏi lo lương tâm dày vò.

Dung còn nhớ như in một buổi tối vợ chồng nàng thết đãi Quý, một bạn cùng lớp ở lại Sài Gòn sau 75, nay phục vụ tại một bệnh viện tại Sài Gòn, và có dịp qua Mỹ. Tối hôm đó có một số bạn đồng môn hành nghề trong vùng đến tham dự.

Sau bữa tiệc, Quý muốn nhờ các bạn ở Mỹ giúp cho nơi anh làm việc một số sách. Có hai anh trả lời. Một anh nói:

“Vấn đề giúp cho đồng bào ở Việt Nam, chúng tôi ai chẳng mong? Song có giúp được bệnh viện của anh dăm cuốn sách, thật như muối bỏ bể. Bất

quá, nhờ có sách, anh giúp được vài chục bệnh nhân, trong khi bên nhà, hàng năm, hàng mấy trăm ngàn người chết vì sốt rét, kiết lỵ.”

Anh thứ hai tiếp lời:

“Tôi cũng đã đọc một tường trình của Liên Hiệp Quốc cho rằng ở các nước đang mở mang, vấn đề y tế lớn lao nhất và khẩn trương nhất là y tế phòng ngừa. Chúng ta phải coi đó là ưu tiên y tế số một ở Việt Nam.”

Sau đó, anh chị em có mặt thân nhiên nói sang chuyện khác, trong khi Dung cảm thấy khó chịu. Họ ra về, nàng mới nhớ hai anh phát biểu trước kia đã học chung với Hảo trong garage của hai vợ chồng nàng, vào những năm từ 75 đến 78, và hồi đó ai cũng hăng say, mong sau này có tiền sẽ xây bệnh viện, trường Y tại Việt Nam.

Cũng như Hảo, các anh đã trở thành bánh xe răng cưa trong bộ máy lôi kéo mình, mãi lo trả góp nhà, xe và xây mộng mới: có tàu biển đánh cá, có máy bay riêng Cessna bốn chỗ ngồi.

Trên con đường thành công, họ đã đánh rớt mất lý tưởng. Trước khi Quý trở về Sài Gòn, Dung điện thoại cho anh hay những sách anh muốn có, Hảo đã mua và gửi về địa chỉ của anh ở Sài Gòn. Sự thực, Hảo chẳng hay biết gì.

Trước sau, Hảo sẽ biết vì sổ check đứng tên hai vợ chồng, nhưng Dung đã quen với sự hoàn toàn tin tưởng của chồng đối với mình về tiền nong.

...

Những câu Dung đọc tiếp, nàng thấy y như mình đã nghĩ:

“Các đồng nghiệp của Chính đã có mặt ngay từ đầu trong số đồng đảo những người tới sớm. Họ biểu tượng cho một tập thể trí thức khoa bảng, được sự giúp đỡ của chương trình tỵ nạn như mọi người, đa số đã mau chóng trở lại hành nghề trong những điều kiện hết sức thuận lợi. Sau đó phải chi ai cũng có trí nhớ tốt về những cảm xúc đầu tiên khi dứt bỏ hết mọi thứ bất kể sống chết ra đi.”

Nàng ngẩng nhìn trước mặt. Từ chỗ vợ chồng nàng ngồi là ở phòng khách nhỏ, nhìn sang phòng khách lớn, toàn đồ Tàu: bàn ghế đánh bóng màu gu, lưng ghế mặt bàn lót cẩm thạch, ghế ngồi có gối bọc gấm. Áp tường, trong tủ kính gỗ mun, bày toàn đồ sứ Tàu. Trên tường những bức tranh lớn lồng kính mai, lan, cúc, trúc cũng mua ở Chinatown.

Quả là vợ chồng nàng dư thừa về tiền nong quá lòng mong ước. Song dư thừa đó, một phần đem mua sắm những cái mà đồng nghiệp Zân có, đồng nghiệp Tiến có, thì Hảo cũng phải có. Phần lớn dư thừa còn lại, đem tiêu cho mình, mua sắm những cái không làm cho tâm trí mình thêm giàu, không làm cho đời mình thêm sung sướng. Sao không đóng góp để xây dựng những gì ý nghĩa hơn?

Câu trả lời đến với nàng ở đoạn: “Chính vẫn có thể mơ một giấc mộng con năm 2000... Chuyển đi thực tế này, dự định rằng là bước khởi đầu vận động hình thành không phải chỉ là một mái nhà cho hội y sĩ, mà bao quát hơn là một convention center, một viện bảo tàng, một Công viên Việt

Nam... Đó phải là một công trình của toàn thể những người Việt tự do ở hải ngoại, không phân biệt màu sắc cá nhân phe nhóm. Bước khởi đầu đơn giản chỉ một đô la cho mỗi đầu người mỗi năm, thì chúng ta đã có hơn một triệu Mỹ kim nữa của Hội Y Nha Dược, Hội chuyên gia và các giới doanh thương.” *

Gần cuối bài, Dung để ý đến câu: “Giữa hai bố con Chính đang âm thầm diễn ra tranh chấp về trận địa của những giấc mơ.” Ngay trong gia đình nàng, giữa Hảo và hai con, có một cái hố, mà Dung sợ rằng mỗi ngày hố ấy thêm sâu, thêm rộng. Bố thì từ giấc mơ phục vụ y tế, đại học Y khoa ở Sài Gòn đổi dần sang giấc mơ tàu biển đánh cá. Hai con, Hiệp và Hoàn, khởi đầu bằng những giấc mơ không có tầm vóc lớn. Chúng tham dự lớp dạy tiếng Việt cho trẻ em miễn phí. Chúng vận động tái lập phong trào Hướng Đạo Việt Nam trên đất Mỹ...

Hè 1993, khi Dung đề nghị hai con theo ba má cùng đi dự Đại Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do ở Orlando, nàng mừng thấy chúng nhận lời liền. Mừng vì nàng cho rằng sớm muộn từ lãnh đạo tới hội viên của tất cả các tổ chức rồi sẽ theo quy luật tre già măng mọc. Sự có mặt của giới trẻ cần thiết ngay từ bây giờ, để đến khi bó đuốc được trao tay, họ đã sẵn sàng.

Hiệp và Hoàn chỉ dự có một hôm đầu, rồi bỏ đi, lên Gaineville gặp giáo sư Ngô Đồng và một số giáo sư bác sĩ và phu nhân cộng sự viên. Nhóm này đã lập và đang hoạt động trong việc mở lớp Việt ngữ, đồng thời dạy văn hóa, lịch sử, địa dư Việt Nam cho một số sinh viên Đại học Florida. Lớp đã được Đại học công nhận. Ban tổ chức làm việc không thù lao, bỏ công sức, tiền túi, thì giờ để mua sách, soạn bài, dạy học. Kết quả là được tất cả sinh viên Việt Nam và cả sinh viên Mỹ hưởng ứng.

Hiệp và Hoàn trở về Orlando, hăng say kể lại cho má những điều tai nghe mắt thấy, trong khi có mặt một mình ba, chúng không sẵn lòng nói.

Bỏ tờ báo xuống, Dung nhớ đến câu có lần Vinh nói với Hảo, đại khái “Những gì mình không làm, Việt Cộng sẽ làm, sẽ xây dựng ở Mỹ, ở Canada, ở Pháp, ở Úc, dẫu dân trong nước có đói khổ, để lôi kéo con em chúng ta theo họ.”

Nàng nhìn chồng. Hảo đã ngủ, khe khẽ ngáy, tay vẫn cầm tờ báo đọc dở.

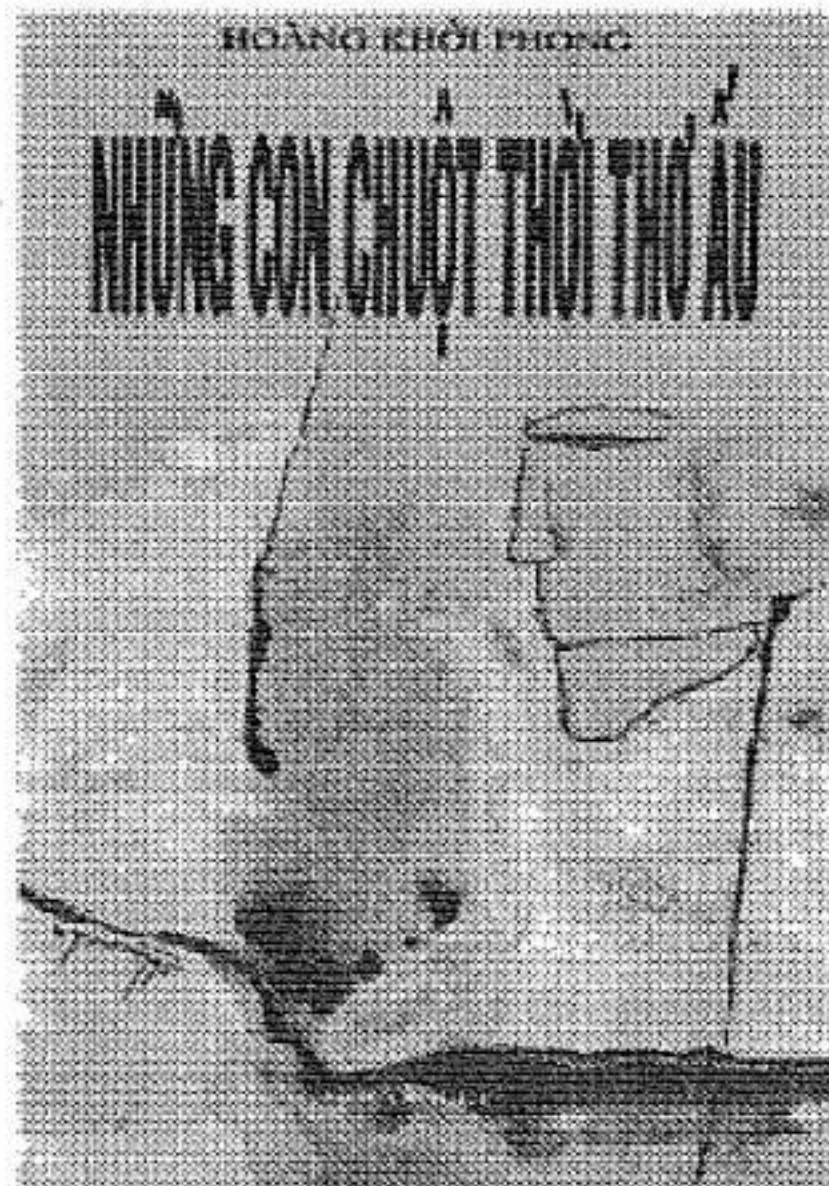
Mai ở phòng mạch nàng sẽ điện thoại cho Vinh, nói là vợ chồng nàng hoàn toàn ủng hộ ý kiến của Vinh, rồi có dịp sẽ cho Hảo biết. Nàng biết có bàn trước với chồng, Hảo cũng chỉ ậm ừ cho xong.

Nàng lấy tay chạm vào vai chồng, lay khẽ và ghé tai thầm thì: “Đi ngủ, anh.” ■

San Diego, Xuân Ất Hợi

* Ở một đoạn trên có câu: “Dự trù hình thành một tổ hợp vô vị lợi, mỗi y nha dược sĩ đóng 2000 mỹ kim như một phần khấu trừ thuế rất nhỏ trong phần thuế khóa rất lớn mà họ đóng góp hàng năm...”

Đón đọc:



của Hoàng Khởi Phong
Nhà xuất bản Người Việt

Tác phẩm mới nhất của tác giả “Ngày N+...” và “Cây Tùng Trước Bão,” gồm sáu truyện ngắn thể hiện:

- một bút pháp già dặn
- một không khí hừng hực chất sống
- một bức tranh đầy màu nóng

Sách dày 180 trang,
giá 10 mỹ kim.

Phát hành cuối tháng Sáu 1995.

Liên lạc đặt mua tại
nhà xuất bản Người Việt
14891 Moran St.,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381



SỔ TAY KÝ GIẢ

GIA ĐÌNH NGƯỜI Á CHÂU

Con được vào học dự bị y khoa tại đại học Harvard là một điều ở Mỹ cha mẹ thường ao ước. Cho nên nghe tin một sinh viên Việt Nam ở Harvard bị bạn cùng phòng hạ sát, người Việt khắp nước Mỹ chia sẻ nỗi bàng hoàng.

Nữ sinh viên Hồ Phương Trang bị một sinh viên gốc Ethiopia, cô Sinedu Tadesse, hạ sát, sau đó cô Tadesse tự tử. Chuyện xảy ra vào ngày cuối cùng của các kỳ thi mãn khóa. Hai người đã ở cùng phòng hai năm qua, gần đây Trang cho cô bạn biết sang năm sẽ không chia phòng nữa. Trong tháng cuối cùng, cô Tadesse đã đau khổ, tuyệt vọng trước quyết định của Trang, cộng với áp lực của thi cử khiến cô quẫn trí. Cô lại thấy Trang "có một gia đình để trở về," còn chính cô ta không có ai là người thân thiết cả. Nỗi tuyệt vọng này có thể là một động cơ khiến cô Tadesse, sáng ngủ dậy theo đồng hồ báo thức, cầm dao giết nạn nhân rồi tự treo cổ trong phòng tắm. Cảnh sát địa phương cho biết "không có một dấu hiệu nào cho ta biết có một động cơ bình thường khác, như vì thù oán hay tình yêu." Bạn cùng cư xá cho biết cả hai cô đều chăm học, ít nói, ít bạn bè ở trường. Trước hôm bị sát hại, cô Trang có một bạn gái người Việt đến thăm, ngủ lại ở phòng bên cạnh.

Khi cô Trang báo cho Tadesse biết sang năm cô sẽ thôi, không ở chung sau hai năm chia một phòng trong ký túc xá, cô ta đã trở nên mất cả lý trí (irrational như lời các bạn cùng học thuật lại,) trước một tương lai quá cô đơn. Cô ta viết cho Trang một lá thư, nói: "Tôi vẫn tưởng chúng ta sẽ có nhau mãi mãi. Bạn lúc nào cũng có một gia đình để trở về, còn tôi thì mai này sẽ không còn ai cả!"

"Có một gia đình để trở về" là điều mà nhiều người ở Hoa Kỳ đang ước ao. Một sinh viên từ Ethiopia sang Mỹ học cũng thêm muốn hạnh phúc đó.

Đức Đạt Lai Lạt Ma khi sang Mỹ đã nhận thấy trong xã hội này con người cô đơn quá, không thiết lập được tương giao thân thiết với người chung quanh. Alexis de Tocqueville cũng nhận xét chủ nghĩa cá nhân khiến người Mỹ mất liên lạc với thế hệ trước cũng như thế hệ sau.

Nhiều gia đình gốc Á châu giữ được truyền

thống một tổ ấm, làm nơi nương tựa tình cảm cho con cái. Gia đình không phải là một "tập hợp tình nguyện theo hợp đồng để cho mỗi bên đều có lợi." Cha mẹ không phải chỉ lo nuôi con, cung cấp các phương tiện vật chất, giúp con học hành để có nghề nghiệp vững vàng. Cha mẹ còn cho con tình yêu thương vượt lên trên tất cả các thước đo của lý trí và lợi ích thông thường. Chính nhờ cha mẹ biểu lộ được tình yêu đó một cách tự nhiên, không cần lý luận, bên ngoài các tính toán hơn thiệt mà gia đình thành nơi nương tựa tình cảm của các con.

Các sinh viên Mỹ có thể chăm học hơn, nhưng họ học cho tương lai riêng của bản thân họ. Một sinh viên Việt Nam còn học chăm vì "không muốn phụ tấm lòng hy sinh của cha mẹ." Động cơ của các em là vì tình yêu chứ không phải chỉ vì tư lợi. Lối giáo dục chú trọng đến "tu thân" tập cho các bạn trẻ thói quen sống một cuộc sống nội tâm phong phú. Họ tập thẩm lượng sự thành công bằng việc tự xét mình nhiều hơn là dựa vào hoàn cảnh chung quanh. Họ có thể hạnh phúc từ việc tự xét nội tâm mình.

Chính trong khung cảnh gia đình mà người Á đông có thể truyền lại các nền nếp đạo lý, những "giá trị gia đình" như các ứng cử viên Mỹ đang đề cao. Gần đây, ông Tommy Koh, đại sứ Singapore ở Mỹ tới diễn thuyết ở đại học Stanford, trong đó 25% sinh viên là người Á châu. Ông làm cử tọa người Mỹ rất khó chịu khi, trả lời một câu hỏi, nói rằng cha mẹ Á đông đòi hỏi nơi các con một khung cảnh gia đình "hoàn toàn đạo đức" mà các cha mẹ ở Mỹ thì không đòi hỏi. Tuy khó chịu, nhưng theo báo *Wall Street Journal* thuật lại, những người Mỹ cũng thấy điều ông nói là sự thật, nên không ai lên tiếng phản đối.

Nước Mỹ là một xã hội cởi mở, và chúng ta tin rằng có ngày người Mỹ sẽ nhiễm được "văn minh Đông Á" nhờ ảnh hưởng của lớp di dân mới đến, đặc biệt là trong nếp sống của các gia đình của người Á châu.

KHỦNG HOẢNG NGÂN HÀNG NHẬT?

Mỹ đang đòi Nhật phải "tự nguyện" tăng số nhập cảng xe và bộ phận xe hơi Mỹ để làm giảm lỗ lãi trong cán cân mậu dịch của Mỹ đối với Nhật. Trên thị trường tiền tệ thì đồng Yen đã lên giá 20% so với USD trong năm qua. Trong khi đó bộ Tài Chánh Nhật lại đang lo cứu vãn các ngân hàng Nhật lâm nguy vì số tích sản vô giá trị của các ngân hàng lên tới từ 590 tỷ USD (hay 1,210 tỷ, tùy theo người ước tính.) Những tin trên có vẻ đầy mâu thuẫn. Làm sao một nước Nhật giàu có, với đồng tiền vững, cán cân chi phó thặng dư như vậy mà lại có vấn đề khủng hoảng ngân hàng?

Đầu tiên, việc cán cân mậu dịch Mỹ thâm thủng đối với Nhật, và đồng USD xuống giá, gây hại cho các công ty Nhật. Mà khi các xí nghiệp lỗ vốn thì việc họ trả nợ cũng khó khăn hơn. Trong

hàng chục năm qua Nhật bán hàng sang Mỹ rất nhiều trong khi mua của Mỹ ít hơn. Số tiền dư đó dân Nhật dùng làm gì? Phần lớn, nếu không phải là tất cả, được tái đầu tư vào nước Mỹ. Họ mua các bất động sản (như Rockefeller Center) hay các xí nghiệp, và công khố phiếu do chính phủ Mỹ phát hành.

Trong vòng luân chuyển này người Nhật thiệt. Hãng Matsushita Electric mua công ty MCA ở Hollywood năm 1990 với giá 6.1 tỷ USD, năm nay bán lại 80% cổ phần cho Seagram với giá 5.7 tỷ. Tức là trị giá tất cả 100% công ty MCA nay là khoảng 7.1 tỷ. Nhìn vào con số tiền Mỹ thì Matsushita có lời 1 tỷ USD. Nhưng 1 USD năm 1990 trị giá 131 Yen, năm nay chỉ còn 85 Yen. Tính ra tiền Yen công ty Nhật lỗ lớn (mua giá 603.5 tỷ Yen, nay trị giá còn 746.7 tỷ, lỗ 143.2 tỷ Yen, tương đương với 1.7 tỷ USD).

Việc các công ty Nhật thặng dư tiền Mỹ, mua công khố phiếu Mỹ để bù đắp cho sự thiếu hụt ngân sách Mỹ (nghĩa là cho chính phủ và dân Mỹ tiêu xài,) rồi giá trị của các món đầu tư đó cứ dần dần xuống, điều đó cho thấy người Nhật bị thiệt rõ ràng. Đồng tiền một nước là một thứ giấy nợ. Khi bạn cầm một đô la Mỹ, chính phủ Mỹ đang nợ bạn một món đồ trị giá một USD. Nếu đô la xuống giá tức là bạn thiệt vì món đồ mua được nhỏ hơn trước.

Trong khi đó thì, trái với bề ngoài dễ hiểu lầm, nền kinh tế Nhật đang gặp khó khăn lớn. Từ 1990 trị giá các cổ phần và nhà cửa ở Nhật xuống giá trầm trọng. Các ngân hàng đầu tư vào bất động sản và chứng khoán bị thiếu hụt dự trữ. Từ những năm 1980 các ngân hàng càng ngày càng cho vay với những món nợ nhiều rủi ro, số nợ cho các nhà xây cất tăng lên quá nhiều. Ở Mỹ tổng số nợ ngân hàng cho các xí nghiệp vay lớn bằng 35% Tổng Sản Lượng Quốc Nội, ở Nhật năm 1986 đã là 73% và nay lên tới 97%.

Sự trì trệ trong nền kinh tế Nhật từ hai năm nay bị chính người Nhật làm cho tệ hơn. Ngân hàng Trung Ương Nhật đã hạ lãi suất tới mức thấp phi thường để kích lệ đầu tư (và để hạ giá Yen so với USD) nhưng các xí nghiệp không vay vì mức cầu trong giới tiêu thụ xuống. Trong khi đó ngân hàng trung ương Nhật lại tiếp tục bán trái khoán, thu hút tiền của các ngân hàng thương mại khiến cho chính các ngân hàng thương mại thiếu quỹ lưu hoạt (*liquidity*), tức là thiếu tiền để cho vay. Cho nên lãi suất thấp mà ít người vay để làm vốn đầu tư. Người Mỹ gọi hiện tượng này là “đẩy sợi dây” — thay vì kéo dây.

Khi kinh tế xuống, giá trị bất động sản và chứng khoán đều xuống giá, thì người vay nợ ngân hàng không thể trả nợ được. Bộ tài chính Nhật đã công bố số “nợ xấu” không thể trả cho các ngân hàng Nhật lên tới 50,000 tỷ Yen. Có người Mỹ tính ra con số lớn gấp đôi, nghĩa là lớn bằng một phần tư TSLQN của Nhật. Để tránh tình trạng khủng hoảng ngân hàng, chính phủ Nhật không có cách nào hơn là phải cứu, như chính phủ Mỹ cứu các

quỹ tín dụng (*Loans and Savings*) hai năm trước.

Trong hoàn cảnh đó việc Mỹ đe dọa “trừng phạt” các công ty xe hơi của Nhật chỉ làm cho các công ty, các ngân hàng Nhật và chính phủ Nhật gặp khó khăn hơn. Có lẽ chính phủ Clinton sẽ phải “giơ cao đánh khẽ” một lần nữa. Vì nền kinh tế Nhật mà gặp khó khăn nghĩa là cả thế giới sẽ gặp khó khăn. Thử tưởng tượng tất cả các công ty, ngân hàng Nhật bán tổng bán tháo các trái phiếu và tài sản của họ ở Mỹ và Âu Châu để rút tiền về bù những lỗ lỗ ở trong nước!

DIỄN BIẾN HÒA BÌNH TRÊN XE GẮN MÁY

Bộ chính trị đảng Cộng sản Việt Nam đang nhận ra là cai trị một nước mà dân đi xe gắn máy khác với cai trị một nước dân đi xe đạp và cuộc bộ. Hàng triệu xe gắn máy đã vào nước Việt Nam, và chính những chiếc xe Nhật Bản này sẽ là một yếu tố của sự thay đổi mà họ rất sợ, gọi là Diễn Biến Hòa Bình.

Cuối tháng Năm vừa qua ông Kiệt ra lệnh các cơ quan chính phủ phải tìm cách chấn chỉnh các luật đi đường và cố gắng thi hành luật. Ông Kiệt cho thời hạn một tháng phải làm xong các kế hoạch cụ thể. Theo con số chính thức trong năm 1993 có 4,140 người thiệt mạng về tai nạn lưu thông, sang năm 1994 con số đó lên tới 4,900 người. Con số thực tế có thể còn cao hơn. Trong dịp tết vừa rồi ông Kiệt đã mạnh tay trong vụ cấm đốt pháo, và ông ta thành công. Nếu lần này ông thành công nữa thì ảnh hưởng của ông sẽ rất mạnh. Ông sẽ chứng tỏ ông có khả năng nói là làm.

Nhưng tại sao sự kiện trên lại là một yếu tố thúc đẩy các diễn biến hòa bình?

Vì việc ấn định luật lệ rõ ràng và thi hành nghiêm ngặt là những điều hoàn toàn trái ngược với các nguyên lý cơ bản của chế độ cộng sản từ xưa đến nay. Khẩu hiệu nhà nước chuyên chính vô sản có nghĩa là nhà nước đó dựa trên sự củng cố uy quyền tuyệt đối của đảng, của từng cá nhân đảng viên đang nắm quyền trong mỗi lãnh vực, trên mỗi cấp bậc. Các đảng viên có quyền không cần cai trị theo luật lệ. Đảng duy trì địa vị và lòng trung thành của các đảng viên nhờ tình trạng phi luật lệ đó.

Chế độ cộng sản dùng chính trị thay thế luật pháp. Chính vì vậy khi nước Nga thoát khỏi chế độ cộng sản, có một hiện tượng nổi bật là các nhà lập pháp ở quốc hội Nga say sưa làm luật, ban hành ra cả ngàn đạo luật trong năm đầu tiên, giống như một đám trẻ em được vào cửa hàng bánh tha hồ bốc ăn. Mọi người đều khát khao được sống an toàn nhờ có pháp luật.

Người ta thường nói rằng chế độ dân chủ ra đời từ khi dân Anh, Mỹ, Pháp làm cách mạng. Nhưng ngay từ thời quân chủ chuyên chế ở Pháp, ở Anh, đã có những hạt giống của một xã hội văn minh. Những hạt giống là: thứ nhất, tôn trọng tài sản tư:

và thứ hai, tôn trọng luật pháp.

Các nhà quý tộc ở Anh và Pháp ngày xưa đã mặc cả với các vua chúa để tài sản và luật lệ được tôn trọng, đánh đổi lấy lòng trung thành của họ đối với nhà vua. Nhờ thế mà sau cách mạng dân quyền, một thể chế pháp trị thành hình, các quyền tự do được thiết định để bảo đảm hai giá trị trên. De Tocqueville cho rằng chế độ cộng hòa đã hoàn tất chính sách trung ương tập quyền của nhà vua. Phải nói chế độ đó hoàn tất việc xây dựng xã hội dân chủ mà thời phong kiến đã bắt đầu.

Quyền tư hữu và nguyên tắc trọng pháp là hai bàn đạp để người dân thường, không phải quý tộc, lấy đà tiến lên tới các quyền tự do khác. Từ nền tảng đó họ xây dựng xã hội công dân, theo gốc chữ cũng nên gọi là xã hội văn minh (civil society)!

Chế độ cộng sản phá hủy cả hai nền tảng này. Họ đặt cả giới quý tộc mới (nomenklatura) và dân chúng dưới cách cai trị độc đoán toàn diện của một nhóm lãnh tụ, hay một ông Stalin, ông Mao, ông Lê Duẩn. Độc tài toàn trị còn tệ hơn cả quân chủ chuyên chế.

Nhưng các người chung quanh ông Kiệt đã nhận ra rằng cai trị một xã hội bất chấp luật lệ làm cho ngay giới quý tộc đỏ bị thiệt hại. Cũng như các lãnh chúa cuối ngựa thời trung cổ thấy cần các định chế bảo vệ ruộng đất và đặc quyền của họ, chính giới quý tộc lái xe hơi muốn chế độ phải tôn trọng quyền tư hữu và có luật lệ nghiêm chỉnh để bảo vệ cái xe hơi của họ, bảo vệ cả quyền lái xe thoải mái, an toàn trên đường xá.

Thị trường thị triếc để làm gì nếu có xe hơi mà hễ ra đường là ngơm ngợp sợ xe bị trầy xước vì phải len lách giữa một biển xe gắn máy chạy ào ào? Giới quý tộc xe hơi ở Việt Nam đang "tự diễn biến hòa bình", giống như các nhà quý tộc cuối ngựa ở Anh khi họ đòi vua John ký bản Magna Carta vào năm 1215. Khi xã hội có một lớp người quyền thế bắt đầu thấy phải tôn trọng tài sản riêng và phải có luật lệ để bảo vệ tài sản và sự an toàn của mình, xã hội đó không thể nào chấp nhận chế độ chuyên chính vô sản.

Các ông Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng mới lên tiếng cảnh giác các đảng viên cộng sản về hiểm họa "tự diễn biến hòa bình." Các ông đó lo cũng đúng thôi. Người dân, trong đó có các nhà tư sản đỏ, sẽ không chịu ngừng ở bản Đại Hiến Chương thế kỷ 13, họ sẽ đòi đi mau cho tới thế kỷ 20. Với tốc độ "xe cúp" chắc họ sẽ đi nhanh lắm.

Các nhà Mác xít ở Việt Nam có thể nhận ra rằng chuyện này có thể đoán trước cả. Giống như Karl Marx nói cái máy hơi nước làm tan vỡ chế độ phong kiến ở Âu châu, những cái xe gắn máy cũng đang góp phần làm sụp đổ chế độ cộng sản ở Việt Nam. Cái hạ tầng cơ sở đang đẩy cái thượng tầng kiến trúc đi, cho tới khi nó sập. Nếu dân ta may mắn thì nó sập một cách hòa bình và gọn, lẹ.

TRÁCH NHIỆM TRÍ THỨC

Tổng thống Cộng Hòa Tiệp, Václav Havel đọc một bài diễn văn tại đại học Victoria, thủ đô New Zealand ngày 31 tháng 3 năm 1995. Ông ca ngợi Karl Popper, triết gia gốc Áo, đã sống và suy nghĩ ở Tân Tây Lan. Trích:

"... Thay vì cải tổ xã hội theo họa đồ toàn diện (holistic social engineering) Karl Popper biện luận cho một giải pháp tiệm tiến, một cố gắng cải thiện từng bước các định chế, những cách vận hành, và kỹ thuật giúp loài người sống chung, và tiếp tục cải thiện chúng trong khi luôn luôn đối chứng với kinh nghiệm, luôn luôn làm cho chúng phong phú thêm. Cải thiện và đổi thay theo tiêu chuẩn cái gì thực chứng là tốt, là thực dụng, đáng theo, và có ý nghĩa, mà không giả định kiên cố rằng chúng ta đã hiểu tất cả mọi thứ trên thế giới, nghĩa là hiểu mọi thứ cần hiểu để làm thế giới tốt đẹp hơn."

"...Tôi xin phép, thử làm trong chốc lát, định nghĩa trí thức là gì. Theo tôi, một nhà trí thức là người hiến cả đời mình suy tư một cách tổng quát về việc thế gian và về mọi sự vật trong một khung cảnh rộng lớn. Tất nhiên không phải chỉ có các nhà trí thức làm việc đó. Nhưng họ làm việc đó - xin phép quý vị cho tôi dùng chữ này - một cách chuyên nghiệp. Nghĩa là, công việc chính của họ là nghiên cứu, đọc, dạy học, viết, xuất bản, diễn thuyết. Thường thường - tuy không phải là lúc nào cũng vậy - những việc này làm họ cảm ứng nhạy hơn với các vấn đề tổng quát; thường thường - nhưng không phải lúc nào cũng đúng - việc đó khiến họ khoắc lấy một ý thức trách nhiệm lớn về hiện trạng và tương lai thế giới.

"...Chúng ta không ngạc nhiên nhiều nhà trí thức đã làm hại thế giới này nhiều lắm. Nhìn thế giới như một toàn thể, tự nhận trách nhiệm lớn lao về thế giới, trí thức nhiều khi bị quyến rũ bởi ý muốn nắm lấy ý nghĩa của toàn thể trần gian, muốn giải thích nó một cách toàn diện, và cố gắng hiến cho nó những giải pháp phổ quát...về ra những ý thức hệ tổng quan (holistic ideologies, từ quen dùng của Popper) và sa ngã trước sức quyến rũ của việc thay đổi thế giới trong tổng thể (holistic social engineering, một từ Popper dùng để nói về chủ nghĩa Mác)..."

"...Nhiều nhà trí thức khác... họ nhìn thế giới bằng con mắt tổng quát, nhận ra tính huyền diệu của cái toàn thể, với tấm lòng khiêm cung. Ý thức trách nhiệm lớn lao không khiến các nhà trí thức đó tự đồng hóa với một ý thức hệ, mà khiến họ tự đồng hóa với loài người, với phẩm giá và triển vọng của loài người. Các nhà trí thức này xây dựng tình đoàn kết giữa người và người. Họ nuôi dưỡng đức bao dung, chống lại bạo lực và điều ác, cố võ cho quyền làm người, và biện hộ cho tính bất khả phân của những quyền đó. Họ là lương tâm của xã hội..."

VIỆT NAM VÀO ASEAN

Cuối tháng bảy này các nước Asean sẽ thu nhận thêm Việt Nam mặc dù chế độ cộng sản vẫn còn đó. Tất cả các nước Asean đều đã từng bị nạn cộng sản gây rối (Singapore, Thái Lan) hay CS nổi dậy tới mức nguy hiểm (Phi Luật Tân, Mã Lai, Indonesia) và tất cả đã từng tìm cách tiêu diệt cộng sản ở trong xứ họ. Bây giờ họ thu nhận Việt Nam làm hội viên mới, điều đó có nghĩa là họ thấy thực chất của chế độ ở Việt Nam đã khác, cái tên cộng sản chỉ là cái vỏ.

Vả lại việc Việt Nam vào Asean không có ý nghĩa là bao nếu chưa được nhận vào tổ chức mậu dịch AFTA mới thành hình. Khối ASEAN không phải là một liên minh quân sự mà lập ra để trao đổi kinh tế. Tháng năm vừa qua họ bắt đầu lập Khối Mậu Dịch Tự Do Đông Nam Á, dần dần sẽ tiến đến một hình thức tương tự như NAFTA ở Bắc Mỹ hay Liên Hiệp Âu Châu, bãi bỏ hầu hết các hàng rào quan thuế trong vòng mấy năm. Kinh nghiệm cho thấy khi bước vào giai đoạn này các nước thành viên sẽ phải thay đổi cả cơ cấu kinh tế vì mô, đặc biệt là chính phủ phải bớt bao cấp các xí nghiệp. Việt Nam còn lâu mới có thể cải tổ đủ để vào AFTA nếu chính sách duy trì xí nghiệp nhà nước hiện nay cứ tiếp tục.

Một yếu tố quan trọng khiến Asean muốn Việt Nam trở nên một thành viên là mối lo về Trung Cộng. Vụ Trung Cộng phản đối rầm rĩ khi Mỹ cấp chiếu khán nhập cảnh cho tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy, cố gây ra một tình trạng căng thẳng, chỉ làm gia tăng mối lo ngại này. Vụ bắt bớ các nhà trí thức phản kháng trước ngày kỷ niệm vụ Thiên An Môn (4-6-1989) cũng vậy. Vì chính phủ một nước lớn và nghèo mà đàn áp chính người dân của mình thường cũng là một chính phủ đe dọa đối với lân bang.

Khi Mỹ còn đóng quân ở Phi Luật Tân và Nga còn ở Cam Ranh thì vùng Đông Nam Á có một thế quân bình quân sự. Tình trạng đó nay đã thay đổi. Cũng vì mối lo này mà Nhật Bản đòi hỏi Mỹ phải duy trì ít nhất 100 ngàn quân ở Á Đông, và Singapore đã tự đề nghị hải quân Mỹ hãy sử dụng bến cảng của họ khi Mỹ bỏ căn cứ vịnh Subic. Trước mối đe dọa của Trung Cộng, tất cả các nước trong vùng đều muốn khối Đông Nam Á đông hơn, mạnh hơn. Sự có mặt của Việt Nam, với một đạo quân có kinh nghiệm chiến trường là thêm một liều thuốc trấn an nữa, cho 150 triệu dân trong khu vực này.

BANG GIAO VỚI MỸ

Nền an ninh của các nước ở Đông Nam Á có phải là quyền lợi thiết thực của Hoa Kỳ hay không? Nếu vùng đó bất ổn, Nhật và cả khối Asean và Đài Loan sa lầy thì nền kinh tế Mỹ sẽ chịu ảnh hưởng nặng vì gần một nửa khối lượng mậu dịch quốc ngoại bị ngưng. Cuối năm 1994 nhật báo Wall Street Journal đã viết bài quan điểm đề nghị Mỹ nên trở lại hải cảng Cam Ranh, vì Việt

Nam đã đánh tiếng mời. Các nước Đông Nam Á cũng chỉ mong Mỹ trở lại gác cửa cho họ, trong khi họ cũng muốn Việt Nam vào ASEAN làm liều thuốc an thần để dân chúng họ an tâm làm giàu hơn.

Liều thuốc Việt Nam sẽ công hiệu hơn nữa nếu được Mỹ gật đầu ủng hộ. Và cách rõ rệt nhất để biểu lộ sự ủng hộ của Mỹ là việc bang giao chính thức giữa Mỹ và Việt Nam. Việc bang giao chắc sẽ đi chậm chạp từng bước. Người Mỹ có thể công nhận chính phủ Hà Nội (full recognition) trước khi gọi đó là bình thường hóa (normalization), và quy chế tối huệ quốc (MFN) còn phải chờ nhiều năm nữa.

Trong dư luận Mỹ đang có sự chuẩn bị cho việc bang giao. Chương nghị chính thức được nêu ra là Việt Nam chưa thỏa mãn các điều kiện của Mỹ về việc tìm những người mất tích (MIA). Nhưng chính việc nêu lên trở ngại này cũng chỉ để trì hoãn, cốt giải quyết các khó khăn chính trị quốc nội của ông Clinton. Ông đã từng tìm cách tránh tông quân để khỏi phải tham chiến ở Việt Nam. Hai chuẩn ứng viên mạnh nhất của đảng Cộng Hòa, TNS Dole và Gramm hiện đang liên hệ sự kiện đó với việc chống quyết định bang giao của Clinton.

Nhưng cũng chính trong đảng Cộng Hòa lại có nhiều nhân vật cổ động cho việc bang giao. Người có thể mạnh nhất khi đề nghị bang giao là thượng nghị sĩ John McCain. Ông đã từng là tù nhân của cộng sản VN, từng bị đánh đập, hành hạ và làm nhục, thân thể ông còn thương tích vì tra tấn. Ông lại đang là người điều hợp cho chiến dịch tranh cử trên toàn quốc của T.N.S Gramm. Ông McCain kêu gọi Clinton hãy thiết lập bang giao với Việt Nam ngay lúc này. Ông mới đi thăm Việt Nam.

Nhân vật thứ hai là nghị sĩ John Kerry, cũng là một cựu chiến binh đã tham chiến ở Việt Nam. Ông cho rằng điều kiện buộc CSVN tìm người mất tích đã được thỏa đáng, nhất là khi so sánh 2,200 MIA ở Việt Nam với 8,100 MIA từ trận chiến Triều Tiên đến nay vẫn chưa giải quyết.

Nhiều nhân vật đảng Cộng Hòa bỗng dưng đứng ra khuyên ông Clinton nên bang giao, trong đó có Rich Armitage, nhân viên cao cấp bộ quốc phòng thời Reagan và Bush, John Vessey, cựu tổng tham mưu trưởng liên quân, và Lawrence Eagleburger, ngoại trưởng thời ông Bush. Ông Armitage nói rằng: "CSVN đã làm đủ bốn phần của họ theo Bản Lộ Trình mà chúng ta đã đặt ra" từ thời tổng thống Bush. Tháng chín này ông Bush sẽ sang Việt Nam nói chuyện trong một cuộc hội thảo do ngân hàng City Bank tổ chức. Phe chống đối bang giao có thể đổi các đòi hỏi của họ, từ "buộc Việt Nam phải thanh thỏa các vụ MIA" sang đòi hỏi "Việt Nam phải hứa sẽ thanh thỏa", chỉ cần đổi một hai chữ thôi.

Đó là những dấu hiệu cho thấy đảng Cộng Hòa cũng đồng ý Clinton có thể quyết định bang giao với Việt Nam. Nhưng ngay quyết định đó cũng không có ý nghĩa kinh tế khi Mỹ chưa cho VN hưởng quy chế tối huệ quốc trong việc mậu dịch. ■

THẾ KỶ 21 LÊN LƯỚI

LÊ TAM CA

Mới đọc cái tí, chắc quý vị thắc mắc ngay: “Bộ *Thế Kỷ 21* bỏ nghề... văn học, chính trị và lịch sử, xoay sang thể thao chẳng?” Nói “lên lưới” là ai cũng nghĩ đến quần vợt hoặc bóng chuyền.

Không phải đâu! Đây là lên lưới điện tử, lên siêu xa lộ thông tin.

Lưới nào?

Xin thưa ngay: www. Nhìn thấy ba mẫu tự đó quý vị đoán ra rồi phải không? Nó giống như một đàn nhện, đúng hơn, nếu tưởng tượng thêm chút xíu, xoay ba chữ w cho chụm vào nhau, rõ ràng là một “mạng nhện.” Đó là viết tắt của ba chữ *World Wide Web* — nơi bất cứ ai muốn trưng bày “món hàng” của mình cho cả thế giới xem, miễn phí, thì cứ đưa lên. Kể cả nguyên một tờ báo — như tờ *Thế Kỷ 21* của chúng ta.

Từ đầu tháng Sáu 1995, *Thế Kỷ 21* đã lên lưới *World Wide Web*, tuy chỉ một phần chữ không đủ hết 116 trang — và chưa có hình, vì muốn tiết kiệm số *bytes* trong các bộ nhớ.

Hiện nay, việc lên lưới này cũng còn ở giai đoạn thử nghiệm, cần điều chỉnh nhiều mặt. Nhưng quý vị có thể tìm đọc *Thế Kỷ 21* trên máy điện toán được rồi. Tìm cách nào, xin đi theo những bước sau đây.

Máy điện toán

Cần một máy tương đối mạnh, từ 386 trở lên, với bộ nhớ lớn từ 4 Meg RAM, và có Windows 3.1. Máy 286 cũng được, nhưng sẽ rất chậm.

Quý vị dùng Unix cần phải có hệ điều hành X-Window.

Modem

Gắn *Modem* loại *internal* với tốc độ 14400 bps trở lên. Có thể dùng chung với đường dây điện thoại, nhưng tốt hơn nên bắt một đường dây riêng để khỏi bị nhiễu hoặc cắt bất tử. *Modem* 9600 bps cũng được, nhưng hơi chậm.

Nên dùng *internal*, thay vì *external*, vì loại *external* phải qua *Com Port* — như rót nước qua một cái phễu, lượng nước đều nhưng ít, trong khi *internal* thì ào ào như thác đổ (!). Đã xài máy điện toán rồi, không ai thích... từ từ cả. Nhanh, lại muốn nhanh hơn, nhanh hơn nữa.

Mở trương mục với một hãng cung cấp dịch vụ chuyển vận thông tin điện tử

Giống như muốn gấn một đường dây điện thoại, quý vị phải gọi đến một hãng điện thoại

(như GTE, Pac Bell, v.v...), cho biết tên họ, địa chỉ, ít ngày sau có người đến gấn, và quý vị trả tiền. Khác một điều, khi gọi để ghi tên vào một mạng lưới dịch vụ điện tử, quý vị phải trả tiền ngay — bằng thẻ tín dụng.

Khi quý vị mua *modem*, thế nào trong hộp máy cũng có những phiếu quảng cáo mời và hướng dẫn quý vị cách ghi tên mở trương mục với một hãng cung cấp dịch vụ “lưới điện toán.”

Đã ghi tên với một hãng rồi, muốn đổi sang hãng khác, dễ thôi. Chỉ việc gọi cho hãng mới, làm đủ những thủ tục đăng ký, nhưng đừng quên gọi cho hãng cũ để hủy trương mục ở đó. Không thông báo hủy trương mục, dù quý vị không dùng dịch vụ, họ vẫn gửi giấy đòi tiền đều đặn và quý vị vẫn phải trả tiền dài dài!

E-mail

Khi ghi tên mở trương mục với hãng cung cấp dịch vụ lưới điện toán rồi, quý vị đương nhiên có một địa chỉ *e-mail* (thư điện tử), bên cạnh việc lên lưới để đọc các báo có trong mạng lưới.

Chẳng hạn, *Thế Kỷ 21* đã ghi tên với hãng *Compuserve*, để nhận tin của các hãng thông tấn quốc tế và một số dịch vụ khác, đã có địa chỉ thư điện tử là 75504.3510ycompuserve.com. Qua địa chỉ này, TK 21 đã nhận được thư của nhiều thân hữu và độc giả (như Bình Anson ở Úc, Lê Tất Luyện ở Pháp, Trùng Dương ở Stockton, Phùng Nguyễn ở Bakersfield, v.v...). Nay lên lưới *World Wide Web*, TK 21 có thêm một địa chỉ thư điện tử nữa, là theky21@ix.netcom.com.

Từng bước lên lưới

Giả thử quý vị đã có đủ các thứ nói ở trên rồi, bây giờ muốn đọc *Thế Kỷ 21* trên máy, xin làm theo các bước sau đây.

1. Mở máy, xem lại đường dây điện thoại (nhiều khi sơ ý để đầu dây cắm vào ổ điện thoại lỏng lẻo, *modem* sẽ không chạy).

2. Mở sẵn một ngăn (*directory*) để chứa phong chữ Việt — thí dụ C:\TEMP, để phòng trường hợp đọc xong muốn bỏ đi cũng không đụng chạm đến các hồ sơ khác trong máy.

3. Mở chương trình của hãng cung cấp dịch vụ điện toán mà quý vị có trương mục.

Thí dụ hãng Netcom với chương trình NetCruiser:

Vào Windows, chạy NetCruiser (*icon* của chương trình này đã có sẵn trong Program Manager sau khi quý vị cài đặt nó).

Một khung trao đổi mới hiện lên, quý vị đánh

mật hiệu (*password*) — mà quý vị đã chọn khi cài đặt. Bấm nút Login, *modem* của quý vị sẽ hoạt động và gọi điện thoại vào trạm của Netcom để nối máy của quý vị vào mạng lưới.

Một khung trao đổi khác hiện lên. Quý vị đánh <http://www.deltanet.com/vietmedia>

Tùy công suất máy và *modem*, hình ảnh và chữ hiện ra mau hay chậm, quý vị sẽ thấy tất cả những “bảng hiệu” (*logo*) của các báo, hoặc tổ chức, trong đó có *Thế Kỷ 21*.

Cho con chuột (*cursor*) đến chỗ *Thế Kỷ 21* và bấm, quý vị sẽ thấy trang đầu của tờ báo, với tên báo và mục lục. Vì chỉ có một số bài được đưa lên lưới, nên quý vị chỉ đọc được những bài có gạch dưới, hoặc được đánh dấu bằng một màu khác (*highlighted*). Cho con chuột đến chỗ có đánh dấu, và bấm. Quý vị sẽ thấy những đoạn đầu của bài hiện ra. Muốn đọc tiếp đến hết bài, chỉ việc cho con chuột vào thang lật (*scroll bar*) ở bên tay phải khung để kéo phần ở dưới lên.

4. *Download font* tiếng Việt: Muốn đọc được tiếng Việt có dấu rõ ràng trên lưới, quý vị cần có phông chữ Ánh Minh, do nhóm TriChlor chế ra.

Có hai trường hợp:

a/ Nếu máy của quý vị đã có sẵn bộ chữ Việt TriChlor, chỉ cần vào mệnh đơn (*menu*) *Settings*, chọn *WWW Options* rồi chọn *Font*. Chọn phông Ánh Minh là đủ, không cần quan tâm đến các cỡ và dạng chữ, vì máy lo cho quý vị việc này. Bấm

OK.

Vào mệnh đơn *View*, bấm *Refresh*. Trang báo hiện ra với dấu chữ Việt đầy đủ.

b/ Nếu máy của quý vị đã có những bộ chữ Việt khác (như VNI, VNU, VNLabs,...) nhưng không có TriChlor, thì phải nạp (*download*) phông chữ Việt của TriChlor vào. Bấm con chuột vào dòng *Download Vietnamese (VISCII for WINDOWS) Fonts HERE!!!*. Máy sẽ hỏi quý vị muốn *download* vào đâu. Chọn C:\TEMP.

Bấm con chuột vào icon *MSDOS* để tạm ra khỏi Windows. Ở dòng hiệu lệnh DOS, đánh lệnh

vnkinst.exe

rồi vào lại Windows bằng cách đánh lệnh exit

Mở *Control Panel*, chọn phần *Fonts*, và bấm nút *Add* để chọn nạp thêm phông. Chọn Ánh Minh thường, không cần chọn Ánh Minh hoa (có chữ H ở sau).

Lúc này, trong máy của quý vị đã có phông Ánh Minh. Quý vị hãy làm theo chỉ dẫn trong trường hợp (a) ở trên để cho NetCruiser trình chiếu bài bằng phông chữ Việt.

Ghi chú về TriChlor: Bộ chữ này là một *free-ware*, do nhóm VietMedia chọn cho việc đưa các báo Việt ngữ lên lưới. Quý vị nào có “tay nghề” cao trong ngành điện toán, có thể tự chọn cho mình một phông riêng. ■

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA

Tél: (714)537-2468

- Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____

Địa chỉ: _____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ____ đến số ____ . Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).

50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).

Úc và Á châu:

50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).

Âu châu:

50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).

Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

THE KY 21

A source for
Vietnamese studies

Group in charge of publication:

Do Quy Toan, Do Ngoc Yen,
Ha Tuong Cat, Hoang Ngoc
Tue, Le Dinh Dieu, Ly Van
Chuong, Ngo Manh Thu,
Pham Phu Minh, Phan Huy
Dat, Tong Hoang and
Tran Dai Loc

Publisher, English Section Editor:

Le Dinh Dieu

Editor:

Vuong Huu Bot
(Do Quy Toan)

Assistant Editor:

Pham Phu Minh

ADVISORS

& CONTRIBUTORS:

Bui Bao Truc • Dam Trung
Phap • Luu Van Vinh •
Nguyen Dinh Hoa • Nguyen
Duc Quang • Nguyen Manh
Hung • Ruth Talovich

THE KY 21

(The 21st Century)

is published monthly,
distributed worldwide. Sub-
scription: see form printed
on page 2. Send check or
money order, inquiries to:

Thế Kỷ 21

11022 ACACIA PKWY #A

GARDEN GROVE

CA 92640 USA

TEL (714) 638-9510

FAX (714) 638-1944

E-MAIL 75504,3510

Compuserve

ADMINISTRATION

Office Manager:

Vu Duy Tu

Account Executive:

Phan My Suong

ISSN 1056-4640

VOICES

THE VIETNAM WAR: TWENTY YEARS LATER

A Wound Which May Never Heal

By Nguyen Luong Tuyen MD

Montreal, Quebec

About the Vietnamese War. Walt Rostow, special advisor to Lyndon Johnson, once declared, "We (the USA) lost the battle in Vietnam, but we won the war in Southeast Asia."

We, the Vietnamese people, are the ones who lost everything and are the real losers. The whole country has become an immense gulag in which all basic human rights have been denied.

Twenty years later, the wound is again reopened deeply by Robert McNamara, the architect of the war, in his book, *In Retrospect: The Tragedy and Losses of Vietnam*.

This terrible war was a great tragedy in which more than two million people were killed, half a million disappeared later on the ocean in their heroic escape from the communist hell and nearly two million people were displaced and are now living in exile.

The results of the Communist Revolution, after 50 years in the north of Vietnam and 20 years in the south of Vietnam, have been prison, torture, loss of all basic rights, etc. Vietnam has become one of the 20 poorest countries in the world.

The USA was deeply involved in Vietnam from 1954 to 1972 (the year of the Peace Agreement in Paris). At that time, the Cold War between the two superpowers, the USA and the USSR, was in its apogee. Therefore, the Americans tried to make South Vietnam a stronghold to block the extension of communist power in Asia.

It reflected a general consensus at that time, that if South Vietnam fell to the communists, then there would be a domino effect for the surrounding countries -- Thailand, Malaysia, Indonesia, Burma, etc.

McNamara repeated in his book that American involvement was a MISTAKE. This mistake of the former Secretary of Defense has claimed more than 50,000 American lives and left an equal number of mourning families. It was a tragedy for both Vietnam and the American people.

This tragedy deeply wounded American society and American pride: for the first time, the USA had lost a war. The free world lost its faith in the American commitment to democracy and freedom. The American people lost their faith in their government. The Vietnam War divided the American people and American opinion. Such division had never been seen in American history.

McNamara confesses in his book, "WE WERE WRONG, TERRIBLY WRONG" about being involved in the war. To him, the American government, of which he was Secretary of Defense, had made two big mistakes.

The first one was their misjudgment of the intention of Red China and completely ignoring the clash between the two communist powers since 1956.

The second big mistake was misjudging Ho Chi Minh, who tried to make the Vietnam War a patriotic war against the American aggressor and its "puppets" in the world's public opinion.

In his book, the Vietnamese people in the south and their heroic resistance against the communist invasion coming from the north were miserably ignored. The courageous army of South Vietnam was never recognized by McNamara.

In retrospect, the American involvement in Vietnam during the Cold War was not a mistake; it was the strategy, at this time, to contain the communists. But the war was conducted wrongly by the Pentagon and the Democratic administration.

Half a million American servicemen fought for a good cause -- to block the communist invasion coming from the north -- but with their hands tied by the politicians in Washington. The American armed forces and the South Vietnamese Army were constantly on the defense [against Washington].

They were not allowed by Washington to pursue the enemy outside South Vietnamese territory. They were not allowed to attack North Vietnam or the Ho Chi Minh Trail, which were the safe havens of the enemy. They had to fight a strange war in which their field commanders had to follow orders from the Technocrats in Washington.

Nevertheless, they were winning in the field, but lost the war in Washington. Such a thing had never happened in American history.

From 1963 (after President Ngo Dinh Diem was murdered), the USA poured money, weapons, and military forces into Vietnam without any appropriate and consistent strategy and without considering either the Vietnamese people or the Vietnamese government. Vietnamese society was, therefore, disrupted. The USA conducted the war by themselves, with the help of the incompetent and corrupt Vietnamese generals who held the Vietnamese people as their hostages. Different opinions were suppressed without mercy.

On the other hand, the communist propaganda succeeded in making the world believe that the communists were fighting a patriotic war and the Americans were condemned, by public opinion, as the aggressors.

When Nixon met Mao Tse Tung in 1972, and especially after diplomatic relations between the USA and China were established, we all knew that the American withdrawal from Vietnam was only a matter of time. The Cold War was almost over and South Vietnam was no longer a pawn in the chess game.

The peace agreement, signed in Paris by Le Duc Tho of the Politburo and Henry Kissinger, was a betrayal of South Vietnam. It allowed the North Vietnamese forces to remain in the South. The Congress, controlled by the Democrats, decided to turn their backs on us and declared that the war was over; the Vietnam War was history.

Therefore, the South Vietnamese army was overrun by the North Vietnamese, fully supported and equipped by the USSR.

Twenty years have elapsed since the fall of Saigon, but this tragedy is still vivid in our memories and the memories of the American people. The wound is not healed and may never heal. The USA is still more or less haunted by this tragedy, even after its victory in the Gulf War, after which George Bush declared, "We have kicked, once and for all, the Vietnamese syndrome."

The way the American government conducted the war in Vietnam, the way they betrayed the Vietnamese people in the South and especially the American people in the USA -- these mistakes have been carved in our memories. After 20 years of communist revolution, the communist leaders are still refusing to admit their failure and their mistakes. The communist paradise has become the "PARADISE OF THE BLIND," as stated by a renowned communist writer (Duong Thu Huong).

Nowadays, the communists have been on their knees begging the USA, their former enemy, for diplomatic and economic relations. It showed to the free world that their ideology, imported from Russia, doesn't have a "raison d'être." This ideology was against the human conscience. Two million people have died in vain because of this foolish ideology. Up until now, the prospect for an economic miracle in Vietnam is still an illusion.

Nevertheless, one positive aspect of the Vietnam War should be mentioned: For twenty years, we held back the communist advances in Southeast Asia so that the other southeast Asian states might establish and perfect their independence and they have become prosperous. Also, quite a few countries, such as Japan and Korea, have benefitted from the Vietnam War.

We are about to enter the next century. The whole world has entered a new era of collaboration and development. Unfortunately, the Vietnam wound is still open and as long as democracy is not seen in Vietnam, it will never heal. ■

VIETNAM'S ECONOMIC AND POLITICAL "RENOVATION"

"World Conference" organized by the "International Committee for a Free Vietnam;" Dirksen Senate Building, May 2nd 1995, Washington D.C.

VO NHAN TRI

In 19th century, Alexis Tocqueville in his political study *"De la Democratie en Amerique"* pointed out that: "... Experience shows that the most dangerous moment for a bad government is generally that in which it sets about reform." (1)

Having, probably a premonition of that danger, Vietnamese leaders have been harping on the idea that economic as well as political reform (or "renovation" as they call it) should always be kept under Communist party's control and this, within the orbit of Marxist-Leninist type of Socialism. (2)

I. Regarding "Economic renovation," suffice it to recall here that, since the 6th Communist Party Congress in December 1986, some important reforms were carried out, and these included decollectivization of agriculture, substantial -- not total -- price liberalization, elimination of most budgetary subsidies to state-owned enterprises and restructuring of the latter either by dissolution or merger, banking reform, encouragement of the private sector, liberalization of domestic trade, broadening and diversifying external economic relations, and unification and devaluation of the exchange rate, etc... (3) These reforms do not mean however, that the Communist Party has "transformed the former centrally-planned economy into one driven by free market forces," as some foreign observers have wrongly asserted. (4) Indeed, as Secretary-General Do Muoi has stressed, Vietnam has adopted "the commodity-based economy and market mechanism while... opposing any tendency to move away from the socialist course of action." (5)

Vietnamese leaders and economists have repeatedly pointed out that Vietnam's "Socialist-oriented market economy under state management" (although until now they fail to spell out what they mean by that) is different in nature from Western free market economy. (6) This so called "socialist-oriented market economy" is in fact a wild market economy in which corruption and smuggling, (which are regarded by the Communist Party itself as two "national scourges") are rampant.

The fact remains that the above mentioned reforms produced good results. According to offi-

cial statistics (and they should be taken with a pinch of salt, (7) Vietnam's Gross Domestic Product (GDP) annual growth rate, for instance, accelerated from 6% in 1990-1991 to 8.8% in 1993-1994. (8) Despite these achievements one should not lose sight of the fact that the country remains one of the poorest in Asia, and one of the four poorest countries in the world. (9) Compared with Thailand, in 1991 for instance, 68 millions of Vietnamese produced 15 times less than 58 millions of Thais. (10)

The recent "Vietnam living standards survey" conducted in 1992 by two Vietnamese state agencies has highlighted some important features of poverty in Vietnam, namely:

1 - The overall incidence of poverty is extremely high; the consumption level of 51 % of the people is below the world's average poverty line.

2. Rural areas are much poorer than urban areas (i.e. 57% rural poverty incidence versus 26% urban); rural poverty accounts for 90% of the poor.

3. The per capita annual average expenditure in 1992-1993 reached only approximately US \$129.00. (11)

II. Political Renovation (12)

If the reform in the economic field could be regarded as half-measures (because Vietnam is still halfway between a command economy and a free market economy), in the political field the reforms advocated by the Vietnamese Communist party until now should be termed only as half of half measures. Indeed, in spite of some softening, of Vietnam's political regime since 1987, the latter remains, according to some dissidents, fundamentally totalitarian. (11) For it is still built on two main pillars, namely the Communist party's monopoly on power and its repressive machinery called "dictatorship of proletariat." Contrary to what some Western observers said, Vietnamese leaders have not, in theory as well as in practice, abandoned Marxism-Leninism. Not only they haven't abandoned Marxism-Leninism but they have even added to it, since 1991, the so-called "Ho Chi Minh thoughts" which is an ideological mixture composed of Leninism, Stalinism, and particularly Maoism.

Witness this statement of General Secretary Do Muoi at the recent 8th plenum of the central Committee last January: "We (i.e. the party) must be resolute and determined in using Marxism-Leninism and Ho Chi Minh thoughts as our ideological foundation and a compass for action." (14)

At the same plenum, Do Muoi also reasserted the necessity of the "party's leadership," i.e. the party's monopoly on power, at all costs. In connection with this leadership, he, however, acknowledged that: "some party members and cadres have become revolutionary mandarins abused their power for individual gains." And he added: "Party members account for a significant number of those who are corrupt." (ibid)

Since 1991, the expression "dictatorship of the proletariat" was replaced, in official documents, by the so-called "state of the people, by the people for the people" which is, in fact, as a well-known dissident puts it, "a state wholly created by the party with a unique view to implementing the party's policy." (11) The expression "state of the people, etc..." is simply a to make foreign observers believe that there is no more "dictatorship of proletariat" in Vietnam. But, unfortunately, there are some western Vietnam-watchers who fell into this trap. (16) As for the Vietnamese people, particularly the political opponents, they are under no illusion in this respect. Moreover, according to one Politburo member, the expressions "socialist democracy" and "state of the people, by the people, for the people" represent only different forms of the same contents, i.e. the dictatorship of proletariat which is nothing else but the party's dictatorship.

At present, this dictatorship shows itself in the harsh but selective repression of political opponents who only claim greater political liberalization, namely a replacement of "socialist democracy" with a multi-party democracy, and the respect for fundamental democratic freedoms and basic human rights. These opponents are regarded, however, by the Communist party as "hostile forces" which step up the so-called "peaceful evolution scheme" aiming, at fomenting subversion from the inside, and ultimately overthrowing the ruling party. Yet, democratic freedoms and human rights are really mentioned in chapter 5 of the 1992 Constitution of the Socialist Republic of Vietnam. The political opponents want just simply to put the citizens' rights and human rights listed in this Constitution into practice, or as one dissident puts it, to convert "fictitious cakes" into "real cakes." (18)

Vietnamese leaders have not only violated their own Constitution; they have also violated principles embodied both in the "International Covenant of Civil and Political Rights" (which they adhered to in September 1982), and in the "Universal Declaration of Human Rights." Therefore, our duty should be, on the one hand, to

systematically denounce these violations, and on the other to give to all political opponents in Vietnam our wholehearted and unflagging support.

Washington D.C. May 2nd, 1995

Notes:

- (1) Alexis Tocqueville, *De la Démocratie en Amérique*, 1835 ch. 4
- (2) See Nguyen Van Linh's speeches, respectively in *Nhan Dan*, Mar. 31, 1989, and in *Tap Chi Cong San* No 7, 199: Do Muoi's speeches respectively in *Nhan Dan* January 21, 1994, and in *Tap Chi Cong San*, No 3, 1995.
- (3) For details, see Vo Nhan Tri, *Vietnam's Economic Policy since 1975*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore 1990 (reprinted 1992), ch. 4; Vo Nhan Tri and Anne Booth, "Recent Economic Developments in Vietnam," *Asian Pacific Economic Literature*, ANU, Canberra Vol. 6, No 1, May 1992, pp. 16-40.
- (4) See for instance *Asia 1994 Yearbook*, Hongkong, p. 223; M. Hiebert, *Far Eastern Economic Review*, Jul. 11 and Aug. 22, 1991; and ibid. May, 5, 1994, p. 61.
- (5) Do Muoi's speech to the 3rd plenum, Jun. 1992 in *Nhan Dan*, Jul. 8, 1992.
- (6) See for instance Tran Duc, *Tap Chi Cong San*, No 9, 1989, pp. 29 and 31; and Vu Anh Tuan, *Nghien Cuu Kinh Te*, No 2, 1991, p.9.
- (7) On the General Statistical Office's Head own testimony, official data, particularly those concerning the main macro-economic indicators, are not reliable, see Le Van Toan, *Thong Ke* magazine, Hanoi, No 2, 1991, p. 2. On the same score, see also Vu Quang Viet, *Dien Dan*, Paris, No 39, Mar. 1995, p. 16.
- (8) *Saigon Eco*, 1 Jan. 1995, p. 10.
- (9) World Bank Policy Research, 1994, Ref. 678-83.
- (10) *Agence Financiere pour l'Asie*, Ambassade de France, Tokyo, Vietnam: Situation Economique et Financiere l'Automne de 1992, 7 Dec. 1991, p. 1-3.
- (11) Vietnam News Agency, Hanoi, in English, 0657 GMT, Feb. 13, 1995; and World Bank's Report number 13143 - VN, Vietnam Public Sector Management and Private Incentive. An Economic Report, Sep. 26, 1994, pp. 79-82.
- (12) For details, see Vo Nhan Tri's paper and articles: "Political and Social Aspects of Vietnam's Renovation Process," in *Doi Moi Vietnam's Renovation. Policy and Performance*. Editors: Dean K. Forbes et al. Monograph No 14, Research School of Pacific Studies, Australian National University, Canberra, 1991, pp 68-74; "Tu Tuong Ho Chi Minh Ve Chu Nghia Xa Hoi Va Doi Moi," in *Dang Cong San Truoc Thuc Trang Viet Nam*, Duong Moi, Paris, 1994, pp. 63-94.
- *The Ky 21* magazine, CA (USA) respectively Aug. 1992 (pp. 6-8), and Jun. 1994 (pp. 24-27).
- (13) Duong Thu Huong's interview, *Le Figaro*, Paris, 1 Dec. 1994 and Lu Phuong, *Dien Dan*, Paris, No 36, 1 Dec. 1994, p. 13.
- (14) Do Muoi's speech to the 8th plenum, Voice of Vietnam, in English, Jan. 28, 1995; and *Tap Chi Cong San*, No 3, 1995.
- (15) Lu Phuong, *Dien Dan*, Paris, No 27, Fvriier 1994, p. 17.
- (16) Alain Bockel, "Communisme et Economie de March. La Nouvelle Constitution du Vietnam," *Revue de Droit Public*, Paris, Nov.-Dec. 1992, p. 1712.
- (17) Dao Duy Tung, *Ve Con Duong Xay Dung Chu Nghia Xa Hoi*, NXB Su That, Hanoi, 1991, pp. 72-73.
- (18) Bui Minh Quoc's Letter, *Thong Luan*, Paris, No 79, Feb. 1995, p. 9.

WESTERN INFLUENCE ON MODERN VIETNAMESE LITERATURE

NGUYỄN NGỌC TUẤN

The history of relations between Vietnam and Western countries may be traced back to the middle of the 16th century when the first Portuguese merchants arrived in Faifo, now Hội An, a coastal village about 30 kilometers south of Đà Nẵng, where they established a station to trade with Macao. During the following centuries, many other Westerners — including Dutch, British, Italian, Spanish and French men — frequently visited Vietnam in order to do business or propagate the Christian faith. Most merchants failed to make a profit as they had done in other Asian countries, and so, by the 17th century, they closed their offices and moved elsewhere. Only the Christian missionaries remained, disregarding the menacing stance and terrorizing practices of the authorities, who considered Christianity as paganism and the foreigners' presence as a threat which might portend Western imperialism. But those very missionaries left deep imprints on Vietnamese history and culture, especially through the importation of Christianity and the creation of *quốc ngữ*, the Roman transliteration of the Vietnamese spoken language. However, this contact had no significant impact in the realm of literature apart from the fact that it brought new inspiration to a few poets who had embraced the new faith but unfortunately possessed no first-class talent (1).

Western influences on Vietnamese literature became noticeable only in the final years of the 19th century when the country became a French colony. Under French pressure, the traditional system of education, based on the old Chinese pattern, was abolished; *quốc ngữ* gradually became dominant; a new intelligentsia emerged, replacing the old Confucian scholar-gentry class and assuming the role of intellectual leaders in society. These three factors impacted strongly and effectively upon Vietnamese literature and opened it up to new horizons: developments in this period are conventionally credited with taking Vietnamese literature from the Middle Ages to modernity.

Due to the strong influence of Chinese culture, particularly during the Tang and Song dynasties, the closed-door policy of most feudal states, and the stability of the eco-socio-cultural pattern, pre-colonial Vietnamese literature was almost at a standstill, without movement or great change, so that the problem of periodization has always been

a complex challenge. After some trials and failures, most literary historians came to the view that nine whole centuries, from the 10th to the end of the 19th, constitute only one period which they named either "ancient" (*cổ*), "classical" (*cổ điển*), "feudal" (*phong kiến*), "successive dynasties" (*lịch triều*) or more recently, as of the Middle-Ages (*trung đại*). According to some scholars, Vietnamese Middle-Age literature can be characterized by one distinct feature: impersonality. In my opinion, however, together with that feature, two more must be mentioned: its syncretism and its normativeness.

From the syncretic perspective, literature was not seen as an independent entity, as something to be considered in its own right — subject to its own laws and its own reason for being — and differentiated from historical, philosophical or administrative and regulated examination writings. In other words, in this view, aesthetic consciousness was not divorced from moral consciousness; art was not divorced from erudition; literature was not recognized as a pure belle-lettristic type.

Moreover, based on the psychology of the ancestral cult and on the Confucian assumption that all ideal examples belong to the past, Vietnamese writers in the Middle Ages regarded all age-old achievements as standards of perfection, according to which they wrote and as the basis on which they evaluated contemporary talent. These attitudes resulted in normativeness, which had four main manifestations: in the field of literary theory, the dominant view of literature was as a vehicle of the Way (*Tao*), a product of Song neo-Confucianism; in respect to literary genres, preferential treatment was given to poetry rather than to prose; in prose, preferential treatment was given to functional rather than imaginative writings; and in respect to literary conventions, the traditional, cliché-ridden allusions, motifs, themes, poetic dictions and symmetries of structure were fashionable.

All those norms contributed to limiting the expression of the poet's self. However, impersonality was not only a corollary of normativeness but also a manifestation of traditional oriental ideologies and the product of an enduring feudal system and a backward agricultural economy. The three major philosophical schools which profoundly in-

fluenced Vietnamese thinking were Confucianism, Taoism and Buddhism: all devalue, if not deny, individuality. Buddhism regards the individual as ephemeral due to being comprised of a transitory aggregate of the five *skandhas* (form, sensation, perception, emotional state and consciousness) which are in a constant state of flux. Taoism sees the individual as "a transient creature whose nature is to change, to develop from the Ultimate Source and to return thereto at death" (2). Confucianism perceives the individual as part of a social structure: preference is given to the relationship between the individual and others in the community but not to the individual himself or herself, hence it places a very high value on ritual behaviour (*lễ* in Vietnamese and *li* in Chinese), which regulates the expression of human feelings, integrates the individual into the social context, and provides a continuous link between the present and the past. "In each of these functions, ritual serves to make human behaviour predictable and uniform, more expressive of the common social role than of the temperament and values of any one individual" (3).

The foundation of feudalism was the consciousness of the order of precedence, a morality-centred tendency and a predominance of the common over the particular. A backward agricultural economy on the one hand encouraged and nourished the system of the extended family because the family was the basic economic unit in society, and on the other hand made human beings totally dependent on nature. People feared and hence revered nature, regarding it as the symbol of greatness and sublimity. Both Confucianism and Taoism encouraged people to imitate nature: to Taoists, heroes are those who have become self-contained in the *Tao* (Way) of their own minds; to Confucians, human society should be structured parallel to the hierarchical order of the cosmos and in order to achieve this goal, everyone must study Nature's virtues. This is why, in respect to social life, the traditional poets usually secluded themselves in nature, and in respect to creative activities, they preferred to write about nature.

It may be said that both feudalism and the agricultural economy, in support of the great philosophies, played their part in preventing the development of individual consciousness. As a result, in contrast to the romantic notion of the individual self in Western literature, which stressed sentimentality and authenticity of personal feelings, Vietnamese traditional poets were conditioned to think that poetry was a mere chorus of the cosmos resounding in their souls. Consequently, all poets attempted to maximally objectivise their feelings: there was no "I", not even an individualized persona in Vietnamese Middle-Age literature.

In the second part of the 19th century, the awkward, perplexed and sometimes pusillani-

mous reactions of the court of Huế to the French invasion made the Confucian literati at first puzzled and later, extremely discontented. Traditionally, according to common beliefs, they had considered the nation and the King as identical. Loyalty to the King (*trung quân*) was synonymous with patriotism (*ái quốc*). They then faced a terrible dilemma: if they executed the King's order and ceased struggling against French aggression, they would be traitors to their country; if they protested against the King and sought to defend the country's sovereignty, they would be convicted of rebellion. Most literati oscillated between these two political poles. Eventually, many people such as Trương Định (1820-64), Phan Tông (?-1868), Nguyễn Đình Chiểu (1822-88), and Phan Văn Trị (1830-1910) just to name a few, decided to fight the enemy to the bitter end without regard to the King's desires. For them, it was the first time in Vietnamese history that the concepts of nation and king were consciously and drastically separated from each other.

Consequently, the subject status of the people became that of a citizen. While subjects (*thần dân*) were attached to the King, citizens (*công dân*) were attached to the nation-state; while subjects were passive people who merely awaited and obeyed the King's orders, citizens were active people who were involved in finding the best way to save their country. As citizens, people had enough self-confidence to lampoon the mandarins' and even criticize the King's mistakes: satirical writings appeared. In struggling for independence they had the need to gather force and encourage their comrades and fellow-countrymen: political literature came into being.

The development of satirical and political trends in Vietnamese literature at the turn of the century represented by such great poets as Nguyễn Khuyến (1835-1909), Trần Tế Xương (1870-1907), Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu (1867-1940), and Phan Chu Trinh (1872-1926) was a new and very remarkable phenomenon. Both trends could be seen as indirect impacts of the French invasion.

Satirical and political trends, in their turn, deeply affected the course of progress of Vietnamese literature. In order to be effective, political poetry had to concern itself with the issue of persuading the populace; therefore, it adopted the vernacular forms, which led to a campaign for the renovation of the literary language in the first two decades of the 20th century. Similar was the concern of satirical poetry: it required currency in subject-matter, concreteness in description, and a close relationship between the author and his/her audience.

These led to many important changes in literature. The first was the change in content: the Tao and the static natural landscapes were replaced by realistically observed phenomena. The second

was the change in the mode of expression: the classical mode — inclining to generalization, emphasizing the immutable principles of the universe, and the permanent innermost feelings of human beings — was replaced by the new mode, which required the capacity for observation and imagination as well as the creation of comic characters and situations. The third was the aesthetic criterion: for classical poets, the high artistic quality had been a polished, stylized and allusive-ridden expression; for satirical and political poets, it was a simple, rustic and colloquial one, which was able to cause an immediate response in the readers' minds. It is not surprising that in Vietnamese literature, realism appeared in late 19th-century satirical poetry before it flowered in the works of modern Western-influenced writers following the decade of 1930. This also explains the main renovating role of Trần Tế Xương, one of the last and most unlucky Confucian scholars.

Apart from the above indirect impacts, there were other more direct and decisive Western influences on Vietnamese literature. First of all, Western thought shifted the writers' attitude from a China-oriented perspective to a Western-oriented one. In the traditional era, Vietnamese literati knew almost nothing but Chinese culture, which was regarded as a perfect model. The bitter contact with modern and powerful France made people question all old idols. Early in 1905, when attempting to go abroad in order to seek outside support for his revolutionary activities, Phan Bội Châu, an outstanding Confucian scholar and one of the most eminent revolutionaries of the following decades, considered his journey primarily as a search for new idols following the "death" of Confucian deities. He wrote in *Xuất dương lưu biệt* (Farewell before Going Overseas): "*Hiền thánh liêu nhiên, tụng diệc si*" (The sages died long ago; to read their books would cause us to become more and more besotted).

Other men of letters in Phan Bội Châu's generation, because of their ignorance of French, continued to read Chinese books, being particularly interested in "New Books" (*Tân Thư*), a series of works that introduced Western currents of thought. They preferred Kang Youwei (1858-1927) and Liang Qichao (1873-1929) because, apart from their exquisite literary talents, these two writers helped them understand some of the great Western thinkers such as Montesquieu, Voltaire and Rousseau. It was these very Confucian scholars who initiated and led the "European Rain and American Wind" (*mưa Âu gió Mỹ*) movement in the first decades of the 20th century (4).

Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947) revealed in his *Phan Châu Trinh niên biểu đồ* (Phan Châu Trinh's Chronology) that, due to the "New Books", Phan Châu Trinh, who knew no French, was able to deeply understand Western thought as early as 1903, when he was serving in the imperial

Ministry of Rites in Huế (5). After he came home from France (1925), Phan Châu Trinh's admiration for French 18th-century philosophers became more profound. In Trần Huy Liệu's reminiscence, when first meeting someone, Phan Châu Trinh always asked the question: "Have you read Rousseau's *Contrat Social* or Montesquieu's *Esprit des Lois*?" (6).

Western-educated intellectuals were more enthusiastic about reading and translating Western and especially French books into Vietnamese. It may be said that, along with the appearance and development of satirical and political writings, translation was a striking phenomenon in the period between 1862 and 1932. During the previous nine centuries, only about thirty works had been translated and most were short poems. Translations of works in prose were very rare, and of these, Nguyễn Thế Nghi's 16th century translation of Nguyễn Dữ's *Truyện kỳ mạn lục* (Vast Record of Strange Tales) was the earliest preserved. In both verse and prose, these works were translations from the original Chinese. There were perhaps only two translations from a Western language: one was *Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội mà beo đạo thánh Đức Chúa Bời* (Catechismus) by Alexandre de Rhodes, published in Rome in the 17th century (7); and the other was a versified adaption of an episode in the Bible by Trịnh Tráng's sister, which, according to historian E.O. Berzin, though as yet unpublished, was sung by many believers in the streets (8).

From the end of the 19th century and particularly from the beginning of the 20th century, the amount of translations from both Chinese and French increased considerably. Several people became famous as professional translators. The nation's two most noted scholars were also committed and productive translators: Phạm Quỳnh (1892-1945) and Nguyễn Văn Vĩnh (1892-1936). While Nguyễn Văn Vĩnh mainly translated romantic novels such as Alexandre Dumas's *Les trois mousquetaires*, Abbé Prévost's *Manon Lescaut*, J. Swift's *Gulliver's Travels* (through the French translation, *Les voyages de Gulliver*) or Molière's comedies, Phạm Quỳnh concentrated on translating and introducing philosophical works such as Descartes's *Discours de la methode*, Paul Gardon's *La vie sage*, Pascal's *Les pensées*...

In general, while Confucian scholars, through Chinese translations, devoted themselves to adopting new social and political theories for their revolutionary activities, Western-educated intellectuals seemed to be more interested in Western literary and philosophical values. While the former only sought to understand French 18th-century thinkers, the latter, after a short period of acquaintance with 17th and 18th-century literature, quickly absorbed 19th-century writers such as Chateaubriand, Lamartine, Victor Hugo and

Balzac. The first translations from French were literary, and of these, the earliest and perhaps most favoured was La Fontaine's *Fables*, which had at least five translations prior to 1928 (9).

For Vietnamese writers of the first three decades of the 20th century, translation was the best way of developing their writing skill. In *La poésie annamite* (Vietnamese Poetry) which he wrote in French in 1931, Phạm Quỳnh stated: "At a time when language and human mind keep changing, Vietnamese writers cannot build a career on originality ... What they can do now to be of use is to translate Chinese and French masterpieces in order to enrich their own language and literature" (10).

The second impact of the West on Vietnamese literature is partly due to the above mentioned translation practices. Indeed, thanks to translation, Vietnamese "will transform itself and become more refined. Harmonious, rhythmical and musical by nature, it will become charming because it will benefit greatly from French prose, whose features are precision, clarity and logical coherence" (11).

Until the French conquest, the Vietnamese did not have any vernacular literature in prose. The Vietnamese language was only used in the writing of poems. Consequently, it was soft, subtle and musical but had many defects. For example, it lacked abstract words, had few prefixes and suffixes in order to produce derivatives except for duplicative patterns. Moreover, it had no passive structure and only occasionally made use of noun and verb phrases because it contained very few classifiers, articles and prepositions; as a result, its ability to expand sentences was limited.

In Vietnamese traditional writings, sentences were often short. The relationship between the main and subordinate clauses was not clear partly because there was no copulative and partly because writers were not used to using punctuation. Contact with Western literature, particularly through translation tasks, helped Vietnamese writers discover many serious shortcomings in their language and hence, make an effort to learn from French not only with respect to vocabulary but also in the domain of syntax. The quantity of scientific and technological terms increased rapidly from almost none at the turn of the century to about 40,000 words in 1945 (12). However, the most crucial change was in syntax. After many trials and experiments, the Vietnamese gradually differentiated nouns from adjectives and verbs, graded adjectives by using particles denoting degree (*hơi*: a little, *khá*: fairly, *rất*: very) and words denoting comparison (*bằng*: as... as, *hơn*: more... than, *kém*: less... than, *nhất*: the most ...), and built para-predicate structures in order to write complex sentences, sometimes very long but always coherent (13).

If the sentences in Nguyễn Văn Vĩnh's writings had been quite jerky and clumsy, those in Phạm Quỳnh's became polished and refined, albeit his style was still rather laborious because of a tendency to abuse Sino-Vietnamese terms. From 1932 onwards, thanks to the intelligent and effective renovation effort of Tự Lực văn đoàn (the Self-Strengthening Literary Group), Vietnamese syntax became not only more coherent but also so soft and clear that it could express subtle feelings as well as abstract thoughts. With respect to syntax, the extent of change from *Đông Dương Tạp chí* (Indochina Magazine, 1913-19) to *Phong Hóa* (Mores Weekly, 1932-36) was greater than that recorded over the next 60 years.

The third Western impact on Vietnamese literature resulted in the formation and completion of the genre system. Prior to 1862, Vietnamese literature was seriously unbalanced. Poetry was regarded as superior to all other genres. Writings in prose, both in Sino-Vietnamese and the demotic script (*chữ Nôm*) were very few; if Sino-Vietnamese works are excluded, almost nothing is left. Through translation, writers gradually practiced some new genres and came up with new styles.

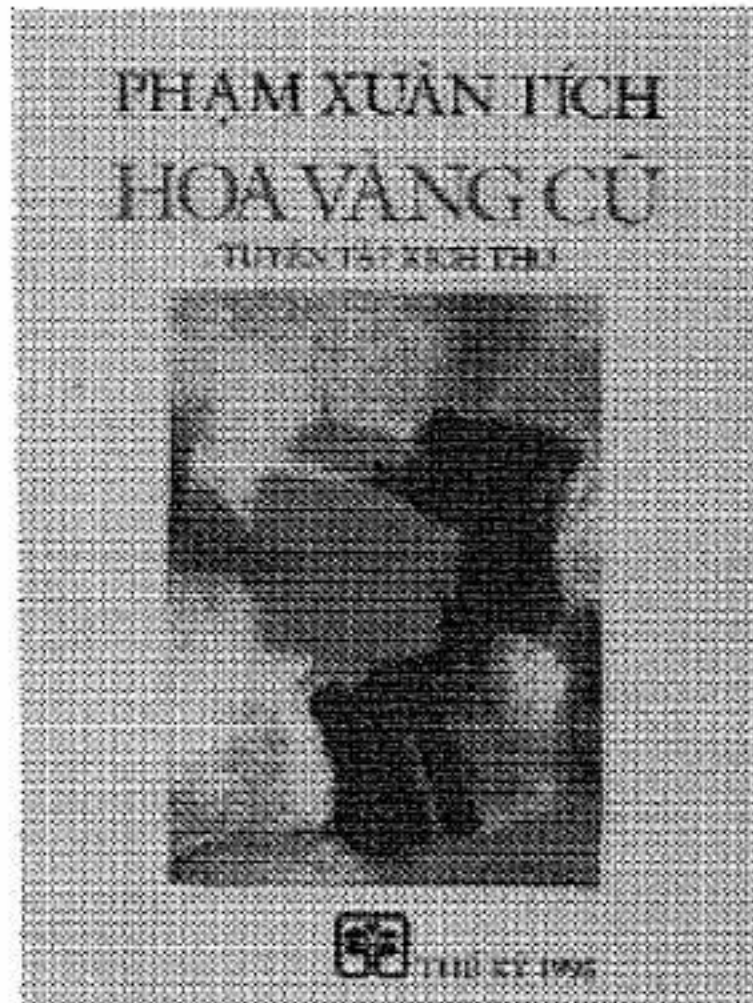
(to be continued)

NOTES

1. See Võ Long Tê, *Lịch sử văn học công giáo Việt Nam*, Tu Duy, Saigon, 1965.
2. Robert E. Hegel, "An Exploration of the Chinese Literary Self" in R.E. Hegel & R.C. Hessney (eds.), *Expressions of Self in Chinese Literature*, Columbia University Press, New York, 1985, p. 9.
3. Ibid., p. 8.
4. Trần Huy Liệu, *Hồi ký*, Khoa học xã hội, Hanoi, 1991, p. 29.
5. Quoted in Nguyễn Q. Thắng, *Phan Chu Trinh, cuộc đời và tác phẩm*, Văn Học, Hanoi, 1992, p. 41.
6. Trần Huy Liệu, op. cit., p. 453.
7. Nguyễn Khắc Kham, *The Acceptance of Western Cultures in Vietnam*, Ministry of Cultural and Social Affairs, Saigon, 1966, p. 32; Đỗ Quang Chính, op. cit., pp. 87-90.
8. Quoted in Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tâm & Mai Cao Chương, *Văn Học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVII*, vol. 2, Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hanoi, 1979, p. 39.
9. These translations are: (i) *Truyện Phan Sa diễn ra quốc ngữ* by Trương Minh Ký (Guilland et Martinon, Saigon, 1884); (ii) *Truyện Tây dịch ra tiếng Nôm* by Đỗ Thận (Imprimerie F.H. Schneider, Hanoi, 1906); (iii) *Fables de La Fontaine* by G. Cordier (Imprimerie d'Extrême Orient, Hanoi, 1910); (iv) *Truyện Phan Sa diễn ra quốc âm* by Đỗ Quang Đẩu (Imprimerie de l'Union Nguyễn Văn Cù, Saigon, 1919); and (v) *Thơ ngụ ngôn của La Fontaine* by Nguyễn Văn Vĩnh (Trung Bắc Tân Văn, Hanoi, 1928).
10. Quoted in Thanh Lăng, *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, vol. 2, Trình Bày, Saigon, 1967, p. 202.
11. Ibid., pp. 201.
12. Nguyễn Khánh Toàn, "The Vietnamese Language," *Vietnam Courier* 49 (June 1976), p. 21.
13. For further details, see Phan Ngọc & Phạm Đức Dương, *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*, Viện Đông Nam Á, Hanoi, 1983, particularly pp. 201-350.

Tìm đọc:

HOA VÀNG CŨ



Tuyển tập kịch thơ của Phạm Xuân Tích

Tựa: Trần Thanh Hiệp

Bìa: Lê Tài Điển (tranh) -

Nguyễn Đồng (trình bày)

Phụ bản: Đới Ngoạn Quân, Thái Tuấn,
Ngọc Dũng, Đinh Cường

104 trang khổ lớn. Giá \$12.00



THẾ KỶ 11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 USA (714) 638-9510

DỰ ÁN 20

trân trọng giới thiệu

Đêm Nhạc Hòa Tấu Hợp Xướng

kỷ niệm 20 năm người Việt tha hương

Đêm Ngàn Khơi 1995

A concert of Vietnamese music

8 PM Saturday 9-9-1995

La Mirada Theatre
for the Performing Arts

Liên lạc: Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi (714) 531-2773

LA MIRADA THEATRE tọa lạc tại khu vực gần Beach Blvd và Rosecrans, thành phố LA MIRADA, chỉ cách Little Saigon khoảng 20 phút lái xe — một trong những Trung Tâm Trình Diễn Nghệ Thuật thanh lịch nhất tại Nam Cali. Nhiều danh tài hoặc đại ban đã từng trình diễn tại đây, trong đó có Los Angeles Philharmonic, Vienna Choir Boys, Ballet Folclorico Nacional de Mexico, Cary Grant, Tony Bennet, v.v... Một hí viện thích hợp cho **Đêm Nhạc Hòa Tấu Hợp Xướng** do Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi tổ chức.

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

- ☒ phát hành liên tục từ 1985 đến nay
- ☒ nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ
- ☒ đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

Giá mỗi số US\$4.00. Đại hạn 1 năm US\$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua đại hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

ADVANCE BUSINESS COPIERS

Xin trân trọng thông báo :

Kể từ ngày 22 tháng 5, 1995

**Chúng tôi đã chính thức mở thêm
một chi nhánh ngay tại trung tâm
Little Saigon để phục vụ quý vị :**

15107 Moran Street, Westminster

Bên cạnh Công Ty Điện Toán VNI Gần khu Phước Lộc Thọ

1-800-513-COPY

Họa sĩ HOÀNG VŨ

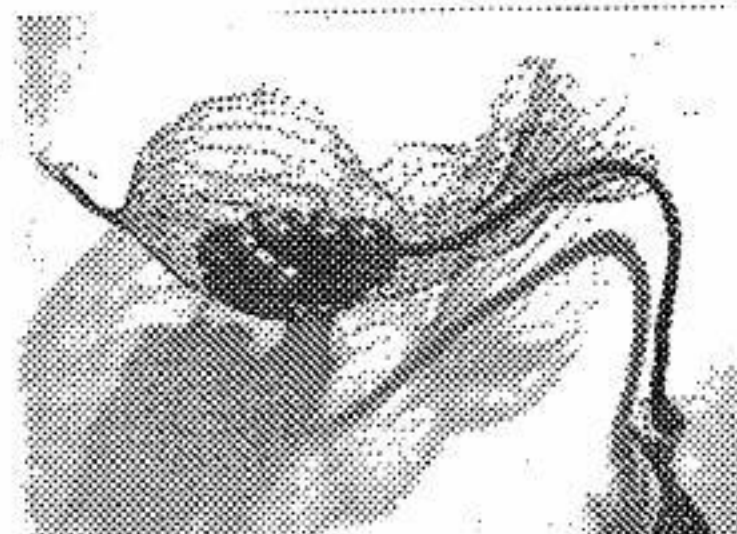
và

Họa sĩ ANN PHONG

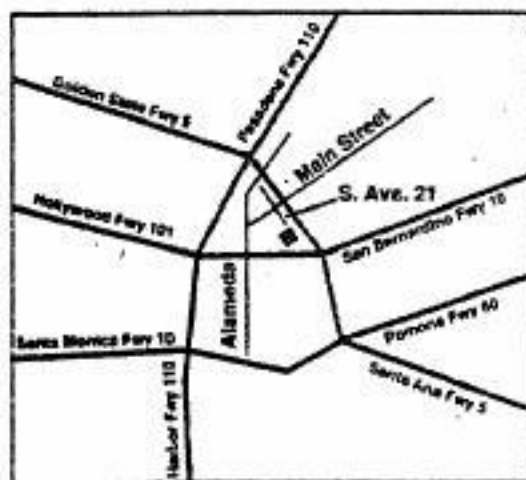
kính mời quý vị đến thưởng ngoạn cuộc triển lãm
của một nhóm họa sĩ Việt Nam

“Vietnamese American Artists:
New Generation / New Concerns”

(Họa sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ: Thế Hệ Mới / Vấn Đề Mới)



từ ngày 5 đến ngày 29 tháng Bảy 1995
Tiếp tân: 12 giờ tới 2 giờ chiều
ngày Chủ Nhật 9 tháng Bảy 1995.



Tại LA ARTCORE'S BREWERY ANNEX
650 A South Ave 21
Los Angeles, California
(213) 276-9320

Giờ mở cửa: Thứ Tư đến Chủ Nhật
12 - 4 pm
Đậu xe miễn phí.

Bâng quơ về VIẾT CHƠI

VÔ PHIẾN

An, với uống, với ái ân v.v... vốn là chuyện trời sinh, là hoạt động sinh tồn, đáp ứng nhu cầu căn bản của sự sống. Vốn là những cái thiết thực, tức cái thiết. Từ cái thiết, con người (văn minh) chuyển hóa nó ra cái chơi.

Viết là một bịa đặt của con người, không bẩm sinh, không nguyên thủy. Viết là một bày vẽ của văn minh. Tưởng là chơi, lại thành ra cái thiết, thành một hoạt động phục vụ cuộc sống cách ráo riết, cần mẫn, cật lực. Khổ thân cho cái viết.

- Nhưng viết, thế nào là chơi? thế nào là thiết? Chuyện viết, đem nhập nhằng với chuyện khác sao được? Ăn, uống, chẳng qua là "sự thường": ăn chơi được, uống chơi được. Đến như ái ân chơi, cũng... cho là được đi. Còn viết, đại phạm đã nâng cây bút lên viết ra văn chương thì đó là sứ mệnh thiêng liêng rồi, viết chơi thế nào được. Sắn trơn nói bừa, e nhầm to.

- Ông Tản Đà nói, đâu phải mình nói? Tản Đà nói đã hơn nửa thế kỷ, càng nghiệm lâu càng thấy vừa ý.

"In hết quyển này ra quyển khác

Có văn có ích, có văn chơi"

("Lo văn ế")

Tản Đà là nhà văn chuyên nghiệp, sống bằng nghề văn thơ, lúc nào cũng ngay ngáy chuyện bán buôn, bán từ dưới đất đến tận chợ trên trời, văn ế. Người chuyên nghiệp phân loại rành rẽ như thế, sai thế nào được.

Theo Tản Đà cái văn mà ta cho là viết thiết tức là cái "có ích", ngoài ra là viết chơi. Viết mà không nhằm có ích, tức thì viết chơi. Định nghĩa Tản Đà, đem ra phân tích phải trái, e gặp rắc rối không ít. Chẳng hạn như truyện (tiểu thuyết), có thể xem là thú mua vui. Vậy mà suy luận ra lắm người thấy có ích. Đọc truyện thì hiểu tâm lý con người, hiểu nhân tình thế thái, hiểu tình trạng xã hội, đọc truyện để hiểu người hiểu đời, để tâm hồn thêm phong phú, cuộc sống thêm ý nghĩa v.v... Biết đâu là thiết, biết đâu chơi?

Vậy ta không đại lãn mình vào chuyện vất vả. Hãy nói với nhau như những người dễ tính. Viết giấy bán nhà, đợ ruộng, là viết thiết; viết thơ "Tương tiễn tử" như Lý Bạch, thơ yêu trộm như Arvers là viết chơi. Viết nghiêm chỉnh như học giả Thượng Chi Phạm Quỳnh là viết thiết; viết những loại mộng con mộng lớn, những hài văn, nhàn đàm, những thơ đùa cô sự, bóp vú đau tay, gửi người tình nhân có quen biết và không quen biết v.v... như ông Tản Đà là viết chơi. Viết mà ngồi trong phủ Chủ tịch, đêm ngày lính tráng hăm hăm vũ khí canh phòng cẩn mật, an ninh lớp ẩn lớp hiện mấy vòng, viết cặm cụi dưới ngọn đèn khuya

khoắt khiến các chiến sĩ cách mạng trông lên mà cảm cảnh đau lòng, giọt văn giọt dài, viết như Bác í ạch viết tự truyện ký T. Lan, ký Trần Dân Tiên, viết thế là viết thiết; còn viết như ông Tô Đông Pha vừa viết vừa nhậu trên sông Xích Bích phải là viết chơi. Viết như ông Vũ Hoàng Chương vừa gõ trống tom chát vừa nghe gái í a vừa vung tay viết bài ca trù, ấy chẳng qua viết chơi; còn như ông Lê Đức Thọ... à, cái ấy... chơi thế nào được? anh bộ đội nhỏ bé ốm o, lưỡi thè lòng thông, công nhà lãnh đạo ú ù, ấy là công thiết, vậy đáng lãnh tụ cưỡi lính treo núi tắt cũng làm thơ thiết (thơ phục vụ) thôi...

Thiết với chơi, đại khái thế chẳng?

Thiết với chơi, dưới con mắt người đời, không thể xem ngang nhau. Ông Tản Đà rành đủ hai món, hai món đều là của mình cả, cho nên đầu lòng có thiên vị lời cũng nhẹ nhàng: một bên có ích, một bên không có ích, vậy thôi.

Còn Đặng Thái Mai, người cách mạng ăn nói sắn sỏ lỗ mãng nghe phát ớn: "cái thứ văn mơn trớn béo tốt như đầy thịt, trơn như tảng trăn hời của nhà trường giả, cũng chỉ là một "văn chơi" mà thôi, chả có ý nghĩa gì là văn học" (Văn học khái luận). Vậy văn béo, văn đầy thịt, văn trơn v.v... là một thứ văn chơi (văn chơi tất cả mấy thứ?) Và đã là văn chơi - hết thấy mọi thứ văn chơi - thì không có ý nghĩa văn học.

"Ý nghĩa văn học" là cái gì vậy? Mần mò định cho ra nghĩa thì cũng mệt, chỉ bằng cứ hiểu qua loa theo người dễ tính, rằng thiếu ý nghĩa văn học thì kể như đồ bỏ. Khốn khổ thay phú Xích Bích, thơ Tương tiễn tử, thơ gửi người tình nhân không quen biết!

Viết một bài phú, một bài thơ, một lá thư, thoát cái xong ngay. Đến như cả một cuốn *Les fleurs du mal*, Baudelaire âm ề âm ạch cả đời, sửa đi sửa lại thêm vào bớt ra, mãi tới chết vẫn chưa xong ấn bản nhất định, thế mà trong một bản dự thảo bài tựa tác giả có những lời "Cuốn sách vốn vô ích từ trong cốt tủy này (...) tôi viết ra không nhằm mục đích nào khác hơn là để tự giải khuây" ("le livre, essentiellement inutile (...) n'a pas été fait dans un autre but que de me divertir").

Vậy thơ béo, thơ đầy, thơ trơn... là chả có ý nghĩa văn học rồi chẳng? *Les fleurs du mal* không là văn phẩm thi phẩm chẳng? Nghe cứ như là nói... chơi!

Nhân đây cũng băng ngang qua chuyện nói, bởi vì cái nói liên hệ mật thiết với cái viết: trước khi thành hình thứ văn chương bằng chữ nghĩa đã có thứ văn chương truyền khẩu. Cái này dẫn tới cái kia. Cho nên đã có viết chơi viết thiết tất có nói

chơi và nói thiệt.

Nói như các bà nói rào rào trong chợ để mặc cả giá cá giá rau là nói thiệt, rất có ích; nói như bà cụ nằm kể chuyện Tấm Cám cho cháu nghe chờ ngủ là nói chơi. Nói như khi vợ bắt tại trận cảnh chồng vụng trộm, áp vào túm lấy tình địch gào thét xỉ vả tưng bừng là nói thiệt; nói như "hôm qua tát nước đầu đình" là nói chơi v.v...

Vả lại, không phải chỉ viết với nói trong ngành văn chương, mà trải khắp các bộ môn nghệ thuật đều có thiệt với chơi cả. Nụ cười mơ hồ, băng quơ trong tranh Leonard de Vinci chẳng qua cười chơi; cười hô hố trong thơ đả Mỹ của đội ngũ thi sĩ hài hước độ nào nhất định là cười thiệt. cười... có ích. Hát sông xanh, hát đêm tàn bến nọ bến kia, bất quá hát chơi; nhạc phan thanh uổng máu tất là nhạc có ích, nhạc thiệt v.v...

- A! Chuyện vị nghệ thuật với vị nhân sinh đây thôi. Sáng tác chơi là nghệ thuật vị nghệ thuật, sáng tác thiệt là vị nhân sinh chứ gì?

- Hầy! Người ta đang nói chơi, bỗng đứng lại xông tới, đặt vấn đề nghiêm chỉnh, trịnh trọng, bỗng đứng lại đòi nói thiệt. Rõ vô duyên.

- Vô duyên được à? Đề tài quan yếu, lớn lao như thế đối với người sáng tác...

- Lớn cái gì? Chẳng qua lý sự bắt bẻ nhau ồm tỏi thôi, chứ lớn nỗi gì? Sáng tác với sáng tạo! Đây, ông Trời là tạo hóa, là đấng sáng tạo, ông Trời ấy làm ra, sáng tác ra vũ trụ này, cuộc sống này có ý nghĩa gì chẳng? có "ích" gì chẳng? Ông ấy làm ra muôn sao, làm ra con người, con kiến, làm ra cái sống cái chết... có nghĩa gì? có ích gì? Đó là làm chơi hay làm thiệt? là sáng tác kiểu có ích, hay là sáng tác kiểu văn béo văn mỡ văn trơn, của trưởng giả trán hói vào lúc rưng rưng mỡ? Cả cõi thế gian, nó sờ sờ, nó lù lù ra đây, xoay tả xoay hữu, ngó trước ngó sau đâu đâu cũng thấy nó, đó là chơi hay thiệt?

Nói toạc ra e phải tội, xin được phát biểu khe khe: Không chừng là cái chơi thôi. Cả công trình vĩ đại khắp cõi không cùng là để vinh danh cái làm chơi, cái sáng tạo chơi. Ngọn rêu xanh với núi Thái sơn cùng là cái chơi, con cóc tía trong hang con châu chuộc kêu oà oạp, với ông Khổng Khâu ham cúng vái ông Trang Tử khoái gõ bôn v.v... toàn cái chơi cả. Vị tất có ý nghĩa gì.

Ồi, một cái chơi lớn lao hiên ngang bao trùm cản khôn vũ trụ như thế không chê trách trước tiên, lại đi vận hỏi chuyện tầm mẩn của lũ thấp cổ bé miệng! Lũ sáng tác chơi quanh đây chẳng qua là đám trẻ nắm chéo áo lon ton chạy theo cụ Trời, đáng gì! Thôi nhá.

2-1995

TRẦN HỒNG CHÂU SUỐI

Cảm ơn suối ngọc
Ta người thái cổ
Hoa đại chân máu đỏ
Tóc lê the dây rừng
Luống cày vắng trán
Đào mộ Hư vô
Cúi mặt
Soi gương dòng chảy
Sỏi đáy trắng ngần
Lớp lớp cỏ hoa
Ngọc thạch
Lớp lớp bản ngã
Bóc trần
Lụa nồn
Hư Thực
Ta nào?
Thơ nào?
Bên này bên kia
Bình diện suối gương
Trong vát hồn ấu thơ
Thời gian mỗi cánh chim
Còn không thơ mất biếc?
Cúi mặt
Uống từng giọt Vô cùng
Pha lê đắng
Tiền kiếp hậu lai
Diện đối diện
Người nào?
Hồn ai đây?
Ôm mình suối
Âm bản sao trăng
Hoa bất diệt
Mê đắm cười bờ môi
Chân không dầy đặc tím ngắt
Thức ngủ?
Sống chết?
Châu thân huyệt hắng
Mất suối
Lênh đênh ảo giác
Thiên thần
Đôi cánh thơ chập chờn
Ngàn cánh cửa Tuyết đối
Bên kia lòng suối
Im lặng
Lặng im!
Bàng bạc mắt say
Ngất ngưỡng
Ta về đâu?

Nói chuyện với Nguyễn Thị Chân Quỳnh

VÀO NGÀNH BIÊN KHẢO RẤT TÌNH CỜ

NGUYỄN NAM ANH thực hiện

Nguyễn Thị Chân Quỳnh là một nhà biên khảo. Một số bài viết của chị đã được đăng tải trên các báo ở Pháp cũng như ở Hoa Kỳ. Đó là những bài viết rất giá trị, được nhiều người đọc chú ý theo dõi. Chúng tôi đến Paris vào mùa Thu 1994. Thời tiết thật lý tưởng cho một người lần đầu tiên đến thăm một thành phố mà trước đây chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng. Nhà của Nguyễn Thị Chân Quỳnh ở Chateaufort Malabry, thuộc một khu chung cư còn mới, khá sang và xa thành phố. Căn phòng chị ở nhỏ, gọn và chỗ nào cũng thấy sách vở. Mọi vật đều sáng láng, sạch sẽ như lau như ly. Từ bao lâu nhà chị chúng tôi có thể nhìn thấy một ngọn đồi phía xa xanh rợp lá cây. Buổi trưa bầu trời trong xanh. Nắng rất ấm. "Chị Quỳnh thân mến...", bỗng nhiên tôi nhớ một bài viết của Nguyễn Bá Trạc. Chị là một người hiếu khách. Đôi kính dày trên khuôn mặt thông minh của chị không che lấp được sự hồn nhiên và chân thật của một người phụ nữ hiền hậu và trí thức.

Sau bữa cơm do chính tay chị làm thật ông An Tiêm và tôi, chúng tôi nói đủ thứ trên trời dưới đất. Từ sau 1975 cho đến nay, gần hai mươi năm qua, tôi có dịp đi đây đi đó, đã gặp người này người nọ, nhưng một người hiền lành chân chất và trí tuệ như chị phải nói là rất hiếm. Ấn tượng đầu tiên khi gặp chị Chân Quỳnh là một sự tin cậy. Tôi muốn nói thẳng với chị những suy nghĩ của tôi, nhưng tôi biết lời nói ấy sẽ là thừa thãi thôi, bởi vì điều này, nghĩ cho cùng, chỉ làm cho chị bối rối...

Nguyễn Nam Anh: Xin chị cho biết đã sống tại Pháp từ năm nào?

Nguyễn Thị Chân Quỳnh: Tôi đi Pháp du học năm 1952. Tôi đang học dở dang trường dục tại Lyon thì xảy ra trận Điện Biên Phủ. Nhà không gửi được tiền sang mà nhà trường thì kể là ngoại



Nguyễn Thị Chân Quỳnh (Ảnh Nguyễn Xuân Hoàng)

quốc, tăng học phí lên gấp bội, chậm trả là họ yết bằng đuối, cũng vất vả một thời gian.

Ra trường, tôi thực tập một năm rồi sang Anh vì Anh vẫn tồi yếu. Học một năm, tôi về Pháp thực tập thêm thì bị dị ứng với hóa chất không thể chữa được phải đổi nghề. Tôi chuyển sang học Anh văn, được nửa chừng gia đình cần tiền phải bỏ học sang Luân Đôn làm cho đài BBC. Hết hạn giao kèo năm năm tôi quay về Pháp thì không kiếm được việc làm, luật lệ mới, chỗ nào họ cũng đòi *carte de travail* (giấy phép), mà muốn có *carte de travail* thì phải có chỗ làm trước đã. Tôi chạy vòng tròn.

Nhân ngồi không, tôi ghi tên thi nốt cái Cử nhân, rồi tới bằng Cao học (Maitrise). Nhờ cái tiểu luận án (?) (Mémoire de Maitrise) tôi được thầy chú ý nên xin dạy ở Paris IV, tức Paris-Sorbonne được ngay (Paris có 13 đại học, Sorbonne có bốn đại học: Paris I = Panthéon-Sorbonne, Paris III = La Sorbonne-Nouvelle v.v... Tôi dạy về ngành dịch. Sau đó vì không thích chính trị mà bị ép buộc phải ra ứng cử nên tôi bỏ nghề dạy học.

NNA: Chị cho biết "ứng cử" gì trong nhà trường, khiến chị phải bỏ nghề dạy học?

NTCQ: Paris IV dạy gần hai mươi bộ môn: Triết, Sử, Địa, Sinh ngữ v.v... Mỗi bộ môn do một Hội đồng điều hành (Conseil de l'Unité d'Enseignement et de Recherche, gọi tắt là Conseil de l'UER) gồm đủ mọi thành phần:

- Collège A có chừng hơn mười người hàng giáo sư (Professeurs & Maitres de Conférence), giáo sư thực thụ chỉ độ một nửa.

- Collège B khoảng 40 người hàng Phụ giảng (Maitres Assistants & Assistants), là những người Pháp đã vào ngạch, ăn lương tháng.

- Collège C khoảng trên 50 người hàng giảng viên (Chargé de Cours và những người Mỹ, người

Anh (Lecteurs), không ở trong ngạch.

- Nhân viên Hành chánh.

Ông Giám đốc bộ môn Anh ngữ muốn tôi đại diện phe cực hữu của ông ra ứng cử cho Collège C. Vốn không thích những cái thái cực hay chính trị đám đá, lại biết ông chỉ muốn củng cố quyền lực riêng, tôi từ chối. Ông khuyên tôi nghĩ kỹ vì mẹ tôi mới sang, tôi cần tiền, mà ông không bắt buộc phải gia hạn hợp đồng cho tôi. Tôi cho là ông dọa chứ trong số hơn mười lớp dạy dịch, những lớp của tôi bao giờ cũng đông nhất, chắc không bị "mời" ra. Không ngờ đang giữa niên học, ông yêu cầu tôi nghỉ dạy, sau nhân nhượng cho dạy nốt đến cuối năm, nhưng phải để người khác đứng tên (prête-nom), lĩnh lương rồi trả lại tôi sau. Tôi bỏ dạy học từ đấy.

Tôi không xin dạy ở Paris III vì lúc ấy hai đại học Paris III và IV đang cạnh tranh nhau, tôi là ngoại quốc, không quen ai ở Paris III. Lại tiếp tục làm luận án ở Paris IV nên không có hy vọng họ cho dạy. Thấy dạy Anh vẫn có thừa, Anh ngữ lại không phải tiếng mẹ đẻ của tôi. Xin dạy ở tỉnh dễ hơn nhưng tôi mất kém, di chuyển khó khăn. Với lại lương ba tháng một lần lại thường xuyên đến chậm, có khi năm tháng sau mới được lĩnh nên phải có một chỗ làm chắc chắn chứ không lấy gì mà sống?

NNA: Chị Chân Quỳnh, chị vừa nói là chị có sang Luân Đôn làm việc cho BBC, rồi sau đó là dạy về môn dịch, chị có thể cho biết thêm, khi ở BBC chị lấy tên là gì (chắc nhiều thính giả Việt Nam của đài này có thể nhận ra chị), và xin chị nói thêm đôi chút về môn mà chị dạy sau đó.

NTCQ: Ở BBC tôi dịch và đánh máy những bài tôi dịch (tin tức, bình luận) hay viết (phỏng vấn, phóng sự). Ngoài ra, tôi còn phụ trách mục "Lá thư Phụ Nữ". Biệt hiệu của tôi lúc ấy là Minh Khuê. Trong thời gian làm ở BBC, những lúc rảnh tôi dịch chơi với Keith Bosley một số thơ Việt sang tiếng Anh cho vui. Công việc làm ở BBC không được tự do, không hứng thú, hết hạn giao kèo năm năm tôi về Pháp. Sau khi tôi bỏ đi, Keith Bosley cho xuất bản cuốn *The War Wife*, tự viết lấy tựa.

HOÀNG CẨM NHỚ

Có nét buồn Khôi nguyên
Chìm sâu vào đặng đặng
Có tiếng ca ưu phiền
Chìm sâu vào lắng lặng.
Và dai dẳng em ơi
Là cơn say khát lá
Cứ thon mềm xanh lá
Trong men quê bồi hồi.

Hà Nội, tháng 4-1995

ANH ĐỨNG ĐÂY LÀ ĐÂU

Anh đứng đây là đâu
Em cười như lá mỏng
Khép cửa vào chiêm bao.
Anh đứng đây là đâu
Em nói như gió ghen
Chiều nghiêng mây Thị Mầu.
Anh đứng đây là đâu
Em nhìn như mưa trắng
Năm năm bay ngang đầu.
Anh đứng đây là Em.

Mãi khi sắp cho ra cuốn *The Elek Book of Oriental Verse* Keith mới bắt liên lạc lại được với tôi nên lần này có nêu tên tôi trong số những người cộng tác với anh.

Về Pháp, tôi học thêm và xin được chỗ dạy học ở Paris IV. Thoạt đầu, họ cho tôi dạy hai lớp Version (dịch từ tiếng Anh sang tiếng Pháp) và một lớp Thème (dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Anh). Đối với người Pháp, dạy Version dễ hơn, họ chỉ quên rằng tôi không phải người Pháp, phải sửa tiếng Pháp cho người Pháp không phải chuyện dễ. Tôi có một bà đồng nghiệp, người Pháp chính cống, già đời dạy học mà mỗi khi dạy Version vẫn khệ nệ mang theo quyển tự vị để đỡ mất thì giờ tranh chấp với sinh viên. Rút cuộc, tôi xin đổi dạy toàn Thème. Dạy giờ này phải kèm theo văn phạm, mất nhiều thì giờ soạn bài hơn, nhưng đỡ lồi thoi. Thỉnh thoảng cũng có những người Anh hoặc Mỹ đến học nhưng họ hiền hơn sinh viên

Pháp, và đôi khi họ lại thích thú học văn phạm nước họ dưới một khía cạnh khác lạ: so sánh văn phạm hai nước Pháp và Anh.

NNA: *Thưa chị, bây giờ chị còn phụ trách môn dịch nữa không?*

NTCQ: Không. Hiện nay tôi vẫn làm việc ở Paris-Sorbonne nhưng trong phòng trông coi về những văn bằng của ngoại quốc. Những sinh viên ngoại quốc tốt nghiệp ở nước họ, hoặc đang học dở dang mà muốn tiếp tục học tại Pháp thì tôi phụ trách phần việc xét xem trình độ họ tới bậc nào, rồi đưa cho cấp cao hơn duyệt ý. Nhờ vậy tôi biết khá nhiều văn bằng ngoại quốc.

NNA: *Những năm gần đây, độc giả báo Việt ngữ ở hải ngoại được đọc một số biên khảo rất có giá trị của chị. Chị có thể nói qua về các công trình này?*

NTCQ: Từ nhỏ tôi vẫn thích viết lách nhưng không bao giờ nghĩ mình sẽ đi vào đường biên khảo. Tôi bước vào ngành này rất là tình cờ. Có lần tôi trông thấy một loạt ảnh chụp Lễ Xương Danh trường Hà Nam khoa Đinh Dậu (1897) của Salles. Ảnh rất rõ và đẹp, đây là lần đầu tôi tận mắt trông thấy quang cảnh trường thi ngày xưa, tôi rất thích. Sau đó tôi bỏ hẳn một năm đi lùng ảnh Khoa Cử ở Paris, tìm được khá nhiều, có cả những cái chưa hề thấy trên các báo. Quang cảnh trường thi khác hẳn cảnh tôi tưởng tượng sau khi đọc Ngô Tất Tố. Các thầy khóa đi thi ung dung, nhẹ nhàng, lều chõng gấp gọn chứ không cồng kềnh, lỉnh kỉnh, chiu đầu chiu cổ như Ngô Tất Tố tả. Thế là tôi có ý cho ra một cuốn tập hợp ảnh chụp Khoa Cử.

Thoạt đầu tôi định để ảnh tự nói lên sự việc, phần chú thích càng ít càng tốt. Nhưng khi chú thích tôi mới biết khó vì sách vở của ta chép không giống nhau. Điều tra xem sự thật nằm ở đâu có khi cả năm cũng chưa xong mà khuôn khổ cuốn *Khoa Cử* lại hạn hẹp không thể ghi chép hết những điều lật vật tôi đã mất khá nhiều thì giờ tra cứu nên tôi bắt đầu gửi bài đăng trên các tạp chí, cốt tránh cho người đi sau khỏi mất thì giờ tìm kiếm như tôi. Bài đầu chính là bài "Ai làm Chủ khảo trường Hà Nam khoa Đinh Dậu?" (*Thế Kỷ 21*, số 2), sau đó đến bài "Bà Nguyễn Thị Du, vị Nữ Trạng Nguyên độc nhất của ta sinh năm nào?" (*Văn Học*)... toàn là những bài có liên quan đến Khoa cử. Sau viết mãi về Khoa cử cũng chán tôi đổi sang những đề tài khác nhưng vẫn với mục đích tìm kiếm sự thật. Bài viết về Hàn Thuyên và Cao Bá Quát (*Giao Điểm*) chắc có người cho là kỳ vì ghép hai vị không liên quan gì với nhau vào trong một bài. Đối với tôi lúc ấy thì mối liên hệ giữa hai người nằm ở chỗ cả hai cùng bị người đời sau ngụy tạo thơ văn. Bài thơ đuổi cá sấu mà một số sách còn ghi chép là của Hàn Thuyên đích thực là ngụy tạo, còn Cao Bá Quát, *Đại Nam Thực Lục* chép rõ ràng chết trận, tất không thể ngồi tù chờ ngày bị chém đầu để mà viết những câu đối ta thường truyền tụng như:

*Ba hồi trống dục đủ cha kiếp
hay*

Một chiếc cùm lim chân có đế.

NNA: Nếu tôi nhớ không lầm, trên *Thế Kỷ 21* có lần ông Bằng Vũ đã đưa ra một số ý kiến về một bài viết của chị. Xin chị nói thêm về sự kiện này.

NTCQ: Khoảng năm 1990-91 ông Bằng Vũ viết trên *Thế Kỷ 21* rằng Khoa cử bắt đầu cải cách ngay từ đầu thế kỷ 20, trước khi Tú Xương mất. Các thí sinh phải thi cả chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Lúc ấy tôi đã thu thập tài liệu về Khoa cử được năm năm nên biết ông lầm. Triều Nguyễn không bao giờ dùng chữ Nôm ở trường thi, và ngay cả non một ngàn năm ta dùng Khoa cử kén người ra làm quan cũng chỉ có hai trường hợp đặc biệt dùng đến chữ Nôm, một lần dưới thời vua Quang Trung và một lần nữa hình như dưới thời nhà Mạc. Còn chữ quốc ngữ chỉ thực sự bắt buộc phải thi từ năm 1909, chữ Pháp lúc ấy còn là môn thi tình nguyện. Tôi viết bài "Khoa cử thời cải cách" với mục đích viết cho đúng sự thật, nhưng tránh không nêu tên ông ở những chỗ ông sai lầm, đây không phải mục đích của tôi khi viết bài. Ông liền bắt bẻ tôi trong bài "Từ nghị định Doumer đến đạo dụ Thành Thái" chứng minh rằng Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ. Vì thế tôi mới có bài "Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ hay không?", trước là để phản bác những lý lẽ ông viện dẫn, sau là để giải thích tôi chỉ muốn viết sự thật, chứ không có ác ý. Ít lâu sau ông lại trích một bài báo Pháp chứng minh Khoa cử cải cách từ 1908, ông chỉ quên kiểm tra nên không nhớ rằng 1908 không có khoa thi và nếu có thì Tú Xương cũng đã mất được một năm rồi. Từ hồi đó ông im lặng nên gần đây tuy tôi có tìm thêm được những tài liệu chứng minh tôi đúng, Khoa cử chỉ cải cách từ 1909, tôi cũng bỏ qua vì chuyện đã cũ.

NNA: Chúng tôi được biết chị đã tập hợp một số bài viết của chị và giao cho nhà xuất bản An Tiêm tại Pháp, chị có thể cho biết tựa đề cuốn sách đó, và bao giờ thì có thể ra mắt người đọc?

NTCQ: Cuốn sách đó tập hợp phần lớn những bài tôi đã đăng trên các tạp chí *Thế Kỷ 21*, *Văn Học*, *Văn Lang* v.v... Chúng tôi dự trù cuối năm nay (1994) thì xong, không biết có kịp không? Tôi đặt tên nó là "*Lối Xưa Xe Ngựa...*" vì viết toàn chuyện đời xưa. Thời bây giờ mà ngồi nói chuyện đời xưa nghe có vẻ lảm cẩm. Thật ra cũng không lảm cẩm lắm đâu. Có những điều mà bây giờ người Tây phương cho là mới mẻ, chẳng hạn cho những kẻ có tội làm việc công ích để chuộc lỗi, thì cha ông chúng ta đã làm từ lâu rồi: Nguyễn Công Trứ đi lính, Cao Bá Quát xuất ngoại đều để lập công chuộc tội cả.

Trong non một ngàn năm tự trị ta đều dùng Khoa cử để kén người ra làm quan trị nước, ắt cũng phải có những lý do chính đáng để nó tồn tại chứ không phải vô duyên vô cớ mà nó được thọ như vậy. Trước hết Khoa cử công bằng hơn chế độ cha truyền con nối. Dùng Khoa cử để kén người thì đến ngày nay người Tây Âu cũng vẫn phải làm. Chúng ta chê khoa cử thực ra là chê cái học viển

vông, thiếu thực dụng, chê các ông đồ chỉ biết ngâm thơ vịnh nguyệt. Thực ra làm thơ chỉ là một trong bốn kỳ thi, còn kỳ văn sách hỏi về thuật trị nước ít người để ý tới. Xưa kia rèn luyện thơ phú chính là rèn luyện tài ứng đối để có thể “dùng ngọn bút thay giáp binh” tranh thắng trên trường ngoại giao, không làm nhục đến quốc thể. Nhưng đây là thời ngoại giao với Trung Quốc. Với người Tây Âu thì thuật ngoại giao ấy hoàn toàn lỗi thời. Thế là tại mình không chịu cải sửa chữ Khoa cử tự nó chẳng có lỗi gì cả. Con dao sắc đến mấy dùng mãi cũng phải cùn. Ta không biết mài cho nó sắc lại, lại quảng nó đi mua con dao khác thì suốt đời mình phải mua dao mới. Tôi đã đọc trong thư viện những đề tài luận án của người Pháp thời xưa, nhiều cái rất kỳ quái, còn kỳ quái hơn ca tụng chị Hằng, chẳng hạn: “Có bao nhiêu thiên thần nhảy múa được trên đầu một cái đinh ghim?” Thế mà họ vẫn thắng mình!

NNA: Xin chị nói phương pháp làm việc của chị trong khi viết một bài biên khảo?

NTCQ: Lúc đầu tôi chọn đề tài rồi đọc sách tìm tài liệu, sau có khi đề tài tự đến với tôi, nghĩa là đang khi tìm kiếm tài liệu cho một chủ đề thì bất gặp đầy đủ chi tiết để viết cho một chủ đề khác hẳn, thế là tôi xếp chủ đề thứ nhất vào ngăn kéo. Trước khi viết tôi sắp xếp ý nghĩ cho có mạch lạc, viết xong mới sửa văn, xóa những chữ thừa, những đoạn trùng nhau, và dịch những chữ mà tôi tạm ghi bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh. Nếu tìm trong tự

vị không có thì phải đọc sách thêm để kiếm cho ra chữ diễn tả đúng ý muốn. Tôi chỉ khởi sự viết khi nào tìm thấy độ bốn, năm ý mà tôi nghĩ là “mới lạ” hoặc ít người bàn đến, nếu chỉ có độ một, hai ý “mới” thì bài sẽ loãng. Lúc đầu bài ngắn do thiếu kinh nghiệm.

NNA: Chị có quan tâm đến văn chương trong nước, văn chương hải ngoại không? Xin chị cho biết ý kiến.

NTCQ: Tôi xa nhà từ cuối năm 1952. Lúc đầu còn mải lo chuyện học hành, kiếm việc làm và một phần vì thiếu cơ hội nên sự hiểu biết của tôi về văn học Việt Nam hầu như dừng lại ở thời Tiền chiến. Tôi chỉ biết thêm được một số rất ít như Hữu Loan... nhóm “Trăm Hoa Đua Nở, và Trịnh Công Sơn. Khoảng 1985, có người bạn gửi cho cuốn *Ngọn Cỏ Bồng* của Nguyễn Bá Trạc, tôi ngỏ ý thích, rồi do người bạn giới thiệu, anh Trạc gửi *Văn Học* và một ít sách cho tôi. Tôi bắt đầu “làm quen” với các nhà văn hải ngoại và cả những người đã thành danh ở miền Nam trước kia là nhờ anh Trạc. Trong số những nhà văn trẻ mà tôi chú ý có Thế Giang, Trần Vũ, Trần Sa, Phan Thị Trọng Tuyền, Đỗ Kh. v.v...

Ở trong nước bây giờ thì có Nguyễn Huy Thiệp, Phan Thị Vàng Anh, Xuân Sách... Tôi rất phục những bài diễn văn đanh thép của Dương Thu Hương. Nhưng đúng sự thật thì bây giờ tôi tìm đọc sách cổ nhiều hơn. ■

Đón đọc

Lý luận và phê bình

Hai mươi năm
văn học Việt ngoài nước

bùi vĩnh phúc

- Giới thiệu một cái nhìn về diện mạo cũng như dòng vận động của văn học Việt hai mươi năm qua ngoài nước.
- Chia sẻ một số suy nghĩ và lý luận về mỹ học phê bình. Đặt dòng phê bình lý luận này trong bối cảnh chung của văn học thế giới.
- Phê bình và nhận định một số tác phẩm cụ thể, nhưng trong tiến trình nhận định và thẩm thức ấy, trên một số góc độ, làm rõ diện mạo cũng như phong cách văn học của những khuôn mặt văn nghệ như Phạm Duy, Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Xuân Hoàng, Hoàng Khởi Phong, Quỳên Di, Hồ Trường An, Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Diệu Hằng, Phan Thị Trọng Tuyền, Lê Thị Huệ, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Bùi Bích Hà, Trần Mộng Tú...
- Phác họa chân dung văn học với những nét nổi bật nhất của rất nhiều nhà văn nhà thơ khác trong tiến trình vận động của hai mươi năm văn học Việt ngoài nước.

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ
P. O. Box 2301 • Westminster, CA 92683
hoặc
10881 Oak Street • Stanton, CA 90680
Tel.: (714) 527-5761

Hãy tìm mua



Văn Khoa xuất bản và phát hành
VĂN KHOA
9200 Bolsa Ave., #123
Westminster, Ca 92683 USA
Phone & Fax: (714) 892-0801
Các nhà sách cũng có thể đặt mua tại
ĐẠI NAM đồng phát hành

TIẾNG HÚ TÂM LINH

DOÃN QUỐC SỸ

(Tiếp theo và hết)

HỒI BA

Mối tình của nàng Vương Lệ Phi

Cảnh Một

Trong gió chiều thốn thức,
Dưới trăng mờ, trong sương khuya
Ta chỉ còn nghe tiếng chó đốm
Khóc!

Thi sĩ Trục Ngôn vừa dứt lời ngâm khi ra khỏi Diễm Dương Đài thì có tiếng gọi: “Thi sĩ Trục Ngôn! Thi sĩ Trục Ngôn!” Rồi một thiếu nữ tự trong bóng tối hàng cây bên đường nhô ra, đi vào ánh trăng, tiến tới trước mặt thi sĩ.

Đó là nàng Vương Lệ Phi, mái tóc đen xõa xuống vai đẹp một cách mơ hồ và huyền hoặc như một dòng thời gian rớt nghiêng, nước da trắng mịn dưới màu trăng, đôi mắt đen thơ ngây, cả khuôn mặt tinh khiết như thiên thần.

Wương Lệ Phi.- (gọi, lần chót) Thi sĩ Trục Ngôn!

Trục Ngôn.- (nhìn nàng say đắm) Em là ai, ôi người- đẹp-mây-thua-nước-tóc của anh!

Wương Lệ Phi.- Em là Vương Lệ Phi công nương, ái nữ của Thánh đế, người chị danh dự của Hội Phụ nữ toàn quốc, người chị danh dự của Hội Chiến sĩ toàn quốc.

Trục Ngôn.- (giọng âu yếm) Em là tiên trên trần đẹp một vẻ đẹp dịu hiền. Tất cả trần châu giấu trong lòng đất nước chúng ta cũng không đủ để mua lại nhan sắc đó. Tất cả những chức tước mà tụi xu nịnh đặt thêm cho em chỉ là những đồng bùn hôi đắp lên đôi cánh óng chuốt của chim hoàng anh khiến chim hết đường bay bổng. Đôi mắt tuyệt vời của em đựng những mảnh hồn lạc của những tâm tình cao quý, chức tước của em chỉ thu hút những kiếp người rồi bỏ.

Tựa như có tiếng dòng suối xuân êm chảy làm nền cho tiếng nói của chàng. Tiếng suối ru nàng? Hay tiếng chàng ru nàng? Hay chân lý ẩn trong tiếng nói đơn giản nhưng chân thành ru nàng? Hay cả ba: tiếng suối, tiếng nói và chân lý ru nàng? Ru nàng vào một giấc mơ rất thực của Hạnh Phúc. Vẫn còn tiếng của chàng bên tai.

Trục Ngôn.- Anh chỉ gọi em là “em Vương Lệ Phi,” em bằng lòng chứ?

Nàng Vương Lệ Phi khẽ gật đầu, chàng thi sĩ vòng tay ôm nàng, trong khi nàng ép đầu bên vai chàng.

Wương Lệ Phi.- Có mưa rơi không anh mà sao nước mắt như tràn ngập lòng em?

Trục Ngôn.- Nước mắt đó làm em thêm đẹp, nước mắt đó rửa tội lỗi cho dòng họ em, nước mắt đó giúp anh quên đi trong giây lát rằng phần lớn cõi đời còn trong tay lũ sói đói, cáo già. Anh cầu mong mưa rơi nhiều nữa!

Thi sĩ Trục Ngôn đưa nàng Vương Lệ Phi đi về phía bờ sông theo con đường mà chàng sắp sửa theo để đi lên miền núi Tây Vực.

Cảnh Hai

Trăng về khuya càng sáng. Trên một khoảng cỏ xanh bờ sông bốn bề lau sậy dạt dào, nàng Vương Lệ Phi ngồi nép bên thi sĩ. Họ yên lặng nhìn cảnh sông nước dằng xa mênh mông và u huyền.

Wương Lệ Phi.- (khẽ tựa mình rồi ngẩng đầu) Anh nhất định đi Tây Vực?

Trục Ngôn.- Phải đi em ạ! Đi để tìm và nuôi hy vọng!

Wương Lệ Phi.- Ở lại với em, anh yêu quý!

Trục Ngôn.- Không được em ạ.

Wương Lệ Phi.- Em không đem được hạnh phúc cho anh sao?

Trục Ngôn.- (lắc đầu) Anh đâu có đủ đức tính như anh Hoàng Hoa. Ở lại anh phải nguyên rửa, anh không muốn nguyên rửa! Ở lại anh nuôi ý tưởng giết người — anh vẫn phủ nhận bạo động! Anh phải đi! (nói với mình) Ước ao có ngọn lửa thần thiêu hủy cho ta chút lòng kiêu ngạo còn lại. (suy nghĩ một giây) Nhưng phải có lòng kiêu ngạo của ta anh Hoàng Hoa mới thành công. (mỉm cười) Lòng kiêu ngạo của ta tuy dở mà cần thiết. (nói với Vương Lệ Phi) Anh phải đi, nhưng càng xa em tình anh càng thấm thiết, có sao đâu em? (Đôi mắt thi sĩ Trục Ngôn chợt sáng lên vì có tiếng tiêu vẳng lại) Tiếng tiêu của anh Hoàng Hoa!

Wương Lệ Phi.- Chúng ta tìm đến chào anh!

Trục Ngôn.- Không được, anh đã từ giã anh từ lúc chiều để đi Tây Vực.

Wương Lệ Phi.- Khúc chi mà em ả đơn sơ thế anh?

Trục Ngôn.- Đó là khúc “Gọi đàn” của các em bé chăn chiên nơi quê hương anh.

Wương Lệ Phi.- Anh đi Tây Vực tìm đạo sĩ Thần Thông theo đúng lời sấm dạy?

Trục Ngôn.- (gật đầu) Đạo sĩ sẽ trao cho anh hai bửu bối. Theo lời khẩu truyền trong dân gian thì đạo sĩ Thần Thông có gậy Toàn Sinh và chim Chính Tâm.

Wương Lệ Phi.- Anh kể chuyện cho em nghe.

Trúc Ngôn.- Khi được trao, gậy Toàn Sinh sẽ dính liền vào tay, mình sẽ đi ngao du sơn thủy đường dài thành ngấn, gặp rừng thì ăn hoa quả uống nước suối, dù không gặp rừng, hàng tháng đi trên sa mạc, tinh thần vẫn minh mẫn, sức lực chẳng hao mòn. Chim Chính Tâm dùng để kiểm điểm lòng mình. Khi cất tiếng nói mà chim hót theo, ấy là lời mình nói với ý mình nghĩ là một. Hễ nói mà chim chẳng hót, ấy là nói một đằng, nghĩ một nẻo. Ngày đắc đạo là ngày mình thường xuyên thể hiện được cái tâm thuần nhất, gậy Toàn Sinh sẽ rời khỏi tay để mình có thể trao cho người khác, hoặc nếu không ai xứng đáng, đạo sĩ Thần Thông sẽ hiện ra thu lại. Ngày ấy anh trở về gặp em.

Vương Lệ Phi.- Tại sao anh cứ phải đi Tây Vực để tìm những thứ đó?

Trúc Ngôn.- Vì anh không đủ đức tính như anh Hoàng Hoa nhưng anh lại muốn sửa đổi cõi đời. Mà muốn sửa đổi cõi đời anh phải sửa đổi lòng anh trước đã.

Bỗng nàng Vương Lệ Phi ôm choàng lấy thi sĩ Trúc Ngôn khóc nức.

Vương Lệ Phi.- Trời ơi sao mà tiếng tiêu buồn đến thế anh ơi!

Trúc Ngôn.- Đó là khúc "Bi ca" do chính anh Hoàng Hoa sáng tác để kết tinh lấy cái bi đát của định mệnh con người.

Vương Lệ Phi.- (vẫn gục mặt khóc trên vai người yêu) Ngộ anh không gặp đạo sĩ Thần Thông? Ngộ anh không về?

Trúc Ngôn.- Em ạ, anh linh cảm thấy có những trường hợp cái chết có sức tác động gấp ngàn gấp vạn lần cái sống. Nếu cần anh sẽ chết.

Vương Lệ Phi.- Anh ơi, tiếng tiêu sao mà âm trầm rữ rợ?

Trúc Ngôn.- Đó là khúc "Tương Tư". Anh còn đây nhưng giây phút hợp mặt chẳng còn bao lâu nữa. Anh bắt đầu tương tư em.

Vương Lệ Phi.- (nói qua tiếng nức nở) Anh yêu quý, nếu anh chết thì báo cho tâm linh em hay, em sẽ chết theo và hóa thành chim hoàng anh.

Trúc Ngôn.- (cúi xuống hôn nồng nàn lên đôi môi ấm và hiền của nàng Vương Lệ Phi) Em yêu dấu, ở cái cõi đời đầy những lọc lừa phản bội này chỉ có tình yêu là thật thoi em ạ. (dịu Vương Lệ Phi cùng đứng dậy) Em có nghe tiếng tiêu reo vui, anh ra đi vừa đúng lúc.

Thi sĩ Trúc Ngôn buông nàng Vương Lệ Phi ra, bước đi bịn rịn, có ngoái cổ lại đôi lần. Tiếng tiêu nín bặt. Nàng Vương Lệ Phi cảm thấy cõi lòng trống trải mất hết niềm an ủi, mất hết nghị lực, nàng ngồi phệt xuống cỏ ôm mặt, tiếng nói nghẹn ngào lẫn trong tiếng khóc nức nở.

Vương Lệ Phi.- Em sẽ hóa thành chim hoàng anh! Em sẽ hóa thành chim hoàng anh!

HẾT HỒI BA

HỒI BỐN

Viên đội trưởng người Kinh Bắc

Cùng khoảng thời gian với Mối tình của nàng Vương Lệ Phi, viên đội trưởng vâng lệnh Thánh đế ra đi đã hành động ra sao với thanh Linh-tử-kiểm?

Cảnh Một

Tại căn nhà nhỏ của hai anh em thi sĩ nay chỉ còn thi sĩ Hoàng Hoa ở lại nuôi con bạn. Em bé mồ côi nằm trên giường, thi sĩ cất ống tiêu lên miệng thổi một bản dân ca, điệu nhạc thơ ngây đơn giản. Em bé hé mắt đen láy nhìn thi sĩ mỉm cười rồi hai mí từ từ khép lại, em đi vào giấc ngủ. Chợt cánh cửa bị đẩy tung, viên đội trưởng vào.

Viên đội trưởng.- Tôi muốn thưa với ông một câu chuyện!

Hoàng Hoa.- (đặt ngón tay trở lên miệng làm hiệu) Suy! Xin ông nói khẽ cho em bé ngủ.

Viên Đội trưởng lúc đó cũng sức nhớ lại lời Ngự Sử I dặn, nên đổi giọng nhẹ nhàng nói với thi sĩ Hoàng Hoa mà hần vẫn tưởng lầm là thi sĩ Trúc Ngôn vừa ở Diễm Dương Đài về.

Viên đội trưởng.- Thánh đế sai tôi lại đây mời thi sĩ tới bến sông phía Tây kinh thành rồi lên thuyền thưởng trăng đêm nay.

Hoàng Hoa.- Tôi sẽ đến gặp Thánh đế ngay không phải để lên thuyền thưởng trăng với ông ấy mà chỉ để báo ông ấy cho khỏi thoát các cửa cống.

Thi sĩ Hoàng Hoa rón rén ra khỏi phòng, khép cửa không tiếng động, vô tình tay còn cầm theo ống tiêu, rồi cùng viên đội trưởng theo đường ra bờ sông. Viên đội trưởng liếc nhìn thi sĩ. Về mặt thành thật, lòng tin người hồn nhiên của nhà thơ dường như có làm y xúc cảm, tay y không còn luôn luôn đặt lên đốc kiếm như khi mới gặp. Hai người tiến tới bờ sông. Trăng sáng.

Cảnh Hai

Hai người tới bờ sông. Thi sĩ Hoàng Hoa ngoác nhìn quanh.

Hoàng Hoa.- Sao không thấy thuyền của Thánh đế?

Viên Đội trưởng mặt đã dịu hiền, khi đó đương suy nghĩ không đâu, nghe câu hỏi vội tìm cách trả lời chống chế.

Viên đội trưởng.- Chắc là Thánh đế chưa tới, chúng ta hãy ngồi đợi tạm đây!

Hai người ngồi đơn giản xuống bờ cỏ. Tiếng gió đuổi nhau trên ngàn lau sậy phía dưới bờ sông gần sát mặt nước. Thi sĩ Hoàng Hoa cất ống tiêu lên miệng thổi khúc ca "Gọi đàn" êm ả. Viên đội trưởng nhìn những đợt sóng dưới sông mà tưởng như đó là những đàn cừ lông vàng đang theo tiếng tiêu mà ngoan ngoãn về chuồng, và nhà thơ đương thổi ống tiêu đây là một mục đồng của Thượng đế. Thi sĩ Hoàng Hoa bỗng ngưng thổi ống tiêu, ngẩng lên hỏi viên đội trưởng.

Hoàng Hoa.- Sao không thấy thuyền của Thánh đế?

Viên đội trưởng.- Tàu thi sĩ...

Hoàng Hoa.- (cười lớn) Sao lại "tàu", thưa



ĐHAT NHỚ THƯƠNG

Đôi mưa đất thấm cỏ hồng
Chiều nghiêng bóng lướt cánh lông mây sa
Hạt sương buốt lịm ánh nhòa
Bến đêm gió lộng nâng tà áo em
Sao viên dẫn bước tới thềm
Một mình đứng đợi nước thêm ngấn buồn
Trời cao nhỏ lệ xuống vườn
Cho hoa em nở tình thương từng ngày

ông?

Viên đội trưởng.- Thưa thi sĩ, chắc là Thánh đế tới muộn. Xin thi sĩ tiếp tục cho nghe tiếng tiêu.

Thi sĩ Hoàng Hoa lại cất ống tiêu lên miệng thổi khúc "Bì ca". Tiếng tiêu theo gió đưa đi như kể lể tâm tình với vũ trụ trắng sao. Nỗi đau khổ đơn giản vì được kể bằng tiếng tiêu nên vẫn đơn giản mà thấm thía, rộng lớn và phong phú vì tâm sự biến đổi qua từng kẽ lá nhành cây. "Đàn cừu vàng" đã về chuồng hết chỉ còn một nỗi buồn phiêu bạt bồi hồi hiện thành những gợn vàng trên con sông rộng.

Thi sĩ lại ngừng ống tiêu, ngẩng lên.

Hoàng Hoa.- Sao không thấy thuyền của Thánh đế?

Viên đội trưởng.- Thưa thi sĩ, chắc là Thánh đế tới muộn. Thưa thi sĩ, sao tôi nghe tiếng thi sĩ khi này ở Diễm Dương Đài khác với tiếng bây giờ?

Hoàng Hoa.- Ông nói gì tôi không hiểu.

Viên đội trưởng.- Thưa thi sĩ, tôi nói khi này thi sĩ ở Diễm Dương Đài...

Hoàng Hoa.- (lắc đầu) Tôi không hề một lần nào đến Diễm Dương Đài.

Viên đội trưởng.- Vậy ra không phải...

Hoàng Hoa.- Đó chắc là em tôi, Trục Ngôn!

Viên đội trưởng.- Vậy giờ đây thi sĩ Trục Ngôn ở đâu?

Hoàng Hoa.- Em tôi đã lên đường đi Tây Vực, không hiểu sao hán lại rẽ vào Diễm Dương Đài!

Viên đội trưởng toan nói rõ sự thực sau lại thôi, chỉ khẽ thở dài.

Viên đội trưởng.- Thưa thi sĩ, chắc là Thánh đế đến muộn, cũng có thể là không đến, xin thi sĩ

cho được tiếp tục nghe tiêu.

Thi sĩ Hoàng Hoa cất ống tiêu lên miệng thổi khúc "Tương Tư". Tiếng tiêu náo nê, rữ rợ như biến thành tiếng thở dài muôn thuở. Tiếng tiêu nhập vào tâm tình của mây lang thang, của gió phiêu bạt, vừa phóng mình đi vừa tìm bắt mình trong ngàn sương mung mung mạc mạc, bước đi làm gợn vàng dòng sông, làm thẳng thốt loài chim đêm, làm hơi mát đọng lại thành những hạt sương long lanh. Duy có dãy núi xa là giữ nguyên vẻ trầm tư. Thi sĩ bỗng bỏ ống tiêu xuống vỗ tay làm nhịp và cất tiếng ca. Đó là một khúc hát cổ của dân tộc.

Thoạt thi sĩ giữ nguyên giọng đàn ông mà hát rằng:

Ngồi tựa vườn đào
Thấy người thục nữ ra vào lòng
những vẩn vương
Gió lạnh đêm trường
Nửa chăn để đó, nửa giường để đó
chờ ai.

So chữ sắc tài
Yêu nhau chớ để cho người giảng
gió hái hoa.

Khấn nguyện trăng già
Tơ hồng kết lại một nhà đầm ấm yên
vui.

Thi sĩ đổi giọng bắt chước con gái hát đáp:

Ngồi tựa vườn đào
Thấy người tri kỷ ra vào em những ngẩn ngơ
Tháng đợi năm chờ
Nỗi niềm tâm sự ấy bây giờ biết tỏ cùng ai?

Thi sĩ nâng vôi ống tiêu lên miệng, tiếng tiêu văng ra hây hây như trái đất đến tuổi dậy thì. Có tiếng khóc nức lên vào tiếng tiêu.

Hoàng Hoa.- Trời ơi, sao ông khóc?

Viên đội trưởng.- Thưa thi sĩ, tôi người Kinh Bắc.

Hoàng Hoa.- Khúc hát trên của quê hương làm ông xúc động?

Viên đội trưởng.- (vẫn úp mặt vào hai bàn tay, khóc mà sung sướng)

Thi nhân ơi, tôi ngồi trên bờ sông hay ngồi trên thuyền? Thuyền trôi trên nước hay thuyền trôi trên mây? Tôi thấy hơi đất hiền dịu mà mãnh liệt của quê hương Kinh Bắc dâng lên ngập hồn. Tôi đã được tái sinh. Và khi đã tái sinh thì bất diệt, phải chăng thi sĩ? Mình yêu quê hương mình sẽ bất diệt cùng với quê hương, phải chăng thi sĩ?

Hoàng Hoa.- (nhắm lấy tay viên đội trưởng) Ông nói rất đúng!

Viên đội trưởng đứng dậy, rút Linh-tử-kiếm ra khỏi vỏ múa một vòng, đường gươm loang loáng dưới ánh trăng, rồi cất tiếng cười sặc sụa.

Viên đội trưởng.- Linh-tử-kiếm! Linh-tử-kiếm! Trước đây cứ mỗi lần thoát ra khỏi vỏ là một lần mi được uống máu đồng loại của ta. Đã biết bao nhiêu lần mi uống máu đồng loại của ta, vinh cho mi hay nhục cho mi? (nói với thi sĩ Hoàng

Hoa) Thưa thi sĩ đến bây giờ tôi mới hiểu lời của thi sĩ Trúc Ngôn nói khi nãy “kẻ nào yêu thơ, kẻ đó chém không đứt!” (lại cất lời ca)

Ngồi tựa vườn đào

Thấy người thực nữ ra vào lòng
những vẩn vương.

Gió lạnh đêm trường

Nửa chăn để đó, nửa giường để đó
chờ ai.

(trao kiếm cho thi sĩ Hoàng Hoa) Xin
thi sĩ dùng kiếm này chém tôi, tôi tin
rằng cổ tôi không đứt.

Hoàng Hoa.- (cười hiền từ) Mỗi lời
ca dao của dân tộc là một đường gươm
sắc gọn. Tất cả những đường gươm ca
dao chỉ chém tan bóng tối và mở đường
cho ánh sáng linh hồn; đường gươm ca
dao chỉ chém đứt sợi dây oan nghiệt trói
buộc con người với danh lợi hèn mọn để
giải phóng cho con người vươn lên gặp
vũ trụ hòa hài.

Viên đội trưởng.- (chợt nghĩ ra điều
gì) Thưa thi sĩ, người có khinh ai bao giờ
chăng?

Hoàng Hoa.- Tôi chẳng bao giờ
muốn khinh ai, bởi tôi hằng nghĩ kể cả
những kẻ đâm mình vào những tội lỗi
đáng khinh nhất, họ cũng chẳng thể hủy
hoại được những gì là cao quý ngự trị bên trong
tâm hồn họ.

Viên đội trưởng.- Thưa thi sĩ, tôi nghĩ rằng kể
cả khi người khinh kẻ nào, người cũng đã ban rất
nhiều vinh dự cho kẻ đó.

Hoàng Hoa.- (mỉm cười) Nhưng thôi, đêm
khuya rồi, chúng ta về chứ?

Viên đội trưởng.- Xin thi sĩ về trước kéo em
bé thức giấc một mình sẽ khóc. Tôi còn ở đây.

Hai người cúi chào nhau; thi sĩ Hoàng Hoa
xuống đường trở về. Ánh trăng chênh chếch bao lấy
thi sĩ thành một vùng hào quang. Bóng thi sĩ bỗng
bát ngát như dương đi sâu vào cái vô cùng vô tận.

Lau sậy còn dạt dào.

Ánh vàng còn gợn dòng sông.

Tiếng tiêu tan vào dĩ vãng để tỏa thành hương
hiện tại.

Đội trưởng thoáng ôn lại trong trí cảnh lũ cận
thần hát hải ngược xuôi, rồi cảnh dân chúng dạt
sâu vào hai bên vệ đường khi Thánh Đế đi qua. Viên
đội trưởng đứng dậy vùng một đường gươm hung
dữ. Chợt dừng lại, suy nghĩ.

Viên đội trưởng.- (nói một mình) Ta còn phải
chịu nhục một lần nữa kéo hần giết nhảm thi sĩ
Hoàng Hoa. (vùng gươm tiến theo đường lớn về
Diễm Dương Đài) Ha ha! mọi người đều chết, kẻ
nào yêu thơ kẻ đó chém không đứt!

Cảnh Ba

Viên đội trưởng tiến vào Diễm Dương Đài.
Thánh Đế đã được cận thần tới báo trước.

LƯU NGUYỄN

QUÁ KHỨ

Quá khứ bốc hơi mùi ẩm mốc
nghe nhói đau từ tận tấc lòng
nỗi nhớ như đầu tên tẩm độc
ân huệ cuối đời chiến sĩ sang sông

Thanh gươm rỉ ngày ngày đối bóng
rất ngại ngần kể lại chuyện xưa
thuở tuổi trẻ đứng đầu ngọn sóng
tiếng thét nào còn vọng những chiều mưa

Ôi nỗi nhớ cũng là quá khứ
có vinh quang trên những nhục nhằn
có nước mắt bên lề cuộc lữ
có trận cười nhỏ máu trong tim

Thánh Đế.- Linh-tử-kiếm của ta đã được uống
máu tên cuồng sĩ?

Viên đội trưởng.- Tâu Thánh Đế, tên đó đã lên
đường đi Tây Vực, thần biết quá muộn nên đuổi
không kịp.

Thánh Đế.- (đập bàn quát) Đuổi không kịp?
Người đáng tội chết!

Viên đội trưởng.- (tự nói với mình) Lần này ta
cam chịu nhục để cứu thi sĩ, chẳng vì cơm áo hèn
mọn như xưa. Ta đã thắng! Kẻ nào yêu thơ kẻ đó
chém không đứt!

Thánh Đế.- Người hãy trao Linh-tử-kiếm cho
tên coi giữ kho tàng. Thôi, bước!

Viên đội trưởng.- (nói khẽ) Thế là xong! (nói
lớn) Thánh Đế muôn năm! (nói khẽ) Lần cuối cùng
ta chịu nhục!

Ra khỏi lâu đài, viên đội trưởng tiến thẳng về
phía cổng. Khi qua Vườn Từ Chương, đội trưởng rút
Linh-tử-kiếm ra khỏi vỏ vùng một đường sáng loáng
dưới ánh trăng tà rồi tung kiếm lên cao. Kiếm rơi
vào pho tượng lớn của Thánh Đế, bật tiếng kêu khan
rồi văng xuống bãi cỏ.

Ra khỏi cổng lớn, đội trưởng tiến về trung tâm
cư trú của dân chúng. Nước cống rãnh rên lên khá
cao, mùi hôi thối càng xông lên nồng nặc. Đội
trưởng cất tiếng ca lớn:

Ta trở về...

Ta trở về nơi bùn lầy hôi thối

Nhưng vẫn giữ được...

Vẫn giữ được sen tâm hồn ngát hương. ■

MÀN HẠ

BỐI CẢNH SINH HOẠT VĂN HỌC CỘNG SẢN TỪ NĂM 1975

Phần I: Một thời để xóa

(tiếp theo)

LÊ ĐẠI LĂNG

Nhìn chung, các nhà văn trong chế độ mới hăng hái xông pha trận địa tiêu diệt sản phẩm của đồng nghiệp, ô ạt trong men chiến thắng. Có thể hình dung văn học Việt Nam (chính xác hơn là miền Nam) trong giai đoạn sau 1975 như một hoạt cảnh chiến trường tan tác: sách báo cũ bị đốt, bị tịch thu, được trưng bày trong lồng kính, các nhà văn chế độ mới ôm chỉ thị và nghị quyết xông lên tuyến đầu bỏ ngõ, hò reo tởm mở chiếm lĩnh chiến trường câu văn trận bút.

Chiến thắng một chiến trường quân sự bỏ trống với một lực lượng không tương xứng vẫn có thể là vinh quang; nhưng trong trận chiến bút mực, vinh quang chỉ có nếu đối phương bị đánh bại bởi chính vũ khí (và đáng kể duy nhất) của nhà văn là cây bút. Nhà văn chỉ nên tham dự vào cuộc tranh minh. Vì thế, khi văn nghệ sĩ của chế độ sau năm 1975 xông lên ngọn đồi văn học, họ không gặp một sự kháng cự nghệ nghiệp nào cả. Điều đó có phải là họ thắng bằng yếu tính của văn học chăng!

Đây là một sự kiện đáng phản nản trong văn học Việt Nam đương thời.

Phát triển văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa

Lấy ý hệ Mác-xít làm căn bản thống trị, chế độ mới đã vận dụng nguyên tắc đấu tranh giai cấp vào địa bàn văn học. Một mặt, họ ra sức tiêu diệt nền văn học thù địch; mặt khác, củng cố và phát huy nền văn học xã hội chủ nghĩa.

Thông qua văn bản và thành quả, người ta thấy có nhiều điểm nổi bật của văn học dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hoàn toàn khác với mọi vận động văn chương kim-cổ.

Điểm nổi bật nhất trong văn học cộng sản là tính thời sự. Dù viết dưới hình thức nào, nhà văn dưới chế độ cộng sản luôn bắt kịp thời vụ: Kỷ niệm ngày sinh của Bác, có ngay thơ dâng Bác; kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga, có ngay ký sự ca tụng Liên Xô; một chiến dịch viết về đề tài công nhân, cũng có ngay hàng loạt trang viết về giai cấp tiên phong này; đại hội Đảng sắp đến, có ngay những bài viết ca ngợi Đảng; Trung Quốc tấn công biên

giới thì làm thơ ca ngợi chiến trường; Đảng đưa ra chính sách kinh tế mới, có ký viết về những vùng khai hoang, vân vân và vân vân. Nói chung, người cầm bút dưới chế độ cộng sản luôn phục vụ kịp thời nhiệm vụ mà nhà cầm quyền đòi hỏi.

Yêu cầu cần và thiết của những người cầm bút dưới chế độ cộng sản, vì thế, là khả năng bắt mạch và biết nương theo thời cuộc, đoán trúng ý lãnh đạo, có vậy họ mới chứng thực là đang làm việc. Văn nghệ sĩ mới vào nghề hay đã có tên tuổi đều vậy cả. Ngày 1 tháng Năm 1975, ngồi ở Hà Nội, Xuân Diệu tưởng tượng cuộc tiến công chiếm Sài Gòn của quân quân giải phóng trong bài "Chúng ta tới thành phố rực rỡ tên vàng," đăng trên tạp chí *Tác phẩm mới* (Tpm) số 49, tháng 5-75, như sau: *Quân giải phóng vào, thì các cơ quan nguy lực tục kéo cờ trắng, trong lúc nhân dân hai bên các đường phố đổ ra chào mừng đón Quân giải phóng. Tại Tổng nha cảnh sát nguy, những cảnh sát nguy đứng thành hàng rào danh dự đón quân cách mạng.*

Quả thật Xuân Diệu đã quá ca tụng người lính chế độ cũ khi gán cho họ những đức tính quả cảm của quân nhân: kéo cờ trắng, đứng nghiêm chào kính để quân địch vào lượm xác chứ không chạy, trong khi ngoài đường thì nhân dân (Sài Gòn) mừng rỡ hoan nghênh đội quân chiến thắng, hết như truyện Tàu nghìn năm trước. Trong men chiến thắng, và để cho kịp thời vụ, các nhà thơ mà miền Nam vẫn gọi là "tiền chiến," hăng hái xung trận giấy mực. Thế Lữ, cũng trên cùng số *Tác phẩm mới*, sau khi tụng ca Bác, viết: *Cay đắng cực khổ ba mươi năm, giờ đây càng làm rạng rỡ những tấm lòng sắt son cùng chính nghĩa cách mạng.* Huy Cận, trong ngày bộ đội chiếm Đà Nẵng, hăng hái:

Cách mạng bầm lòng dân, hết đời loài cường bạo;

Cách mạng hôm nay đi thế sóng thần;

Dãy Trường Sơn khi đã dậm chân;

Là nghiêng nát lũ bầy chuột cống...

(Tpm, số 48 tháng 4-75).

Nhà thơ trào phúng Tú Mỡ, làm cả một bài phú đăng trên Tpm số 50, 1975. Cả "Ông Đồ già" Vũ Đình Liên cũng xung trận trên cùng số báo 50, hò hét làm thơ gửi Tây Nguyên. Nhà thơ nằm vùng

Đông Trình, trên tờ *Cứu Quốc* ngày 25-4-75, viết: Từ ngày 29-3-75, bọn lính cầm súng đánh thuê cho đế quốc Mỹ ở Đà Nẵng hoàn toàn bị xóa. Chỉ cách nhau một buổi, thật rõ ý nghĩa của đời sống. Buổi sáng và buổi chiều. Địa ngục và thiên đường. Bóng tối và ánh sáng. Buổi sáng ngày 29-3 còn là thời gian của bọn quỷ dữ tác quái, lộng hành... Dường như đoạn văn thời sự trên vẫn chưa làm Đông Trình yên tâm, nên ông kết bài viết như sau, cho chắc: Trong bài hát thiếu nhi của con tôi sáng nay, cùng với sông núi, đất nước đầy tình nghĩa được ngợi ca, tôi nghe một tên gọi mới rất ấm áp, một tên gọi mà từ ba mươi năm nay, trong thơ, tôi chỉ gọi thầm: **Hồ Chí Minh**. (ĐT nhấn mạnh).

Đặc điểm văn học thời cuộc ấy sẽ được xét theo từng giai đoạn tạm quy ước sau.

Các giai đoạn

Giai đoạn 1975-1985

Từ ngày 15 đến 21 tháng Mười Một 1975, hội nghị hiệp thương được tổ chức ở Sài Gòn để định chế hóa quyền lãnh đạo độc tôn của Đảng. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lại bị hi sinh thêm một lần nữa, như nó đã từng bị Hà Nội cho làm "thánh tử đạo" vào mùa xuân 1968, khi xúi Mặt Trận tấn công các đô thị miền Nam, vừa để gây tiếng vang vừa mượn tay chính quyền miền Nam tiêu diệt bớt tiềm năng của Mặt Trận mà Hà Nội e ngại sẽ có một lúc, cái Mặt Trận do họ dựng nên sẽ lộng giả thành chân khi có điều kiện (10).

Dù sự thật là vậy, "Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất tổ quốc" khiến nhiều người mong mị là miền Nam sẽ thuộc về Mặt Trận, nghĩa là do người miền Nam cai trị, sẽ "đỡ hơn," tắt ngúm hi vọng. Kịch bản "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" diễn màn chót, với đủ các vai: Đoàn miền Bắc gồm 25 đại biểu, do Trường Chinh (Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa) làm trưởng đoàn, đoàn miền Nam, cũng gồm 25 đại biểu, do Phạm Hùng (Bí thư Đảng bộ miền Nam, đại diện Mặt Trận) đóng vai chính. Hội nghị nhất trí sẽ tổ chức tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội, thống nhất hai tổ chức nhà nước.

Về chính trị, Đảng đã giải quyết xong "đưa con nuôi bất đắc dĩ" một cách ôn hòa. Về kinh tế, mình sẽ có chế độ cải tạo công thương nghiệp. Về văn hóa, mình đang tẩy độc văn hóa Mỹ-ngụy; chuyện còn lại là ra sức phấn đấu để phát triển nền văn học theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục chủ trương lấy chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa làm phương pháp sáng tác tốt nhất, văn học cộng sản trong giai đoạn này có những thành tựu gì đáng kể? Và nhất là, trong không khí dạt dào phấn khởi trong những năm đầu, biểu thị qua việc thành lập những tổ chức mới của Đảng Cộng Sản trong các Hội Văn Học Nghệ Thuật cuối năm 1978, như Đảng đoàn mới của Hội Nhà Văn Việt Nam do Nguyễn Ngọc làm bí thư, Đảng đoàn mới của Hội Mỹ Thuật Việt Nam với Huỳnh Văn

MINH HÂN

ĐỘC HÀNH

Ta đi trên đường nhỏ,
Không có kẻ đồng hành
Nhường người con đường lớn,
Tha hồ mà đua tranh!

Orange, tháng Năm 1995

Thuận làm bí thư, với Dương Ngọc Đức làm bí thư Đảng đoàn Hội Sân khấu Việt Nam, Huy Du bí thư Đảng đoàn Hội Âm nhạc Việt Nam, và rồi liên tiếp các Đảng đoàn mới của Hội Điện Ảnh, Nhiếp Ảnh, Kiến trúc, v.v... được thành lập, thắt chặt đội ngũ làm văn nghệ như thế, thành quả văn hóa nói chung sẽ tăng lên đáng kể chăng?

Trước hết, văn học khai sinh từ nguyên tắc sáng tác theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa chưa bao giờ gây được sự chú ý bất chấp sự hiện diện của nó, trong âm thầm hay dưới ánh sáng chủ nghĩa mác-lê. Văn học xã hội chủ nghĩa chỉ có thể tồn tại với một điều kiện nhất định, một và chỉ một mà thôi, đó là: nó phải được nâng đỡ, điều dắt, cưỡng ép, đánh bóng, nói chung là nâng cấp, bởi một thể chế thống trị lấy ý hệ mác-xít làm nền tảng. Nói một cách khác, văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa là một đứa con khó nuôi, để nó một mình, nó không thể tự sống sót bởi chính ánh sáng văn chương. Nó phải được nuôi nấng, phải được bao cấp từ vật chất đến tư tưởng.

Thứ hai, thành tựu của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa thường được tính theo con số, hay số sách xuất bản của văn nghệ sĩ sáng tác theo phương pháp chỉ thị và của những "nhà thơ lớn của dân tộc" sáng tác ngoài quỹ đạo xã hội chủ nghĩa nhưng không làm hại xã hội chủ nghĩa. Lấy một thí dụ: Theo Quyết định ngày 18-5-78 của Ban Tuyên Huấn Trung ương và Bộ Văn Hóa Thông Tin, thì nhà xuất bản Văn Học có nhiệm vụ xuất bản các loại sách văn học chọn lọc trong và ngoài nước, chủ yếu là các tác phẩm cổ điển và các tác phẩm hiện đại có giá trị (11).

Với nhiệm vụ chỉ thị như vậy, văn học đã có những thành tựu: Về văn, từ năm 1975 đến 1985, xuất bản những tác phẩm đáng kể: *Tìm hiểu đường lối văn nghệ của Đảng* (Hoàng Xuân Nhị), *Qua những trang văn* (Vũ Ngọc Phan), *Bình luận văn học* (Như Phong), *Mài sắt nên kim* (Xuân Diệu), *Thực tiễn văn học và sáng tạo thi ca* (Hà Minh Đức), *Mấy suy nghĩ một tấm lòng* (Nguyễn Nghiệp), *Luyện thêm chất thép cho ngòi bút* (Nam Mộc), *Suy nghĩ về văn học* (Nguyễn Văn Hạnh), *Cuộc sống thơ và thơ cuộc sống* (Hoàng Trung Thông), *Ký hiệu nghĩa và phê bình văn học* (Hoàng Trinh), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam - 2 tập* (Xuân

Điều), *Nghĩ cạnh dòng thơ* (Chế Lan Viên), *Nhà Văn, tư tưởng và phong cách* (Nguyễn Đăng Mạnh), *Miền cháy* (Nguyễn Ngọc), *Bên sông đón súng* (Trần Độ), hai tổng tập *thơ 1945-1985* và *truyện ngắn 1945-1985*. ... In lại các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Du, Bùi Hiên, Nguyễn Hồng, Nam Cao, Ngô Tất Tố, Lỗ Tấn, Leon Tolstoi...

Tổng cộng trong 10 năm này, nhà xuất bản Văn Học in hoặc tái bản văn, thơ, truyện dịch được 369 tác phẩm. Nhưng đây vẫn chưa phải là “thành quả” đúng nghĩa, bởi nhà Văn Học trong mười năm chỉ in 76 cuốn văn xuôi mới (truyện ngắn, dài), 62 tập thơ, năm tập kịch, và 26 tập phê bình thực sự là sáng tác mới; ngoài ra đều là tái bản.

Thành quả văn học tính bằng con số, như thế, là một đặc trưng của văn học xã hội chủ nghĩa. Thêm một thí dụ khác: Nhà xuất bản *Tác phẩm mới* của Hội Nhà Văn Việt Nam, chẳng hạn, từ năm 1976 (năm thành lập) đến năm 1985, cũng cho in với một chỉ tiêu tương tự như nhà Văn Học: xuất bản 333 cuốn sách gồm 27 tiểu thuyết, 57 tập truyện ngắn, 40 tập ký và sách chuyên đề, sáu tập kịch, 77 tập thơ, 35 tập lý luận phê bình, 96 cuốn sách dịch. Trong số này, cũng nên kể ra những tác phẩm được giải thưởng chính thức của Hội Nhà Văn: *Gặp gỡ cuối năm* (Nguyễn Khải), *Cuộc đời bên ngoài* (Vũ Huy Anh), *Ký sự miền đất lửa - 2 tập* (Nguyễn Sinh và Vũ Kỳ Lân), *Rất nhiều ánh lửa* (Hoàng Phủ Ngọc Tường); sáu tập thơ được giải là: *Dấu chân qua trăng cỏ* (Thanh Thảo), *Bài thơ không năm tháng* (Lâm thị Mỹ Dạ), *Những điều cùng đến* (Vũ Quần Phương), *Trăng phù sa* (Võ Văn Trực), *Ánh trăng* (Nguyễn Duy); hai tập tiểu luận phê bình được giải: *Nhà văn, tư tưởng và phong cách* (Nguyễn Đăng Mạnh), *Gương mặt còn lại — Nguyễn Thi* (Nhị Ca).

Riêng tại Sài Gòn, chỉ có ba nhà xuất chuyên nghiệp là Tổng Hợp, Văn Nghệ, và Măng Non, trong 10 năm xuất bản được 550 tên sách với tổng số tám triệu bản in. Như vậy bình quân một cuốn in không tới 1500 số.

Như thế, hai nhà xuất bản lớn nhất, trong vòng 10 năm, đã in và tái bản 702 cuốn đủ thể loại. Nhiều hay ít? Có thể coi là nhiều, nhưng vấn đề là ở chỗ những tác phẩm ấy sống được bao lâu trong lòng người đọc.

Nhà văn-công chức

Tất nhiên, những con số trên chỉ phác họa, và thuần túy là những con số, nghĩa là không dính dáng gì đến văn chương, và do thế không phản ánh đầy đủ tình hình sáng tác trên cả nước. Điều cần để ý là chính người cầm bút nghĩ gì trong giai đoạn này.

Trên tờ *Văn Nghệ Quân Đội* số 5-1976, trong một vài viết ngắn tựa là “Trang giấy trước đèn”, nhà văn gốc quân đội Nguyễn Minh Châu bắt đầu bóng gió về cái nền văn học mà mãi đến năm 1987, ông mới đặt tên là “nền văn học minh họa”. Ông viết trên số báo này như sau: *Ngày nay chúng ta đang ao ước có những tác phẩm lớn xứng đáng*

với thời đại và dân tộc ta. Công việc ấy cần phải có thời gian và điều kiện của nó. Tác phẩm lớn! Sau những năm tháng lịch sử chúng ta đều ao ước nó. Rồi cái tác phẩm văn học ấy sẽ đổ bóng xuống tâm hồn mọi người đọc, dù có đi đến tận nơi nào xa xôi thì vẫn có cảm giác chưa vượt ra khỏi cái vùng rậm rạp của nó đổ xuống mặt đất bằng. Tác phẩm ấy có thể ngắn hoặc dài nhưng chắc chắn trên những trang giấy, người ta sẽ tìm thấy những khoảng đang còn hoang vu chưa hề có ai khai phá của tâm lý con người và những vấn đề chưa hề đặt ra. Người viết ra nó, có vẻ trước khi trở về ngồi trước trang giấy, đã đi những chuyến thực tế ở cuộc đời và cả ở những nơi đâu đó thuộc thế giới thần linh, thế nhưng tác phẩm lại gần gũi với người đời hơn mọi cuộc đời cụ thể của từng người chúng ta đang sống.

Chưa có bằng cứ là chỉ một năm sau ngày chế độ miền Nam sụp đổ, Nguyễn Minh Châu là nhà văn duy nhất đặt vấn đề “tác phẩm lớn” chưa có — nghĩa là cả cái nền văn học chống Mỹ tự hào với những tác phẩm đại loại như *Xung kích* (1951) của Nguyễn Đình Thi, *Bão biển* (1969) của Chu Văn, *Dấu chân người lính* (1972) của Nguyễn Minh Châu, v.v... đều là đồ bỏ — nhưng có điều chắc chắn Nguyễn Minh Châu là người đã dám viết ra ý nghĩ của mình. Ông đặt vấn đề, với cảm nhận những cái thiếu trong văn học (tâm lý con người và thế giới thần linh) cần được “khai phá” vì đây vẫn là “vùng đất hoang vu” trong văn chương chống Mỹ.

Nhìn thấy một phần của bản chất văn chương (và dám viết ra) như thế, Nguyễn Minh Châu xứng với sự kính phục của văn nghệ sĩ chế độ mới. Tuy nhiên, nó phản ánh một sự kiện là từ lúc đặt vấn đề cho đến lúc có “tác phẩm lớn xứng đáng với thời đại và dân tộc,” chứ chưa đến tầm vóc thế giới, cần phải có một thời gian dài, có thể là vô định, với tình hình đất nước hiện nay.

Là bởi nhà văn chưa *lại sức*, dù có thể mới *hoàn hồn*, sau những cú đẩy nhúi đầu có tổ chức và bài bản của chính quyền. Sau 30 năm chiến tranh, người cầm bút chạy theo chỉ thị, chạy theo thời cuộc, phục vụ kịp thời thể trận của nhà nước, viết văn thì phải là văn chống Mỹ, làm thơ cũng chống Mỹ, kịch cũng phải chống Mỹ, mặc dầu — có thể — họ thực tâm và thành thực đối với những gì mình viết ra, nhưng khi hơi tỉnh hồn nhìn lại, thì muộn mất rồi! Cả một đời cầm bút mà để lại chừng đó văn chương thời vụ thôi sao. Tìm đâu thấy những đêm trở trăn, tìm đâu thấy bản lai diện mục của “cái tôi” trong chừng ấy 30 năm văn chương. Ngưng lại. Thở. Thở để lấy sức nhưng còn mệt. Mà ngày khi hơi thở đã điều hòa thì cũng mới chỉ là bắt đầu (thấy) một hành trạng mới. Chỉ mới chớm một khởi cuộc. Đằng sau: không. Đằng trước: trắng xóa mênh mông.

Nhưng đây mới là những người “hoàn hồn” như Nguyễn Minh Châu. Còn “lại sức” để đi tiếp, và đi được hay không lại là chuyện khác.

Có ai dám bỏ một phẩm hàm cuộc đời dù đã thấy ra cái thành quả ấy xây dựng bằng xương

PHAN NHẬT NAM

LTS: Phan Nhật Nam đọc và dịch thơ Đường, và từ cảm hứng của Đường thi, đã viết những bài thơ mới. Những bài thơ của người Việt, cuối thế kỷ 20.

VỌNG PHU THẠCH VƯƠNG KIẾN

Lời của đá

1
Chờ chồng hóa đá lặng câm
Gió mưa tuông thán năm dài ngóng trông
Xót thương nào hướm hồi đầu
Âu chàng trở lại đá hằng tiếng than

2
Thiền thiệp dáng người
Chờ chồng hóa đá
Bên bờ sông...
Hằng dõi dõi trông
Rạn gió mưa
Dài thán năm qua
Luống ngong dáng thắm không lần nhăng
sao
Biết đâu chàng...
Lại có ngày
Đá vang tiếng khóc trong ngần giọt mai

3
Bên sông, ngong chồng người hóa đá
Rền gió mưa năm thán dần qua
Chẳng bận quay đầu tìm đau thất
Ngày người về...
Đá bật khóc xót xa!!

VÔ GIA BIỆT ĐỖ PHỦ

Không nhà phận ấy biết đi đâu
Lặng lẽ sau Thiên Bảo
Vườn hoang lau lách cao
Làng cũ dư trăm nhà

Loạn lạc đồng phu tảo
Người sống bất tin tức
Kẻ chết tiêu bụi đất
Ta thua trận gãy cờ

Tìm quê xưa nường nấu
Ngõ vắng lặng đi mãi
Trời trầm trầm tê tái
Chôn cáo dữ vây quanh

Nanh vuốt giường kinh hãi
Xóm giếng nào còn đâu
Dăm lão bà cô quả
Như chim quen cành đậu

Nhận nơi cuối cùng đành
Ngày xuân một thân cuộc
Chiều thui thủi tắt nước
Về tới lính biết tin

Hạ lệnh lên tập trống
Phục dịch nơi sở tại
Người quen chẳng thấy ai
Đường gần riêng một bóng

Lối xa lạc hơi tăm
Ôi quê nhà tan tác
Xa, gần cũng thế thôi
Xót đau mẹ bệnh chết
Năm năm lấp lách ngòi

...
Hở cái thân bất lực
Mẹ con đồng vô phúc
Đời không nơi ngủ đỗ
Có đáng đâu phận người

máu. Hoặc nói như nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh trên *Sông Hương* số 36, tháng Ba và Tư 1989: Ôi, "văn mình vợ người," những đứa con đứt ruột đẻ ra bỗng chốc bị phủ nhận sạch trơn thì có tức không chứ! Thế là một số người vốn hiền lành thực thà, tuổi tác đã cao, xưa nay vẫn được quý mến, bỗng nổi đóa lên: "A! chúng nó lại láo đến thế à! đồ quá khích! lũ hư vô chủ nghĩa! hạng prôlêkun! chúng mày bắn vào quá khứ (là chúng tao) bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn chúng mày

bằng đại bác!"

Nên chi, không thể vợ đứa cả năm bảo người cầm bút dưới chế độ cộng sản đều không biết cái thế giới mù mịt họ phải sống. Họ có vượt khỏi đám mây mù thế trận cũng khó lòng phủ nhận công lao cả đời. Đó là nói theo cách nhìn của người ngoài guồng máy. Đối với nhà văn dưới chế độ cộng sản, có hoặc không có Đảng tịch, việc họ tin tưởng sâu sắc vào chủ nghĩa cộng sản và chỉ muốn sửa chứ không bỏ cũng là lẽ thường. Thử hỏi,

ngoài mô thức cộng sản ra — và với người cầm bút ở Việt Nam, rõ ràng Đảng Cộng Sản thành công trong việc đánh bại Hoa Kỳ — có một mô hình chính trị nào có thể làm họ cam tâm phục vụ.

Hơn thế, khi đã quen nghe chỉ thị, quen được định hướng trong công việc viết văn, nếu bỗng được đứng hẳn ra một mình trong nỗi cô đơn (cần thiết) của người nghệ sĩ, để gì ai cũng viết được.

Thế nên, ngay nhà văn như Nguyễn Minh Châu dù cảm thấy có điều gì không ổn, không ổn trong cách viết, không ổn trong chủ đề, cốt truyện và nhân vật, nhưng vẫn tin tưởng vai trò của Đảng cộng sản trong việc đưa đất nước đi lên dựa trên hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng tổ quốc và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa (12). Vì thế, không lạ gì “người chiến sĩ” (chiến sĩ-bộ đội, chiến sĩ-Đảng viên, chiến sĩ-công nhân, chiến sĩ-nhà văn) vẫn là trung tâm để người cầm bút xây dựng chủ đề trong hầu hết tác phẩm trong giai đoạn này (xem *Phần 2*).

Thế nên chỉ thị Đảng vẫn là một yếu tố cần để nhà văn sáng tác. Tại hội nghị Ban chấp hành Hội Nhà Văn trong hai ngày 15 và 16 tháng Tư 1977, tổng thư ký Nguyễn Đình Thi *tươi cười nói với hội nghị*: “Chúng ta đã có Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, nay lại được thêm chỉ thị của Ban Bí thư về công tác văn hóa văn nghệ. Chắc chắn rằng việc chuẩn bị cho đại hội lần thứ III Hội nhà văn và việc định ra phương hướng cho công tác văn học trong thời gian sắp tới sẽ nhiều thuận lợi rất cơ bản. Phó tổng thư ký Hội, Tô Hoài, thêm: *Nghệ sĩ phải biến nghị quyết thành máu thịt* (13).

Và việc thực hiện “công tác văn học” diễn ra hết sức sôi nổi và khẩn trương, với thành quả tốt: kết nạp 33 hội viên mới, sửa chữa điều lệ hội.

Hội nghị và hội nghị, cộng với cung cách của người cầm bút, đã dựng thành hình ảnh người cầm bút dưới chế độ cộng sản theo cặp phạm trù: nhà văn-công chức hay nhà văn-cán bộ. Văn học được thực hiện như bất kỳ một công tác nào: công tác xây dựng, công tác thủy lợi, công tác dẫn thủy nhập điền... Nhà văn được giao công tác, và nhiệm vụ là phải hoàn thành tốt. Cái *riêng* của nhà văn phải cất đi.

Như thế thì làm sao có “tác phẩm lớn” như Đảng mong ước (14), trong khi Đảng vẫn muốn mọi điều phải phát triển theo luật Đảng. Tố Hữu, trong buổi nói chuyện với văn nghệ sĩ ngày 16 tháng Mười Một 1977 tại Hà Nội, cũng nhấn mạnh cái mà ông gọi là “quy luật”: “*Con nai vàng*” ngày xưa ngỡ ngác là vì không nắm được quy luật của cuộc sống. Có ai nghi ngờ lòng tốt của “con nai” đâu? Nhưng cái ngỡ ngác của nó sẽ dẫn tới sự bị *ăn thịt* (15).

Tố Hữu biện chứng thơ: con nai vàng ngỡ ngác nên bị ăn thịt, ăn thịt tức chết, nai chết thì... bài thơ tiêu! Tiếc là con nai vàng ấy vẫn sống, mà chắc là còn sống dai. Thôi bạo như Tố Hữu, không trách cả nền văn học phát triển theo trục ngang. Để thấy lắm, hãy nghe nhà văn Tô Hoài viết tiểu luận phê bình thơ nhân cuộc “vận động sáng tác

về đề tài công nhân”:

Xưa nay người ta nói con phượng, con oanh, con họa mi, chứ ai nói gì con vịt. Thậm chí con gà còn được gán thơ hơn nó vì con gà gáy mặt trời lên và đẻ quả trứng vàng.

Thế nhưng, khi đọc xong những câu:

Anh xem chỉ một đêm thôi

Ngót nghìn quả trứng đã phơi trắng chuồng

Lặng im để suốt đêm trường

Kể con vịt cũng phi thường chứ anh.

thì chúng ta không dám xem thường con vịt xoàng xĩnh này (16).

Tất nhiên, không ai nghĩ “bài thơ” mà ông Tô Hoài bình trên là tiêu biểu cho văn học xã hội chủ nghĩa dù trong một giai đoạn ngắn đi nữa. Nếu thí dụ “bài thơ con vịt” chỉ để thấy một đặc trưng của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, đặc trưng ấy luôn luôn được nhắc nhở: phản ánh hiện thực như nó phải có, điều đó được coi là quy luật riêng của nghệ thuật sáng tác, và là nguồn gốc của “mỹ học.” Đặc trưng hay quy luật ấy như đường rầy trên ấy có toa xe lửa chạy, và nếu chạy đàng hoàng không chệch qua “đường rầy của chủ nghĩa tự nhiên” hay chủ nghĩa “bá quyền lý tính” ở những khúc bẻ “ghi,” bảo đảm toa xe sẽ chạy tốt, và chắc chắn là tới nơi. Tới đâu thì không ai biết!

Thấy được nguyên lý này mới cất nghĩa, hay ít ra cũng lý giải được, sự phát triển của văn học 20 năm qua ở Việt Nam vào những khúc “bẻ ghi,” và giai đoạn sau đó. ■

(Kỳ sau: *Phần II*)

Chú thích

- (1). *Sài Gòn Giải Phóng* ngày 19-6-75: Sài Gòn.
- (2) và (3). *Văn Nghệ* số 26, 5-7-75: Hà Nội.
- (4). Chế Lan Viên (1976) *Bay theo đường dân tộc đang bay*, tiểu luận phê bình. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn học giải phóng, tr. 18.
- (5). Huỳnh Bá Thành (1983) *Vụ án hồ con rùa*. Tp Hồ Chí Minh: Văn Nghệ tp Hồ Chí Minh và báo Tuổi Trẻ.
- (6). *50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Hà Nội: Sự Thật, tr. 275.
- (7). *Nhân Dân* ngày 26-6-1976. Hà Nội.
- (8). *Văn Học* số 2-1978. Hà Nội.
- (9). Trần Trọng Đăng Đàn (1993) *Văn Hóa Văn Nghệ... Nam Việt Nam 1954-1975*. Hà Nội: Thông tin.
- (10). Xem Hồ Sĩ Khuê (1992) *Hồ Chí Minh - Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*. California: Văn Nghệ.
- (11). Lữ Huy Nguyên & Đào Ngọc Du (1983) *35 Năm Văn Học*. Hà Nội: Văn học.
- (12). Nguyễn Minh Châu (1981) “Hình ảnh người cộng sản của ngày hôm nay”, trong *Ảnh sáng và trang viết*, nhiều tác giả. Hà Nội: Tác phẩm mới, tr. 47-51.
- (13). *Văn Nghệ* số 17, 23-4-1977: Hà Nội.
- (14). Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam về công tác văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn cả nước tiến lên xã hội chủ nghĩa, ngày 13-4-1977: *Đẩy mạnh sáng tác văn học, nghệ thuật, phấn đấu để sớm có những tác phẩm có tầm vóc lớn...* báo *Văn Nghệ* số 17, ngày 23-4-1977.
- (15). Tố Hữu. “Hôm qua, hôm nay và ngày mai”. Hà Nội: *Văn Học* số 2-1978.
- (16). Tô Hoài “Chúng ta đã có những tác phẩm và một đội ngũ sáng tác về đề tài công nhân”. Hà Nội: *Văn Học* số 4-1978.

KHÁN GIẢ

PHÙNG NGUYỄN

Thành đứng nghiêng người về phía trước, hai tay ôm chặt cái ống tròn màu đen, đôi mắt chăm chú nhìn vào góc phòng, miệng mấp máy liên tục. Bỗng dưng hắn rống lên, giọng khem khếp như vịt đực: “Anh yêu em anh yêu em như rừng yêu thú dữ....” Rừng ở đâu thì không biết chứ thú dữ thì quả có, nó đang ở ngay trong phòng khách nhà tôi gào rống trước màn ảnh TV và cái Laserdisc Karaoke một cách... man rợ. Tiếng hát bỗng im bặt. Thành quay lại, chán nản vắt cái microphone màu đen lên chiếc sofa gần đó, nhìn tôi nhăn nhó:

“Mẹ kiếp, cứ rớt nhịp hoài!”

Tôi nâng ly Michelob màu vàng sáng sánh hướng về phía Thành an ủi:

“Thôi lại đây làm một hợp lấy sức rồi đợt tiếp.”

Bỏ mặc chiếc TV ở góc phòng với những dòng chữ phụ đề xanh đỏ và tiếng nhạc xập xình của bài hát dang dở, Thành bước đến bàn ăn kéo ghế ngồi, khuôn mặt còn lộ vẻ bức bối. Tôi uống cạn ly bia, mở giọng khuyến khích:

“Bài này coi vậy mà khó hát. Bà xã anh cũng thích lắm, tập hoài mà ca vẫn còn sượng.”

Dạo sau này Thành hay đến nhà tôi chơi, uống vài lon bia rồi ôm cái máy karaoke dợt mãi. Tôi biết Thành khá lâu, lúc hắn và tôi còn đi học ở ngôi trường Đại học tọa lạc ở phía Tây thành phố. Tôi có gia đình còn hắn thì độc thân, thỉnh thoảng gặp nhau ở cafeteria cũng không có nhiều chuyện để nói. Những cuộc viếng thăm khá thường xuyên của Thành trong thời gian gần đây tất nhiên là có lý do. Cái lý do mang tên một loài hoa có gai nhọn, Hồng.

Hồng đến Mỹ gần một năm nay theo diện H.O. Cha nàng là một cựu sĩ quan trung cấp đã học tập cải tạo nhiều năm. Mỗi tuần vài lần, Hồng đến nhà tôi học thêm Anh văn. Vì vợ tôi là chỗ quen biết của gia đình Hồng, nên dù khá bận rộn, tôi cũng không tiện từ chối việc dạy kèm nàng. Hình ảnh người thiếu phụ trẻ mồm miệng lanh lợi, nhan sắc mặn mòi nhanh chóng chiếm ngự trái tim của Thành, chàng trai mang bệnh độc thân kinh niên. Hôm nay là ngày cuối tuần. Mới sáu giờ chiều Thành đã lờ lờ đến chơi, chắc không ngoài mục đích gặp gỡ Hồng.

Nhìn vẻ bứt rứt đứng ngồi không yên của Thành, tôi cảm thấy vừa buồn cười vừa thương hại. Với giọng vờ vĩnh, tôi bảo hắn:

“Giờ này còn sớm, làm với anh một lon bia nữa, chờ bà xã anh đi chợ về thế nào cũng có món lai rai. Chắc bà ấy và Hồng cũng sắp về đến.”

Mắt sáng lên, Thành hỏi ngay:

“VẬY LÀ CHỊ VỚI HỒNG ĐI CHỢ HẢ ANH?”

“Cô ấy đến sớm định nhờ anh dò bài, bị vợ anh bắt cóc từ chiều đến giờ.”

“Em thấy chị và Hồng có vẻ thân nhau lắm. Hình như hai người có biết nhau từ lúc còn ở Việt Nam phải không anh?”

“Đúng vậy. Bà xã anh và chị của Hồng là bạn học từ nhỏ.”

Ngập ngừng một chút, Thành hỏi tiếp:

“Nghe nói chồng của Hồng còn ở lại Việt Nam, không biết bao giờ mới qua Mỹ?”

“Cái đó thì anh không rõ. Theo chỗ anh biết thì hai người đã thôi nhau. Nếu không thì làm sao Hồng có thể đi theo diện H.O. được.”

Tôi đổi giọng đùa cợt, hỏi:

“Mà tại sao Thành quan tâm đến đời tư người ta kỹ thế?”

Thành đang lúng túng tìm câu chống chế thì có tiếng xe chạy vào sân, rồi tiếng cửa xe mở đóng ầm ầm, tiếng đàn bà lao xao. Vợ tôi và Hồng tay xách nách mang, ulla vào nhà như cơn lốc, miệng tía lia về những món đồ đại hạ giá mua được hôm nay. Vừa nhìn thấy tôi, Ngọc — vợ tôi — đã cự nự:

“Ơ cái anh này, thấy người ta như vậy mà không chạy ra phụ, cứ ngồi đấy uống bia...”

Câu phàn nàn của vợ tôi không làm tôi sờn lòng mà lại khiến cho Thành có vẻ bất an. Hắn đứng lên, lúng túng như gà mắc đẻ, không biết phải giúp ai trước. Cuối cùng hắn lí nhí đề nghị giúp vợ tôi một tay.

“Chú Thành cứ việc ngồi chơi, chị lo được rồi. Chỉ ghét cái ông ấy chả biết giúp đỡ vợ con gì cả.”

Ngọc vừa nói vừa đưa mắt lườm tôi. Đôi mắt đã làm tôi điêu đứng khổ sở, cái “bể oan cừ” sâu thẳm dim tôi chết ngộp hai chục năm xưa nay đã... cạn dần theo năm tháng, cho nên tôi vẫn bình chân như vại, nhìn nàng nở một nụ cười... cầu tài. Ngọc cong môi lên, dấu hiệu của phật ý, quay lại với mớ hàng hóa bẽ bộn.

Thành đến gần Hồng, lúc này đang ngồi bệt dưới thảm soạn thức ăn từ trong những túi giấy ra. Hắn nói, giọng hơi cao hơn bình thường:

“Chào cô Hồng. Cô có khỏe không?”

“Dạ khỏe. Còn anh có khỏe không?”

“Dạ cũng khỏe.”

Tôi không nhìn được, chen vào:

“Chỉ có anh là không khỏe!”

Mấy cặp mắt đổ dồn vào tôi, dò hỏi.

“Tại vì tuần lương kỳ này của anh không cánh mà bay vào mấy cái túi ny lông mấy cô mới mang về đây.” Tôi tiếp, giọng làm bộ buồn rầu.

Vợ tôi phì cười:

“Cái anh này vô duyên... Mà này, em có mua được miếng thịt bò ngon lắm, để em xào lên cho mấy ông lai rai.”

Buổi tối trôi đi vui vẻ. Tôi ngồi thưởng thức món bò xào lúc lắc, uống thêm vài lon bia. Ngọc và mấy người kia bỏ mặc tôi ngồi một mình, cúi mũi vào chiếc TV và cái máy karaoke. Lúc hai vợ chồng đưa nhau vào phòng ngủ, Ngọc hỏi tôi:

“Em thấy hai đứa nó có vẻ hợp nhau lắm. Anh quen Thành đã lâu, thấy hần thế nào?”

Tôi biết Ngọc vẫn coi Hồng như đứa em gái nhỏ mà nàng quen biết lúc còn đi học chung với Tuyết, chị của Hồng, cách đây hơn hai mươi năm. Tôi trả lời, giọng nhừa đi vì bia và cơn buồn ngủ:

“Thì... cũng được.”

“Cũng được là thế nào?”

“Thì thế nào... cũng được.”

Tất nhiên là tôi lãnh một cái véo vào đùi non đau điếng người!

Khoảng vài tuần sau đó, Hồng khoe với vợ tôi là nàng đã tìm được việc làm. Theo lời kể của Ngọc, Hồng giúp việc nhà cho một người Mỹ độc thân đứng tuổi. Ông ta có một đứa con gái nhỏ, khoảng bảy tám tuổi, bị bệnh Dow. Hồng được chủ nhà dành cho một phòng riêng đầy đủ tiện nghi và thù lao mỗi tháng là bảy trăm đô. Đổi lại, nàng phải làm việc sáu ngày một tuần, ăn ở tại chỗ. Tôi bảo Ngọc:

“Thôi thế cũng mừng cho cô ấy. Như vậy lại có cơ hội để thực tập tiếng Anh với người ta.”

Ngọc chỉ ậm ừ trong miệng, mặt lộ nét dăm chiêu.

Thành không có vẻ hào hứng gì mấy với cái tin Hồng đã có việc làm. Hần than thở với tôi:

“Thiếu gì việc làm mà phải nhận công việc đó. Đàn bà con gái ở đêm nhà người ta, lại thêm đàn ông độc thân nữa...”

“Đàn ông... già mà Thành lo làm gì. Nghe nói ông này đã ngoài sáu mươi rồi.”

Thành không bị thuyết phục bởi lời trấn an của tôi. Hần nói cộc lốc, giọng xa vắng:

“Ở Mỹ mà. Tuổi tác mà nhằm gì...”

Lạ một điều là tôi gần như đồng ý với hần. Buổi tối, khi tôi nhắc lại điều suy nghĩ của Thành cho vợ tôi nghe, nàng gạt đi:

“Thành chỉ vợ vắn. Hồng nó chỉ bằng tuổi con ông ấy, làm gì có chuyện lộn xộn.”

Tôi tin rằng câu nói của Ngọc phản ánh trung thực điều nàng nghĩ mặc dầu tôi bắt gặp mắt nàng đang lảng tránh mắt tôi.

Một hôm vợ tôi đi thăm mấy người bạn về, mặt mày có vẻ buồn bực. Nhìn nàng bứt rứt đi tới đi lui, tôi thả ba lông thăm dò:

“Sao hôm nay em về sớm thế? Mọi lần cái chợ... chòm hỏm của mấy bà vẫn họp đến khuya kia mà.”

Ngọc đưa mắt lườm tôi không trả lời, bỏ vào phòng tắm dội nước ào ào. Nàng trở ra, tươi mát như củ hành tây lột hết vỏ. Nàng đến gần, đôi cánh tay trần làm thành một vòng ôm tròn tựa từ sau lưng ra trước ngực tôi, mái tóc ướt thơm mùi dầu gội đầu dụi vào má tôi mát lạnh. Tôi bỗng chột dạ. Mới hôm kia, nàng đã kéo tôi dừng lại khá lâu ở một cửa hiệu kim hoàn nổi tiếng trong cái thương xá lớn nhất thành phố.

“Hồng nó hồng quá anh ạ.”

Tôi thở phào, mừng thầm vợ tôi không đá động gì đến... nữ trang.

“Cô ấy đã làm gì?”

“Lúc ở VN nó đi làm gái nhảy đấy.”

“Gái nhảy thì đã làm sao?”

“Lại không làm sao à? Khách của nó đủ thứ, Việt kiều này, ngoại kiều này, bộ đội này, trọc phú này. Rồi làm gì lại tránh khỏi cái chuyện ấy...”

“Thì người ta cũng phải sống chứ. Nhưng mà sao em biết?”

Theo lời Ngọc kể lại, một gia đình H.O. vừa đến thành phố này là lối xóm của gia đình Hồng nên biết rõ chuyện. Họ cho biết là sau khi chia tay với người chồng cũ, một công nhân lam lũ ở nhà máy xi măng Hà Tiên, Hồng bắt đầu xuất hiện thường xuyên ở một trong những vũ trường đã mọc ra nhan nhản tại Sài Gòn trong thời kỳ phôi thai của nền kinh tế thị trường.

“Em không hiểu tại sao Tuyết lại để em nó ra nông nổi.” Ngọc than thở.

Tôi ôn tồn bảo nàng:

“Hồng nó đã trưởng thành lâu rồi. Hơn nữa đời sống bên ấy rất là khó khăn. Có những điều chúng ta chưa trải qua, tốt hơn đừng phê phán một cách vội vàng.”

“Em ấy à, thà chết thì thôi chứ đừng có mong em làm cái nghề ấy.”

“Đúng vậy. Em làm sao mà cạnh tranh nổi với mấy cô gái nhảy trẻ măng cho được!”

Nói xong câu đùa không đúng chỗ, tôi hối hận ngay. Nhưng đã trễ, lưng tôi lãnh ngay một quả thụi đích đáng!

Rồi lời đồn đãi cũng đến tai Thành. Hần nhăn nhó:

“Em thấy Hồng có vẻ đứng đắn. Đâu có dè...”

“...”

“Đâu có dè cô ấy lại là vũ nữ. Thương nữ bất tri vong quốc hận...”

Tôi thật tình ngạc nhiên. Hấn để tâm thương Hồng thì tôi biết rồi. Còn thương nữ bất tri... từ miệng hấn thì tôi chưa nghe bao giờ. Một trong những lý do khiến Thành vẫn một mình lẻ bóng là tính... gàn của hấn. Lúc còn ở Đại học, Thành theo ban Toán, mở miệng ra là đạo hàm với tích phân, đàn bà con gái chê hấn vô duyên. Riêng Hồng lúc nào cũng vui vẻ, chân tình với hấn. Có lẽ chính điều này đã làm cho hình ảnh của nàng trở nên đậm nét trong cuộc đời tình cảm kém may mắn của Thành. Bỗng dưng thấy thân thiết với Thành hơn, tôi nhẹ nhàng khuyên giải hấn với luận điệu cũ rích:

“Thành phải hiểu là có đôi khi người ta phải làm những điều trái với lòng mình chỉ vì hoàn cảnh bắt buộc. Vả lại, cũng nên cho người ta cơ hội làm lại cuộc đời. Khi đến xứ này, Hồng có được cái cơ hội đó, phải không?”

Thành ra về những cuộc đối thoại giữa hấn và tôi ở lại. Thương nữ bất tri vong quốc hận... Câu thơ này vẫn thường lảng vảng trong tâm trí tôi ngay từ lúc còn ở quê nhà. Biến cố bi thảm năm bảy mươi lăm đã tạo ra hàng ngàn thương nữ, những con én lẻ loi, một nhòai, dang đôi cánh mỏng xơ xác bay lượn trên biển đời bất trắc, chỉ mong tìm được một bến đậu bình yên. Tổ ấm của bầy én đã mất, những chồng, những cha, những con cái, những anh em nếu không xanh xao ghe lở ở vùng núi non miền Bắc, vùng rừng rú miền Nam thì cũng lang thang góc bãi đầu ghềnh hay vĩa hè lở lóe thị thành. Con én nhỏ không có nhiều lựa chọn nên bãi đáp nhiều khi là chốn bùn nhơ hay miệng hùm nọc rắn. Mười năm trước có lẽ tôi cũng hấp tấp gọi Hồng thương nữ. Bây giờ tôi lại đâm ra hoài nghi giá trị của lối phán xét một chiều. Một thập niên sống vất vưởng như oan hồn uống tử nơi đất khách quê người, trải qua bao nỗi nhục nhằn của kẻ ăn nhờ ở đậu, tôi đã nhiều lần “nín thở qua sông” cũng chỉ vì miếng cơm manh áo. Và cũng hơn một lần ở nơi rượu thịt ê hề hay chốn đèn màu rực rỡ tôi đã cùng lũ bạn bè vỗ bàn hát khúc Hậu Đình Hoa. Tôi Trần Hậu Chúa sao dám trách người thương nữ?

Những ngày tháng kế tiếp, Hồng và Thành vẫn ghé thăm chúng tôi đều đặn. Như thường lệ, Thành đến sớm hơn một chút, lóng ngóng chờ đợi. Trong thâm tâm, vợ chồng chúng tôi vẫn mong hai người trở nên đôi bạn tình. Nhưng dưới mắt tôi, hình như Thành vẫn chưa tiến xa hơn bao nhiêu trong việc nắm giữ trái tim người thiếu phụ trẻ. Tai tiếng về cái dĩ vãng “gái nhảy” của Hồng đã không còn làm Thành quan tâm, nhưng bàn tay hấn đưa ra — cơ hội thứ hai hấn ân cần dàn xếp cho nàng — Hồng vẫn chưa chịu nắm lấy. Ngọc thì có vẻ lạc quan, con gái thì phải như thế, vô vấp quá sau này chồng nó khinh. Cũng như Thành, Ngọc đã không còn nhắc nhở gì đến cái nghề nghiệp không mấy vinh quang của Hồng tại VN.

Đã gần ba tuần Hồng không đến. Nàng phải theo cha con người chủ lên căn nhà nghỉ mát của ông ở trên núi. Cũng giống như nhiều người Mỹ khá giả khác, ông chủ của Hồng cần phải tìm nơi yên tĩnh để nghỉ ngơi, để tạm thời gác bỏ công việc làm ăn phiến toái, để lấy lại quân bình cho thể xác lẫn tâm hồn sau một năm dài lao碌. Tất nhiên ông cũng cần có người phục dịch cho ông và cô con gái cưng. Hồng than thở với Ngọc:

“Nghe nói trên núi lạnh lắm, chắc em chịu không nổi đâu.”

“Thôi em ráng đi. Một tháng cũng chẳng là bao. Nhớ mang theo đồ ấm.”

Trong thời gian Hồng đi xa, Thành vẫn đến chơi đều đặn. Tôi đã quen với dáng điệu lom khom trước dàn máy karaoke và giọng hát khem khẹp như vẹt đực của hấn. Một hôm hấn hỏi tôi:

“Anh có tin tức gì của Hồng không?”

“Không thấy cô ấy gọi về. Thế Thành có gọi cô ấy không?”

“Hồng đâu có cho em số điện thoại của ngôi nhà nghỉ mát. Em tưởng anh chị có số của Hồng đấy chứ.”

Tôi lắc đầu:

“Anh cũng không có. Tuần sau cô ấy về rồi, làm gì mà bấn lên thế.”

Tuần sau đó Hồng cũng chưa về. Cánh hồng còn mãi bay bổng tuyệt vời ở trên một sườn núi tuyết nào đó. Tôi đoán câu hỏi mà Thành tự hỏi mình bây giờ không còn là “Bao giờ nàng về?” mà là “Liệu nàng có còn trở về?” Tuần lễ kế tiếp không những Hồng vẫn bất tin mà Thành cũng không thấy đến. Lâu lắm vợ chồng tôi mới có được trọn buổi tối thứ Bảy, bỗng dưng lại thấy thiếu thiếu điều gì. Ngọc và tôi rủ nhau đi nghỉ sớm, tâm trạng hụt hẫng giống như một khán giả trung thành bỗng khám phá ra cái chương trình TV ưa thích của mình đã bị cắt bỏ một cách đột ngột.

Vào lúc bất ngờ nhất, Hồng đến tìm chúng tôi. Nhìn quanh quất không thấy Ngọc đâu, nàng hỏi:

“Chị đâu rồi anh?”

“Bà ấy đi họp chợ chồm hổm rồi.”

Tôi trả lời với vẻ đùa cợt rồi hỏi nàng:

“Hồng về hồi nào mà không cho anh chị hay? Để cũng đã hai tháng rồi đấy nhỉ?”

Hồng lộ vẻ bối rối. Ánh mắt nàng lang thang trên những vật dụng quen thuộc trong căn phòng khách nhỏ, cuối cùng rồi cũng đậu trên mặt tôi:

“Em đến báo với anh chị em sắp lập gia đình.”

Cậu Thành này trông rờ rờ mà cũng lạ quá chứ, tôi vui vẻ nghĩ thầm.

“Vây à? Chúc mừng cho Hồng. Thế bao giờ thì đám cưới?”

“Chắc không có đám cưới đâu anh. Chỉ lo thủ tục giấy tờ thôi. Cuộc hôn nhân này...”

Hồng bỗng dừng lại đột ngột như có vật gì chặn ngang thanh quản của nàng. Tôi cảm thấy có điều gì không ổn. Hai tháng dài biệt tăm biệt tích,

khuôn mặt xa vắng, đáng điệu bối rối... Tôi nhìn nàng, lặng lẽ chờ đợi.

"Em lập gia đình với Joe."

"Joe?"

"Ông chủ của em đó."

Thì ra là Joe, lão già Mỹ có căn nhà nghỉ mát trên núi. Tự dưng tôi cảm thấy buồn bực. Những cán bộ quyền thế miền Bắc mang xà cọt, những doanh gia Đài Loan, Hồng Kông béo phì, những Việt Kiều túi quần phồng lên bởi đồng danh thiếp đầy cộm, những già Joe với căn nhà lớn và chiếc Mercedes bóng lộn trong garage một bên và Thành, ba mươi ba tuổi, mười hai năm lưu lạc, lương mười tám ngàn đô một năm đơn độc ở phía bên kia, có điều gì như niềm chua xót, như nỗi bất bình dấy lên trong tôi. Biết Hồng đang quan sát mình, tôi cố giữ nét mặt bình thản. Hồng nhìn thẳng vào tôi, ánh mắt như phiến trách. Nàng nói tiếp, giọng đều đều như trả bài:

"Anh biết đó. Em qua đây nghề nghiệp không có, tiếng Anh chẳng rành, lại mang đủ thứ tai tiếng. Em cần một nơi nương tựa. Rồi còn anh em, bà con ở Việt Nam. Ông Joe tuy già nhưng tốt với em lắm. Ở với ông ấy em không phải lo về mặt tiền bạc. Đời em cũng đã chìm nổi nhiều phen, bây giờ chỉ muốn yên thân. Cuộc hôn nhân này tất nhiên không phải vì tình, điều đó thì ai cũng biết. Em đã yêu cầu Joe đừng làm rình rang, chỉ trong vòng gia đình của ông ấy thôi."

Hồng đứng dậy, rồi như sự nhớ điều gì, lại ngồi xuống. Về cứng cỏi cố tình trên mặt nàng đã biến mất.

"Anh nói dùm với anh Thành là em cảm ơn cái tình anh ấy dành cho em. Người tốt như anh ấy thế nào rồi cũng được đền bù. Em cũng đã suy nghĩ kỹ. Bây giờ thì việc gì cũng cho qua, nhưng mà một khi đã ăn ở với nhau rồi, thế nào cái dĩ vãng nó cũng trở lại ám ảnh mình. Không phải là em có ý nói anh ấy hẹp hòi, nhưng về mặt vợ chồng, em kinh nghiệm hơn anh Thành nhiều."

Hồng lại đứng dậy. Nàng cười buồn:

"Thôi em về. Cho em gửi lời thăm chị. Mai một xong việc, thế nào em cũng đến chơi."

Tôi đứng dậy theo, lí nhí chúc nàng thành công trong hướng đi nàng đã chọn. Tôi mở cửa, trịnh trọng tiễn Hồng ra xe như đưa nàng Scarlett phong trần của "Cuốn Theo Chiều Gió" trong bộ trang phục lộng lẫy nhất của nàng lên xe song mã để đi chinh phục cái thế giới đàn ông hung hiểm ngoài kia. Trên đường quay vào nhà, tôi rầu rĩ vì bỗng dưng trở thành người đưa thư xui xẻo phải báo tin buồn cho những người thân, Ngọc và Thành.

Chiều hôm sau Ngọc bày lên bàn mấy món đồ nhậu tươm tất, bảo tôi:

"Chốc nữa Thành đến, em lánh mặt để mấy ông dễ nói chuyện. Em cứ quán quít với anh có khi làm hấn tửu thân."

Tôi kéo nàng vào lòng, nói nhỏ:

"Cám ơn em. Thỉnh thoảng em cũng nên nhắc anh là may mắn lắm mới có được người vợ dễ thương như em."

Ngọc có vẻ cảm động, khẽ môi vào tai tôi thầm thì:

"Em sẽ nhắc nhở anh mỗi ngày. Và mỗi đêm."

"Mỗi đêm?"

Tôi không ngờ Thành khá như vậy. Hấn đón nhận cái tin không vui một cách chững chạc. Tôi đợi cho hấn cạn xong lon bia thứ nhì rồi mới bắt đầu làm nhiệm vụ đưa tin, hy vọng hơi men sẽ giảm đi phần nào nỗi đau xót.

"Thành à, anh muốn nói với chú chuyện này. Chiều hôm qua, Hồng có đến đây..."

Thành ngồi im lặng nghe tôi kể lại gần như nguyên văn những điều Hồng đã tâm sự với tôi. Khuôn mặt hấn hần vẻ chịu đựng của con bệnh trầm kha được thầy thuốc cho biết giờ giải thoát đã gần kề. Sau cùng hấn ngẩng đầu nhìn tôi, cặp mắt nhấp nháy sau đôi kính cận:

"Thật ra em cũng đã có cái dự cảm về việc này. Chưa bao giờ Hồng đi xa hơn tình bạn. Dù sao em cũng mong cô ấy hạnh phúc."

Hấn ngưng lại một chút rồi tiếp, giọng tâm tình:

"Em thì đã quen rồi. Không phải lần đầu, chỉ mong là lần cuối."

Thành đứng dậy, bước lại tủ lạnh lấy thêm mấy lon bia.

"Tối nay em muốn uống thêm mấy lon với anh cho vui. 'Mồi' còn nhiều quá mà chị đâu rồi không ra ăn phụ?"

"Bà ấy than mệt, vào buồng từ chiều. Chú cũng biết, bà ấy đâu có vui gì..."

Thành uống thêm mấy lon bia rồi đứng dậy đi lại góc phòng, nơi có dàn máy karaoke. Tôi thấy hấn lục lọi trong mớ đĩa tìm kiếm. Tư thế quen thuộc của hấn, hai tay ôm chặt cái *microphone*, lưng lom khom, chân đánh nhịp, bỗng dưng trông có vẻ... nghệ sĩ ra phết. Ta tiếc cho em trong cuộc đời làm người... Cái giọng khem khép như vệt đục của hấn hôm nay sao nghe... truyền cảm chỉ lạ.

Chiếc bàn bỗng như chông chênh. Tôi nghe tiếng Thành loáng thoáng, nhìn em tay nâng ly rượu, môi cười mà lệ như rơi. Hình ảnh Thành ở góc phòng bỗng dưng nhòe đi như được nhìn qua một màn nước. Tôi nâng lon bia khui dở lên uống cạn. Tiếng hát của Thành lại vọng lên, bập bùng như đến từ một không gian, một thời gian nào khác. Cách giang do xứ Ông Hậu Đình Hoa... Bài hát gì mà kỳ cục vậy nhỉ? Hình thù đóng vỏ bia ngổn ngang trên bàn bỗng cong vẹo đi như được nhìn qua một màn nước. Tôi đưa tay dụi mắt, cười ngu ngơ. Bậy quá, uống cho lắm vào...

Tháng Năm Chín mươi lăm

LIÊN HIỆP TỊ NẠN QUẬN CAM (OCRC, Orange County Refugee Coalition),
một nhóm các tổ chức bất vụ lợi giới thiệu:

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VẬN ĐỘNG NHẬP QUỐC TỊCH (PARTNERSHIP FOR CITIZENSHIP)

- Khóa học nhập tịch **MIỄN PHÍ** để **GIÚP NGƯỜI TỊ NẠN** chuẩn bị thi nhập quốc tịch Hoa Kỳ, gồm 25 giờ học dạy các môn về **LỊCH SỬ** và **CƠ CẤU CHÍNH QUYỀN HOA KỲ**, và luyện tập để trả lời những câu phỏng vấn của nhân viên sở di trú và nhập tịch (INS).
- Điều kiện theo học: bạn phải ở Mỹ hợp pháp bốn (4) năm trở lên.
- Chương trình **MIỄN PHÍ** này được chính phủ liên bang chuẩn chi và chấp nhận bởi Sở Định Cư Người Tị Nạn, và được các cơ quan Thiện Nguyên địa phương, các Hội Tương Trợ, cùng ty Xã Hội hạt Orange bảo trợ.
- Các lớp học sẽ được tổ chức vào các buổi

CHIỀU và TỐI MỖI NGÀY TRONG TUẦN và SÁNG THỨ BẢY

tại các địa điểm sau:

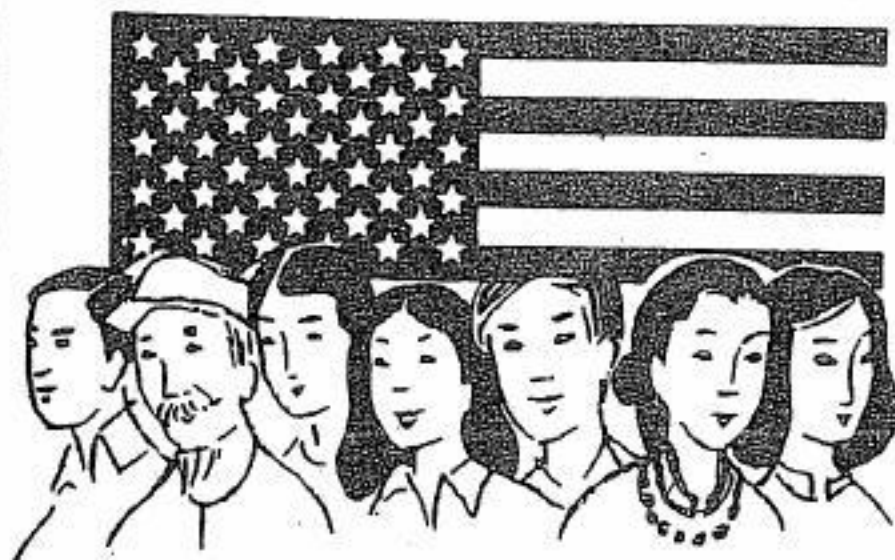
- *Garden Grove* (4 trung tâm)
- *Westminster* (4 trung tâm)
- *Santa Ana* (2 trung tâm)
- *Anaheim* (2 trung tâm)

Ngoài ra chúng tôi còn có các bài học và các lớp **ESL MIỄN PHÍ***.

THỜI GIAN GHI DANH: BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 3 THÁNG MƯỜI 1994

XIN GỌI SỐ

CITIZENSHIP HOT-LINES
(714) 444-0400 hoặc (714) 558-3097



Các Cơ Quan và Hội Đoàn đồng bảo trợ chương trình:

Catholic Charities of Orange County/USCC
County of Orange/Social Service Agency
Episcopal Migration Ministries/ESA
International Rescue Committee, Inc.
Jewish Family Services of Orange County
Laotian American Organized Support
Lutheran Social Services of Southern California
St. Anselm's Cross-Cultural Center/Church World Services
The Cambodian Family, Inc.
Vietnamese American Arts and Letters Association
Vietnamese Community of Orange County, Inc.
World Relief

* Chúng tôi có lớp dạy đặc biệt **MIỄN PHÍ** cho những thường trú nhân không phải tị nạn ở Mỹ năm năm trở lên, xin gọi lấy hẹn riêng.

LẠC NHAU

HÀ THỨC SINH

Nàng đã gần bốn mươi nhưng nhìn thoáng như mới ngoài ba mươi, có vẻ đẹp cứng cỏi của một loài hoa xương rồng, quen lẻ loi và tự tin chịu được sự thử thách của mọi thời tiết. Nàng quan niệm hạnh phúc là một đời sống biết thoả hiệp với hiện tại. Có thể vì thế ngay khi chân ướt chân ráo đến Mỹ, nàng đã cầm cùi học một nghề chuyên môn. Giờ nàng là một được sỹ, làm ca đêm cho một được phòng ở phố South Pasadena.

Nhiều năm qua nàng chia phòng với mấy cô bạn nơi một căn nhà trên đại lộ Atlantic thành phố Alhambra, đoạn trồng nhiều dừa và hoa Tử Kinh Đào. Nhà và sở cách nhau mười phút lái xe. Trước rảnh là nàng đọc sách, ít giao du, thậm chí ít ra ngoài sân ngồi. Nàng sống an nhiên tự tại. Gần đây cuối tuần nàng hay ra bao lớn ngồi nhìn núi. Ấy là vì trước nàng manh nha hiểu hoả ngục là sự cưỡng hợp giữa hai con người trái tính; nay hiểu thêm xưa một người khỏi nhà không khó nhưng xưa một tình yêu khỏi đời không dễ. Vì thế lòng an nhiên tự tại có vẻ đôi phần. Thật vậy, nàng vẫn thường hình dung ra chàng mỗi khi nhìn lên dãy San Gabriel. Vào mùa sương mù núi nhật hần. Có lúc nàng đã bắt gặp trên đó đôi nét cũ mờ, giống giống những bức ảnh từng treo trong phòng chàng, và điều đó có gây cho nàng chút hoảng sợ âm thầm.

Ngày ấy như mới đầu đây.

*

Đó là một chiều trước ngày lễ Tro. Từ nhà cô bạn trên miệt El Monte chạy về sửa soạn đi làm, về đến Alhambra xe chết máy thỉnh lình. Hai cậu thanh niên Mỹ vừa đẩy giúp vào khu đậu xe của một thương xá thì gió đổi chiều. Một lát có hơi nước. Núi trở đen như thối mực Tàu. Rồi mưa. Mưa mù trời đất. Nhà cửa mờ nhạt. Con người mờ nhạt. Cả thành phố thung lũng chỉ dãy núi là còn khá rõ.

Nàng bước đại vào tiệm Mervyn's trên đường Main, vừa để đút mưa vừa hưởng chút ấm áp của máy điều hoà. Nàng xem đồng hồ tay. Còn hơn tiếng. Nàng gọi điện thoại cho hãng trục xe, yên



tâm dạo qua các quầy hàng xem chơi, tính gần tới giờ sẽ gọi về nhờ cô bạn đến chỗ tới sở.

Đang ở hồ ngắm mấy lọ nước hoa thì chàng đến bên. Chàng như có ngại ngần giây lát mới hỏi:

"Cô Nữ?"

Nàng nhìn chàng, một người đàn ông quãng bốn lăm, ăn mặc hơi cầu thả, cao gầy, mắt sâu, tóc hơi mỏng, dài. Đặc biệt nụ cười không tươi.

"Vâng..." Nàng đáp, cố thân nhiên.

"Tôi là Hoài, bạn học của anh cô ngày xưa..." Chàng cười bối rối: "Không dè..."

Nàng ngạc nhiên, tính đặt câu hỏi, nhưng như đã đoán ra trước ánh mắt dò chừng của nàng, chàng đổi nét bối rối sang nét thân mật, nói chận: "Hồi ấy thú thật tôi chưa có dịp đến chơi

nhà, nhưng bọn trai trẻ, cô Nữ hiểu, không biết bạn mình có em gái đẹp còn lồi nào lớn hơn?"

Nàng không rõ lắm mình bên lên hay khó chịu trước lời khen tặng. Nó có vẻ đột ngột, gần với sự suồng sã. Nàng muốn tỏ một thái độ chi đó, không xong, đành nói:

"Dạ không dám..."

Chàng lại hỏi, giọng hồn nhiên hơn:

"Thế gia đình cô sang đây hồi nào, ông anh mấy cháu rồi."

"Dạ... tám năm trước tôi vượt biển có mỗi mình. Anh tôi mất vì lao sau ba năm tù."

Nàng buột miệng và tự ngạc nhiên về sự thành thật hơi sớm và hơi quá của mình. Nhưng chàng thì thoáng nhăn mặt, giọng xa vắng:

"Hoá mỗi tôi đào ngũ... Mỗi ngày nào chung lớp chung trường, rồi động viên cùng lượt. Giờ bề đâu hết... Thế cô Nữ có gia đình chưa?"

Nàng sốc lại chiếc ví đeo vai. Thử. Nàng tính nói dối đại một câu nhưng chẳng rõ lý do, vẫn cứ thành thật:

"Dạ chưa.... Thế anh ở đâu?"

"Có nên hỏi một người homeless sống ở đâu không? Gặp cô Nữ mừng lắm. Tôi xa nhà từ 75, thế mà, vâng, thế mà thoáng thấy cô tôi nhận ra ngay."

Khi ngồi đối diện với chàng trong quán cà phê ngay cạnh tiệm Mervyn's nàng mới hoảng ngẫm

trong bụng. Và khi chàng chở nàng đến sở, lái xe đi, nàng mới tự hỏi tại sao người ta chỉ quen báo động sự nhẹ dạ cho những bé gái mười lăm mười bảy? Nàng đã tin nhẹ dạ là cái bóng không rời của mọi trái tim đàn bà...

*

Phòng trọ của chàng nằm trên đường Commonwealth, một nhánh của đại lộ Atlantic. Có lần ghé chàng, qua cửa sổ, chàng chỉ đứng nóc nhà nàng và nói: "Hơn năm ở đây nào ngờ em ở ngay kia. Thật ném lá thư tình cũng tới." Nàng cười lặng lẽ. Nàng không còn lạ lối ăn nói hồn nhiên, đôi khi thi vị của chàng. Chàng không là một thi sỹ đó sao? Mà thi sỹ là gì nếu không phải một sự giản dị khó hiểu? Họ chưa hoá một cuộc đời họ yêu rợn rã; họ phá sản hoá một tâm hồn vốn đầy đầy tin yêu; họ say đắm họ và đồng thời họ coi thường họ. Có thể nàng hiểu chưa đủ về một con người như chàng, nhưng tạm để hiểu chàng là thứ người chỉ có một mảnh hồn bé nhỏ nhưng muốn chia cho tất cả...

Dù sao nàng đã yêu chàng, dễ dãi, nhanh chóng, bất ngờ nữa; giống một cô gái kỵ rượu, nhưng trong ngọn lửa ấm một đêm liên hoan, nể đời, nàng nhấp thử chút rượu ngọt và say; nhưng đáng sợ là từ đó, mỗi ngày không có chút rượu nàng không biết tìm đâu ra một cảm giác ấm lòng huyền diệu.

Và như thế, eo ôi, nàng đâu được phép để nguồn tình yêu của nàng phải bệ rạc.

Mà chàng thì bệ rạc, hiểu theo nghĩa của nàng.

*

Chàng làm việc tại nhà. "Mười mấy năm qua anh chưa từng làm việc cho thằng Mỹ nào." Một lần chàng nói như thế với nụ cười khó hiểu. Đúng ra chàng nhận hàng về làm từ một studio chuyên sửa và chụp lại các ảnh cũ của một người bạn trong vùng, vì thế phòng chàng lúc nào cũng bừa bộn. Phim ảnh giăng ngang dọc như người ta phơi tã. Những thuốc màu, hoá chất, cọ lớn cọ nhỏ, khay nước rửa, máy sấy... Đó là một thế giới có chai lọ nằm trên nệm giường, ổ bánh mì nằm trong gấm bàn, đoá hoa cắm trong chai bia, lịch sử gắn trên vách. Quả vậy. Trên vách phòng chàng nàng có thể thấy lại được các tấm ảnh chụp đủ kỳ quan đất nước, những hình ảnh chiến tranh ác liệt, những cô dâu chú rể ở vào thời nàng chưa ra đời, thậm chí những đám ma; nói chung, đủ quan hôn tang tế...

Có lần chàng vui vẻ chỉ một tấm ảnh, nói:

"Đời bằng được anh khỏa thân giúp."

"Hả?"

"Ông chồng thì xin lột hộ khăn đóng áo dài, bà vợ thì xin lột hộ chiếc áo gấm nhĩ thế. Họ muốn com-lê váy đầm cơ."

"...!"

"Nữ đoán coi nhiều?"

"...?"

"Nàng bảy bó chàng bảy bó rưỡi."

"Rồi sao anh?"

"Rồi sao? Phải đúng hẹn chứ sao. Ba ngày nữa giao. Các cụ ấy mà. Biết đi lúc nào. Kịp giúp họ góp thêm tiếng cười nhạt vào một sân khấu đã thừa trào lộng không là việc phúc đức?"

Đại loại đó là công việc của chàng. Chàng nói vui, nhưng không biết chàng làm có vui? Một buổi đến chơi, chàng như quên mất có nàng bên cạnh. Chàng cặm cụi tô vẽ một bức ảnh, có lúc dừng tay băng khuông, ngẫm nghĩ. Nàng có cảm tưởng bức ảnh như chất xúc tác bén nhọn cho chàng cọ sát với dĩ vãng từng ngày. Trong cái thế giới tĩnh vật chàng tiếp cận, có nhiều dấu hiệu nó không êm ả mà hàm chứa một mãnh lực khác thường. Có thể chàng nghĩ nó như dòng nước ân huệ đem phù sa bồi đắp vào một bên bờ có mình chàng đứng, giữa khi bào mòn bờ bên kia là đám đông có nàng, hay cặp vợ chồng già đòi thay quần áo mới trên tấm ảnh cũ.

Chàng thao thức nhiều với dĩ vãng. Nàng đoán vậy.

*

Được cái không bao giờ chàng sai hẹn với hiện tại. Cho dù cả buổi trời gọi điện thoại, thậm chí đến tận phòng tìm không gặp, nhưng năm phút trước giờ nàng đi làm chàng đã đậu xe trước nhà, và năm phút trước giờ tan sở nhìn ra khu đậu xe đã thấy xe chàng.

Khi lái xe trên đường khuya chàng ít nói. Những đêm gió thổi bần bật bên tai chàng chẳng buồn lên kính. Trong xe nàng chỉ thấy tóc chàng bay rối làm mờ thêm một nửa mặt vốn đã không rõ nét. Nhưng nàng biết đó là lúc chàng lại mãi mê đeo đuổi những kỷ niệm nàng không thể tham dự.

Một lần nàng hỏi:

"Lái xe mà sao anh cứ nhìn núi..."

Chàng thở dài, nói nhỏ:

"Đây dễ lạc nhau quá. Phải giữ lấy một điểm chuẩn, phòng khi..."

Nàng không tin mình hiểu thấu đáo ý chàng. Đôi khi nàng có ngờ đó là một loại tâm thần. Nàng tính đề nghị chàng nên đi học lại, kiếm một nghề chắc chắn, quân bình lại cuộc đời, nhưng rồi ngại đó có thể là lời khuyên không khéo, lại thôi. Lát sau nàng hỏi:

"Hoài à, hình như nhiều người không chấp nhận được xã hội này... Anh sao?"

Chàng cười:

"Chỉ chấp nhận xa xỉ quá, anh có chi nổi. Vấn đề là làm sao yêu được một thứ mình không yêu."

Nàng bối rối:

"Vậy cuối đường chúng ta là gì đây? Đừng giận em nói thật nhá. Lêu bêu là một ngụ ngôn xấu hổ cho tình yêu đấy."

Chàng chỉ nhìn nàng, không phản ứng. Nàng mơ hồ hiểu hơn về một điều đáng sợ. Có những người hoàn toàn không sống với thực tại. Có thể chàng là một mất rồi.

Và cứ thế, đêm đêm ngồi với nhau một lát trong

bãi đậu thảng thốt tiếng chim khuya, hay tấp vào cây xăng rẽ tiền, hay lái trên con đường một bên nhà cửa một bên núi đen sẫm, chàng không kể nàng nghe những chuyện trong ngày, thậm chí chuyện lứa đôi, chàng cứ nhắc tới những câu chuyện cũ mà trong thâm tâm nàng không mấy gắn bó, không thể chia sẻ.

*

Một hôm nàng rủ chàng đi với nàng dự một dạ tiệc của hiệp hội được sỹ trong vùng, trùng ngày 30-4. Chàng ra dấu ngăn ngại. Nàng khuyến khích. Chàng hỏi:

“Người ta có thể đến với bữa tiệc chung bằng một ý nghĩa riêng?”

Nàng cười:

“Ăn cá nhớ biển, ăn thịt nhớ rừng; mà ngược lại chẳng ai bỏ tù mình.”

“Được, vậy đi. Anh sẽ ăn giỗ.”

Nàng chưng hửng. Sau thêm kinh dị. Nàng không dè trong chàng còn chứa sự hung hãn. Nàng không biết câu chuyện khởi đi thế nào, chỉ biết lúc ấy tiệc gần tàn, ở một góc tách biệt, chàng đã nắm chặt một chai bia, đẩy nét giận dữ thách một người Mỹ đầu hói có bộ râu bạc ra ngoài “giải quyết vấn đề”. Các bạn đồng nghiệp của nàng cho là hai người say, can và không ai gọi cảnh sát.

Nàng đem chàng về và dù gắng hỏi thế nào chàng không nói nguyên do.

Đêm ấy chàng ngồi uống rượu một mình, uống dừ dừ, lát sau đổ xuống nệm nằm như xác chết. Nàng chán nản tắt đèn, không đèn ngủ, nàng bật đèn nhà tắm, rồi bỏ về. Nửa khuya sốt ruột, gọi điện thoại không ai nghe, nàng phải mò sang thăm chừng. Đó là lần đầu ngồi một mình trong bóng tối nàng được chứng kiến bi kịch một màn một cảnh một nhân vật.

Chàng quỳ trên thảm trải đầy những hình ảnh nhàu nát. Mắt trơ trơ như mù. Điều đáng sợ là chàng nói, nói thật điềm tĩnh, như một người đọc lời cam kết trước rất nhiều người về một việc hệ trọng. Nhưng việc gì? Nàng không hiểu. Cho đến khi chàng đổi thái độ điềm tĩnh sang học tốc thì nàng có thể đoán hiểu phần nào. Chàng cúi đầu bối trên thảm, như muốn chôn cất hay giấu giếm một khối thân yêu nặng vô hình vào một chỗ an toàn. “Ồ yên đây.” Chàng thầm thì: “Khi trở lại tao bốc tụi mày. Phải tin tao ghét lỗi hẹn...”

Nàng cố ngồi yên, kiên nhẫn ghi nhận. Một sợi ánh sáng từ kẽ cửa phòng tắm như thanh kiếm sắc cắt chàng làm đôi. Chàng đổ xuống, thê thảm như một con nhện mắc kẹt ngay trong chiếc lưới dây đặc của chính nó nhả từ bụng ra.

Đó là lần đầu tiên nàng thấy sợ chàng. Chàng như đổi màu, như biến thành một thứ của cải của người chết và nàng ớn sợ khi nghĩ nếu mình phải chạm tay vào. Mãi cho đến khi chàng thật sự đầu hàng giấc ngủ nàng mới đắp chăn cho chàng, rồi lặng lẽ đóng cửa, lặng lẽ ra về.

Trên đường khuya nàng nghĩ ngợi nhiều. Nhưng những việc ấy không đòi hỏi nàng một sự

giải quyết; nó là của chàng, thuần túy. Sự băn khoăn của nàng nằm ở chỗ khác. Sao thế, sao lại có sự trùng hợp kỳ quặc như thế? Liệu có giá trị khả tín nào trong lời mơ hoảng của một người say? Nàng đã khám phá ra một điều kinh dị hơn cả: Cô Nữ trong giấc mơ chàng tuyệt nhiên không phải là nàng. Người anh, gia đình, những thân thuộc của nàng chàng từng ân cần nhắc tới không phải của nàng.

Tất cả đều khởi đi từ một ngộ nhận!

Nằm trên giường đêm ấy nàng suy nghĩ thật lung, sau dần lòng thôi cứ yên lặng, cứ để cho những câu chuyện kể của chàng được tiếp tục say sưa, nguyên vẹn. Nàng không nỡ đẩy chàng ra khỏi giấc mộng. Lại có lúc thấy thương chàng quá, nàng còn tảo bạo với ý nghĩ bệnh vực: “Coi như chàng chui nhầm màn một phụ nữ, cứ để yên cho chàng hưởng sự thú vị bất ngờ!”

*

Chàng đã đột ngột đến với nàng như cơn mưa vào ngày lễ Tro và biến đi như bụi cũng vào một ngày lễ Tro hai năm sau đó.

Hai năm ân tình có đủ ghi những nét sâu đậm không thể phai mờ? Nàng hồ nghi dù không chối cãi nàng không hoàn toàn thản nhiên khi thất lạc một tình yêu. Và vì thế, những khi nhìn núi nàng lại chạnh nhớ đến chàng, và không thiếu lúc khẩn thâm nó vẫn là điểm chuẩn cho chàng.

Dù sao mỗi khi nhắm lại bài thơ - như một trang nhật ký chỉ mới phác đôi nét mơ hồ - chàng viết tặng nàng trước lúc âm thầm ra đi, nàng vẫn riêng hy vọng với hai câu kết.

Bài thơ viết:

*Bóng núi tối như nấm mồ lớn
Chim khuya riu rít biết chim gì
Lái xe đi mỗi đêm như thế
Gió vỗ về trên mặt tái tê*

*Ta cứ thấy xa lạ vô cùng
Giữa đất trời hai mươi năm sống
Te te te kèn xe ngó ngang
Gã râu ria tường tên cổ vấn*

*Và cứ thế khi ta đón em
Chỗ sờ làm gần cây xăng rẽ
Em quen ta hay ta quen em
Không thiếu lúc dị thường như thế*

*Rồi trên xe ta không hôn nhau
(Theo thói quen những người ở Mỹ)
Chỉ dịu dàng em cười cúi đầu:
Ôi chàng trai của tôi đang trí*

*Và cứ thế ta phục hồi nhau
Bằng lập lại những câu chuyện kể...*

Hai câu thơ mặc nhiên có hàm chứa một lời hứa hẹn mơ hồ - ấy là theo ý nàng. Và vì thế, đến nay nàng vẫn chờ chàng trở lại.

Alhambra 26-3-95

MỘT VÀI Suy Nghĩ và Nhận Xét VỀ CHỮ VÀ NGHĨA

BÙI VĨNH PHÚC

Từ bài viết của ông Đỗ Thông Minh (đưa ra một vài so sánh về một số từ Việt-Trung-Nhật), qua bài “nhận xét” của ông Thang Ma về bài của ông ĐTM, đến bài “mạn đàm” của ông Nguyễn Anh Tuấn về bài của ông TM, sang bài “đôi điều” với ông NAT của ông Cam Vũ, cùng với một số nhận xét, góp ý của các độc giả khác, vấn đề “chữ nghĩa” trên những trang báo của *Thế Kỷ 21* những tháng gần đây bỗng trở nên thật hào hứng và sôi nổi. Sự thảo luận để làm rõ một vấn đề, chính lại một từ ngữ hay một ý niệm, hay là để chia sẻ một cái nhìn bổ túc hoặc trái ngược với một quan điểm đã được đưa ra trước đó, tôi vẫn nghĩ, là một khía cạnh của văn minh con người. Nó giúp con người ngồi lại gần nhau và chia sẻ, đóng góp cũng như xây dựng cho nhau. Nó giúp chúng ta có một cái nhìn rộng hơn, và, hy vọng, một tấm lòng bao dung, mở đón và khiêm tốn hơn.

Mặc dù những bài góp ý, thảo luận, khởi từ bài viết của ông Đỗ Thông Minh, đang trở nên có khuynh hướng ngày một gay gắt hơn, trên một số khía cạnh, có lẽ tất cả những ai theo dõi những bài viết này đều phải công nhận rằng các tác giả, với thiện chí của họ, đã đem đến cho người đọc nhiều kiến thức quý báu. Sự hiểu biết và thiện chí của những người bước vào cuộc thảo luận là những yếu tố cần thiết để cuộc thảo luận trở nên hữu ích. Chúng cũng là những điểm giúp ta ôn hòa và kiên nhẫn trong những chia sẻ, đóng góp của mình.

Đọc bài của tất cả những vị trên, tôi thấy có nhiều điều thú vị. Chúng làm tôi nhớ đến những cột báo bàn về ngôn ngữ của nhà bình bút William Safire trên tờ *New York Times Magazine* (và sau này được in lại thành hai cuốn *On Language* và *What's the good word?*) Trong hai cuốn sách này, Safire đưa ra rất nhiều nhận xét thú vị và bất ngờ về Anh ngữ. Đặc biệt trong cuốn thứ nhì, Safire cho đăng lại rất nhiều ý kiến của độc giả—đóng góp và phản ứng trước những suy nghĩ và nhận xét mà Safire đã phổ biến trên báo. Nhiều đóng góp có giá trị khiến cho vấn đề được nhìn rộng và sâu hơn. Ngoài ra, cũng có những đóng góp thật ngộ nghĩnh, thú vị và buồn cười. Và cũng có những đóng góp gay gắt, mang giọng điệu bức bối. Tất cả đều được trình bày trước mắt người đọc, và Safire để độc giả tự thẩm định. Trong vai trò bình bút, William Safire được trao giải Pulitzer. Ông nổi tiếng là một phóng viên, một nhà chính trị, một nhà từ vựng học, một tiểu thuyết gia, và một ký mục gia với một ngòi bút lão luyện trong hai phạm

vi chính trị và ngôn ngữ.

Nói về chính trị và ngôn ngữ, một trong những vấn đề mà các bài thảo luận—do bài viết của ông ĐTM—đặt ra là, trong ngôn ngữ có yếu tố chính trị hay không. Và, một câu hỏi khác đi kèm theo—khiến tạo nên những tranh luận sôi nổi—là, người ta có thể chính trị hóa được ngôn ngữ không. Trong sự theo dõi của tôi, tôi nhận thấy là những câu hỏi này hiện vẫn đang được những người tham dự vào cuộc thảo luận góp ý. Người nói không, người bảo có. Ai cũng có một cái lý nào đó từ vị trí nhìn vấn đề của mình để cất lên những tiếng nói kia.

Trong sự suy nghĩ của tôi, ngôn ngữ và chính trị đều là những thành tố tạo nên cái khí quyển văn hóa của một tập thể người. Ngôn ngữ là cái chất liệu—xét một cách nào đó, một chất liệu tinh thần—gắn bó, nối kết những con người trong cái tập thể ấy lại với nhau. Còn chính trị thì như là một cái khung để giữ họ lại trong một giếng nước, một kỷ cương khả chấp, để tất cả có thể tiếp tục sống một đời sống cộng sinh bên nhau để cùng phát triển và thăng tiến. Hai thành tố của văn hóa này ảnh hưởng hỗ tương qua lại trên nhau. Nhìn ở một góc độ nào đó, chúng có thể được xem là những thành tố độc lập với nhau; nhưng nhìn từ một góc độ khác, chúng xen kẽ vào nhau và tạo nên những ảnh hưởng trên nhau từ chính sự xen kẽ đó.

George Orwell, tác giả nổi tiếng của *Animal Farm*, 1984, *Down and Out in Paris and London*, và nhiều bài chính luận và xã luận đặc sắc, trong bài *essay* nổi tiếng, *Politics and the English Language*, được in lại trong rất nhiều tuyển tập về ngôn ngữ và giáo trình văn học được sử dụng tại các đại học Mỹ, đã cho rằng: tuy sự suy đồi của ngôn ngữ, ở cuối tiến trình phân tích, có những nguyên nhân chính trị và kinh tế, chứ không phải chỉ do ảnh hưởng của một số người cầm bút lạm dụng nó, đưa nó vào những hướng thoái hóa về mặt phản ánh sự thật khiến cho nó trở nên mất tính trong sáng, hay tệ hơn, trở nên những khẩu hiệu rỗng ruột, có tính cách đánh tráo những khái niệm và làm cho nó trở nên mù mờ một cách nguy hiểm. Nhưng, sau đó, ông nói ngay thêm rằng, chính sự cố tình sử dụng ngôn ngữ một cách mù mờ, hai lưỡi của những con người làm chính trị đã làm cho cái bầu khí quyển chính trị ngày càng ô nhiễm hơn. Nó có thể ảnh hưởng đến những người khác cũng đang hô hấp cái bầu khí đó.

Ông cho rằng khi người ta tránh nói thẳng vào sự vật, khi người ta tránh gọi tên thật của sự

việc—chẳng hạn khi người ta dùng những từ như hòa bình hóa (*pacification*), di tản dân (*transfer of population*), phân định cho đúng lại biên giới (*rectification of frontiers*), loại bỏ những phần tử bất khả tín (*elimination of unreliable elements*)... để tránh nói thẳng vào những hành động kinh hoàng được diễn ra dưới những tên gọi ấy—người ta đã không chân thật với người khác và với chính họ. Những người sử dụng chữ nghĩa như thế đã làm cho ngôn ngữ trở nên xấu xí và xuống cấp. Cũng thế, khi người ta dùng những nhãn hiệu như giai cấp, chuyên chính, tiến bộ, phản động, trưởng giả, bình đẳng, cách mạng, tự do... để ve vãn, quyến rũ người khác, hay để cầm nắm tâm ý thế con người, người ta cũng đã sử dụng chính trị để làm công việc đánh tráo kia. Người ta đã chính trị hóa ngôn ngữ.

Orwell không chấp nhận lập luận cho rằng, khi một nền văn minh xuống cấp về mặt đạo đức thì cái ngôn ngữ phản ánh nền văn minh đó bắt buộc phải xuống cấp theo, và tiến trình đó không thể đảo ngược. Mệnh đề đầu dĩ nhiên là đúng, nhưng ông nghĩ là con người có thể phá bỏ hướng đi tưởng là một chiều của tiến trình này. Ông không cho rằng sự cố gắng để phản chống lại những tình trạng lạm dụng ngôn ngữ là một thái độ cô-lỗ-sĩ về mặt tình cảm, như thái độ nhất định thấp nển chứ không chịu dùng đèn điện... Orwell cho rằng trong khi tư tưởng không chính, không thật, có thể làm băng hoại ngôn ngữ, thì ngôn ngữ, ngược lại, dùng một cách tráo trở, hai lưỡi, không thật và không rõ, cũng có thể làm băng hoại suy nghĩ của con người. Những cách dùng từ không chính, không thật, có thể trở nên lan tràn bởi sự bất chước hay bởi truyền thống. Nó có thể ảnh hưởng đến tất cả mọi người nếu ta không có ý thức thật rõ khi sử dụng ngôn ngữ. Ngược lại, với một ý thức sáng suốt và chân thật trong việc sử dụng ngôn ngữ, con người vẫn có thể giúp ngôn ngữ tránh khỏi tình trạng xuống cấp ngay cả trong khi cái bầu khí chính trị bao quanh nó trở nên thối ỉu, ngột ngạt.

Chúng ta không nhất thiết phải coi bài viết của Orwell là đúng trên tất cả mọi khía cạnh của nó, nhưng trong lập luận của ông, có những suy nghĩ (và từ đó đưa đến những hệ luận) có giá trị mà chúng ta cũng nên để ý: ngôn ngữ và tư tưởng có thể tác động qua lại trên nhau, và chính trị có thể mượn xác (và trong rất nhiều trường hợp, mượn cả hồn) của ngôn ngữ để làm những chuyện xằng bậy. Tranh luận về việc trong ngôn ngữ có yếu tố chính trị hay không là một việc khó đi đến chung cuộc. Bởi lẽ, người ta có thể đứng trên những căn bản khác nhau để nhìn vấn đề. Nhưng, thật sự, lịch sử và đời sống đã cho chúng ta thấy là con người có thể chính trị hóa ngôn ngữ. Chẳng thế mà biết bao nhiêu con người trong lịch sử Đông Tây đã bị dẫn dụ để chết cho những từ ngữ mà không thật sự chiến đấu hoặc hy sinh cho một lý tưởng ấm nóng nào.

Thật sự, từ ngữ không phải chỉ có ảnh hưởng trong phạm vi chính trị mà thôi, trong nhiều lãnh

vực khác của đời sống -- hay, nói đúng ra, trong bất cứ lãnh vực nào của đời sống -- ảnh hưởng của từ ngữ trên lễ thói, cung cách suy nghĩ của con người, cũng như trong những mặt sinh hoạt khác nhau của đời sống nó, cũng rất rõ nét. Chẳng hạn, Barbara Lawrence, trong bài *Four-letter words can hurt you* (*The New York Times*, Oct. 27, 1973) đã lập luận rằng, những từ ngữ thô tục có một quá trình về ý nghĩa bạo động của chúng. Dựa trên từ nguyên học và đi vào những phân tích xã hội của sự dùng từ, bà đã cho thấy tính cách bạo động và tác hại của những từ ngữ ấy đối với con người.

Trở lại với cuộc thảo luận của chúng ta, mặc dù ta có thể phát hiện và nhận chân rõ những ảnh hưởng gay gắt của chính trị trên (đời sống) ngôn ngữ miền Bắc, ta cũng không nên vì thế mà đi đến một thái độ cực đoan trong việc từ chối sử dụng tất cả những từ ngữ được coi là phát xuất từ miền Bắc (hay được nhận xét là có một tần số sử dụng cao hơn tại miền Bắc).

Ngôn ngữ có một đặc tính là có khả năng thẩm thấu vào đời sống con người. Sống trong một môi trường ngôn ngữ nào đó, người ta sẽ sử dụng cái ngôn ngữ của môi trường ấy. Ngoài trừ việc chúng ta hết sức cảnh giác khi sử dụng ngôn ngữ trong tất cả mọi khía cạnh của đời sống (và ai là người có thể sống trong một tình trạng căng thẳng như thế?), nếu đã có một thời gian sống ở miền Bắc từ 1954 và ở miền Nam từ 1975, chúng ta ai cũng có kinh nghiệm nhận biết về sự thẩm thấu của một loại ngôn ngữ chính trị và xã hội trong đời sống con người mà trước đó chúng ta không hề biết.

Có những người, sau khi đã ra sống ở nước ngoài, vẫn không dứt bỏ (ngay) được những từ ngữ mà ở những lần tiếp xúc đầu tiên với chúng họ đã bị dội ngược. Vì thế, trong sự giao thiệp với bạn bè hoặc những người xung quanh, có những trường hợp họ bị ngộ nhận là có "mắc mứu" gì đó với... trong nước, hoặc nhẹ ra là bị cự nự, sửa sai. Thật ra, nhìn về khía cạnh tâm lý, điều đó cũng không có gì lạ. Chúng ta là những người nhạy cảm. Tôi muốn dùng từ này với sự chân thành của mình và trong nghĩa tích cực của từ. Chúng ta là những con người nhạy cảm. Chúng ta ý thức về sự ra đi hoặc sự có mặt của mình ở đây, và chúng ta cẩn trọng với từ ngữ. *Cẩn trọng với từ ngữ*, tôi nghĩ đó là một trong những đặc điểm thể hiện phẩm cách của người trí thức.

Và lại, chúng ta đã quá mệt với cách dùng từ căng và rỗng của miền Bắc, những từ như: *khẩn trương, nhất trí, quán triệt, tranh thủ, triệt để, quy định, động não, tư duy (lô-gic)*..., và biết bao nhiêu những từ và cụm từ được dùng một cách...khẩn trương như thế. Chúng làm cho đời sống chúng ta căng ra. Ai bảo là ngôn ngữ không có ảnh hưởng trên...tư duy của con người. Ngôn ngữ như là không khí bao quanh con người. Nếu nó trong lành, tươi mát, ta có cảm giác trong lành, tươi mát. Nếu nó "tăng nhiệt độ", nếu nó khô hanh và chứa đầy chất nổ, ta sẽ phải hô hấp cái bầu không khí nặng nhọc và chết người đó.

Khi người ta đã quá chán, quá mệt và quá bức với những cụm từ như *cửa hàng chất đốt thanh niên, cửa hàng tươi sống* (bán rau cải...), *công ty xây lắp, cửa hàng bú mớm* (bán thức ăn, thực phẩm và các món hàng liên hệ đến việc dinh dưỡng, chăm sóc trẻ), *cửa hàng bảo vệ thân xác phụ nữ* (bán các loại mỹ phẩm dành cho phụ nữ), v.v... (*), và khi người ta đã phải nghe mãi những khẩu hiệu rỗng ruột, những từ ngữ bơm căng (như đã bàn ở đoạn trên), người ta dễ có khuynh hướng gạt bỏ tất cả những từ ngữ khác cùng chia sẻ cái đời sống của chúng với những từ ngữ căng phồng và ngọt ngào đã nói. Nhưng, nếu xét một cách khách quan, ngôn ngữ miền Bắc cũng đóng góp được nhiều điều tốt trong cung cách nói năng và suy nghĩ của con người Việt Nam nói chung ở nhiều lãnh vực, từ những thuật ngữ khoa học kỹ thuật đến những lời ăn tiếng nói trong hoạt động nói năng hằng ngày.

Lấy một thí dụ rất nhỏ, nếu miền Nam có *không phận, hải phận*, thì miền Bắc có *vùng trời, vùng biển*. Cá nhân tôi đã quen dùng hai từ trên, *không phận* và *hải phận*; nhưng ngẫm nghĩ kỹ, hai từ dưới, *vùng trời* và *vùng biển*, rất sáng, rõ, và giản dị, dễ hiểu. Bởi thế, trong một số mạch văn đòi hỏi cách dùng thuần Việt này, đặc biệt ở những mạch văn mà nhịp bằng trắc cũng như âm thanh của từ kêu gọi cách dùng thuần Việt, tôi không thấy có gì phải phản đối trong việc dùng những từ ấy. Tôi cũng mừng vì có thêm được vốn từ để sử dụng, giúp cho bài viết của mình đạt được sát hơn mục tiêu mình mong muốn.

Nói thế để trở lại vấn đề của hai từ *phản ảnh* và *phản ánh*.

Tôi không nghĩ những nhà văn (hay bất cứ một người trong Nam nào) khi dùng từ *phản ánh* thay cho *phản ảnh* là nhất thiết trong đầu họ phải có một lý do thời thượng, như suy nghĩ của Thang Ma. *Phản ánh* hay *phản ảnh*, từ nào cũng đúng. Nhưng nếu một người cho rằng *ảnh* là thuần Việt và *ánh* là Hán Việt (hay nếu không thì *ảnh*—mặc dù là một từ Hán Việt—nên được dùng trong cấu trúc thuần Việt, như cách sử dụng cụm từ *ảnh phản*) thì việc họ dùng *phản ánh* (mà không *phản ảnh*) cũng chẳng có gì đáng phản nản.

Cách sử dụng này cũng như cách cấu tạo của những cụm từ sau để dịch từ *projective geometry*: *hình học ánh xạ* hay *hình học xạ ảnh*. Mỗi cụm bao gồm một từ và một ngữ (một cụm từ / *phrase*). Cụm đầu, một từ và một danh ngữ (*noun phrase*): *hình học* và *ánh xạ*; cụm thứ nhì gồm một từ và một ngữ động từ: *hình học* và *xạ ảnh*. Một trường hợp khác, ở một mức độ khác, yếu là một từ Hán Việt, *nhược* cũng thế, nhưng vì người ta hay dùng lộn *nhược*

PHỐ THỊ NGỌC NI

ĐÁY HỒN EM RỤNG TIẾNG TIÊU SƠ

trăng ngả mạn
hay lòng em ngả mạn
lung linh trên dòng nước thu mờ
trời ơi gió
làm nhả bóng hết
đáy hồn em rụng tiếng tiêu sơ
người tình đi
tìm những môi hôn
gặp nhau giữa quãng đời hạnh ngộ
em nhớ anh
sầu bi từ độ
miệng nhả nhau ra xác lẫn hồn
nhớ thôi mà
ngón ngang trăm mối
sắp xếp nhiều năm cũng chẳng bình
phải chi tâm
ở cùng thư thái
em đã một đời đóa lạng thinh.

3/95

điểm với yếu điểm nên chúng ta còn có cách dùng theo cấu tạo thuần Việt để diễn hai ý trên: *điểm yếu* và *điểm quan trọng*.

Tôi có một người quen tốt nghiệp Đại học Sư phạm ban Anh Văn năm 1961, sang đây, khi đọc báo Mỹ thấy tựa đề nói về một *drunk driver*, anh rất bức mình và... khinh bỉ báo chí, vì không ngờ “tụi Mỹ lại viết sai!” Theo anh, phải viết là *drunken driver*, vì *drunken* là *past participle* -- và chỉ có *past participle* mới có thể đứng làm *adjective*. Tôi bảo với anh là anh không sai, nhưng chắc anh là một thi sĩ. Bởi lẽ động từ *to drink* có hai quá khứ phân từ. Một là *drunk* và hai là *drunken*. Quá khứ phân từ thứ hai này, *drunken*, thường chỉ dùng trong thi ca chứ ít được dùng trong văn nói hay các thể văn bình thường khác.

Cũng người bạn này có lần nhắc cho tôi là phải phát âm từ *often* là [ˈɔːfn] chứ không phải là [j ɪfn], khi anh nghe tôi nói chuyện với một người Mỹ và tôi phát âm như thế. Anh bảo khi phát âm từ này, ta không được phát âm âm /t/. Tôi bảo là anh hoàn toàn đúng, nhưng tôi cũng nói thêm là người Anh ít nhất có một cách phát âm, là [tːfn]; người Mỹ có hai cách, hoặc là [ɔːfn], hoặc là [j ɪfn]. Và vì người bạn tôi lúc đó mới đến Mỹ khoảng gần hai

năm, tôi bảo anh để ý nghe người Mỹ nói chuyện, ngay cả ở trên TV giờ tin tức nữa, anh sẽ có thể nghe ra cái âm /t/ rất... đáng bực kia. Tôi cũng bảo là anh nên yên trí là tôi cũng thích [ʔ fn] hơn [ʔ ftn]; nhưng thỉnh thoảng, để tự nhắc nhở mình nên chấp nhận sự khác biệt của những người khác, tôi cũng có lúc phát âm là [ʔ.ftn].

Tóm lại, tôi nghĩ *phản ánh* hay *phản ảnh* gì cũng tốt. Chúng nó cho ta thêm sự chọn lựa. Cũng chẳng nên bảo những người dùng *phản ánh* là thích thời thượng hay bị... ảnh hưởng xấu. Trong một số trường hợp khác, có thể là có chuyện như vậy thật. Còn trong trường hợp *ánh ảnh* này, tôi nghĩ chúng ta cũng không nên quy kết vội vã như thế. Thật sự, *Hán Việt từ điển* của Nguyễn Văn Khôn -- xuất bản tại miền Nam trước 1975 -- chỉ liệt kê từ *phản ánh* mà thôi (có nghĩa là ánh sáng chiếu lại; (ánh sáng) chiếu trở lại, soi hắt lại; có ảnh hưởng lại).

Bây giờ, tôi muốn nói về từ *hoa hồng*. Ông Thang Ma cho rằng nó phát xuất từ trái *hồng hoa* (*nại / Quả trên lý nại, thái trọng giới khương*). Ông Nguyễn Anh Tuấn không đồng ý, cho rằng quả *nại* là quả *táo dại*, quả *táo gai*, không thể dùng trong đám cưới được. Ông bảo, “Ở Trung Quốc khi có đám cưới, người ta có “phong bao” (tiền gói bằng giấy đỏ) để tặng những người đi phù dâu, phù rể, hoặc những người có công vất vả trong đám cưới. Người ta gọi tiền phong bao đó là “hoa hồng” hoặc “hồng lợi”. Cách lý giải của ông Thang Ma thì muốn đi vào nguồn gốc của sự sử dụng từ, nhưng, như ông Tuấn đặt vấn đề, không có lập luận thuyết phục. Bởi vậy, xin được tồn nghi. Còn cách giải thích của ông Tuấn, tôi cũng chưa được thỏa mãn, vì nó không lý giải được cách dùng từ “hoa hồng” về mặt từ nguyên. *Hoa* là gì?

Chẳng hạn từ “cổ xúy”, chúng ta đều hiểu nó có nghĩa là cổ vũ, hô hào, cổ động, ủng hộ cho một việc gì... Nhưng nếu có người hỏi, “Tại sao từ “cổ xúy” lại được dùng để nói lên những điều vừa nói?” Ta có thể thoải mái trả lời là, “Xét về mặt từ Hán Việt, *cổ* có nghĩa là đánh trống, đập trống (như trong “*Trung Từ cổ hồn*”); còn *xúy* là thổi sáo. Đánh trống và thổi sáo lên là để làm cho người ta chú ý theo dõi cái việc mà mình đang hô hào (với hy vọng là người ta sẽ thích, sẽ biểu đồng tình).

Hay ba từ sau đây cũng là những từ có thể giải thích dựa vào từ nguyên khiến cho ta thấy cái hay và cái hợp lý của ngôn ngữ. Điều ấy vừa làm cho ta thích thú, vừa làm cho ta nhớ mãi ý nghĩa của chúng. Ba từ mà tôi sắp bàn đến đã bị rất nhiều người hiểu lầm, cho là từ thuần Việt, ở dạng láy (hay từ lặp láy), vì chúng có dạng giống như thế. Thật sự, chúng là những từ Hán Việt. Tôi muốn nói tới những từ *do dự*, *hồ đồ*, *hỗn hào*.

Cả ba từ này đều có một thang độ Việt hóa rất cao. Chúng là những từ đã sống lâu năm trong ngôn ngữ Việt và được sử dụng thường xuyên trong đời sống hằng ngày của người Việt với một tần số rất cao. Trong sự sử dụng đó, chúng mang dáng dấp của những tính từ (*adjective*).

Do dự là hai từ Hán Việt, được dùng như một

tính từ. Chúng là hai danh từ. *Do* được dùng để chỉ một loài khỉ tay chân ngắn, nhảy rất lẹ. *Dự* được dùng để chỉ một loại voi lớn, lù đù, chậm chạp. Hai từ này kết hợp để chỉ vào tính chất của hai loài đó. Loài thì nhỏ bé nhưng nhanh nhẩu, vọt chạc; loài thì to lớn nhưng chậm chạp, lù đù. Nó đưa ra một hình ảnh nửa muốn tiến tới nửa muốn lui lại, nửa mau nửa chậm. Về mặt tâm lý hay thái độ, như cách mà từ này đã được dùng trong tiếng Việt, nó chỉ một thái độ lưỡng lự, nửa muốn nửa không, nửa muốn tiến nửa muốn lùi. Hình ảnh thật là sinh động. Sự sinh động này chúng ta chỉ tìm thấy khi bắt được ý nghĩa của nó trong từ nguyên.

Hồ đồ là một ngữ động từ (*verb phrase*), được dùng như một tính từ. Nó có nghĩa là phết (*đồ*) một lớp hồ lên (mặt của vấn đề, của sự việc), khiến cho vấn đề hay sự việc ấy trở nên mơ hồ, không rõ ràng.

Hỗn hào là kết hợp của hai tính từ, *hỗn* và *hào*. Cả hai đều có nghĩa là *lộn xộn*, *lẫn lộn*. Như thế, kẻ dưới mà ăn nói không giữ lễ, nói ngang hàng, với người trên thì bị xem là có thái độ hỗn hào. Ngay cả những người cùng vai vế, đẳng cấp với nhau mà không biết giữ lễ cho phải khi giao tiếp cũng có thể bị xem là hỗn hào.

Nếu nhìn theo hướng phân giải bằng từ nguyên ấy, từ trước đến giờ, tôi chưa thấy ai phân tích để giải nghĩa thỏa đáng từ *hoa hồng*. Hãy thử liệt kê ý nghĩa của mỗi từ ở đây để xem ta có thể bật ra điều gì mới không.

Theo cách viết của từ “hoa hồng” (như cả hai ông Thang Ma và Nguyễn Anh Tuấn đều đã ghi ra), thì, theo *Hán Việt từ điển* của Nguyễn Văn Khôn,

* Từ *hoa* có tám nghĩa: 1/ Bông, hoa 2/ Vật giống hình hoa 3/ Sắc tạp loạn 4/ Vật rất nhỏ 5/ Gái giang hồ 6/ Bình đầu trời 7/ Hao tổn, hao phí 8/ Họ.

* Từ *hồng* có ba nghĩa: 1/ Màu đỏ dợt, đỏ lợt 2/ (Thực) Tên một giống cây 3/ Họ.

Để làm công việc thử phân giải, người ta có thể thử đặt một giả thuyết xa xôi là những nghĩa số 4 và số 7 có thể có sự dính líu xa gần đến ý nghĩa của từ *hoa* và nghĩa số 1 có thể dính líu đến ý nghĩa của từ *hồng*. *Hoa hồng* có thể để chỉ hình ảnh của một vật rất nhỏ, một món quà, món tiền nhỏ, đặt trong phong bao có màu đỏ lợt, để tặng cho người đã bỏ công sức, đã hao tổn, hao phí thì giờ để giúp cho ta một điều gì đó. Suy luận như thế này quả thật là có nhiều sự dò dẫm và phỏng đoán. Nhưng khi người ta còn vấn đề tồn nghi, khi người ta chưa thỏa mãn, người ta còn cứ phải cố gắng dò dẫm; và nếu người ta chưa nắm chắc được manh mối của vấn đề, tôi chắc là người ta có khi phải vận dụng đến sự phỏng đoán của mình. Thật sự, sự phân tích vừa qua chỉ là một thí dụ về phương cách làm việc mà tôi thử đưa ra để chúng ta tìm hiểu ý nghĩa của một từ về mặt từ nguyên. Tôi không coi đó là sự đề nghị giải mã ý nghĩa của từ “hoa hồng” một cách chính thức của tôi.

Về từ *kinh tế*. Ông Thang Ma bảo đó là do cụm

từ *kinh bang tế thể* mà ra. Cách lý giải này tôi cũng được nghe và được đọc nhiều lần, căn cứ trên nhiều nguồn khác nhau. Ông Nguyễn Anh Tuấn phản bác lối phiên giải này, cho rằng "*kinh bang tế thể* thuộc một phạm trù ngôn ngữ khác với *kinh tế*. *Kinh bang tế thể* có ý nghĩa là từng trải cuộc đời và có tài thao lược. Nhưng *kinh tế* chỉ đơn thuần là một thuật ngữ..." Cách giải thích của ông NAT về cụm từ *kinh bang tế thể* rất đúng. Nhưng nếu *kinh tế* không phải là từ tóm gọn của *kinh bang tế thể* thì nó ở đâu ra, và nó có nghĩa là gì xét theo mặt từ nguyên? Nó là một thuật ngữ; nhưng một thuật ngữ cũng có một nghĩa gốc của nó nếu ta chịu khó dò tìm đến gốc.

Tôi không bàn chuyện Trung Hoa đã mượn từ này của Nhật hay là ngược lại. Và tôi cũng không xét đến chuyện từ *kinh tế* bắt nguồn từ Á Đông (từ Trung Hoa hay Nhật), hay nó chỉ là một thuật ngữ được dịch từ một ngôn ngữ Tây phương. Tôi chỉ muốn trình bày thêm một chi tiết để chúng ta có thêm dữ kiện để suy nghĩ và tìm hiểu thêm. Từ điển Webster's New World Dictionary of the American Language, ấn bản 1973, định nghĩa *kinh tế* (economy) là: 1/ the management of the income, expenditures, ect. of a household, government, ect. 2/ careful managemement of wealth, ect.; thrift 3/ an instant of thrift 4/ a system of producing and distributing wealth. Về mặt từ nguyên, từ điển này ghi rõ *economy* phát xuất từ tiếng Hy Lạp. Nó là kết hợp của *oikos*, house (nhà) và *nomos*, management (sự sắp xếp, thu vén...) Theo chú giải này thì có thể *economy* cũng là *kinh bang tế thể* chẳng. *Oikos* lúc đầu cũng chỉ là nhà thôi, chứ có nói gì đến nước đâu. Mà *sắp xếp việc nước* để làm gì, không phải là để *tế thể* sao? Mà nếu không có tài thao lược (*kinh bang*) thì có thể *tế thể* được chẳng?

Thật sự, nếu *kinh tế* chỉ là một thuật ngữ, không phải là do cụm từ *kinh bang tế thể* nói tắt lại, tôi thật mong được biết xem nghĩa gốc của từ *kinh tế* là gì. Trong sự hiểu biết của tôi, *kinh* (trong *kinh tế*) có thể dính líu đến những nghĩa sau: trải qua, từng trải; sửa trị; chia vạch ranh giới; sới dọc, đường dọc, đường canh của tấm vải. Còn *tế* có nghĩa là cứu giúp. Hán Việt tự điển của Nguyễn Văn Khôn định nghĩa *kinh bang* là trị nước; *kinh bang tế thể* là trị nước, giúp đời; và *kinh tế* là *kinh bang tế thể*, sửa nước cứu đời; chỉ chung những công việc buôn bán, sản xuất, phân phối và tiêu thụ hàng hóa; sự tiện tặn; tài liệu hoặc tiền của. Nói chung, cách giải thích của tự điển này đi rất sát với từ điển Webster. Dĩ nhiên, có những trường hợp chúng ta vẫn có thể đặt vấn đề với từ điển. Ở đây, tôi chỉ muốn trình bày một ít dữ kiện để chúng ta có thêm căn bản và chất liệu để suy nghĩ.

Về vấn đề ông Thang Ma bị ông Tuấn bắt bẻ là không được lịch sự trong lối xưng hô với vợ, vì ông gọi vợ là Tàu. Thật ra, "Tàu", đúng như ý kiến của ông Tuấn, không phải là từ chính danh để gọi nước, người, đất và ngôn ngữ Trung Hoa. Nói chung, nó không phải là một từ chính danh,

như từ *Trung Hoa*, được dùng như một tính từ, đi sau và bổ nghĩa cho một danh từ khác trong tiếng Việt để xác định tính chất Trung Hoa của danh từ ấy. Dù sao, đó vẫn là một từ bán chính thức, được người Việt dùng, không có màu sắc hạ giá rõ nét giống như một số từ khác trong tiếng Việt đã được dùng để chỉ những gì gắn bó tới Trung Hoa. Chúng ta vẫn nói là tiếng Tàu, người Tàu... Ông Thang Ma, đang trong một tâm sự chia sẻ những kinh nghiệm sống của ông với độc giả, đã tự để mình tách ra khỏi giọng văn *quan phương* (official)—bàn về vấn đề ngôn ngữ—để đi vào giọng văn kể chuyện (narration), chia sẻ củ gừng trái nải và những tò mò nghịch ngợm của mình như một con người của "đời thường". Chuyện ấy, trên một khía cạnh nào đó, tôi nghĩ là đáng mến. Và trong cái hoàn cảnh cũng như tâm cảnh kể chuyện của ông Thang Ma, tôi nghĩ chúng ta không nên khắt khe với ông quá.

Ngoài ra, thật sự, đọc kỹ, tôi thấy ông Thang Ma chỉ giới thiệu vợ mình là người Hoa Bắc thôi. Tôi không thấy ông giới thiệu vợ mình là người Tàu trong bài góp ý của ông. Nếu có trách Thang Ma, tôi nghĩ chỉ nên trách là ông đã *dám* gọi vợ là "Mẹ thằng cu" trong khi đang nói chuyện ngôn ngữ tử tế!! Gọi vợ là "Tàu" là một điều không chính. Một cách nào đó, tôi nghĩ là có nhiều người cũng đồng ý với ông Tuấn. Tôi cũng đồng ý. Nhưng sau đó, tôi tự hỏi: "Thế nếu gọi vợ (hay người yêu) là *con chó ốm*, *con cá ươn*, *con mèo con*, *con dê nhỏ*, *con thỏ trắng*, *con sóc nâu*..., hay là dùng tên của một số loài vật hạ đẳng khác để gọi vợ hay người yêu của mình, thì ta phải xử sự sao đây?" Cuối cùng, tôi nghĩ là nếu ta giới thiệu vợ hay người yêu một cách nghiêm trang, trong những khung cảnh đòi hỏi sự nghiêm trang, ta phải dùng từ cho chính. Còn nếu ta giới thiệu vợ hay người yêu với (những) người bạn thân, hay ta gọi tên vợ (người yêu) trong một hoàn cảnh nào khác cho phép sự thân mật, thì không có gì cấm người ta gọi "Cô Tàu của anh hay *con chó ốm* / *con cá ươn* / *con mèo ươn* / *con dê nhỏ* / *con sóc nâu* của anh, vân vân." Cái tên, như thế, tùy vào cái tình. Mà cũng còn tùy vào cái cảnh nữa.

Chuyện ngôn ngữ thì nói mãi cũng chẳng hết. Chỉ mong bài đóng góp này chia sẻ được một số suy nghĩ liên quan đến cuộc thảo luận có tính văn học của chúng ta. Và cũng mong rằng, cùng với những bài góp ý khác, nó đóng góp được một vài điều nhỏ, giúp chúng ta tiếp tục tự ý thức trong việc tìm hiểu, học hỏi, xây dựng và gìn giữ tiếng Việt. ■

Irvine, California
V.1995

(*) Một người quen, đã có dịp đi nhiều ở trong nước, cho biết rằng ông đã thấy những cụm từ trên được sử dụng trên cửa hiệu hay trong giấy tờ, hoặc ở ngay SG, hoặc ở những tỉnh xa. Có thể có cụm không được phổ biến rộng rãi, nhưng chúng vẫn là những trường hợp có thật và đáng để ta lưu ý.

NƠI ĐÂU, VẪN CÒN CHỖ ĐÓ

NGUYỄN CHÍ KHAM

Vừa ra tới cánh cửa đầu lối cầu thang, tiếng cô Châu bỗng gọi. Tôi đặt cái giỏ nhựa xuống mặt sàn, quay trở vào. Cô nói:

“Ngày mai cô vào Đà Nẵng, đến sáng thứ ba mới ra lại.”

“Cô về thăm nhà,” tôi hỏi.

Cô mỉm cười, gật đầu. Tôi nhìn sang hướng cửa sổ, chỗ cô ngồi có ánh nắng ấm của buổi trưa đang chiếu vào, nói:

“Em sẽ báo cô nghỉ cơm cho mẹ em biết.”

“Chiều nay cô cũng về trễ một chút.”

“Vâng.”

Lúc nào trên cặp mắt cô Châu cũng tỏa ra những nét tươi vui, hồn nhiên. Cô đứng dậy, bước thong thả tới bàn ăn, nơi bộ cà mèn mà tôi mang tới đã đặt sẵn. Biết không có gì nói thêm nữa, tôi chào cô.

Ba tôi ở ngành truyền tin. Nhờ có thâm niên công vụ và nhiều huy chương nên từ năm ngoái, ông được thăng lên sĩ quan. Trước đây gia đình tôi hay di chuyển, nay thì đã ổn định. Mẹ tôi, vốn cũng giỏi xoay xở. Ở khu gia binh, bày hàng chạp phô ra bán ngay ngoài khu chợ. Ra ngoài, có nhà cửa hẳn hoi, mở rộng mái hiên tới bóng cây bên đường, là quán hàng cơm, hơn một năm nay, trưa chiều đông khách ghé vào ăn, ồn ào, nhộn nhịp. Khi tôi đạp xe về tới, các ghế bàn vuông đã trống, còn một ít khách vừa mới ăn xong, ngồi lại uống nước, trò chuyện. Tôi dựng xe phía bên trái hàng rào, không xa với chỗ mẹ tôi đang ngồi trước cái bàn thấp dài bày đủ các loại chén bát, thau nhôm đựng từng thứ thức ăn.

“Cô Châu báo nghỉ cơm ngày mai mẹ à.”

“Ồ,” vừa nói, mẹ tôi lấy cuốn vở để trong ngăn kéo, mỗi trang đều có tên khách ăn cơm tháng, và những người quen khác đôi lúc ăn chưa có tiền trả, xin thiếu nợ.

“Cô nghỉ đến hết ngày thứ hai,” tôi nói.

Mẹ tôi lật trang cuối, coi cẩn thận từng ô ngày, rồi khoanh tròn chữ o vào mỗi ngày báo ngừng cơm. Ban đầu, lúc đến trả tiền, cô Châu không để ý, cứ đưa đủ hết, nhưng mẹ tôi lại tính những ngày trong tháng cô về thăm gia đình, hoặc không ăn, để hoàn trả lại tiền cho cô, và vui vẻ nói, buôn bán thì cần phải thực tình, sòng phẳng.

Quán cơm của mẹ tôi đông khách nhờ giá bình dân, ăn ngon miệng, đồ dùng nước uống đều sạch sẽ, những người khách ăn riêng cơm tháng, tùy sự lựa chọn mà mẹ tôi định giá. Khoảng mười một rưỡi trưa, là mấy chị em chúng tôi chia nhau đem cơm cho khách. Ở đơn vị, có phiên trực hoặc cấm trại thì ba tôi không về, nhưng ngày thường lệ, tan

sở xong, ông chạy xe gắn máy thật nhanh để về đến nhà, phụ giúp chúng tôi, vì đó là giờ ăn cao điểm của mọi người. Cô Châu, thực sự có ghé đến quán ăn đôi ba lần, nhưng thấy đám học sinh cũ gặp chào luôn nên cô ái ngại, và hỏi mẹ tôi ăn cơm tháng mang đến nhà được không, thì mẹ tôi gật đầu, sẵn lòng.

Nhà cô Châu, ở thuê một căn gác có lối đi riêng. Ngày đầu tiên mang cơm đến, tôi được nhìn thấy chỗ cô ở rất là ngăn nắp. Căn phòng ngoài có cửa sổ, sau lưng bàn làm việc là kệ sách, trên tường treo cây đàn ghi ta, vài bức tranh vẽ về cây cối, ngựa, và các loài hoa. Tôi không ở lâu để nấn ná hỏi chuyện riêng về cô, bất chợt, tôi mới để ý đến các chồng báo, tạp chí, vài thứ linh tinh khác sắp gọn một chỗ riêng nằm bên cạnh cái máy thu thanh hiệu Sony. Từ bậc lên cầu thang, đôi khi trong buổi chiều, tôi được nghe tiếng đàn tiếng hát của cô vọng từ trên gác xuống. Lúc ấy, tự nhiên tôi cảm thấy mình gần gũi với tâm hồn của cô, và rồi trong khoảnh khắc, cái bóng dáng ấy bỏ đi, không quay đầu nhìn lại, như một đám mây lặng lẽ, rời xa. Cô lớn tuổi hơn chị đầu của tôi, mái tóc để xỏa, hai cánh vai tuy hơi gầy, nhưng nhờ chiếc áo phông ngắn tay, vẫn thấy sự đầy đặn, và lúc này mặc dù có sự hiện diện của tôi, cô vẫn chú ý nhìn những dòng nốt của bản nhạc, tập hát theo nhịp đàn.

“Khanh đợi cô một chút.”

“Vâng.”

Tôi lấy tờ giấy báo trải rộng, dọn ra từng ngăn cà mèn, rồi đẩy kín cái lồng bàn. Cô mỉm cười thoáng nhìn qua tôi, đứng dậy quay lưng treo cây đàn. Không hiểu cô muốn nói gì, tôi đang có một chút bối rối trong lúc chờ đợi. Cô đang vui, nơi hai gò má ửng đỏ lên một vẻ đẹp. Cô cầm lá thư trên tay, đến gần nói với tôi:

“Về ghé ra Bưu điện, bỏ giúp cho cô cái thư này.”

“Bỏ luôn vào thùng phải không cô.”

“Phải, tem cô dán đủ rồi.”

“Dạ.”

“À, nói với mẹ cô chưa lãnh lương nghe.”

“Dạ, không có gì đâu cô.”

Cô cười, để bàn tay xoa nhẹ lên đầu tôi. Tôi giữ lá thư, hai bàn tay úp lại hỏi cô:

“Thưa cô, tối nay cô ở nhà.”

“Có gì không Khanh.”

“Dạ em có bài nhờ cô giảng.”

“Rồi, cứ mang đến đây.”

Hôm nay, chẳng biết chuyện gì mà giọng nói cô rất vui. Cửa ra lối cầu thang trông thấy một vật

nặng hất lên bờ tường nhà bên cạnh. Cô đi bên cạnh tôi ngừng lại rồi nhắc:

“Nhớ bỏ thư liên cho cô.”

“Dạ.”

Hình như cô vẫn đứng nhìn theo bóng dáng tôi xuống cầu thang. Nơi chỗ cô ở, hết con hẻm rộng, rẽ phải một đoạn nữa mới gặp đường phố chính. Ngay vỉa hè, sát bờ tường là cái lều vải của anh thợ sửa xe đạp. Nhà tôi, thì phải đi ngược lên, hướng khu bệnh viện. Cách xa chiếc cầu nửa cây số là nhà ga. Nhiều năm nay, dường như không mấy ai để ý đến các đoàn tàu ngang qua thị trấn, và mỗi ngày khi các chuyến tàu chợ bắt đầu đi sự ồn ào, thì nhà ga cũng trở nên yên lặng. Mỗi chiều hôm ngọn núi hoàng hôn bằng bạc, lẫn trong đám sương mù. Cách ngã tư hai căn nhà, nhà sách Văn Hoa đông người ra vào, đèn điện neon bật sáng trưng. Tôi dừng xe đạp lại, đợi một chiếc xe hàng vượt qua ngã tư, chạy ra lối bờ sông. Nhà Bưu điện nằm cuối dãy phố, ở vào khu riêng biệt của các công sở và tòa hành chính. Thành phố này tuy nhỏ, nhưng các lối đi đẹp, sạch sẽ, những con đường cây xanh rợp bóng mát hai bên thênh thoáng nổi bật một vài ngôi nhà màu ngói đỏ.

Khi bỏ xong lá thư quay trở về, lòng tôi chợt có nỗi băn khoăn nghĩ đến con người xa lạ rồi đây sẽ nhận được lá thư này của cô Châu. Nhưng tôi chưa dám nghĩ xa, chỉ mừng tượng những nét chữ xinh xắn màu mực xanh mà cô giáo viết trên cái phong bì.

Khoảng tám giờ tối, trời mát, tôi đi bộ, mang theo sách vở học đến nhà cô. Đứng ở bên dưới, tôi cất tiếng gọi, trong ánh đèn hắt ra cửa sổ cô trông thấy, bảo tôi cứ tự nhiên đi lên ở lối cầu thang. Cô đang soạn bài, tôi chậm chạp bước ngang qua phòng riêng của cô, có ánh sáng ngọn đèn nhỏ còn lơ lửng dưới đỉnh màn. Ở phòng ngoài thì đèn neon sáng dịu.

“Kéo ghế ngồi đi.”

“Dạ.”

Tôi vẫn đứng, hai tay ôm chặt sách vở. Tôi có cảm tưởng ánh đèn buổi tối đã làm cho cô giáo trở nên nghiêm trang, thâm lặng, chưa có gì vui để làm khuây khỏa cho cô. Bỗng cô ngừng viết, gấp cuốn sách lại, ngẩng đầu lên:

“Bài gì đâu? Ngồi xuống đi Khanh.”

“Dạ.”

Tôi đưa cuốn sách, cô cầm. Bàn tay cô, những ngón nhỏ nhắn rất đều đặn. Tôi mở miệng nói ấp úng, trong lúc cô mở cuốn sách ra, đọc lướt một thoáng rồi bảo tôi: “Bài này dễ, có cái gì khó đâu.”

“Thưa cô, nhưng em không hiểu.”

Cô nhìn qua thấy tôi mỉm cười rụt rè, lúc đó cô đưa sách lại cho tôi bảo:

“Bây giờ, trước hết em hãy đọc cho cô nghe.”

Tôi cầm lại cuốn sách, tay hơi run, rồi bắt đầu lên tiếng đọc. Nhưng giọng đọc nghe rất vụng, lắp chữ, rời rạc câu, không ngừng đứng chỗ ở các dấu phẩy dấu chấm. Cô cười, tôi phải ngừng lại nhiều lần, và cô bắt tôi sửa, uốn lưỡi theo từng cách phát

âm những chữ s, z, j, g trong tiếng Pháp. Tôi tập rất khó khăn, cô lắc đầu bảo:

“Em không chịu tập đọc gì cả.”

Tôi cảm thấy ngượng, hơi đỏ mặt. Cô thoáng nghĩ một chút rồi bảo tôi:

“Em thử dịch nghĩa đi.”

“Thưa cô khó quá.”

Ánh mắt cười, cô nói:

“Thì cứ dịch đi, sai chỗ nào cô sửa.”

“Em cứ dịch liêu cho cô.”

“Ồ, dịch đi.”

Tôi đọc câu rồi dịch. Cô cười, không sửa, bảo tôi dịch tiếp. Tôi lại đọc, nhưng rồi câu chữ trong bài cứ rối lên, tôi dịch lung tung, nhiều chữ ngây ngô làm cô hơi lớn tiếng. Nhưng lòng cô vui, bảo tôi đưa sách lại, và kéo ghế qua ngồi một bên cô. Đầu tôi cúi chum xuống, một cánh tay đặt lên bàn. Tôi cảm thấy ngập ngừng, nhưng cô rất tự nhiên. Tôi nghe tiếng cô đọc hết cả bài, xong trở lại từng câu một cất nghĩa chữ khó, văn phạm, từng đoạn văn rối mù, tôi thấy chữ nghĩa dần dần sáng ra. Chưa tới mười lăm dòng một đoạn văn trên sách, vậy mà cô giảng, có chỗ cầm bút ghi ra giấy, cất nghĩa cho tôi thấy những chữ có nhiều nghĩa, và dùng nhiều trường hợp khác nhau. Tôi cũng chưa hiểu được hết, nhưng thấy cô giảng đã lâu, kỹ lưỡng, nên lúc cô hỏi lại hiểu không, tôi cứ gật đầu dạ liên tiếp nhiều lần. Vào lúc giọng cô trở nên sắc, tôi sợ cô mệt, nên chỉ mong thầm cô cho ngừng lại. Cô ngừng giảng, tôi gấp cuốn sách qua một bên, cô hỏi tôi:

“Khanh, các môn khác em học như thế nào.”

“Dạ.”

“Cô thấy Khanh học yếu quá. Cuối năm làm sao lên lớp.”

“Dạ, thưa cô..., ở nhà chị em học cũng không giỏi lắm.”

“Em phải cố gắng. Giúp việc cho mẹ thì đồng ý, nhưng phải gắng chăm mà học.”

“Dạ, em nghe lời cô.”

“Chịu khó đi, những tối nào rảnh đi qua bên này học.”

“Dạ cảm ơn cô.”

“Em học ở đây được bao lâu rồi.”

“Dạ ba năm. Trước đây, gia đình cứ theo ba em đi chuyển luôn.”

“Dù sao, em là con trai gắng mà học cho thành tài.”

Câu nói của cô trôi qua trong yên lặng. Tôi nhìn căn phòng cô đang ở một mình, những đồ vật nằm bất động dưới ánh sáng ngọn đèn. Tôi tự nghĩ, mỗi sự vật tại đây, không hề muốn giấu diếm, hoặc làm cô giáo của tôi bận tâm suy nghĩ. Ấy đó, ở xa, hẳn là một người đang nghĩ đến cô, và từ những ngày đó đến nay cô đã chờ đợi rất lâu.

“Cô ở đây riêng một mình chắc buồn lắm.”

“Có gì đâu, cô thích ở một mình.”

“Cô không lên cư xá, ở chung với các thầy cô khác cho vui.”

“Cô chẳng muốn phiền ai cả.”

“Các cô ở trường hay tới đây chơi với cô



HẠO NHIÊN

ÔNG HÀNG XÓM

Ông hàng xóm ấy dọn đi rồi
Căn nhà trống lạnh vắng hơi người
Bỗng nhiên thấy nhớ như thân thích
Trước gặp nhau chào qua quít thôi.

TRỐI

Anh chết

em

con

đưa hỏa thiêu

Rắc tro xuống biển chốc tan tiêu
Anh về dưới ấy tình luôn mặn
Sóng vẫn hời ru nhịp thủy triều.

không.”

“Cố, cô cũng hay đi thăm bạn bè.”

“Buổi tối, em qua đây học với với cô cho vui.”

“Tối nào rảnh thì qua.”

“Dạ.”

Gần khuya, tiếng còi hự nghe ở xa. Ôm sách vở đứng dậy, tôi vòng tay lên ngực chào cô. Cô hát mái tóc ra đằng sau, mỉm cười. Nơi phòng ngoài ra cửa, chúng tôi đi ngang phòng riêng của cô, vẫn ánh sáng yên lặng của ngọn đèn ban nãy. Cô để một bàn tay trên vai của tôi. Tôi thoáng cảm thấy bên trong căn phòng đang tỏa ra mùi thơm của nước hoa. Chăn gối, ánh đèn, và những thứ khác, dường như tỏ lộ màu sắc, không thích sự chôn vùi, kín đáo.

Cô Châu, bỗng tôi được biết là một người gây được sự chú ý trong ngôi trường lớn mà cô đang dạy. Những ngày gần đây, cô ít khi trở về căn gác đúng giờ. Hình như, cùng với chiến dịch thi đua thể thao, văn nghệ các trường trong mùa xuân này đã làm cho cái tên cô rất quen thuộc, và cô rất bận bịu với các buổi tập diễn kịch, ca múa hát, nhiều lúc kéo dài rất khuya.

Sau Tết, việc học thêm buổi tối ở nhà cô của

tôi thường xuyên hơn. Tôi trình bày lại cho ba mẹ tôi biết, hai người mừng lắm. Tôi cũng hiểu ý mẹ tôi muốn trả ơn, và chính tôi cũng hăm hở, mỗi lần lấy thức ăn mang cơm đến nhà cô, tôi thường lựa chọn các món ăn đặc biệt để dành riêng. Cô chẳng để ý đâu, và tôi cũng thấy, trong mỗi bữa ăn, cô dùng vừa thôi, không nhiều lắm.

Cô Châu không chỉ dạy riêng tôi môn tiếng Pháp, mà còn thêm một vài môn khoa học khác nữa. Tôi có nhờ vậy, điểm hàng tháng, kỳ thi lục cá nguyệt khá hơn, và rất hy vọng được lên lớp.

Ngày hôm qua, trong buổi tối rất khuya, sau nỗi thất vọng bất ngờ quá lớn, trước khi ôm sách vở ra về, tôi đã đứng dậy vòng tay nói một lời rất chững chạc để xin lỗi cô.

Trời bỗng trở gió, lấm tấm ướt trên lối đi mờ mờ những hạt mưa nhỏ. Tôi hơi cúi đầu, nhanh bước. Khi lên căn phòng ngoài sáng đèn, tôi chợt thấy cô khoác ngoài một cái áo len nhẹ màu hồng. Tôi cảm thấy một nỗi rung động vì chiếc áo đã làm cho hình ảnh của cô đẹp hơn lúc nào cả. Tôi lên tiếng chào, cô gật đầu, bảo tôi kéo ghế đem bài ra ngồi học. Tôi ngoan ngoãn, tự động mở sách lẩm nhẩm học. Đôi khi, cất sự yên lặng, ở ghế đối diện cô ngừng tay, hỏi tôi vài ba câu chuyện về bên nhà, tôi trả lời, có lúc hăng hái quá, cô liền ra dấu bằng tay bảo tôi ngừng nói chuyện, hãy học bài.

Qua giờ sau, nghỉ một chút, tôi đứng dậy đi đun nước pha trà để mời cô uống. Từ ngày qua đây nhờ cô dạy học buổi tối, tôi cảm thấy mình hãnh diện, như là một người bạn nhỏ rất thân thiết của cô. Khi rót xong nước, tôi mời cô uống rồi trở lại ghế ngồi, tiếp tục việc học. Tôi đem toán ra làm, mới đầu tưởng dễ, nhưng đọc kỹ nghiệm thấy khó, lật sách giáo khoa, trần trở qua lại những định lý liên hệ mà vẫn không tìm ra được cách giải. Một lúc sau, tôi nhìn sang cô:

“Cô xong chưa cô.”

“Có gì không.”

“Cô giảng bài này cho em.”

Cô ngẩng cao đầu, đưa tay cầm cuốn sách. Mỗi khi thấy dáng điệu cô như vậy tôi hay chú ý. Cô để cuốn sách xuống bàn, lấy tờ giấy trắng, vẽ hình. Tôi hơi ngần ngại, rồi đứng dậy, mang chiếc ghế qua chỗ gần cô. Cô vừa làm toán, vừa giảng, nhưng được phần đầu, đến chỗ giải thích một định lý để tìm ra quỹ tích thì tôi mơ hồ, không hiểu được. Tôi liền nhờ cô giảng lại. Lúc đó, cô chỉ mới bắt đầu liên hệ với phần trên, rồi từ một điểm M nằm trên đoạn thẳng phân chia tỷ lệ, cô chứng minh ra rằng, quỹ tích của điểm M đó là cung chứa góc 120 độ. Tôi ngó xuống hình vẽ, bắt đầu thấy rối mù, thực khó hiểu. Đến lần này, cô giảng ra như thế, hỏi tôi hiểu không, tôi liền đáp bừa là hiểu, vì sợ phiền cô. Nhưng oái ăm thay, cô bắt tôi làm lại bài

toán, và phải nói lại rành rẽ ngay từ đầu. Trước hết, tôi bị la, vì vẽ hình sai. Tôi đang cảm thấy lúng túng, trong lúc cô tỏ ra quyết liệt, không để cho tôi học, hiểu bài một cách lơ mơ được. Tôi cứ mãi luẩn quẩn, vụng về, nhắc đi nhắc lại mãi các giả thiết, và mỗi cách khai triển, suy luận đều không có gì đúng cả. Cô bảo tôi ngồi xuống, ôn tồn, nhẹ nhàng, kéo cuốn sách qua phía mình, cô lấy một tờ giấy khác, vẽ hình trở lại, giảng giải, nhưng rồi cứ y như vậy. Đầu óc tôi tối tăm, luẩn quẩn, đặng trí, và tưởng như cô đang nói những điều rất khó khăn, phải học những lớp trên tôi nữa mới hiểu được. Cô hỏi, tôi trả lời sai, rồi cô cố gắng ghi lên giấy chữ viết, con số, nét gạch ấn sâu, được một lúc bỗng cô ngừng lại, lắc đầu buông tiếng thở dài.

"Em học hành sao mà chẳng hiểu gì cả."

"Thưa cô, em không hiểu định lý."

"Thì em phải học bài, hiểu cách chứng minh định lý."

Tôi im lặng, cúi đầu. Những tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ rơi xuống trong sự yên lặng, như hạt mưa nặng nề, hâm hấp nóng. Cô cầm lấy bút, lấy ra thêm tờ giấy nữa, giảng bài cho tôi. Tôi không dám nghĩ cô làm chuyện đó là sai lầm, vì tôi đã không hiểu. Nhưng cô giáo của tôi quá nhiệt tình, và cô đang hy vọng, một lần nữa thôi, tôi sẽ hiểu. Tôi ngồi yên lặng, mong muốn cho bài giảng trôi qua mau, và thầm xin cô đừng hỏi lại nữa. Nhưng tôi đang sợ thì cô trở nên quyết liệt, bất thần cô xoay tôi một câu hỏi, tôi không trả lời mà đưa cặp mắt ngơ ngác nhìn rất lâu vào đôi mắt cô. Rồi đôi mắt ấy long lanh trong cái nhìn chông trả lại tôi, nửa tức giận, nửa dè dặt, cô khóc. Tôi cũng nhìn cô khóc, cảm thấy mình vô tội, hồn nhiên, rồi đột nhiên hoảng sợ, vừa ngó cô, ngấp ngừng, tôi úp bàn tay lại, từ từ đưa ra trước mặt cô và nói:

"Thưa cô, cô cảm thước đánh em đi."

Sau câu nói, bàn tay tôi run hẫ hẫ lên. Cô ngó xuống, rồi vụt quay đi, không đảo mắt tìm cây thước. Nhưng cặp mắt cô khác lạ hẳn, một cái nhìn thăm thẳm, tối đen phủ xuống. Ở nơi gò má cô, vệt nước mắt khô lại, cô lơ đãng ngó cây đàn:

"Em cất bàn tay đi. Cô không nỡ đánh em đâu."

"Cô đừng buồn vì em nữa."

"Không, em không có gì đâu."

Cuối năm, tôi đủ điểm lên lớp. Nghỉ hè, cô Châu về nhà. Bước sang đầu tháng tám, bất ngờ thấy cô trở lại. Tôi đi chợ về tới nhà, vừa loay hoay với các thứ hàng treo móc ở chiếc xe đạp thì đã thấy bóng dáng cô mặc chiếc áo dài lấm tấm đầy những hạt bông trắng. Tôi cất tiếng chào, cô lại gần giúp tôi giữ thăng bằng chiếc xe đạp để giở hàng.

"Cô ra có việc của trường."

"Không, việc riêng của cô."

Chỉ tôi phụ giúp xách các giỏ vào nhà. Ở cạnh

cửa hông, mẹ tôi đang ngồi trong quán, thấy cô liền đứng dậy chào, rồi mời cô giáo đi lên nhà trên. Tôi rất nhanh nhẹn, bỏ hàng xong, rửa sạch ly tách, đem khay và ấm trà lên.

"Em có đi học hè thêm không," cô hỏi.

"Dạ có."

Mẹ tôi cầm cái quạt giấy, với tay qua quạt phơn phớt lên mái tóc cô. Bà mỉm cười quay sang nói với tôi:

"Cô đang có tin vui, con biết không?"

"Tin gì đó cô, cho em biết với."

Rót xong nước trà, tôi kéo ghế ngồi xuống. Cô hơi bẽn lẽn, mẹ tôi cười, nói thay lời một cách đĩnh đạc.

"Cô sắp lập gia đình. Hôm nay cô ra mời ba mẹ cuối tháng này vào dự đám cưới."

"Vui quá, mẹ nên đi. Em xin được mừng cô."

"Cám ơn em."

"Con phải vào trong đó phụ giúp cô ít ngày," mẹ tôi nói tiếp.

"Con sẵn lòng ngay. Mẹ cho con đi Đà Nẵng chơi và thăm gia đình cô, thích biết mấy."

Nhìn mặt tôi, cô nói:

"Cô sẽ đón Khanh ở ga."

"Đi tàu lửa, em thích lắm. Ngoài này vào trong đó nửa buổi không cô."

"Hơn chứ, gần một ngày đó."

"Cô ra, bao nhiêu ngày mới vào lại."

"Cô chỉ ở thêm một ngày nữa thôi."

*

Khu chợ sách Calmette, những ngày mưa trong buổi chiều, phải tự động dẹp quán, đóng cửa. Nơi này trong những ngày nắng ráo, sáng chiều là chỗ tập nập những người có cái thú đi tìm mua các loại sách cũ. Tình cờ tôi đã gặp lại cô Châu, sau ngày giải phóng cô nghỉ dạy, mở một quán sách nằm ngay chính giữa dãy chợ phía bên trái. Cậu bé là tôi đã lớn, vui mừng nhận ra được cô, trong lúc cô thì bỏ ngơ. Dù nhiều năm xa cách tôi vẫn nhớ rõ nét cái nụ cười để lộ một chiếc răng khểnh xinh xắn của cô như ngày xưa. Và rồi chuyện gia đình, những ngày tháng đã qua, hoàn cảnh đưa đẩy thế nào cứ thế tuông ra, một cách thành thật.

Tôi sống với nghề bỏ báo, bán dạo ở các bến xe, nhưng cũng phụ chung với cô một ít vốn trong quầy sách, để trưng bày, cạnh tranh với các gian hàng khác. Những lần xong việc, tôi chạy đi lục lọi, tìm kiếm, hoặc thuê cò các mối hàng sách cũ bị cấm đoán mà luôn luôn vẫn còn có một số người cất giấu được. Cô Châu đã có ba em, căn nhà ở Thị Nghè, vốn liếng không nhiều, và cô đã đem ra bán hết cả tủ sách cô gìn giữ từ thời đi học, đi dạy, mà nay cô thấy chẳng cần thiết nữa. Ngay đến một số đồ đạc, lần hồi cô cũng bán bớt. Và cái người ở xa, mà hồi đó tôi đi bỏ thư giúp cô, là một phi công, đã lâm nạn, mất tích trong thời kỳ còn chiến tranh.

Gần nửa tháng nay cô Châu vào nằm ở bệnh viện Chợ Rẫy. Sáng chiều hai em gái vừa phụ tôi bán hàng, vừa lui tới chăm sóc cô. Cô yếu hẳn,

mỗi lần lên cơn đau, phải lấy tay chặn đè ngực. Những cơn sốt bất thường, chao đảo, xoay chuyển đầu óc mỗi một của cô trong cơn chóng mặt, buồn nôn. Giọng nói của cô nhiều lúc găng gượng, và ở cặp mắt lộ ra một nỗi sợ hãi.

Năm đó, buổi chiều gần muộn, hai mẹ con tôi mới đến ga Đà Nẵng. Ngay lối cửa, đã trông thấy cô Châu và một bà lớn tuổi. Cô Châu giới thiệu người đó với mẹ tôi, rồi hai chiếc xích lô phân chia đồ đạc hành lý chở đi. Mẹ tôi, ra về muốn có một trách nhiệm để cang đáng giúp gia đình cô giáo trong ngày hôn nhân trọng đại, khiến người ta dễ lầm tưởng cô Châu là con gái của bà. Bà dì, mẹ tôi đi xe trước. Tôi ngồi chung một xe với cô Châu. Cô vui cười, gió thổi mát tung bay đám tóc. Tôi vừa nói chuyện hồn nhiên, lẫn niềm vui rạo rực. Ngồi áp áp bên cô, câu nói, chuyện trò, miệng cười, tuổi của tôi tưởng chừng như là cỏ non trong buổi sáng mọc nhanh, mau dày xanh trên mái tóc. Ga ở đây phố trên này, nhưng về nhà cô qua rất nhiều phố khác.

Ngày đám cưới trong pháo nổ tung bùng và cảm động, cô Châu mặc áo cưới đỏ, đội chiếc vành khăn màu hồng. Người chú rể, cũng mặc áo rộng, và lúc bắt đầu lễ cử hành, gia đình hai bên đứng yên lặng trước bàn thờ rất là trang nghiêm. Mẹ tôi đeo chuỗi hạt ngọc, mặc chiếc áo màu vàng đậm. Khi thấy tôi chải tóc dường rẽ, mặc áo sơ mi, quần tây mới, cô Châu khen đẹp, và tự tay cô gắn cho tôi chiếc nơ giữa cổ áo. Ngày hôm trước, mấy anh học trò cũ của cô và tôi chia nhau mượn bàn ghế, làm vệ sinh trong nhà, quét sạch lá rụng sân trước, sân sau. Căn phòng làm tiệc đãi khách khá rộng. Có nhiều người phụ nấu bếp, và mẹ tôi cũng tự tay làm một vài món đặc biệt. Cô Châu có tài về họa. Trên các bức tường được quét vôi, cô lấy bút chì phác vẽ những ngày hội dân gian, đình đám, và đoàn người mang chóc lợn, trâu cau đi đám cưới, phong cảnh thiên nhiên phố xá cũng được mở rộng. Đến công việc của bọn tôi thì dùng đủ các loại giấy màu đem ra cắt rồi dựa theo hình vẽ mà dán lên, lúc hoàn thành trở nên một bức tranh thẩm đẹp. Buổi tiệc tối, khách mời đến dự, các thầy cô của trường, những bạn bè, khách của hai họ, người nào cũng dừng lại nhìn ngắm, không ngớt trầm trồ khen tài hoa nghệ sĩ của cô. Tôi cũng lấy làm hãnh diện trong đó nữa, niềm vui hân hoan khiến tôi tưởng chừng như đây là ngày hạnh phúc của chị tôi. Tôi được chụp ảnh lưu niệm rất nhiều. Bức nào tôi cũng đứng bên cô, và cảm động, đáng nhớ nhất là hình ảnh hai chị em đứng trên thềm nhà đầy xác pháo.

Đám cưới xong, hai ngày sau cô Châu cùng chồng lên máy bay vào Sài Gòn. Ở nhà, nơi lối cửa trông ra phía sau khu vườn, mẹ tôi đứng cạnh một người đàn bà nữa, hai người không cầm được nước mắt, kéo vạt áo lên lau. Xe lên phi trường đi đưa khá đông người. Tôi cũng có mặt, lòng không vui. Ngày đám cưới vui bao nhiêu thì bây giờ buồn chừng đó. Lần đầu tiên tôi được nhìn thấy chiếc phi cơ to lớn của hãng Hàng không Việt Nam nằm

đậu chờ khách. Trong phòng đợi, người chồng của cô cao lớn, cười vui trò chuyện với bạn bè. Tôi cảm thấy mình thơ dại, cô Châu lại gần tôi, ánh mắt không cười nữa nhưng rất thiết tha, khiến tôi hiểu được rằng cô đang mong tôi khôn lớn.

Ngày hôm sau, chia tay với những người trong gia đình của cô, hai mẹ con tôi không ra ga xe lửa mà đi chuyển xe đồ sáng sớm rời Đà Nẵng. Xế chiều, chúng tôi về tới tỉnh lỵ. Trong tâm hồn mẹ tôi có sự cảm thông ray rứt với người đàn bà kia, mà tôi không ngờ chính là mẹ ruột của cô. Tôi nhớ lại hình ảnh cuối cùng của cô Châu mặc áo dài xanh đứng trên thang máy bay. Từ nơi đó nhìn xuống cô thấy đầu tôi ngẩng cao, đôi mắt ngơ ngác, cuộc tiễn đưa ngắn ngủi này đã làm tôi xa một người chị, thực thắm thía vô cùng.

Tôi cất dấu số tiền cô Châu cho, không nói cho mẹ tôi biết vì sợ mẹ tôi la rầy. Nghỉ ngơi một hôm, mẹ tôi lại ngồi vào quán sinh hoạt trở lại, thời gian này học sinh đã vắng bớt, chỉ còn thừa thớt khách vắng lại.

Thế rồi những ngày mùa hè qua đi, tôi tiếp tục việc học hành, rồi đến tuổi khôn lớn, rồi cuộc chiến kinh hoàng đổ ập trên thành phố. Như bao nhiều người khác, gia đình tôi cũng ở trong cuộc di tản trôi giạt vào miền Nam, và không một ai ước mơ sẽ có ngày tìm về thành phố thân yêu đó nữa.

“Ơ hay, buổi chiều mưa lớn quá.”

“Cô dậy rồi.” Tôi quay lại thấy cô đang đưa tay vuốt mái tóc.

“Ngủ được ngon không cô.”

“Cảm ơn, một chút thôi,” cô mỉm cười.

Tôi với tay cầm chai nước lọc, rót vào cái ly nhỏ đưa cho cô.

“Cô còn thấy nặng đầu không?”

“Không, cô hơi mệt ở ngực.”

Cô ngồi dậy, cúc áo trễ xuống, cầm ly nước tôi đưa uống cạn.

“Hình như cô quên uống thuốc.”

“Không, hai giờ nữa mới uống lại. Mưa lớn thế này làm sao Khanh về được.”

Tôi nhìn đồng hồ:

“Mới bốn giờ chiều, chưa muộn đâu cô.”

“Ngày mai có gì cứ ghé qua nhà cô.”

“Vâng. Cô nằm xuống nghỉ đi.”

Cô đang mặc chiếc áo rộng tay của bệnh viện. Khi nằm xuống, chiếc cúc áo bị trễ ra, cô vẫn không cài lại. Tôi kéo tấm chăn lên đắp cho cô. Cô đưa tay lên che miệng, bật ho mấy tiếng, rồi thở một hơi rất nhẹ.

“Cô đã có tin tức gì của em Vân chưa?”

“Chưa.”

“Ngày hôm đó ra đi nhằm ngày mồng bốn.”

Cô nhìn tôi, cặp mắt nhớ lại rồi gật đầu. Trời ngớt mưa, tôi đứng dậy.

“Chiều nay cô gắng ăn cháo khá hơn một chút.”

“Cảm ơn em.”

Tôi lại gần đầu giường, đặt bàn tay mình lên trán cô. Tôi cảm thấy tự nhiên, nhưng ánh mắt cô

nhìn tôi rất lâu, in dấu một vẻ cười không lay động, làm tôi nhớ đến bàn tay nhỏ bé của tôi ngày xưa, lúc tôi muốn chuộc lỗi lầm vì sự kém cỏi của mình, run run đưa ra xin cô đánh thật đau cho đỡ buồn giận. Nhưng buổi tối đó cô vẫn yên lặng, thậm chí riêng tư dưới ánh đèn, cô khóc và bảo tôi cất bàn tay đi.

*

Anh ấy đội mũ lưỡi trai, mặc bộ đồ bay màu xám. Trước khi đi anh mỉm cười vẫy tay chào đứa bé gái, rồi không ngập ngừng, bắt chước tục lệ của phi công Thần Phong Nhật Bản trước khi bay vào cõi chết, cúi xuống ghé môi uống một chút dòng sữa của mẹ nó.

Phi cơ bay trong sương mù, mưa lớn. Cách ngôi làng đó một dặm, nước ngập, không gian chỉ có một mình anh đơn độc với bầu trời cùng tiếng động cơ vù vù. Hình như anh bay về hướng đó, ven một dãy núi, xa thêm vài dặm nữa là trông thấy biển. Những năm tháng trong chiến tranh, anh luôn luôn cố gắng ghi nhớ một điều là mỗi ngày phải mang bầu trời trở về với mặt đất. Nhưng sáng hôm nay, anh quên điều tâm niệm đó, đã bay lạc rất xa.

Không hiểu tại sao, lúc nhìn thấy cánh rừng anh đã không quay trở lại. Hay là, anh đã yêu cây lá màu xanh trong mưa. Và một điều kỳ diệu, lúc nhìn xuống dốc một con suối, anh thấy một người đàn ông đi bộ về phía cánh rừng. Rồi bỗng chốc trong mưa mù trắng xóa, người đàn ông cúi xuống đất nâng lên hai cánh tay của mình xác chết của một cô bé còn nguyên vẹn đang mỉm cười.

"Anh ấy cũng không nói bao giờ trở về nữa."

"Không," câu trả lời với nụ cười buồn bã.

"Thế có nhớ rõ không, khung cảnh của nhà ga trong ngày cả thành phố bị bom đạn tàn phá."

"Không."

"Nhưng mà trong giấc mơ thì có thấy được nụ cười của cô bé, phải không?"

"À, cô bé ở trong bức tranh vẽ của người du mục thật là tuyệt vời. Quanh mái tóc cắt ngắn, nó tròn trĩnh dễ thương như một con búp bê."

Hai hôm trước, trăng chiếu tỏa sáng xuống khu bệnh viện. Nàng ngồi dậy, đưa cặp mắt xanh xao nhìn ra ngoài, bắt gặp mỉm cười. Tôi hiểu, rồi nàng bước xuống giường, cùng với tôi yên lặng đi vòng quanh lối cầu thang. Đã lâu nàng mới được nhìn trăng, và trong ánh đèn điện thấp sáng ngoài đường có bóng cây, xe cộ đang chạy là thành phố Sài Gòn. Bước chân hai người vang nhẹ, đi nơi này, chỗ kia trong khu sân bệnh viện. Một lúc, chúng tôi đến ngồi ở chiếc ghế đá bỏ trống. Nàng mỉm cười một mình, sau đó lòng buồn lại, ngược mắt lên nhìn vầng trăng đang sáng vàng vạc, rồi có lẽ nàng tự nghĩ, mình lo sợ là phải, vì mình đang đi tới tuổi già. Tôi nhìn xuống màu đất loang loáng, chợt muốn trở về lại nơi thành phố cũ, và tuổi hai mươi trong ngày tháng đó của mình. Nàng có cảm giác về ánh trăng xanh xao, bệnh hoạn, hơi rừng mình. Tôi muốn nghĩ rằng, tuổi hai mươi của tôi còn đó không mất, và cho đỡ bớt nỗi cô

đơn của cô gái ngày xưa, tôi lấy chiếc áo ấm của tôi đắp lên vai nàng. Nàng ho đứt khoảng trong cơn gió lạnh. Một lúc, tưởng như có tiếng gọi thầm, tôi đưa bàn tay qua nắm lấy bàn tay nàng, hơi ấm liền nóng lên một niềm hy vọng. Tôi đang ở giữa con đường trở về lại với tuổi hai mươi. Và lâu lắm, nàng nhìn sang tôi mỉm cười bằng ánh mắt, rồi gật đầu ưng thuận. Nàng ngửa khuôn mặt bằng lòng đón nhận, và tôi cúi xuống hôn đầy trên cặp môi còn mọng ướt mùi sương. Tôi không nói với nàng điều gì cả, nhưng từ phút đó tôi bắt đầu được nghe nàng kể lại cuộc đời riêng của mình. Nàng nói với tôi ngày còn nhỏ bé, tên của nàng là tên một con sông, nhưng trong những ngày ly loạn, con sông của thời ấu thơ bị lấp đi. Nàng muốn nhắc một lần để mà quên. Con sông nào cũng vậy, đã trôi chảy trong sự ra đi, hẹn đến một ngày nào trở về thì xa xôi quá. Tôi an ủi nàng là chiến tranh đã chấm dứt, có thể sáng mai, hoặc một ngày nào đó thật gần, chúng tôi sẽ dắt nhau về chung sống với quê hương.

Vào buổi chiều hôm nay, người bạn đời của tôi không còn nữa. Nàng vẫn muốn ra đi với sự bình thản của tâm hồn. Ngày hôm qua, nói với tôi là nàng đã mơ thấy chàng trong hình ảnh nụ cười của một cô bé nằm giữa khu rừng mưa. Đến hơi thở cuối cùng của nàng, tôi xót xa ôm chặt nàng trong hai cánh tay tê dại. Nước mắt không có một giọt nào cả, và tôi cũng không nói ra được một điều gì cầu xin cho nàng được cứu sống. Ở ngoài khu bệnh viện, gần hết một ngày mưa tầm tã.

Nhưng thôi, hãy vĩnh biệt nàng. Ngày xưa, lúc còn bé, tôi đã giúp nàng chuyển đi một cánh thư. Người phi công bị lạc đường, mất tích trong cuộc chiến, sau một cố gắng lớn lao và vô vọng, đã không tìm được một nơi trở về với mặt đất. Đối với tôi, hình ảnh của anh là một con người dũng cảm, đôi mắt sâu thẳm ấy nói được hết cái tên của dòng sông, và rất long lanh một nụ cười hằng cửu. Nơi anh, một ánh trăng, một bầu trời vẫn còn nguyên vẹn, và trong tôi, luôn luôn rộn rập háo hức những ngày tháng của tuổi hai mươi đi tìm đến cuộc đời.

Nàng uống một giọt nước mưa rồi nhắm mắt. Hạnh phúc nghe được cái tên gọi của dòng sông, một câu nói về niềm vui rộn rã những ngày thơ ấu trong mùa hè, nổi quuyến luyến trong sự chia ngọt xẻ bùi giữa chúng tôi, dù ít ỏi, cũng đủ cho nàng xếp gọn một gói hành lý cho chuyến ra đi thực sự của nàng chiều nay. Tôi ở lại một mình.

Nơi thành phố cũ, mọi thứ đều tiêu tan, chỉ còn tro bụi độc nhất một chiếc cầu nằm ở phía sau lưng ngọn đồi cạnh cái ga xép. Đôi khi, trong mưa, người ta nghe rõ được âm vang của những tiếng đàn, và bất chợt cũng có những hồi chuông ngân dài rồi đứt quãng. Và ngày mai, dưới cơn mưa nặng hạt, người đàn bà ngược mắt, ngóng đợi từ phía chiếc cầu một chuyến xe lửa đã tàn lụi, lê lét trở về để có được một ngày hồi hương. ■

19/2/1995

NGỦ QUA MỘT CUỘC CHIẾN

HOÀNG MAI ĐẠT

Trong những tuần lễ gần đây giấc ngủ của tôi không được yên bình, mặc dù tôi là người rất khoái ngủ và ngủ rất nhiều. Tôi không thể sinh hoạt như bình thường, nếu ngủ dưới tám tiếng mỗi ngày. Những lúc chịu khó thức khuya để làm xong một công việc nào đó, thế nào mấy hôm sau tôi cũng lâm bệnh, lừ đừ như con chó già hết đời hồi sinh lý.

Thường thường tôi làm việc đến giữa trưa, rồi thế nào cũng tìm chỗ kín đáo trong sở để làm một giấc khoảng 15 hay 20 phút. Trước đây, khi làm việc ở một văn phòng, đến giấc ngủ trưa, tôi thường đóng cửa và nằm thẳng cẳng dưới đất, làm một giấc với tiên nga.

Còn hồi làm ở một sở xã hội tại miền bắc của thủ phủ Sacramento, tôi thường ra xe ngủ sau giờ ăn trưa. Một lần thức dậy, gặp bà *supervisor* đang cúi đầu nhìn vào xe, tôi giật mình và vội vàng xem tay mình đang để đâu, có mân mê cái gì hay không.

Sau lần bị bà *supervisor* bắt gặp đó, mỗi lần ăn trưa tôi lái xe đến một khu vườn cây cách đó vài trăm thước, bên ngoài tầm nhìn của xếp, và tìm giấc ngủ dưới một gốc cây mơ, loại cây thường thấy ở vùng Marysville này.

Hiện nay, tôi đang làm việc tại một sở mới, còn đang đi tìm chỗ để "thăng" mỗi buổi trưa. Tôi đã chấm một nơi lý tưởng, có *sofa* đằng hoàng và ít người qua lại. (Xin đừng nói cho ai biết).

Tuy nhiên, nếu có ngủ ở nơi đó, có lẽ tôi phải nằm ở đằng sau *sofa*, sát vách tường, vì đây là phòng thu hình TV. Tôi muốn nằm trên *sofa* nhưng chắc không được, vì nếu bất chợt đang ngủ, họ hứng lên, mở đèn để thu hình, thì thế nào cũng bắt gặp ông nhân viên mới đang ngáy khò khò với cái tay cầm micro thì què chết.



Đó, tôi có cái bệnh thèm ngủ đến như thế, vậy mà bây giờ tôi vẫn thao thức mỗi đêm trước khi nhắm mắt ngủ khoảng nửa đêm.

Mấy đêm trước, tôi nằm nghĩ đến ông quan tòa Lance Ito được chỉ định xử vụ O.J. Simpson. Ông ấy là một người Mỹ gốc Nhật. Mặc dù không quen biết ông Ito, tôi cũng thấy hãnh diện vì ông ấy là một người Á Đông được khen là thông minh và công bình.

Thế nhưng tôi vẫn thắc mắc không biết ông Ito có chịu chia sẻ tin tức về vụ án với bà vợ Margaret, một người phụ nữ có cấp bậc cao nhất trong ty cảnh sát Los Angeles, hay không.

Theo luật, hai vợ chồng Ito không được tiết lộ cho nhau biết những tin tức liên quan đến nghi can O.J. Simpson. Thế nhưng ai bảo đảm được điều này? Mặc dù là người có đức tính liêm chính, tôn trọng kỷ luật, liệu ông Ito có chịu nổi khi bà Margaret tìm cách cạy miệng ông ở trên giường?

Sau khi mân mê một hồi, bà có thể nói là sẽ không "cho," nếu ông không chịu tiết lộ vật gì nằm trong cái phong bì màu vàng vàng mà ông luật sư Shapiro đã trao cho tòa trước đây. Đã đến nước đó, biết đâu ông sẽ bật mí hết trơn lảng, để được hưởng thú vui của người lớn.

Lẽ đương nhiên ông Ito cũng có thể dùng chiến thuật này để "chơi" lại vợ. Bà có biết cảnh sát còn giữ chứng cứ gì mới bí mật hay không? Phải nói ngay, nếu không ông sẽ không thèm cạy miệng bà.

Đấy, cứ loay hoay với những suy tưởng lảm cẩm đầy sinh lý như thế thì còn nhắm mắt thế quái nào được?

Thế nhưng cũng có đêm tôi nghĩ đến chuyện khác, buồn hơn. Đêm hôm qua, thỉnh thoảng tôi nghe tiếng con gái nhỏ lăn trở mình trong giường

bên cạnh, vì mấy đêm hè này nóng quá mà nó cứ đòi đắp mền mới chịu ngủ.

Nhìn mặt con trong bóng tối, mặc dù không thấy rõ tôi nghĩ đến những bức hình chụp các em bé tị nạn Rwanda ngồi thần thờ bên cạnh xác cha mẹ. “Nghề” của tôi bây giờ là viết tin tức, và vì thế mỗi ngày tôi đều bước vào “ngôi làng hoàn cầu” của chúng ta với những tin kinh khủng nhất... thế giới.

Nghĩ đến mấy người tị nạn Rwanda đang chết với tốc độ 1,800 người mỗi ngày, vì đói và bệnh dịch, tôi không còn thấy đời sống của mình quá vất vả. Tiền thuê nhà chưa có, tiền sửa xe, tiền mua quần áo mới cho con, chuyện nhà chật, chuyện mỗi lưng vì ngồi làm việc cả ngày, chuyện người làm cùng sở không chịu tằm, và cả chuyện chưa kiếm được chỗ ngủ trưa, đều là chuyện lẻ tẻ, có đáng gì mà phải bận tâm, kiệt cả sức đàn ông... đây thì.

Thế nhưng cũng có chuyện làm cho tôi bận tâm mấy bữa nay, không thể ngủ được như bình thường. Chỉ vì mấy ngày trước đây tôi nói với hai đứa con trai phải đứng về phía Hoa Kỳ, trong trường hợp có chiến tranh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Trong bữa ăn tối hôm đó, tôi ngồi bàn chuyện với hai thằng con đang bước vào tuổi *teenage* rùng rợn, 13 và 11, về chuyện những người Mỹ gốc Nhật bị chính phủ Mỹ nhốt tù trong giai đoạn Đệ Nhị Thế Chiến. Họ bị tình nghi thân Nhật vì họ có gốc Nhật. Thế nhưng những người gốc Nhật đã đứng về phía Mỹ, và một số đã gia nhập quân đội và chiến đấu ở Âu Châu.

Hai đứa nhỏ hỏi tôi nếu Hoa Kỳ và Việt Nam bây giờ đánh nhau, tại nó sẽ bên ai. Tôi ngưng nhai và suy nghĩ trong mấy phút. Mấy đứa bé sinh ra ở đây. Đời sống và quyền lợi của chúng nó đều nằm ở quê hương này. Tôi phải cho chúng nó một quyết định mà chúng nó có thể sống được với chính chúng nó và những đứa bạn Mỹ.

Cuối cùng tôi nói nếu trong trường hợp nước Mỹ và Việt có chiến tranh chống nhau, chúng nó phải đứng về phía Mỹ hoàn toàn, bất kể cha mẹ chúng là người đã sinh ra ở Việt Nam. Đây là nơi đã nuôi dưỡng chúng khôn lớn, dù đẹp hay xấu thì cũng đã là quê hương của chúng rồi.

Tôi thấy hai đứa nhìn nhau có vẻ thoải mái và rồi nhảy sang chuyện chương trình *Star Trek* mà chúng đang xem mỗi ngày. Tôi mong muốn giúp các con có một sự lựa chọn dễ dàng, để chúng không phải bận tâm vì đã làm ngược lời của cha mẹ, của ông bà, của nòi giống.

Riêng về phần mình, tôi không cảm thấy thoải mái với quyết định đó. Tôi cũng sẽ đứng về phía Mỹ vì lý trí, nhưng trái tim tôi sẽ mãi thuộc về Việt Nam.

Vì thế tôi đã không ngủ được mấy đêm nay. Tôi mong rằng Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ không “choảng” nhau, để tôi không phải lựa chọn giữa đôi bên và còn được trần trọc nghĩ đến chuyện ông bà lito cây miệng nhau. ■

ĐÃ PHÁT HÀNH

TUYỂN TẬP HAI MƯƠI NGƯỜI VIẾT TẠI CANADA

Tuyển tập thơ văn chọn lọc gồm 12 truyện ngắn mới nhất và 35 bài thơ tiêu biểu của hai mươi tác giả quen thuộc trên văn đàn hải ngoại. Đánh dấu hai mươi năm sinh hoạt văn học (1975-1995).

Dày hơn 300 trang, gồm chân dung và tiểu sử của hai mươi người viết.

Một tác phẩm tiêu biểu của hai mươi năm văn học hải ngoại.

Một cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách gia đình của người Việt.

*

Đỗ Quý Toàn - Hoàng Chính - Hoàng Du Thụy
Hoàng Xuân Sơn - Hồ Đình Nghiêm - Hồ Phổ Lại
Hồng Hoàng - Lâm Hào Dũng - Luân Hoàn
Lưu Nguyễn - Nguyễn Đông Ngạc
Nguyễn Đức Bạt Ngàn - Nguyễn Minh Đức
Nguyễn Quốc Trụ - Nguyễn Văn Ba - Phạm Đình Cường
Phan Ní Tấn - Song Thao - Trang Châu - Vũ Kiên

Nắng Mới xuất bản & phát hành

Giá 15 Mỹ kim.

Mua qua đường bưu điện: 17 Mỹ kim

Hỏi tại các nhà sách

hay liên lạc:

CP 40 Succ Côte des Neiges,
Montréal, Québec. H3S 2S4 Canada.

Tel: (514) 733-1695, Fax: (514) 342-7106



106.3 FM
VNCR
VIETNAM CALIFORNIA RADIO
12 - 4 PM, THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU
714-534-9431 • 714-897-3361 • 714-897-9581

HỒ SƠ

NHỮNG VIỄN ẢNH MỚI TỪ HỒ SƠ QUỐC TẾ CS TẠI MOSCOW

SOPHIE QUINN JUDGE

* Báo cáo khoa học trong *Yale Southeast Asia Studies*, Nov. 1994, Trần Ngọc dịch. Tiểu đề do *Thế Kỷ 21* đặt thêm để độc giả tiện theo dõi. Các chú thích in nghiêng của *Thế Kỷ 21*. (Bài đi nhiều kỳ)
(tiếp theo)

Chúng ta thừa biết là chính trong thời gian hai năm ở Quảng Đông này ông Hồ đã tổ chức các khóa huấn luyện cho những người Việt lưu vong để trở thành những cán bộ cách mạng Cộng Sản chuyên nghiệp đầu tiên. Từ năm 1925 đến tháng Tư 1927 đã có lối 10 khóa huấn luyện cho chừng 250 đến 300 khóa sinh. Jacques Doriot, lúc bấy giờ đang làm chủ tịch Đảng bộ Thuộc địa của đảng Cộng sản Pháp, có lẽ là người đầu tiên giới thiệu Hội Thanh Niên Cách Mạng Việt Nam hay vắn tắt là Thanh Niên với Cộng Sản Quốc tế (CSVN vẫn bị Stalin xếp vào một bộ phận lệ thuộc Pháp). Trong một chuyến công tác sang Trung Hoa năm 1927, Doriot có kể trong lá thư ngày 4 tháng Ba gửi cho đồng chí Petrov và Vasiliev thuộc Cục Viễn Đông ở Moscow. Sau những lời bình luận đại khái về tình hình Đông Dương, ông có đề cập tới nguồn gốc hình thành tổ chức “Thanh Niên Cách Mạng” ở Đông Dương mà những thành phần cốt lõi đã được các đồng chí phái từ Quảng Đông đến huấn luyện. Ông có liệt kê một “nhân” tổ chức như thế ở Cochinchina (Nam Việt), hai nhân ở Annam (Trung Việt), sáu ở Tonkin (Bắc phần) và bốn ở Siam (Xiêm, Thái Lan).

Biên bản buổi họp về “Vấn đề Đông Dương” vào ngày 3 tháng Ba ở Quảng Đông có đưa ra một ngân sách chi tiêu do “Lee (Nguyễn ái Kwak)” ký: ông yêu cầu được CSQT cấp ngân quỹ đài thọ việc huấn luyện cho 100 cán bộ tuyên truyền và tổ chức (20 ngàn quan Trung hoa), cộng thêm 20 ngàn khác để tài trợ cho 10 cán bộ chuyên nghiệp tổ chức toàn thời ở quê nhà trong vòng một năm. Doriot và một người ký tên “Voline” nào đó cũng đồng ký chứng trên biên bản này.

Hồ vẫn theo chủ trương giai đoạn của CS Quốc Tế

Nội dung huấn khóa giảng dạy cho khóa sinh Quảng Đông đã biến thành tập sách nhỏ “Đường Cách Mệnh” hay “The Path to Revolution.” Vừa xuất hiện, tập sách nhỏ đã chóng trở thành một cuốn thánh kinh cho những người cách mạng CS

Việt Nam. Tuy nhiên vào những năm 30 sau đó, tập nhỏ này đã bị một người CS được huấn luyện ở Moscow phê bình là quá mức thô sơ, mộc mạc, không dùng được. Trong một “lưu phiếu” viết tay rất dài bằng tiếng Pháp gửi cho Quốc tế, du học sinh Hà Huy Tập ở Moscow (còn có tên khác là Sinitchkin hoặc Joseph Marat [*Marat là tên của một nhà cách mạng Pháp, sinh ở Thụy Sĩ, rất cứng rắn và sắt máu*]) giải thích rằng tập sách tuyên truyền này đã xác quyết được cách mạng Việt Nam là một cuộc cách mạng chống đế quốc, nhưng lại bỏ sót việc xác định rõ giai cấp nào lãnh đạo công cuộc cách mạng này.

Các lời giảng của họ Hồ không phải là không chính thống vào giai đoạn này. Ngược lại nó rất đúng với chủ trương của Quốc tế CS lúc đó, vì chủ trương này không hề thay đổi một cách minh nhiên kể từ sau đại hội đảng lần thứ hai vào năm 1920. Trong một lá thư của Doriot gửi cho đoàn “Thanh niên Cách mạng Đông dương,” cũng đề ngày 4 tháng Ba năm 1927, ông này nhấn mạnh đến chủ trương tinh thần liên hiệp đoàn kết, đang cần được thay đổi vào cuối năm 1927: “Đảng của các bạn luôn luôn nên nhớ trong đầu rằng: những lực lượng nông cốt của đấu tranh ở Đông dương là giai cấp thợ thuyền, nông dân và tiểu tư sản ở các thành thị.” Và: “nhưng cũng không nên quên rằng dưới sự thống trị của đế quốc, tất cả dân chúng (thợ thuyền, nông dân, tiểu thương, trí thức) ngoại trừ một thiểu số rất nhỏ những kẻ trục lợi, cũng đặt quyền lợi của họ vào công cuộc chống đế quốc. Không bao giờ được bỏ sót bất cứ nỗ lực nào để thu phục họ và tổ chức họ hàng ngày vào cuộc đấu tranh. Đừng bao giờ từ chối cộng tác với họ. Trái lại, nên làm bất cứ việc gì để khích động tinh thần này.”

Hồ phụ trách về nông dân Trung Quốc cho CSQT

Trong khi ở Quảng Đông, họ Hồ đóng vai liên lạc giữa phong trào Nông dân Quốc Dân đảng với Quốc tế Nông cuộc ở Moscow. Trong lá thư đề

ngày 12 tháng Mười Một 1924, Hồ yêu cầu Moscow gửi tất cả mọi tài liệu họ có được: như báo chí, tuyên ngôn, v.v... Ông viết: "Tôi sẽ đảm trách phần vụ giao cho các đồng chí chúng tôi đi phân phối ở đây."

Năm 1925, Hồ giúp việc phân phát bản lục vấn 11 điểm cho tất cả mọi tổ chức nông dân trong tỉnh Quảng Đông. Kết quả có thể được tìm thấy trong bản tường trình đánh máy mà cơ quan Quốc tế Nông cuộc nhận được vào ngày 2 tháng Ba cùng năm. Thư này liệt kê sáu nguyên nhân chính gây ra tình trạng "nghèo đói khốn khổ của nông dân Trung Hoa," gồm có nạn nhân mãn, tình trạng canh tác lạc hậu, kỹ nghệ quá chậm tiến không thể thu dụng hết nhân công dư thừa, tệ nạn quân phiệt, nạn xâm lấn của tư bản ngoại quốc, lụt lội và bao thiên tai khác, và cả tính tham lam khắc nghiệt của giai cấp địa chủ. Báo cáo của ông Hồ còn bao gồm cả chiết tính thu nhập hàng năm của một tá điền điển hình cho thấy cuối cùng tá điền còn phải nợ tới 6.50 đồng.

Ông Hồ viết, nông dân tổ chức lại để đánh thắng "những thế lực thống trị," với sự khuyến khích của thợ thuyền kỹ nghệ và chính quyền miền Nam Trung Quốc. Quy định của các hiệp hội này đòi trút quyền của những địa chủ sở hữu hơn 100 mẫu đất (36 mẫu tây), những ai đã vi phạm hành động tổng tiến chống lại nông dân, các nhà lãnh đạo tôn giáo đã từng liên hệ giao dịch với đế quốc, những người hút thuốc phiện và ăn chơi cờ bạc. Để đánh lại các tổ chức "phát xít" của các địa chủ, các tổ chức nông hội tự tổ chức các đội dân quân riêng. Ông Hồ còn viết rằng sinh viên học sinh và công nhân nghiệp đoàn đã giúp đỡ nông dân trong những công chuyện này.

Hồ thỏa hiệp theo Quốc Dân Đảng Trung Hoa

Kinh nghiệm ban đầu này xem ra đã cung cấp gương mẫu xây dựng thế liên hiệp của ông vào những năm 40, khi ông lập Việt Minh thành một phong trào có tính chất đại chúng. [Cho đến hết phần đời sự nghiệp, ông Hồ vẫn là một người thực hành thỏa hiệp về chính trị và xây dựng thế liên hiệp, hơn là một người chuyên về các vấn đề lý thuyết, ý thức hệ.] Hình như ông chưa bao giờ bác bỏ một thứ mặt trận liên kết tả khuynh rộng rãi, đã từng giúp cơ hội cho Quốc Dân Đảng Trung Hoa thành công những giai đoạn đầu giữa năm 1925 và 1926. Thực tế điển hình là ông và một vài đảng viên khác của đảng CS Việt Nam trong lúc sử dụng đất miền nam Hoa làm nơi trú ẩn vẫn duy trì liên hệ với những người Tàu bảo trợ họ, mà những người này lại có liên hệ với cánh tả của Quốc Dân đảng Trung Hoa suốt trong những năm 30 và 40. Điều này khiến ông trở thành một nhà cải lương tư sản quốc gia trong mắt nhìn của những người Cộng sản thợ thuyền sẽ vào hàng ngũ họ sau kỳ đại hội Quốc tế lần thứ sáu tổ chức vào năm 1928.

Sự nghiệp của những thành phần Cộng sản gốc

ngoại quốc làm cố vấn cho liên minh CSQT với Quốc dân đảng về sau không thăng tiến gì nữa. Borodin, sau khi được Tưởng Giới Thạch cho phép an toàn trở về Moscow đã trở thành một viên chức nhà báo của guồng máy và thật sự đã mất biệt trong một nhà tù nào đó của Stalin. Jacques Doriot bị đuổi khỏi đảng CS Pháp vào năm 1934, và về sau lại trở thành một thành phần ủng hộ Quốc Xã Đức.

Bị CSQT cho ngồi chơi xơi nước

Phần ông Hồ, theo các nguồn tin Việt Nam, đã rời khỏi Trung Hoa trước Borodin, xem ra đã gặp vài khó khăn khi yêu cầu được bổ nhiệm vào công tác mới khác — ông đã bị bỏ ngồi chơi xơi nước chờ đợi ở Berlin trong nhiều tháng trước khi được chấp thuận trở về với Á Châu. Việc bị bỏ rơi này có thể là do sự kiện ông ta đã chỉ trích quyết định của Quốc Tế Cộng Sản chấp thuận việc nổi dậy ở Quảng Đông, theo một nguồn tin khác quả quyết. Hồ sơ tài liệu của cơ quan Quốc Tế Nông cuộc cho thấy Hồ ở Berlin trong tháng Mười Hai năm 1927, đang trông chờ trở về nước trong hai hoặc ba tuần lễ sau đó. Vào đầu tháng, ông đã đi dự hội nghị chống liên minh đế quốc tổ chức ở Brussels, cùng với Nehru và bà Tôn Dật Tiên, tức Tống Mỹ Linh. Mặc dù hầu như ít khi Quốc Tế Nông Cuộc phúc đáp thư từ của ông, ông đã viết thư yêu cầu cấp khoảng 500 Mỹ kim chi phí đi lại, vì ông không có tiền [báo chí CS ở Việt Nam có đăng lá thư xin tiền CSQT của HCM khi ở Berlin]. Ông cũng đã viết thêm rằng "Dù có gửi tiền hay không, tôi cũng xin các đồng chí gửi đề án tổ chức để tôi có thể hoạt động hữu ích."

Theo như cuốn sử biên niên và Tư tưởng Hồ Chí Minh do Viện Nghiên Cứu Marx-Lenin ở Hà Nội xuất bản, phó Bí Thư Quốc Tế Nông Cuộc, Dombal, đã bác bỏ chuyện xin tiền và cả đề án tổ chức trong thư viết vào tháng Giêng 1928.

Điều này không có gì đáng ngạc nhiên, vì Stalin đang tiến hành việc áp dụng một phương sách ý thức hệ mới đối với nông dân và nhất là khu bộ Á Châu trong Quốc tế Nông cuộc đã bị đi vào tình trạng ngưng hoạt động. Thật cũng khó mà quyết đoán rằng họ Hồ quá ngây thơ đến độ không biết về những đổi thay chiều hướng chính trị đang xảy ra ở Moscow, hoặc ông ta quá vô vọng vì không được ra khỏi Berlin, nên phải cố tìm bất cứ phương cách gì cho ra tiền để lên đường ra đi.

Hồ lợi dụng thời gian đợi chờ để viết hồi ký về phong trào Nông dân ở Quảng Đông. Như ông viết cho Quốc tế Nông cuộc, anh hùng của ông là Ping-pai, viên cựu chính ủy nông nghiệp ở Soviet Quảng Đông. Bản viết tay hầu như không đề cập một chút gì về chính trị hoặc số liệu nào, ông chỉ nói về những hình ảnh cuộc sống thường ngày. Quốc tế Nông cuộc phúc đáp là không có thì giờ để sửa và in ấn một bản thảo như thế, tuy nhiên ông vẫn có thể gửi để họ đánh giá. Hình như câu chuyện của ông Hồ không bao giờ được in ra cả.

Vừa rồi đây, Hà Nội đã cập nhật cuốn sử biên

niên bao gồm cả một lá thư của ông Hồ gửi ngày 12 tháng Tư 1928 cho Văn phòng Đông vụ của Quốc tế, lúc ông còn ở Berlin. Rõ ràng là ông tỏ ra hết kiên nhẫn nổi. Ông viết: "Tôi không thể làm việc ở Pháp, làm việc ở Đức thì vô ích, nhưng người ta thật sự rất cần tôi ở Đông Dương — đó là lý do tại sao trước đây tôi có yêu cầu được trở về nơi đó." Ông nói ngay cả dù không có tiền ông cũng sẽ tìm cách để trở về, "bởi vì đã một năm nay tôi đi lang thang từ nước này sang nước nọ, trong khi có nhiều việc cần làm cho xong ở Đông Dương." Cuối cùng, theo nguồn tin trên, vào ngày 25 tháng Tư 1928, ông Hồ nhận được sự chấp thuận chính thức của ban chấp hành CS Quốc tế để trở về Đông Dương "thuận theo như mong ước của đồng chí." Đảng CS Pháp lo trang trải chi phí đi đường cho ông và trợ cấp trước cho ba tháng làm việc.

Hồ về Thái Lan

Khi ông Hồ lên đường trở lại Đông Nam Á vào năm 1928, ông lại còn phải trải qua một chuỗi mạo hiểm bí mật giả dạng khác. Ngay trước khi trở lại Moscow trong chuyến kế tiếp là năm 1934, ông muốn được dứt khoát chấm dứt công tác ở Quảng Đông, bằng cách thành lập một đảng CS vững mạnh cho Việt Nam. Có lẽ ông đã lấy cô đồng chí trẻ Nguyễn thị Minh Khai trong những năm này. (Tôi sẽ bàn về mối tình này dưới đây). Nhưng vào khoảng năm 1931, vào cuối đợt tranh đấu của cánh

tả ở Việt nam, vận may của ông đã rẽ sang ngã rẽ tệ hại hơn.

Thái Lan đã biến thành một vùng cứ địa mới cho phong trào Cộng sản Việt Nam mới chập chững, và chính tại đây ông Hồ đã xuất hiện vào tháng Tám 1928, chắc chắn là sau một cuộc hải trình lâu ngày. Xem ra ông không được yêu cầu tham dự đại hội Quốc tế lần thứ 6 chấm dứt vào tháng Chín 1928, vào khi Cộng Sản Quốc Tế Anh Em được lệnh cắt đứt liên hệ với các chính đảng xã hội dân chủ và xã hội tư sản, và chính đảng cũng phải tự "thợ thuyền hóa," bằng cách tuyển mộ nhiều đảng viên thuộc giới công nhân thợ thuyền. [Có thể Trần Phú, Lê Hồng Phong và Phùng Chí Kiên đang là du học sinh tại Moscow vào thời đó đại diện cho CSVN.]

Nguồn tài liệu sẵn có nhất về thời gian họ Hồ ở Thái Lan rủi thay lại bị pha nhuộm [vì do Hoàng Văn Hoan kể lại nên không đáng tin cậy], tuy nhiên vẫn khả dĩ dùng để bổ khuyết vào những khoảng trống vắng từ giữa chuyến đi khỏi Berlin và lúc xuất hiện ở Hồng Kông vào cuối năm 1929. Đó chính là hồi ký của người đào tẩu Hoàng văn Hoan, xuất bản năm 1991 ở Bắc Kinh. Sau khi xong khóa huấn luyện Thanh Niên ở Quảng Đông, Hoan được phái đi vùng Đông Bắc Thái để hoạt động trong nhóm người Việt định cư ở đây. Đa số họ là những người thủ công nhỏ, tiểu thương và nông dân từ Trung phần Việt Nam tới. Vùng nước đọng này đã trở nên một chỗ ẩn trú quen thuộc cho

CHÚC MỪNG

Được tin anh chị Lê Tất Luyện
làm lễ thành hôn cho con là

Lê Thái Quang
đẹp duyên cùng
Isabelle Rabot

Xin góp vui cùng anh chị Luyện,
và chúc hai cháu hạnh phúc
bên nhau mãi mãi.

Tạp chí Thế Kỷ 21

CHÚC MỪNG

Được tin anh chị PHẠM HỮU
GIÁO làm lễ thành hôn cho

Phạm Hồng Giang
đẹp duyên cùng
Catherine Parmentier

Xin góp vui cùng anh chị Giáo,
và chúc các cháu Giang và
Catherine một đời hạnh phúc.

Trần Thanh Hiệp
Trần Công Sung
Đỗ Ngọc Bách
Lê Đình Diệu
Nguyễn Hữu Vy

người Việt chống thực dân — một vài người hiện sống ở vùng Nakhon Phanom và Phichit trong những thập niên 20 lại chính là những kẻ sống sót còn lại từ thời khởi nghĩa Phan Đình Phùng ở vùng Nghệ An.

Những cán bộ tổ chức của Thanh Niên đã lập một trường học nhỏ trong một ngôi làng ở ngoài tỉnh Udon để huấn luyện cán bộ cách mạng. Phần lớn khóa sinh đến từ miền Trung Việt Nam, nhưng cũng có một vài người được tuyển nạp trong số người Việt địa phương. Mười tám khóa sinh và cán bộ huấn luyện sống và làm việc chung với nhau trong hai ngôi nhà tranh đơn sơ, họ nuôi gà và heo, và trao đổi khoai lang lấy gạo tại chợ địa phương. Hoan ghi rằng họ Hồ thường tham gia vào sinh hoạt của ngôi trường, và sau đó còn giúp xây một ngôi trường khác nữa. Ông cũng được mô tả tìm đủ thời giờ dịch những tác phẩm lý thuyết Cộng sản quan trọng như Tuyên ngôn Cộng sản và cuốn “ABC về chủ nghĩa Cộng sản” của Bukharin và Preobrazhensky. Ông bàn luận về chính trị và các vấn đề địa phương với các đoàn viên hội người Việt yêu nước, hội Thân Hữu, và giúp họ ra một tờ báo. Như lời Hoan mô tả, những di dân này đối xử với ông Hồ như một bậc trưởng làng hay như một thầy tu Phật giáo: họ cũng thường hay đến hỏi ý kiến ông khi gặp các vấn đề khó khăn trong gia đình.

Đối với chúng tôi [bà Quinn Judge] hình ảnh của Hồ Chí Minh như một ông giáo sống đơn bạc giữa dân làng quê rất hấp dẫn, nhưng thật ra lại không phù hợp với thói quen sống của người Cộng sản vào thời bấy giờ. Trong khi ông ta rao giảng Thánh Kinh giải phóng đất nước, các cán bộ đấu tranh trẻ mà ông đã giúp huấn luyện ở Quảng Đông lục tục trở về Việt Nam để tìm kiếm đồng minh trong giới thợ thuyền ít học trên đất thuộc địa. Vào năm 1928 và 29, họ tìm gặp được mảnh đất phì nhiêu cho sứ điệp họ mang tới giữa những thợ mỏ ở phía Bắc, những cơ xưởng ở Vinh thuộc Trung phần Việt Nam và ở những đồn điền cao su ở trong Nam. Những cán bộ tổ chức trẻ tuổi này cũng tìm cách đi làm thợ: Ngô Gia Tự, tốt nghiệp khóa Thanh Niên vào vùng Sài Gòn làm cu li, trong khi vẫn có nhiệm vụ giám sát những người được tuyển nạp phái đi tổ chức đội ngũ công nhân cao su. Trường Chinh lo tổ chức công nhân các mỏ than. Hà Huy Tập lo thành lập một tổ Cộng sản trong một khu đồn điền trồng mía gần Sài Gòn.

Xung đột nội bộ Cộng Sản Đông Dương

Trong nghị hội Thanh Niên toàn quốc đầu tiên tổ chức ở Hồng Kông vào tháng Năm 1929, những đại biểu cách mạng quá khích hơn cả, trong số này có Ngô Gia Tự, đã tách riêng khỏi các đồng chí để thành lập hoàn toàn hẳn một đảng cộng sản, để “hướng dẫn giới thợ thuyền” và “triệt tiêu giai cấp đầy thế lực và đặc quyền cũng như những kẻ cổ võ cách mạng giả hiệu.” Cấp lãnh đạo Thanh Niên ở Hồng Kông, có liên hệ chặt chẽ với họ Hồ,

nếu không nói là do ông Hồ tuyển chọn, cho rằng giới thợ thuyền ở Đông Dương vẫn còn quá yếu và mù tịt về giáo điều Cộng sản để có thể lập thành một đảng Bolshevik thật sự. Một cán bộ đấu tranh trẻ khác trong nghị hội này là Phạm Văn Đồng, đại diện cho miền Nam Việt Nam. Anh ta bỏ phiếu theo cấp lãnh đạo ở Hồng Kông và từ đó trở thành đồng minh thân cận nhất của họ Hồ cho đến khi người bảo trợ này chết.

Vào cuối năm 1929 Hồ di chuyển tới Hồng Kông. Trong lúc ở đây ông trở thành đại diện cho Văn phòng Nam vụ của Quốc tế. Vào thời gian này xem ra Quốc tế đang tìm cách bành trướng công tác bí mật ở Thượng Hải mà từ đây Văn phòng này điều hợp các hoạt động trong vùng Viễn Đông. Vì khả năng biết nói nhiều thứ tiếng, họ Hồ trở thành gạch nối hữu dụng giữa người Á và Âu. Ông ta có thể thông đạt dễ dàng bằng tiếng Pháp (dù rằng viết thì đôi khi ông quên chuyện chia động từ), tiếng Anh của ông thì ngây ngô nhưng cũng diễn đạt được, tiếng Nga thì tầm tàm, ông cũng nói được tiếng Quan thoại và Quảng Đông. Chức vị của ông làm cho ông có trách nhiệm liên lạc với các đảng bộ ở Malaysia và Singapore cũng như Thái và Việt Nam. (Vì người Pháp đã lên án tử hình ông năm 1929, ông không dám đi về Việt Nam sợ rủi ro).

Hồ sơ tài liệu của Quốc tế còn theo dấu Hồ Chí Minh một lần nữa ở Hồng Kông, nhưng đã có những khoảng trống giữa thời kỳ của các bức thư. Tôi không tìm ra tài liệu nào mô tả làm cách nào họ Hồ đã mời được đảng viên của các đảng đang tranh chấp nhau, đã được thành lập sau sự sụp đổ hội nghị Thanh Niên năm 1929, đến hội họp ở Hồng Kông, hoặc làm cách nào mà ông ta có thể thống hợp họ vào trong một đảng Cộng sản Việt Nam duy nhất với một lịch trình thỏa hiệp ngắn ngủi được. Trong những ấn bản tiêu chuẩn của đảng sử Cộng sản, họ Hồ được mô tả thành công với thành tích vĩ đại này là nhờ vào không khí thân ái và hòa hợp. Tuy nhiên sự hòa đồng, nếu có, không kéo dài lâu được.

Chúng ta thừa biết là chương trình nghị sự này đã được sửa đổi rất nhiều trong phiên họp khoáng đại của đảng vào tháng Mười, dưới sự điều khiển của Tổng bí thư mới của đảng là Trần Phú, con người mới toanh được Stalin đưa từ Moscow về. Tuy nhiên, lá thư đề ngày 13 tháng Mười Một 1930, chỉ do Văn Phòng Đảng Bộ Viễn Đông ở Moscow ký, cho thấy đây là lần phê phán đầu tiên của Moscow đối với các đảng bộ cộng sản địa phương. (Không có gì rõ rệt cho thấy lá thư này chính là lời phúc đáp cho bản báo cáo đầy đủ hoàn toàn về phiên họp khoáng đại vào tháng 10, hay chỉ là trả lời phần nào với những gì họ Hồ diễn giải theo ý của ông ta mà thôi. Trường hợp sau có vẻ đúng sự thật hơn, nếu nhìn dưới những lời phàn nàn Trần Phú đã lên tiếng trong lá thư tiếp đó).

(còn tiếp)

NGƯỜI HỌA SĨ KHÔNG BAO GIỜ GIÀ

Chuyện trò với điêu khắc gia Mai Chững

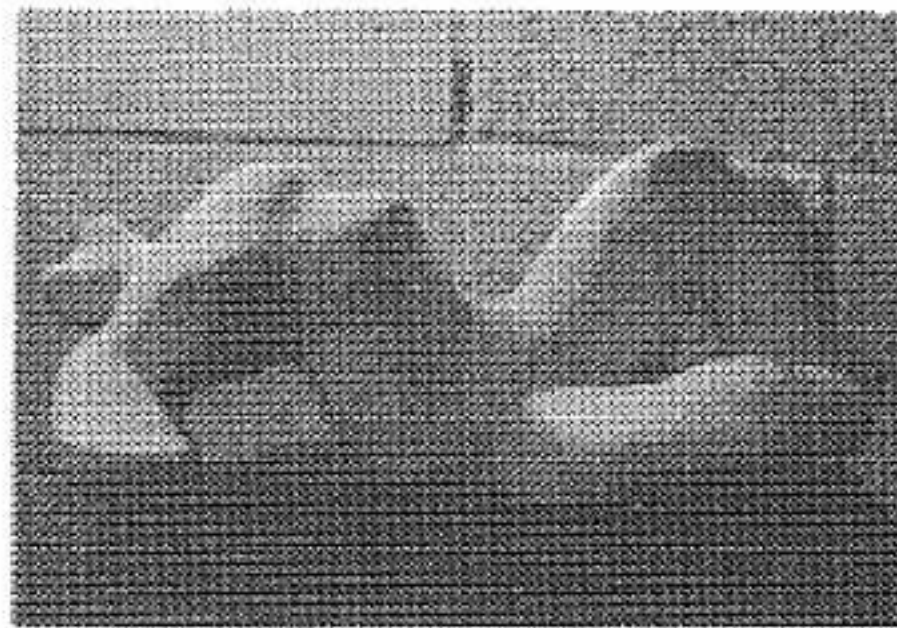
HOÀNG KHỞI PHONG ghi

Cho dù ông có sống lâu trăm tuổi, cho dù ông có da mồi, tóc bạc, lưng còng. Mỗi khi đọc sách phải đeo kính, mỗi khi làm một việc gì hơi nặng là thở phì phò. Cho dù ông có thể chết thì tên ông luôn được nhắc kèm theo một chữ "trẻ" bởi vì ông là một trong những người đã thành lập ra hội "Họa Sĩ Trẻ". Hội thành lập cách đây cũng đã ba chục năm, lúc đó những sáng lập viên dường như chưa có ai quá ba chục.

Ba mươi năm sau, tất cả đều đã là những ông già gần lục tuần, nhưng tên tuổi họ mãi mãi vẫn trẻ trung như ngày nào. Ông là một người khách phương xa, thỉnh thoảng từ hải đảo Hạ Uy Di thần tiên, tìm đến chốn bụi trần của "nước Bolsa" ghé qua tòa báo, nơi có một người bạn cùng ngành họa, và cũng trẻ mãi không già, nơi có vài người bạn đồng thời trong ngành văn, già ngay từ khi còn trẻ. Bởi vì đám nhà văn ba mươi năm trước chẳng có một cái hội nhà văn trẻ.

Nghĩ cho cùng ba chữ "nhà văn trẻ" nghe vừa diều cọt vừa không làm cho độc giả tin cậy được. Nhưng thanh âm "họa sĩ trẻ" hình như tạo cho người thưởng ngoạn có ngay một cảm giác mạnh, sống động trong cách nhìn nghệ thuật của người họa sĩ. Trong khi vẫn đòi hỏi những nhận xét sâu sắc, cái mà tuổi trẻ không thể cung ứng một cách dồi dào. Khách có thể đã mấp mé tuổi sáu mươi. Mỗi khi không đeo kính lão người ta thấy ngay vẻ trẻ mãi không già trong đôi mắt hóm hỉnh.

Khách là nhà điêu khắc Mai Chững, người điều hành hội Họa Sĩ Trẻ của ba thập niên trước. Trong cuộc gặp mặt thân hữu này, về ngành họa có các



(Trên) Đàn Bà. (Dưới) Trời, Đất và Người.
Tượng của Mai Chững.

anh Nguyễn Đồng, Nguyễn Khai, chị Nguyễn Thị Hợp, ngành văn có mặt Tô Thùy Yên, một người khách phương xa khác tới từ Minnesota. Về phía tòa soạn có Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Xuân Hoàng. Hoàng Khởi Phong là người ghi lại cuộc nói chuyện thân mật này.

"Ông cho biết bối cảnh của ngành họa trong thời gian hội 'Họa Sĩ Trẻ' được thành lập. Nếu chi tiết hơn thì tại sao lập hội này? Phản ứng của các Họa sĩ già?"

Trước tiên phải nói cho rõ về cá nhân tôi: Họa chỉ là nghề tay trái của tôi. Tôi vẽ tranh rất ít, và hay vẽ phụ bản cho các cuốn sách của bằng hữu. Nghề tay phải của tôi là điêu khắc. Hội họa và điêu khắc tuy hai ngành, nhưng cùng một gốc, cùng một ngọn. Gốc

chung là nghệ thuật tạo hình, và ngọn chính là dùng nghệ thuật thỏa mãn chính mình trước khi cống hiến cho đời. Năm 1966 khi chúng tôi thành lập hội thì con số các hội viên ngành họa quá nhiều, chuyên về điêu khắc chỉ có một hai người, do đó hội có tên là "Hội Họa Sĩ Trẻ". Thành thử nhiều người cứ nghĩ tôi là họa sĩ. Trở lại việc thành lập Hội Họa Sĩ Trẻ. Điều trước tiên tôi muốn nói tới là chúng ta đã có một nền hội họa dân gian trước khi chúng ta có Trường Mỹ Thuật Hà Nội. Có điều những nghệ nhân của chúng ta thường là cha truyền con nối, và các tác phẩm thường có tính cách phong tục, lễ hội nhiều hơn là một ngành nghệ thuật, có quá trình học hỏi, tìm kiếm và khai phá.

Khi Trường Mỹ Thuật Hà Nội được thành lập thì chúng ta du nhập hội họa nói riêng và quan

điểm mỹ thuật Tây Phương nói chung vào đời sống của chúng ta. Trường Mỹ Thuật Hà Nội chỉ mới dựng xong cái sườn cho căn nhà hội họa Việt Nam thì chiến tranh ập tới. Ngôi nhà đang dở đó đứng mãi trên cái nền xám xịt của chiến tranh, cho tới khi chiến tranh tạm ngưng, hầu hết những đứa con đầu đàn tan tác. Ở lại miền Bắc kẻ thì chết, như Tô Ngọc Vân, kẻ thì sống dở, duy chỉ có một mình Bùi Xuân Phái là còn theo đuổi được cái sở học hội họa cho tới khi nằm xuống. Trong Nam, mãi tới cuối thập niên 50, chính quyền dựng lại ngôi nhà Hội Họa này bằng cách thành lập Trường Mỹ Thuật Gia Định. Tôi là một trong những người tốt nghiệp trường này trong mấy năm đầu. Từ ngôi trường này, hội họa của miền Nam bắt đầu đâm chồi nảy lộc.

Chúng tôi chọn cái tên "*Hội Họa Sĩ Trẻ*" chỉ vì giản dị một điều ngày đó chúng tôi quá trẻ. Kiểm điểm lại thì những hội viên sáng lập như: Nguyễn Trung, Nguyễn Khai, Nghiêu Đề, Cù Nguyễn, Đinh Cường, Trịnh Cung, Nguyễn Lâm, Nguyễn Quỳnh... dường như hầu hết chúng tôi chưa một ai qua khỏi tuổi 30. Hội Trưởng đầu tiên là Nghi Cao Uyên, một năm sau là Nguyễn Trung, tôi là người thứ ba cầm chịch cho cái hội này. Bước sang năm thứ hai và năm thứ ba, hội có thêm nhiều hội viên mới như vợ chồng Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp, vợ chồng Hồ Thành Đức & Bé Ký... Hội Họa Sĩ Trẻ có thể coi là đợt sóng thứ ba của hội họa Việt Nam, mà hai đợt sóng trước phải kể đến. Đợt đầu tiên gồm lứa của Nguyễn Gia Trí, Bùi Xuân Phái, Tô Ngọc Vân, Tạ Ty... Đợt thứ hai là lứa của Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Duy Thanh. Có một đợt khác đầu tiên, và trước hết là một số họa sĩ đã sang Tây như Lê Phổ, Lê Thị Lựu, Mai Thứ là những họa sĩ không còn sống ở Việt Nam từ cuối thập niên 30. Hội Họa Sĩ Trẻ có thể nói là một hiện tượng duy nhất trong hội họa Việt Nam, quy tụ được một số khá nhiều hội viên, làm việc độc lập với nhau, không một ai ảnh hưởng ai, và cũng không bị chính quyền chi phối. Từ khi thành lập cho tới khi bị thời cuộc làm gián đoạn, các hội viên nường tựa lẫn nhau, mê say làm việc. Mỗi năm chúng tôi tổ chức ít nhất hai lần triển lãm, hầu như với toàn bộ các hội viên.

Hội của chúng tôi còn một điều đặc biệt là không có giấy tờ. Ngay cả vụ bầu ban chức vụ này nọ cũng không. Chức hội trưởng thay đổi phần lớn vì hoàn cảnh cá nhân, như bị đối đi xa, không còn làm việc ở Sài Gòn thì không thể điều hành hội hữu hiệu. Tôi cũng xin nói thêm về cái tên Hội Họa Sĩ Trẻ, chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh đến một tập hợp nhiều họa sĩ, có cách nhìn trẻ trung hơn trong nghệ thuật tạo hình. Về phản ứng của các họa sĩ trọng tuổi, tôi nghĩ là không có gì, bởi chúng tôi đâu có ra tuyên ngôn chống lại ai. Vấn đề của hội họa cũng như văn học là anh nói gì thì nói, cái quan trọng là tác phẩm.

"Ông đã từng bị động viên, đã từng là một người lính. Ông có thể cho một cái nhìn ngắn về chiến tranh, hòa bình. Cụ thể hơn trong chiến tranh,

ngoài việc vẽ, điều hành hội trong tư cách hội trưởng ông làm gì?"

Sau khi tốt nghiệp Trường Mỹ Thuật Gia Định, tôi được bổ nhậm ra dạy điêu khắc tại Trường Mỹ Thuật Huế. Tôi là công dân của một nước dân chủ, khi đất nước lâm nguy, mọi con dân phải làm bốn phận của mình. Tôi cũng làm bốn phận của tôi như trăm ngàn thanh niên khác trong thời của tôi. Khi bị động viên tôi không tránh né. Tôi nhập ngũ Khóa 21 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, ra trường về trình diện TCCTCT, phục vụ trong Cục Tâm Lý Chiến. Nghề của tôi là lo phần Mỹ Thuật cho các sách vở của Cục Tâm Lý Chiến ấn hành. Lo triển lãm cho các cuộc triển lãm tranh, ảnh, sách vở, báo chí. Rồi tôi được biệt phái về dạy tại Đại Học Kiến Trúc.

Tôi thú thật tôi không mấy để ý tới chính trị. Lý tưởng Quốc Gia hay Cộng Sản gì gì đó không làm tôi bận tâm mấy. Tôi là một nghệ sĩ tạo hình. Chiến tranh đâu có mang đến cho bất kỳ ai một hình ảnh nào đẹp đẽ, chỉ toàn là máu đổ, thịt rơi, gan ruột lòng thông. Tôi chống chiến tranh, nhưng tôi đã đi lính giản dị như đã đi học. Hễ mọi người phải đi học thì tôi đi học, hễ ai ai cũng bị bắt lính thì tôi đi lính. Tuy nhiên sống trong một đất nước dân chủ, thì ai cũng như ai. Ai cũng phải làm bốn phận công dân mà thôi. Ngẫm cho cùng con người ta ai mà chả yêu hòa bình và chán ghét chiến tranh. Tôi là một người lính bình thường như hàng triệu người lính khác trong QLVNCH. Vả lại thời gian tại ngũ của tôi không lâu, lại cũng không phải trực tiếp cầm súng ngoài mặt trận, nên nghĩ cho cùng cũng không có gì đặc biệt.

Đời lính tuy khổ nhưng có cái vui của nó. Nếu chỉ ở lính một thời gian ngắn tôi nghĩ việc sáng tác của nhà văn, nhà thơ và họa sĩ sẽ phong phú hơn, vì đời lính cho người ta một cách nhìn khác so với đời sống dân chính. Góc nhìn của người lính cho dù là một người lính không thực sự tham chiến vẫn có một chút nào đó bóng dáng của sự sống và cõi chết, hai vấn đề lớn cho mỗi con người.

Ông cũng đã từng bị ở tù như trăm ngàn sĩ quan khác sau khi chiến tranh chấm dứt. Ông có thể cho biết trong tù ông học được điều gì? Cái gì đẹp, xấu trong khoảng thời gian nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại này?"

Thật tình tôi cũng không muốn trả lời câu hỏi này. Có hai lý do, trước tiên tôi đi tù có ba năm, so với các bạn cùng ngành CTCT thì quá ít, thứ hai tôi cũng không bị mang ra ngoài Bắc, nơi mà chế độ tù đầy cực kỳ khế khắt. Thành thử ra cảnh tù của tôi so với hàng chục ngàn người khác thì còn sướng chán. Nói về tù của tôi các ông như Phan Nhật Nam, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sĩ... cười chết. Biết bao người đã bỏ thầy nơi rừng thiêng nước độc. Ba năm tù của tôi coi như là một nét chấm phá cho cuộc đời của tôi, trong cơn bĩ cực của cả nước. Tuy nhiên tôi cũng học được vài điều trong tù: Đối với người Cộng Sản, anh càng hèn thì họ càng làm tới. Anh bớt hèn đi thì họ bớt khinh thị anh, mặc dù họ vẫn có

thể trừng phạt anh về thái độ ương ngạnh của anh. Có lần tôi được yêu cầu làm một pho tượng Hồ Chí Minh, tôi viện cớ này, cớ nọ để hoãn binh, không làm. Một anh khác hăng hái xung phong, hì hục cố làm cho đẹp cho to. Khi gần xong tên chính trị viên gọi lên cho một bài học, bắt phá đi. Tên chính trị viên đó nói: "Hạng người các anh không xứng đáng làm tượng Bác".

Nhận được bài học này, tôi cho là trong tù mình không nên làm một cái gì, nhất là cái loại việc như là nặn tượng vừa kể. Đối với bạn đồng đội đang ở tù tòng nó nhơm nhếch, mà đối với đám quản giáo thì có nặn đẹp cách mấy cũng vất. Chi bằng ai sao, tôi vậy, mọi người lao động thì tôi lao động. Ở tù Cộng Sản thì nên dấu mình đi, càng nhỏ càng tốt. Sau này tôi nghiệm được một điều, trong đời sống, nhất là trên lãnh vực nghệ thuật, thì hoặc là làm một cái gì đó thật tối, không thì thôi. Tôi không thích cái lối làm chiếu lệ cho qua chuyện. Ra cái điều mình là họa sĩ thì phải vẽ, là điêu khắc thì phải nặn tượng, là nhà văn thì phải viết văn... Vẽ thì phải cho ra vẽ, tượng cho ra tượng và văn cho ra văn. Nếu chưa thể làm được cho ra hồn thì nên lặng lẽ quan sát.

Ông là người vượt biên. Xin ông cho biết về chuyến đi của ông? Thời gian trong trại tị nạn ông làm gì?

Chuyện vượt biên của tôi cũng như đi ở tù, có nghĩa là khá may mắn. May mắn riêng tôi mà thôi, vì trong chuyến đi tôi mang toàn bộ gia đình, vợ và bốn con, cùng một cô em vợ có một đứa con nhỏ. Anh chồng cô ta đang đi tù ngoài Bắc. Gia đình tôi đi trên xe đồ bị bắt trọn gói. Riêng tôi đi xe thổ thoát nạn. Ra tới ghe đi là được, biển êm sóng lặng, chẳng có hải tặc. Tôi tới Mỹ năm 81, mãi mười năm sau gia đình mới đoàn tụ. Hồi đầu tôi ở San Jose, làm nghề lái xe bán thức ăn cho công nhân các hãng xưởng. Vài năm gần đây tôi định cư tại Hạ Uy Di, lái xe tắc xi. Mấy năm nay tôi chôn chân trong một hòn đảo nhỏ, đẹp thì có đẹp nhưng mà buồn, quá buồn. Dạo đó tôi đang có ý định về lại "nước Bolsa", tìm cái vui trong cái buồn, mặc dù trong cái vui tạm đó lại có vô số những cái buồn khác.

Hiện nay ông đang sinh sống bằng nghề gì tại Hạ Uy Di? Ông vẽ lại thường xuyên, tùy hứng hay theo đơn đặt hàng?

Như đã nói với anh ở trên là tôi đang làm nghề tắc xi, còn về việc vẽ thì anh lại lầm cho tôi là họa sĩ. Tôi là nhà điêu khắc, tôi nặn tượng. Suốt hơn mười năm nay thỉnh thoảng nhờ nghề tôi làm một pho tượng, không nhằm mục đích bán, không bao giờ quảng cáo nên cũng không hề có đơn đặt hàng.

Việc của tiểu thuyết gia không phải là kể lại những biến cố lớn mà là làm cho những việc nhỏ thành ra lý thú. (Arthur Schopenhauer)

Tôi nặn tượng chỉ vì những thôi thúc của riêng tôi, như vậy thì dứt khoát đó là do hứng, nhưng mà cơm áo cũng kinh hoàng lắm cho nên hứng cho dù có cũng không phải dễ dàng gì hoàn thành một tác phẩm.

Năm nay với số tuổi tương đối không còn trẻ, ông có ý định lập một hội "Họa Sĩ Già"? Hay là có ý định làm sống lại các sinh hoạt của các hội cũ với những hội viên cũ và những hội viên mới không phân biệt tuổi tác?

Hồi xưa khi chúng tôi lập hội họa sĩ trẻ, chúng tôi trẻ thật, nên mới uống thuốc liều như thế, cũng may các họa sĩ trọng tuổi lớp đàn anh không phiền. Giờ đây chúng tôi đã "chết tên" là họa sĩ trẻ rồi, không thể lập hội họa sĩ già được. Vả lại điều quan trọng của một họa sĩ, một điêu khắc không phải là vấn đề trẻ tuổi hay trọng tuổi, mà là tác phẩm của anh như thế nào. Không có vấn đề trẻ hay già trong nghệ thuật. Mấy anh em hội viên cũ của chúng tôi có ý định ngồi lại, lần tập hợp này thuần túy có tính cách thân hữu mà thôi. Nếu có thể được chúng tôi in một cuốn sách, về những thành quả mà anh em chúng tôi đã làm được trong hơn mười năm hội hoạt động. Nội một việc đó thôi tôi e rằng các anh Đinh Cường, Nguyễn Đồng, Nguyễn Khai, Nghiêu Đề, Hồ Thành Đức... sẽ mất nhiều thời giờ.

Một câu hỏi chốt: Ông nghĩ gì về hội họa Việt Nam? Trong nước, ngoài nước? Ông có ý định khuyến khích các con ông theo đuổi ngành hội họa hay không? Vì sao không? Vì sao có?

Tôi không nghĩ là tôi có thể trả lời câu này một cách tương đối sát, chỉ giản dị một điều tôi không phải là họa sĩ. Ngoài ra tôi cũng xa lánh cái bầu không khí nghệ thuật của tôi khá lâu, cũng như xa lánh Việt Nam bằng thời gian lưu lạc của nàng Kiều, nên không thể phát biểu một điều gì về hội họa trong nước. Tuy nhiên tôi cũng có thể nhấn các bạn tôi, ở trong nước hay đã ra hải ngoại chỉ một điều là phải mở lòng mình ra đón nhận những cái mới. Hội họa Tây Phương không phải là một chồn để chen chân cho họa sĩ Việt Nam. Bằng có là đã hai chục năm nay, con số họa sĩ Việt Nam ở hải ngoại này không phải là ít, đã có mấy ai thực sự sống bằng cái cò của mình. Có một vài trường hợp thành công, song những ca thành công này lại không hoàn toàn trông cậy vào tài năng của người họa sĩ. Có khá nhiều yếu tố phụ thuộc. Ở trong nước tôi biết có nhiều bạn ao ước được ra ngoài này vẫy vùng cho thỏa, những bạn đó nên sửa soạn kỹ hơn. Tôi cầu chúc các bạn đó những lời chúc tốt đẹp, kèm theo với lời chúc này là một lời gan ruột: Thực tế không giống như sự suy nghĩ của mọi người. Càng lạc quan chừng nào, càng dễ thất vọng chừng nấy. Về các con tôi, tôi không bao giờ lái chúng theo cái ý của tôi. Tôi là cha của chúng, cho các con tôi máu và thịt, nhưng phần hồn là cái riêng của các con tôi. Hãy để cho các con tôi tự lo cho phần hồn của chúng. Thành thử tôi không bao giờ lấn quấn vào sở thích, ước mơ của các con tôi. ■

ÂM NHẠC

NƯỚC THANH BÌNH BAO NHIÊU NĂM CŨ...

Nghe tổ khúc giao hưởng "1975" của Lê Văn Khoa

QUỲNH GIAO

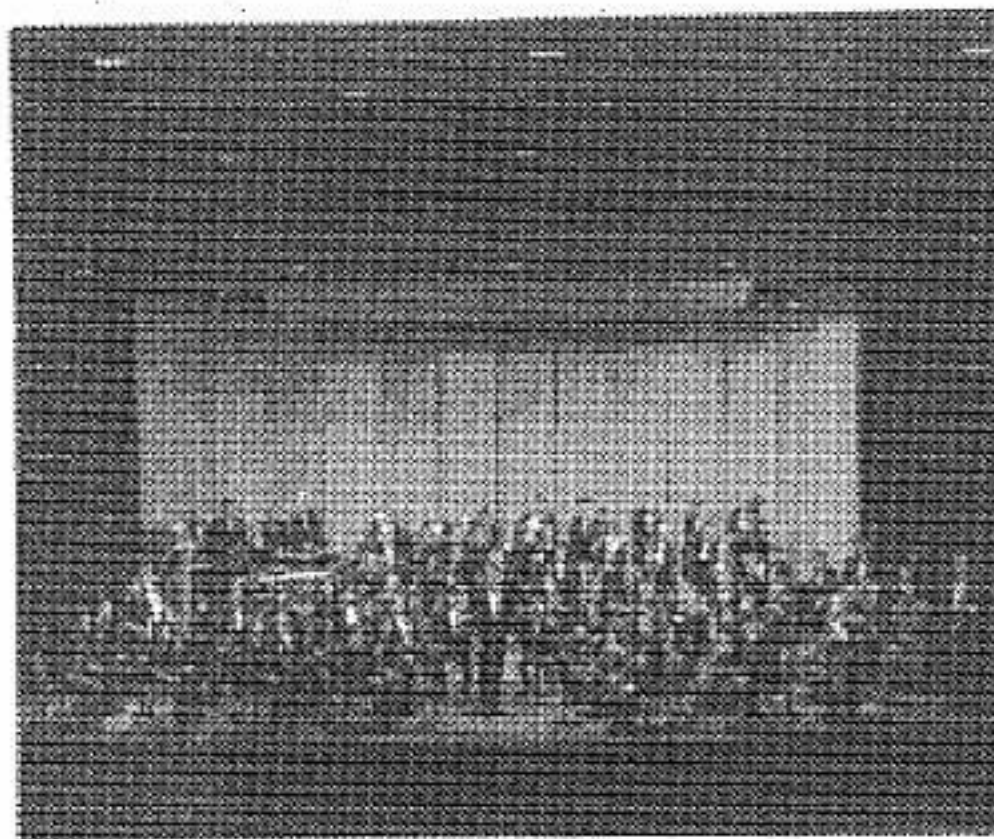
Lê Văn Khoa là một nghệ sĩ đa tài và hiếm có. Ông đem tài nghệ của mình đặt vào giữa mối tiếp giáp của nhiều khác biệt, làm gạch nối của nền âm nhạc Việt trước và sau 1975, cũng như giữa nền nhạc Đông và Tây phương. Công việc đó đòi hỏi người nghệ sĩ không những có thực tài mà còn cả thực lòng nữa. Nhờ vị trí khó khăn mà ông tự chọn, khán thính giả miền

Nam California nằng ăm được dự một buổi hòa nhạc hiếm quý, được dẫn dắt đến những cung bậc của một thế giới âm thanh còn xa lạ với đại chúng, qua tổ khúc đại hợp tấu "1975" ông mới sáng tác.

Từ nhiều tháng qua, sau khi huy động được sự yểm trợ của quý vị hảo tâm, nhóm chủ trương "Dự Án 20" đã đem đến cho chúng ta buổi hoà tấu lần đầu tổ khúc "1975", chiều thứ Bảy mừng 3 tháng Sáu, tại trung tâm Orange County Performance Arts Center ở Costa Mesa. Dân nhạc đại hoà tấu (có người gọi là dàn giao hưởng) *The Pacific Symphony Institute Orchestra* trình diễn ra mắt ba hành âm đầu của tổ khúc, dưới sự điều khiển của nhạc trưởng Edward Cumming. Chúng tôi xin trình bày vài cảm nhận chủ quan của một thính giả bình thường và... để cảm xúc về tổ khúc đại hợp tấu "1975," tác phẩm được trình tấu như "cây đình" vào buổi chiều hôm đó.

*

Hành âm Một là phần Dẫn Nhập, diễn tả cảnh ruộng đồng của quê hương, vào một thời thanh bình xa xôi trong ký ức. *Timpani, snare* và *cymbal* mở đầu với hai trường canh, âm thanh thoát đầu từ thật nhỏ (*piano*) rồi khởi lên (*fortissimo*) rực rỡ như bình minh hồng thắm trên thôn quê điệu Bình Bán Vắn quen thuộc của miền Nam. Đây là giai điệu mở màn trên cung Fa trưởng với những trường canh đầu tiên. Sau đó, thật nhẹ và mơ hồ với dàn



dây và gió (*strings & wind*) là những ví vu vằng đưa của những câu hò đối đáp, nam trước gái sau, khai triển nhịp khoan và dồn dập nhịp xay lúa, tiếng giã gạo, xen cùng câu hò trai gái trong làng qua sự diễn tả tươi tắn của dàn dây. Thanh âm tút tút cùng những đàn lượn và biến cải của chủ đề (*thème*) Bình Bán Vắn, đã làm nổi cảnh sinh hoạt tương xứng của một xứ thanh bình.

Hành âm kết thúc rộn ràng như một đám rước ngày hội và dàn *harp* đã giữ đúng vai trò đàn lượn và nối kết trong cả hành âm. Nghe nhạc ngũ cung truyền thống của Á Đông với sự trình bày của một dàn nhạc giao hưởng Tây phương, chắc hẳn người ngoại quốc lẫn người Việt đều thấy độc đáo thú vị.

*

Hành âm Hai, *Trăng Rằm*, mở ra với dàn tiểu linh (chuông nhỏ) réo rất tiếng đêm thâu tịch mịch. Sương khuya tản dần trong ba nốt nhạc chính được gọi lên liên tiếp của một bài dân ca quan họ: trên đồng quê miền Bắc trăng lên thập chậm, thật cao và sáng rõ theo nhịp dồn dập của cả ban nhạc. Tiếng chập chĩa toả lên rồi tắt lịm dần ta tới những lung linh của dàn chuông, đi giai điệu quen thuộc của bài Hát Hội Trăng Rằm tức là bài Trèo Lên Quán Dốc hầu như ai ai cũng thuộc. Trong hành âm, dàn *harp* và dàn gõ đã khai triển vũng vàng hình ảnh đôi tình nhân tung tăng giữa tiếng hò đối đáp của trai gái trong làng, qua dàn dây và dàn mộc.

Cảnh hội hè thanh bình và trai thanh gái lịch vui đùa đuổi bắt trên đồng lúa bát ngát, với những vĩ cầm và hồ cầm dạt dào như sóng lúa, tiếng sáo và cao tiêu tả cảnh lả lơi đùa giỡn và tiếng tiêu vĩ cầm xì xào chọc ghẹo. Trong sự nồng nàn của tình xuân giữa đêm hội người ta nghe như có chim lãnh

lót gọi bình minh, và không gian tan loãng trong tiếng đàn dây, nhẹ nhàng thư thái. Tiếng *harp* gợi lại nét nhạc chủ đề: đêm đã quá khuya, sự rộn ràng thỏa thích được khép lại trên ba tiếng chuông của thời gian. Hành âm được viết công phu và trình tấu phong phú nên diễn tả được sự nồng nàn của tình yêu và nét sôi nổi của đời sống.

*

Hành âm Ba, *Trong Đêm Thâu*, là âm bản đen tối của cảnh xuân rộn ràng vừa tắt.

Hành âm mở đầu với lời ru con theo điệu Nam, làn điệu ăm ắp mà nghẹn ngào. Trong hành âm, tác giả cho đàn bầu truyền thống của Việt Nam khóc lên nỗi tức tưởi của con người giữa âm thanh sát phạt của chiến tranh. Đàn bầu làm ta ngậm ngùi với nỗi lòng người mẹ ôm con trong đêm thâu, có tiếng tấm tức của vĩ cầm và hồ cầm trên những cung thứ buồn bã. Không gian như lắng đọng và chột nỏ tung trong âm vang dữ dội của bom đạn. Sấm sét chiến tranh bùng ra theo tiếng trống lớn và ủa lên cùng cả dàn nhạc trên những nhịp chõi gai góc. Văng vẳng, mơ hồ từ thính không là giai điệu dẫn vào bản "Quốc Tế Ca" xen trong tiếng nỉ non của giun dế canh khuya. Thấp thoáng như len lỏi, rồi rõ dần, là nhịp điệu của "Tiến Quân Ca" (bản quốc ca của miền Bắc) trong tiếng gõ và tiếng quân hành, với những nốt lách và những lời ta thán náo nức của kèn *bassoon*, kéo theo tiếng thở dài của vĩ cầm và trung hồ cầm.

Chiến tranh lan rộng và dần đông và gõ được trở lên đồng dục Quốc thiều miền Nam, trong giao tranh ngày một mãnh liệt. Chiến tranh lên tới cao điểm với sự hoà lẫn chất chứa của cả hai bài quốc ca Nam Bắc và kết thúc trong sự hỗn loạn của đàn dây và dàn sáo đi xen kẽ nghịch âm nghịch hướng. Tất cả bỗng ngưng bật khi cuộc chiến chấm dứt và đàn bầu trở lại trong tiếng thở dài, chậm rãi buồn thảm như một day dứt: hoà bình rồi đấy, sao lòng mẹ chưa vui? Hành âm kết thúc với tiếng đàn dây phụ họa lời nức nở của đàn bầu... một lời an ủi nhẹ nhàng mà nghe như vô vọng.

Trong hành âm ba, Lê Văn Khoa dùng âm nhạc trình bày nhận thức của ông về nguyên ủy của cuộc chiến, và giữa những thịnh nộ của đạn bom, ông cất lên tiếng thở than náo nức của người dân. Tiếng thở dài không dứt khi cuộc chiến đã dứt. Ông dụng công rất nhiều trong cách diễn tả một vấn đề chính trị rồi ren bằng những khí cụ âm nhạc phức tạp không kém. Có lẽ đây là lần đầu mà người Việt được "nghe âm vang lên tiếng chiến chinh" mà không có lời ca, chỉ có tiếng khóc của âm nhạc. Trong hành âm ba, bản nhạc đại hòa tấu vì phân phối dàn vĩ cầm theo hàng ngang (cách sắp xếp hơi khác thường, có lẽ để trình tấu bài của Mahler sau đó) nên chưa diễn tả được chiều sâu và đầy của chiến tranh trên nhiều thanh âm sát phạt gai góc. Người nghe ăm ắp có cảm tưởng là nhạc trưởng Edward Cumming, dù thoải mái trong hai hành âm trước, như đã do dự không tận dụng hết công phu điều khiển của ông trong hành âm

này.

*

Hồi tưởng lại sự cảm nhận của mình khi nghe hoà nhạc, chúng tôi thấy rằng quả Lê Văn Khoa đã chọn cho ông con đường khó.

Ông đã lấy biến cố lớn lao nhất của đất nước làm cảm hứng sáng tác sau 20 năm tưởng như đã lắng đọng. Nhưng, dù 20 năm đã qua, biến cố vẫn bồng bồng trong tâm tư chúng ta. Lê Văn Khoa lại chọn một thể loại trừu tượng và toàn cầu nhất, là nhạc không lời, để diễn tả những cảm xúc và suy tư của mình về một biến cố chỉ riêng người Việt mới thấm thía tới tâm can. Nhưng, khác một số nghệ sĩ sáng tác Việt Nam, ông không đi thẳng vào thế giới âm nhạc không lời hiện vẫn là vùng ngự trị của nhạc cổ điển Tây phương, tức là viết một tác phẩm mang nhiều âm sắc Tây phương. Ông ngoái nhìn lại và cố bắc một nhịp cầu dẫn thính giả Việt Nam đi từ những giai điệu đã quen tai - văng vẳng có lời ru tiếng hò lẫn tiếng quân hành quen thuộc - tới những vùng âm thanh mới lạ hơn. Ông cố hoà hợp giai điệu ngũ cung của nhạc truyền thống Việt Nam với cái đại đồng của âm nhạc không biên giới.

Lê Văn Khoa cũng cố tình viết từng cảnh thu nhỏ và sắc nét, được minh hoạ bằng dân ca quen thuộc, để người nghe dễ tiếp nhận một tác phẩm diễn tả những biến cố đau thương của đất nước bằng ngôn ngữ toàn cầu là nhạc. Ông tài tình khai triển và chuyển hoá (*develop*) thành những đoạn nhạc có khuynh hướng "ấn tượng" nhiều nét khai phá mới mẻ và đầy nghệ thuật. Ông viết một tổ khúc đại hợp tấu (*symphonic suite*) có cấu trúc dung dị và đa diện của nhiều cảnh trí âm nhạc thay vì một hợp tấu khúc (*symphony*) với những hành âm chặt chẽ và lớn lao, mà có khi người nghe lại thấy bất ngát và xa lạ. Lê Văn Khoa đã thành công rực rỡ trong những chọn lựa khó khăn này.

Chúng tôi xin có lời mừng nồng nhiệt gửi tới người bạn đã bỏ công sức và thời giờ để hoàn thành một tác phẩm công phu và ý nghĩa.

Thật là cảm động khi nhìn thấy một dàn nhạc lớn tại một thính đường sang trọng bậc nhất của California trình tấu một tác phẩm Việt Nam của một nhạc sĩ Việt Nam. Chúng tôi mong mỗi thính giả Việt lưu tâm và chiếu cố nhiều hơn nữa tới những sinh hoạt nghệ thuật cao quý trên. Nhìn và nghe người *concert mistress* đọc tấu đoạn nhạc Việt mềm mại, lả lướt, nhiều thính giả đã cảm động ứa nước mắt. Chính người nữ nhạc sĩ gốc Nhật Bản đã thổ lộ: không cứ phải là người Việt mới hiểu được tâm tình của nhạc Việt. Riêng chúng tôi sẽ nhớ mãi những hình ảnh thật đẹp trên quê hương thanh bình. Lê Văn Khoa để lại cho chúng ta những thanh âm khó quên, làm chúng ta sẽ nhớ ngược tới tiếng chuông khánh lung linh của tổ khúc "1975" mỗi khi nghe lời dân ca Hát Hội Trăng Rằm...■

Tháng Sáu 1995

Vòng chân trời văn học nghệ thuật



NGUYỄN CHÍ KHAM

Mùa hè đang trở lại, dấu hiệu bắt đầu bằng sự đổi thay sang màu bông nở hoa tím của những hàng cây *jacaranda* trồng dọc theo hai bên đường những khu phố trong quận Cam. Những ngày trong tháng Năm, các sinh hoạt đều ồn ào, vui nhộn. Tại một địa điểm nằm trong thành phố Westminster, ca sĩ Nguyễn Thành Vân trước một số đông khán thính giả đã ra mắt đĩa CD mới của mình. Trước cử tọa đông đảo, ca sĩ Nguyễn Thành Vân đã thành công với giọng hát trầm ấm qua những ca khúc của nhiều nhạc sĩ nổi tiếng như Nguyễn Hiền, Phạm Duy, Hoàng Trọng, La Hối, Trịnh Công Sơn v.v...

Tại vũ trường Ritz, thị xã Anaheim, nhà thơ Thái Tú Hạp, người chủ trương tuần báo *Saigon Times* ở Los Angeles hôm Chủ Nhật 28 tháng Năm đã cho ra mắt một tập thơ mới của ông "Hạt Bụi Nào Bay Qua." Thái Tú Hạp là một nhà thơ quân đội trước 75 có những bài thơ đã gửi đăng ở các tạp chí *Văn*, *Bách Khoa* tại Sài Gòn. Trong buổi ra mắt tập thơ, có sự giới thiệu của nhà văn Mai Thảo và nhà văn Duy Lam. Sau đó là phần trình bày thơ của tác giả, qua sự diễn ngâm thơ của Trần Diệu Hằng, Cao Mỹ Nhân, và những ca khúc nổi tiếng với giọng hát của rất nhiều ca sĩ thân hữu.

Cũng trong tháng Năm, giới nghệ sĩ quận Cam đã tiếp đón một người bạn là điêu khắc gia Mai Chứng từ vùng Hạ Uy Di đến chơi. (Xin xem bài Hoàng Khởi Phong ghi lại cuộc chuyện trò của Mai Chứng với một số bạn văn nghệ, trong số này).

Cũng tháng Năm, tại hý viện thị xã Westminster, đã diễn ra một buổi thơ nhạc đặc biệt "Đêm, Việt Nam, 20 năm," mà ngoài các tác giả Việt ra có sự diễn đọc của hai nhà thơ Mỹ. Đó là tiến sĩ Terry B. Joseph, giáo sư đại học Chapman ở Orange, California và nhà thơ Mark Betrice. Nhà thơ Terry B. Joseph nói "Tôi hiểu dân tộc Việt Nam có một nền văn hóa sâu dày trải qua bốn, năm

ngàn năm. Nhưng sau một cuộc chia lìa, đứt đoạn với nguồn gốc, là quê hương chính, mà với một số người hữu hạn, đã có thể hình thành một dòng văn học, nghệ thuật mới phong phú, đa dạng, chỉ trong vòng 20 năm mà thôi, thì quả là một điều kỳ diệu."

Qua tháng Sáu, sinh hoạt của các bộ môn văn học nghệ thuật vẫn tiếp diễn rộn rịp. Hôm Chủ Nhật 11 tháng Sáu 1995, tại hội quán Lạc Hồng, nhà văn Đặng Trần Huân giới thiệu với độc giả một tác phẩm mới: *Hành Trình Một Hát Ô*.

Nhà văn Đặng Trần Huân, trước đây là một sĩ quan cấp tá phục vụ trong ngành báo chí của Cục Tâm Lý Chiến — chủ bút tạp chí *Chiến Sĩ Cộng Hòa*. Trong báo này, ông thành công với loạt chuyện tiểu lâm "Chuyện Cấm Đàn Bà." Ông còn là một dịch giả có hai cuốn sách đã xuất bản.

Thứ Bảy 10 tháng Sáu 1995, vào lúc 3 giờ chiều, nhà văn Quyên Di cũng đã cho ra mắt hai tác phẩm của ông: "Hoa Hồng Nhà Kín" và

Trước năm 1975 cũng như bây giờ, nhà văn Quyên Di được nhiều người yêu mến, vì ông là nhà văn của tuổi thơ. Trong tác phẩm của ông luôn luôn là những chuyện kể cảm động, và bằng một lời văn trong sáng ông đã đem lại cho người đọc những tình cảm ấm áp, mà hình ảnh các nhân vật trong tác phẩm của ông chính là những hình ảnh trong đời thường của chúng ta.

Tại Boston, vào lúc 5 giờ chiều ngày 3 tháng Sáu 1995, một buổi trình diễn thơ và nhạc với chủ đề "Đêm Thơ Nhạc Quê Hương" do một nhóm văn nghệ sĩ vùng New England tổ chức tại nhà hàng Ten Ten trong khu phố Tàu thành phố Boston.

Họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi là người điều hợp chương trình. Nhà thơ Hồ Công Tâm nói chuyện về nền văn học Việt Nam tại hải ngoại trong 20 năm qua. Sau đó là buổi trình diễn đọc, ngâm thơ và hát những ca khúc.

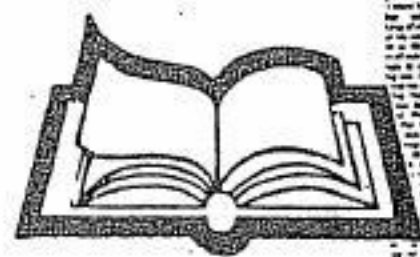
Tại Ottawa, thủ đô Canada, đông đảo người Việt đã đến tham dự buổi lễ khánh thành tượng kỷ niệm thuyền nhân Việt Nam của Phạm Thế Trung. Buổi lễ được diễn ra trong sự trang nghiêm và xúc động.

Tại Québec, Trung tâm Văn Bút và nhà xuất bản Năng Mới đã tổ chức một đêm sinh hoạt để giới thiệu tuyển tập "Hai Mươi Người Viết Tại Canada." Buổi sinh hoạt quy tụ 200 quan khách, thân hữu và văn hữu. Người giới thiệu buổi sinh hoạt là nhà thơ Hoàng Xuân Sơn; nhà thơ Trang Châu đại diện nhóm thực hiện trình bày sự hình thành của tuyển tập; giáo sư Hoàng Chiêu Nhân trình bày nội dung cuốn sách.

Buổi sinh hoạt thành công, nhờ tổ chức chu đáo, và có một chương trình văn nghệ đặc sắc, phong phú. ■



Tượng "Tìm tự do"
của Phạm Thế Trung



SÁCH BÁO TRONG THÁNG

HOÀNG KHỞI PHONG
LÊ TAM CA
PHẠM XUÂN ĐÀI

Truyện Mới Chọn Lọc, tập truyện ngắn của Duy Lam, bìa do Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng vẽ, Văn Khoa xuất bản lần thứ nhất. Sách dày 190 trang, giá bán tại Mỹ 12 mỹ kim. Liên lạc: Văn Khoa, 9200 Bolsa Ave., Suite 123, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 892-0801.

Trên bìa sách, dưới tên tác giả là hàng chữ *Trong Tự Lực Văn Đoàn*, cho người đọc thấy rằng Duy Lam cũng như Nguyễn Thị Vinh với tác phẩm mới nhất của bà vừa in tại Na Uy năm qua, là hai thành viên còn sót lại của một văn đoàn ra đời cách đây hơn nửa thế kỷ.

Nhà văn Duy Lam tham gia sinh hoạt văn học tới nay đã hơn 40 năm. Ông viết khá đều tuy rằng không nhiều, và bị gián đoạn một thời gian mười mấy năm trong trại tù cải tạo. Ông cầm bút lại ngay sau khi đến Mỹ, và **Truyện Mới Chọn Lọc** chính là những truyện đầu tiên trong cuộc sống tại hải ngoại của ông.

Sách gồm 11 truyện ngắn, trong đó các truyện *Cây Liễu Bên Hồ* và *Chiếc Xe Đạp* kéo người đọc lùi lại nửa thế kỷ, không những về không gian thời gian của truyện, mà còn về cả văn phong, từ ngữ của tác giả. Với truyện *Ông Tướng*, độc giả có cảm giác ông tướng trong truyện hình như là một người có thật ngoài đời, nhiều người biết đến, trừ những khúc mắc trong tâm tình của ông mà tác giả mổ xẻ trong truyện. Với *Cái Check Gửi Lầm* và *Gói Kẹo*, tác giả đã chứng tỏ mình vẫn có khả năng quan sát, nắm bắt những gì từ cuộc sống mới trên đất Mỹ mang lại, và diễn tả những giằng kéo nội tâm vẫn là một sở trường của tác giả, tuy là mỗi thời sở trường ấy lộ ra một cách riêng.



Sau một thời gian dài không cầm bút, Duy Lam đã lại đến với độc giả với **Truyện Mới Chọn Lọc**, và chính cuốn truyện đã lại mang cho độc giả một Duy Lam ngày nào, tuy không còn trẻ trung sung sức như xưa, nhưng thêm cái thâm trầm của tuổi tác và từng trải. (HKP)

Đối Vợ, tập truyện ngắn của Tiêu Nương, bìa do Vũ Hối trình bày, các phụ bản của Vũ Thái Hòa, dày 200 trang, giá bán tại Pháp 50FF, các nơi khác US\$10. Sách do Nhân Trí xuất bản, không ghi địa chỉ liên lạc.

Tiêu Nương, tác giả, là một người sinh sống ở Pháp từ năm 1954, sau khi thôi làm nghề dạy học ở Việt Nam và trở thành công chức bộ Văn Hóa Pháp cho tới ngày về hưu. Một điều lạ nơi bà là chỉ sau khi về hưu bà mới thực hiện một ước vọng nuôi trong thâm tâm từ lâu, là viết văn. Chỉ từ 1991 các truyện ngắn của bà mới bắt đầu xuất hiện trên báo chí, mà bà gọi là những bông hoa nở muộn trong văn chương hải ngoại.

Như đặc tính chung của những người lớn tuổi,

bà nhớ rất rõ những gì xảy ra đã lâu, khi bà còn nhỏ, tại Bắc Việt. Hình như ngay cả văn phong của bà cũng mang dấu ấn của thời Tố Tâm, mà chắc hẳn thời ấy bà đã say sưa đọc. Nhưng phải nhận truyện của bà rất phong phú, đề tài thay đổi từ xưa đến nay, lắm khi xưa và nay được trộn lẫn vào nhau một cách tài tình. Về tâm lý phụ

nữ bà tỏ ra tinh tế và sành sỏi, có thể đó là kết quả chiêm nghiệm của chính bản thân tác giả suốt một cuộc đời dài. Truyện của bà là truyện tình, bà có cái nhìn về những kẻ thuộc "nòi tình" rất lý thú:

Những người giàu tình cảm, nặng tình thương chìm đắm trong yêu, không biết mình ở tuổi nào. Thương và Yêu cứ theo tuổi lớn lên mãi mãi mà tình cảm chẳng bao giờ trưởng thành. Chỉ trưởng thành khi đi vào lý trí!

Chính sự quan sát, suy nghiệm về tình yêu của bà là cái rất mới và linh động, làm cho tác phẩm của bà trở nên lôi cuốn, trong một hình thức văn chương thoát đầu tưởng như là rất cổ xưa. (PXD)



tiếng
thì thầm
trong bụi
tre gai

Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai tập truyện ngắn của Thảo Trường, do TIN Paris xuất bản. Sách trình bày mỹ thuật, nhã nhặn, in trên giấy tốt, dày 130 trang, giá 50FF (US\$8). Địa chỉ nhà xuất bản: 54, Avenue Léon-Blum F-92160 Antony, France.

Thảo Trường là một tác giả đã được biết đến nhiều trước 1975 tại Miền Nam, với 15 tác phẩm đã in thành sách. Sau khi Miền Nam sụp đổ, ông đã đi tù cải tạo liên tục cho đến 1992 mới được thả ra, trở thành người cầm bút Miền Nam bị giam giữ lâu nhất. Năm 1993 ông đến Hoa Kỳ, hiện cư ngụ tại quận Cam, nam California.

Trong chín truyện của cuốn sách, chỉ có một truyện đầu tiên, *Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp* là được viết và xuất hiện trước năm 1975, tám truyện còn lại đều được tác giả viết sau khi ra khỏi tù, hầu hết trong năm đầu tiên ở Mỹ. Nói như lời giới thiệu của nhà xuất bản: "...nó thu lượm, gạn lọc những kỷ niệm thật, những nếp sống thật của những con người thật trong 17 năm tù. Nếu tất cả những gì đã làm trong chặng đời trước mất đi, thì đây là tác phẩm đầu tay trong chặng đường mới của tác giả."

Nhưng những gì tác giả viết không phải thuần

là kỷ niệm, theo kiểu hồi ký. Đó vừa là những truyện ngắn có nghệ thuật, vừa là bản cáo trạng tố cáo chế độ cộng sản, chen lẫn các suy niệm pha màu triết học, với một giọng văn đôi khi mang vẻ phóng thích rất lôi cuốn người đọc. Điều đặc biệt không có ở những cuốn sách



viết về trại cải tạo trước đây là những trang tác giả viết về cuộc sống của một số ít tù nhân cuối cùng, bị giữ lại cho đến năm 1992, trong khi đại đa số tù nhân cải tạo được thả từ đầu năm 1988. Đó là một giai đoạn cải tạo khác hẳn trước, khác về cách sống và làm việc, về tương quan giữa cán bộ công an và tù, về tâm trạng của người tù... Dĩ nhiên rất ít người biết về trại cải tạo trong thời gian ấy, càng ít người viết về nó. Tác giả là một trong số những người tù cuối cùng. Đó là cái rủi của ông, nhưng lại có thể coi là... may mắn cho văn học. "Tiếng thì thầm trong bụi tre gai" cũng là tiếng nói hiếm hoi của những năm tù muộn màng ấy, làm chứng tích đầy đủ cho 17 năm lao tù mà cộng sản đã đem lại cho những người thuộc chế độ miền Nam, kể từ năm 1975. (PXD)

Hải Trình Chí Lược của Phan Huy Chú, do Phan Huy Lê, Claudine Salmon và Tạ Trọng Hiệp dịch và giới thiệu. Sách dày 228 trang, do Hội Quần Đảo (Association Archipel) xuất bản, không ghi giá bán. Liên lạc: Association Archipel, EHESS - Bureau 732, 54 Bld Raspail, 75006 Paris, France.

Phan Huy Chú (1782-1840), làm quan thời Minh Mạng, được triều đình cử đi Singapour và



Batavia (thuộc Indonesia) năm 1832-1833, khi về có viết ký sự (bằng chữ Hán) về chuyến đi, nhan đề Hải Trình Chí Lược. Đây là lần đầu tiên cuốn ký sự này được mang ra dịch.

Sách gồm ba phần chính: phần dịch ra Pháp văn, phần dịch Việt văn, và phần nguyên văn chữ Hán. Xen vào là phần bản đồ, hình

ảnh và ký họa cổ về Singapour và Batavia, cùng với một phụ lục ghi chú các tên chữ Hán dùng trong sách.

Đây không chỉ thuần túy là bản dịch một tác phẩm cổ mà còn là một công trình nghiên cứu sâu về tác giả và đề tài liên quan đến tác phẩm. Đọc phần *Cuộc đời và sự nghiệp của Phan Huy Chú* người đọc sẽ biết khá rõ về gốc gác dòng họ Phan Huy, và biết tường tận việc học tập, nghiên cứu, trữ tác, cùng các hoạt động trong đời Phan Huy Chú.

Trước khi đi vào phần dịch, bài "Nhãn quan phái viên đi Hạ Châu" giúp người đọc nắm vững một vấn đề lịch sử rất ít được đề cập đến trong các sách lịch sử Việt Nam. Thường chúng ta được biết

TỪ ĐIỂN DANH TỪ ĐIỆN TOÁN

ANH - VIỆT

hardware
software
comm.
network
desktop publishing

ĐÃ PHÁT HÀNH

- *Quyển Từ điển Điện Toán đầu tiên, đầy đủ và cập nhật hoá nhất, bao gồm hơn 30.000 từ trong các lãnh vực: Dụng liệu, Nhu liệu, Truyền thông, Mạng, Ổ đĩa liệu, Biên soạn văn bản, Ấn loát và trình bày [hardware, software, comm., newtwork, database, word-processing, desktop publishing...]*
- *Được giải thích bằng Anh ngữ, Việt ngữ, hơn 500 hình ảnh, bảng phân loại và ví dụ cụ thể. Tất cả từ viết tắt đều được giải thích rõ ràng, ví. ASCII, EBCDIC, BASIC, LAN, WAN, RAM, ROM, IEEE...*
- *Dầy trên 600 trang, khổ 6 1/2 x 8 1/2, bìa cứng, gáy đóng chỉ, bền, trình bày mỹ thuật.*

Mọi chi tiết,
xin liên lạc:

Lê duy Tâm, Nhà Sách TỰ DO
6767 Côte des Neiges, suite B5
Montréal, (Qc) H3S 2T6 Canada

Tél. (514) 342-9120 Fax. (514) 342-4927

hoặc các nhà xuất bản, hay các đại lý sách báo địa phương

nhiều về những chuyến đi sứ qua Trung Hoa, và ngay cả một chuyến đi Pháp của sứ bộ Phan Thanh Giản, nhưng ít ai biết về những chuyến đi Hạ Châu (Miền Dưới), tức là vùng Biển Nam (Singapour, Malaka, Pinang, Batavia...) mà nhà Nguyễn đã cử người công cán đều đặn suốt từ thập niên cuối của thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX.

Hải Trình Chí Lược của Phan Huy Chú là ký sự về một trong hàng chục chuyến đi ấy. Công trình lớn của bản dịch này không chỉ là sự chuyển ngữ rất rõ ràng khúc chiết từ chữ Hán sang chữ quốc ngữ, mà là các chú thích. Các dịch giả đã khổ công tra cứu tìm hiểu để giải thích tất cả những gì cần giải thích từ trong nguyên bản, như tên đất, tên người, lịch sử, địa lý, phong tục... Có thể nói chỉ cần đọc kỹ bản dịch và các chú thích này, người đọc cũng đã có thể có được những hiểu biết rất phong phú và cơ bản về vùng Hạ Châu cách đây hơn một thế kỷ.

Một quyển sách quý, một công trình công phu đáng kính trọng trong ngành sử học. (PXD)

Tuyển Tập Hai Mươi Năm Người Viết Tại Canada, do Năng Mới xuất bản, dày 320 trang, giá 15 mỹ kim. Liên lạc: Năng Mới, CP 40 Succ Côte des Neiges, Montreal H3S 2S4, Canada.

Đọc bài tổng kết hai mươi năm sinh hoạt văn học của người Việt trên đất Canada ở đầu sách, người ta thấy rằng lực lượng sáng tác tại đây rất phong phú, và hiểu được tại sao có tuyển tập này. Hai mươi năm (1975-1995) là một cái mốc thời gian để người Việt tị nạn nhìn lại cuộc sống của mình, những cái được và cái mất. Giới cầm bút tại Canada đã khẳng định sự thành tựu của mình với tuyển tập thi văn này, bao gồm sáng tác tiêu biểu của tám nhà thơ (Đỗ Quý Toàn, Hoàng Xuân Sơn, Lâm Hảo Dũng, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Phạm Đình Cường, Phan Ni Tấn, Vũ Kiện) và 12 nhà văn (Hoàng Chính, Hoàng Du Thụy, Hồ Đình Nghiêm, Hồ Phổ Lại, Hồng Hoang, Nguyễn Đông Ngạc, Nguyễn Đức Bạt Ngân, Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Văn Ba, Song Thao, Trang Châu).

Tên tuổi và uy tín của những nhà văn nhà thơ vừa kể cộng với các tác phẩm đặc ý của họ bảo đảm giá trị của **Tuyển Tập Hai Mươi Năm Người Viết Tại Canada**. (PXD)

Về Nguồn, tuyển tập 100 ca khúc sinh hoạt, do Nguyễn Ngọc Huy Foundation tài trợ, Phụng Sự xuất bản. Sách dày 144 trang, giá \$7.00. Liên lạc: 1230 South Street, Long Beach, CA 90805, USA. Tel: (310) 984-9215.



Một trăm bản nhạc của nhiều tác giả khác nhau, đã được phân loại như sau: Nhạc Quê Hương, 22 bài; Nhận thức ca Tuổi trẻ, 26 bài; Nhạc Yêu người - Yêu đời, 12 bài; Nhạc Sinh hoạt, 11 bài.

Nhà xuất bản nói về tập nhạc: *Tập nhạc nhỏ bé này như một sợi chỉ hồng nối kết lại bao tâm huyết tuổi trẻ qua*

mọi thời đại, mọi thế hệ, về hợp mặt nơi đây với một chút hy vọng tuổi trẻ hôm nay cùng đứng dậy tiếp nối truyền thống tốt đẹp của tiền nhân để làm nên lịch sử cho tuổi trẻ và quê hương Việt Nam hôm nay.

Một tuyển tập nhạc cần cho mọi người, để gìn giữ tình tự quê hương dân tộc, và nhất là cho tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại, để dùng trong các buổi sinh hoạt của mình. (PXD)

Hành Trình Một Hát Ô, bút ký của Đặng Trần Huân, Thời Luận xuất bản 1995, dày 280 trang, giá \$15.00. Liên lạc: PO Box 3022, Industry CA 91744, USA.

Cái tên Đặng Trần Huân không xa lạ với người đọc đã từng lớn lên ở Sài Gòn, dù số sách ông xuất bản không nhiều. Những truyện vui đăng báo trong nhiều năm dưới tiêu đề "Chuyện cấm đàn bà" đã giúp tên tuổi ông hiện hữu trong lòng người đọc suốt từ cuối thập niên 1960 đến nay.

Sở trường về kể chuyện khôi hài, châm biếm, Đặng Trần Huân kể lại những chuyện tai nghe, mắt thấy hoặc chuyện của chính gia đình ông, về đời sống người dân Việt Nam dưới chế độ Cộng sản, bằng lối văn phóng sự "cười ra nước mắt."

Ấn bên trong những nụ cười, Đặng Trần Huân cũng gửi tới người đọc nhiều nhận xét tinh tế, nhiều lý luận sắc bén, và nhất là nhiều dữ liệu cần thiết cho những nhà nghiên cứu về ngữ học, xã hội học và tâm lý học.

Nếu được săn sóc kỹ hơn về mặt ấn loát (còn sót lỗi đánh máy, và nhiều chỗ sửa tay hoặc cắt dán...), cuốn sách này hẳn xứng đáng có mặt trên kệ sách của mỗi gia đình người Việt tị nạn cộng sản khắp nơi trên thế giới. (LTC)

Vật Lý Học và Phật Học, của Vương Thủ Ích, bản dịch của Vân Nguyên, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản, 1994. Dày 134 trang, giá \$8.00.



Sở trường về kể chuyện khôi hài, châm biếm, Đặng Trần Huân kể lại những chuyện tai nghe, mắt thấy hoặc chuyện của chính gia đình ông, về đời sống người dân Việt Nam dưới chế độ Cộng sản, bằng lối văn phóng sự "cười ra nước mắt."

Ấn bên trong những nụ cười, Đặng Trần Huân cũng gửi tới người đọc nhiều nhận xét tinh tế, nhiều lý luận sắc bén, và nhất là nhiều dữ liệu cần thiết cho những nhà nghiên cứu về ngữ học, xã hội học và tâm lý học.

Nếu được săn sóc kỹ hơn về mặt ấn loát (còn sót lỗi đánh máy, và nhiều chỗ sửa tay hoặc cắt dán...), cuốn sách này hẳn xứng đáng có mặt trên kệ sách của mỗi gia đình người Việt tị nạn cộng sản khắp nơi trên thế giới. (LTC)

Vật Lý Học và Phật Học, của Vương Thủ Ích, bản dịch của Vân Nguyên, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản, 1994. Dày 134 trang, giá \$8.00.

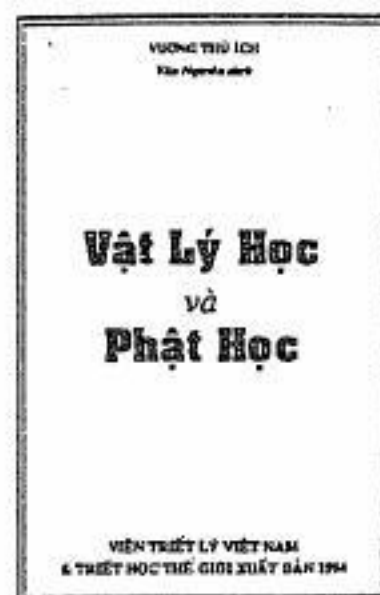
Cuốn **Vật Lý Học và Phật Học** chỉ có hơn 70 trang, in cùng nguyên tác chữ Hán hơn 50 trang, thuộc loại sách... kén người đọc. Tác giả vốn là giáo sư môn Vật lý ở đại học Thanh Hoa (Đài Loan), và, theo lời dẫn của Thượng tọa Thích Viên Lý, giáo sư Vương Thủ Ích “đào sâu vào tư tưởng Giả Hữu và Tự Tánh Không của Phật học qua quan điểm của

Lượng tử học trong Vật lý học và đưa thẳng vấn đề vào phương thức ứng dụng trong đời sống thường nghiệm của con người theo sự hiểu biết Phật học của cá nhân ông.”

Tuy nhiên ở ngay những trang đầu sách, nhà triết học Phạm Công Thiện nhận xét rằng Vương Thủ Ích có mắc một số sai lầm, vì giáo sư Vương “không được huấn luyện trong tư tưởng triết học, cho nên ông đã lý luận theo điệu *bản thể và hiện tượng* và bị kẹt vào một thứ *Platonism* sơ đẳng nhất...”

Phạm Công Thiện cho rằng giá trị của tập sách mỏng này nằm ở chỗ nó “khiến mình mỗi lúc phải lay động vấn đề.” (LTC)

Nước Mắt Trước Cơn Mưa, của Larry Engelmann, bản dịch của Nguyễn Bá Trạc, do Tin Biển xuất bản 1995, dày 544 trang, giá \$20.00.



Cuốn sách nguyên tác bằng Anh ngữ, còn có tựa phụ là “Sử liệu phỏng vấn về việc sụp đổ miền Nam Việt Nam,” đúng là một tập tài liệu quý cho các nhà nghiên cứu, cũng như cho quần chúng độc giả.

Tác giả là một nhà báo, đồng thời cũng là một giáo sư đại học, nên sách của ông vừa là những ký sự có giá trị thông tin, vừa là những hồ sơ có tính chất nghiên cứu khoa học.

Larry Engelmann có vợ người Á Đông, nên đề tài cũng như cách tiếp cận vấn đề, cách lý giải các dữ kiện của ông có thể đến với người đọc gốc Việt

một cách tự nhiên hơn, dễ dàng hơn sách của các tác giả Âu Mỹ khác.

Thơ a t đọc cái tựa phụ “... về việc sụp đổ miền Nam Việt Nam,” chúng ta có thể nghĩ rằng mình sẽ tìm thấy lý giải về một hay nhiều nguyên nhân đưa đến sự sụp đổ. Nhưng thực ra, những tài liệu sử nói (Nguyễn Bá Trạc dịch là “khẩu vấn”, chữ *oral history*), do Engelmann thực hiện, nói về những gì xảy ra, và những cảm nghĩ của người trong cuộc (ở cả ba phe: Việt Nam Cộng Hòa, Việt Nam Cộng Sản và Mỹ) trong những ngày cuối cùng của chế độ VNCH.

Dịch giả, Nguyễn Bá Trạc, khiêm nhượng viết rằng ông dịch còn “vụng về,” nhưng thực ra đây là một bản dịch hay.

Ở thời điểm chẵn 20 năm sau ngày Sài Gòn đầu hàng Hà Nội, cuốn “Nước Mắt Trước Cơn Mưa” ra đời (với nhiều phụ đính cập nhật, trong đó có cả tóm lược cuốn sách mới của cựu Bộ trưởng Quốc Phòng Robert McNamara) kịp... thời vụ. Giá trị tài liệu của cuốn sách hẳn sẽ giúp nó có chỗ đứng lâu dài trong sinh hoạt văn học, giáo dục cũng như gia đình của chúng ta. (LTC)

Việt Nam Quê Hương Tôi, sách ảnh của Lê Quang Xuân, với thơ của nhiều tác giả, do Năng Mới xuất bản từ 1993 (?), khổ lớn, giấy láng, bìa cứng, dày 160 trang, giá \$40.00.

TK 21 trân trọng cảm tạ tác giả đã gửi tặng sách. Vì sách ra đã lâu và được nhiều bạn bè điểm, TK 21 chỉ giới thiệu tới độc giả. Liên lạc: 3285 Barclay # 15, Montreal PQ, H3S 1K3 Canada. ĐT (514) 735-9426.



CD: Nguyễn Thành Vân Hát Cùng Các Bạn,
Compact Disc do Van Nguyen sản xuất 1995,
không ghi giá bán, liên lạc: 42 Castro St., Suite 6,
San Francisco, CA 94114 USA. Tel. (415) 621-
3215.

Với 10 bài hát không
nhắm vào một chủ đề
chung nào, CD này giống
như một đĩa nhạc "tua"
(đĩa nhạc khiêu vũ, có
nhiều tiết tấu, nhịp điệu
khác nhau). Nó cũng hình
thành một chương trình
văn nghệ bổ tui.

Từ những bài mang âm
hưởng dân ca (như *Tùy Hứng Qua Cầu* của Trần
Tiến, *Đố Ai* của Phạm Duy) đến những bài mang
ảnh hưởng nhạc thính phòng Tây phương rõ nét
(như *Mùa* của Lê Ngọc Chân), tất cả đều được hòa
âm, phối khí công phu, tạo cho đĩa nhạc một phong
cách riêng, một âm hưởng gây ấn tượng mạnh nơi
người nghe.

Sự thay đổi từ đơn ca tới song ca, ngũ ca, từ điệu
buồn của một *Bài Không Tên Số 2* (Vũ Thành An)
tới điệu vui của *Dừng
Bước Giang Hồ* (Hoàng
Trọng) hoặc *Xuân Và
Tuổi Trẻ* (La Hối) chứng
tỏ Nguyễn Thành Vân
và các bạn của anh nắm
vững kỹ thuật biểu diễn.

Ngoài Hoàng Tâm và
Ngọc Huệ (đã hát
chuyên nghiệp), CD này
còn có những tiếng hát
tài tử nhưng chứng tỏ có
nhiều công phu tập
luyện - và chinh phục
thính giả ngay - như Bích
Liên, Ngọc Sương, Duy
Hiển và Ánh Hiền.

Nguyễn Thành Vân
chứng tỏ đang sung sức.
Anh sản xuất liên tiếp
các đĩa nhạc giá trị.
Giọng hát của anh cũng
không ngừng thể
nghiệm những phong
thái mới. Trong đĩa này,
so với các đĩa trước, anh
hát "ngọt" và "mềm"
hơn. (LTC)

CD: Ta và Vũ Trụ,
Compact Disc do Trọng
Nghĩa và Mộng Lan sản
xuất. Liên lạc: PO Box
832, Artesia CA 90702-
0832. Tel. (310) 809-
2526.



Mười ca khúc là 10 bài
thơ của một tác giả —
Thanh Trí Cao — phổ
nhạc bởi Trọng Nghĩa và
Mộng Lan, Duy Cường
hòa âm, với ba giọng hát
Hà Thanh, Thanh Tuyền
và Trọng Nghĩa.

Đĩa nhạc phát hành
nhân mùa Phật Đản.

phần nào có tính "thời sự" (do nhu cầu tiếp thị),
nhưng ý thơ thiên và nét nhạc trong sáng sẽ giúp
cho Ta và Vũ Trụ vượt được thời gian và gắn bó
với đời sống tâm linh con người.

Trọng Nghĩa và Mộng Lan sáng tác và trình
diễn với tư cách tài tử nhưng đạt tới trình độ kỹ
thuật và nghệ thuật cao của những người chuyên
nghiệp. Nhạc ngữ cũng như phong cách trình diễn
của đôi uyên ương này cũng từ tốn, cẩn trọng như
con người của họ trong đời sống, trong xử thế.

Đặc biệt, trong CD Ta và Vũ Trụ, có phần dẫn
nhập vào mỗi bài hát do nhà văn Trần Diệu Hằng
soạn và đọc — một chút văn cho nhạc, hay "một
chút nắng trong nước mưa." (LTC)



Trân trọng mời quý vị tới thưởng ngoạn

TRIỂN LÃM ẢNH PHOTO EXHIBITION

Ngô Thanh Tùng

PHỤ NỮ VIỆT NAM WOMEN OF VIETNAM

June 25 to July 9, 1995

Nguyen Viet Exposition Hall

14901 Moran Street, Westminster, California

Khai mạc / Opening reception:
12:00 noon, Sunday, June 25, 1995.

ADMISSION FREE

Open hours: Mon - Fri 11:00 a.m. to 5:00 p.m.
Sat 10:00 a.m. to 5:00 p.m.
Sun 10:00 a.m. to 3:00 p.m.

Central Valley Medical Clinic

7225-7227 Reseda Blvd., Reseda, California 91335

(818) 708-7227

Bác sĩ NGUYỄN VĂN HÙNG, M.D.



CHUYÊN TRỊ

NỘI THƯƠNG - NGOẠI THƯƠNG

PHỤ NỮ - THAI SẢN

TRẺ EM - NGOÀI DA

QUANG TUYẾN - SIÊU ÂM



NHẬN

**MEDI-CAL - MEDICARE
& BẢO HIỂM**

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM

Thứ Bảy: 9AM - 3PM

Chủ Nhật: Đóng cửa



A Helping Hand for Needy People in Vietnam

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 1995

- khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.
- bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ khuyết tật chi và môi.
- bảo trợ học bổng cho giáo sinh Sư phạm.
- bảo trợ một số lớp tình thương và phổ cập.
- trợ cấp cho một số trẻ mồ côi, khuyết tật.
- tổ chức ủy lạo nạn nhân bão lụt (khi cần thiết).

Kinh phí trợ giúp dự trù: 30.000 - 50.000 USD

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER

WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

Muốn nhận bản tin GREEN CROSS hoặc đóng góp, xin gửi vì vui lòng liên lạc

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, Ca 92643

Phone (714) 537-4877 Fax (714) 379-1210

California Non-profit Corp. #1838385 Federal Tax Exemption #952344006

Phở Cali

- * Ngon mà lại rẻ
- * Không bột ngọt
- * Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556



Viễn Đông

RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam
khắp năm châu với các món ăn thuần túy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xào măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giã Cày
8. Bún Thang
9. Bún Mọc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHÁ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I 9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644 (714) 539-4614 8:30 AM - 8:30 PM	VIỄN ĐÔNG II 1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770 (818) 571-6807 9:00 AM - 9:00 PM
--	---

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

TAXCALI

HÀ DƯƠNG DỤC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGÀ
Enrolled Agent

- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149



KC TRAVEL & TOURS

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại
- Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)
- Lo các thủ tục xuất nhập cảnh

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

Bác Sĩ Y Khoa **TRẦN QUỐC TOẢN**

**DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ**

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon*

** Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*

** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center*

13832 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92643

(714) 636-3595

(Góc Brookhurst & Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

BỆNH NỘI KHOA VÀ NGOÀI DA:

- * **BỆNH DỊ ỨNG:** Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa.
- * **BỆNH NGOÀI DA:** Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben.
- * **BỆNH PHONG THẤP:** Đau khớp xương, đau nhức kinh niên.
- * **BỆNH THẦN KINH:** Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- * **BỆNH DINH DƯỠNG và BỆNH TUYẾN NỘI TIẾT:** Áp huyết cao, tiểu đường, mỡ cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- * **BỆNH TIÊU HÓA:** Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- * **BỆNH TIM:** Tắc ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- * **BỆNH PHỔI:** Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- * **BỆNH THẬN & ĐƯỜNG TIỂU:** Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ:

- * Bệnh suy yếu, run rẩy
- * Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- * Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA:

- * *Khám tổng quát định kỳ.*
- * *Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi.*
- * *Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao.*
- * *Truy tầm ung thư máu, vú, phổi, ruột, tử cung.*
- * *Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình.*

**NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN**

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 1:30 PM - 7:30 PM * Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM * Chủ Nhật nghỉ

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103

640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

Uuh ★

BEAUTY INSTITUTE

8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655

Tel & Fax (714) 894-9904

BACH THU HÀ,

RN, BSN . Cosmetician. Esthetician



DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM

Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

Bánh Mì Cali

\$ 1.35/1 ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xiu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali

MUA 2 TẶNG 1

Nước cốt dừa khó được nạo
và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR SANTA ANA/GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI

(714) 531-4556

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company



2677 N. Main Street, Suite 700

Santa Ana, CA 92701

Bus: (714) 560-7850 Direct

(714) 560-7800

Fax: (714) 560-7892

Pager Toll Free: 1 (800) 918-1172

(714) 531-0341

Lé's
Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643



THẾ KỶ

XUẤT BẢN và PHÁT HÀNH

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 □ (714) 638-9510 . FAX (714) 638-1944

THƯ MỤC

9401 • Nửa Đời Nhìn Lại (truyện, <i>Tiểu Dao Bảo Cự</i>)	HẾT
9402 • Thơ Bùi Giáng (thơ, <i>Bùi Giáng</i>)	\$8.00
9403 • Hà Nội Trong Mắt Tôi (ký, <i>Phạm Xuân Đài</i>)	\$10.00
9404 • Câu Chuyện Của Lá Phong (truyện ngắn, <i>Trần Mộng Tú</i>)	\$10.00
9405 • Vùng Đá Ngầm (truyện ngắn, <i>Hà Kỳ Lam</i>)	\$10.00
9406 • Đàn Bà (truyện ngắn, <i>Hải Vân - Phạm Văn Hải</i>)	\$10.00
9501 • Hoa Vàng Cũ (tập kịch thơ, <i>Phạm Xuân Tích</i>)	\$12.00
9502 • Nhớ đất thương trời (thơ, <i>Trần Hồng Châu</i>)	Sắp ra
9301 • Vườn Dâu Xanh (nhạc, <i>Trần Đình Quân</i>)	\$10.00
9302 • Sử Xanh Lưu Truyền (sưu tầm, <i>Quý Linh</i>)	\$19.00
9303 • Thông Đưa Tiếng Kệ (truyện, <i>Túy Hồng</i>)	\$12.00
9304 • Bạn Gái Nhỏ To (ký, <i>Bùi Bích Hà</i>)	\$14.00
9305 • Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết (ký, <i>Xuân Vũ</i>)	\$11.00
9306 • Chuyện Bé Kim I (truyện, <i>Từ Nguyên</i>)	\$7.00
9307 • Chuyện Bé Kim II (truyện, <i>Từ Nguyên</i>)	\$7.00
9308 • Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin (biên khảo, <i>Trần Văn Ngộ</i>)	\$12.00
9309 • Ký Giả Chuyên Nghiệp (<i>Lê Thái Bằng & Lê Đình Diểu</i> dịch)	\$19.50
9310 • Hành Trình Về Phương Đông (ký, <i>Nguyễn Phong</i>)	\$10.00
9311 • Mùa Hè Năm 1999 (Tuyển tập)	\$6.50
9312 • Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập)	\$12.00
9313 • Thơ Trần Mộng Tú (thơ, <i>Trần Mộng Tú</i>)	\$9.00
9314 • Thương Nàng Bảy Nhiều (truyện, <i>Kiệt Tấn</i>)	\$12.00
9315 • Bút Ký Irina I (ký, <i>Irina Zisman</i>)	\$10.00
9316 • Liều Trai Chí Dị I (truyện, <i>Kim Y</i> dịch)	\$7.00
9317 • Liều Trai Chí Dị II (truyện, <i>Kim Y</i> dịch)	\$7.00
9318 • Liều Trai Chí Dị III (truyện, <i>Kim Y</i> dịch)	\$7.00
9319 • Những Ngày Muốn Quên (ký, <i>Đoàn Thêm</i>)	\$18.00
9320 • War & Exile (East Coast VN PEN)	\$12.00
9321 • Duy Văn Sử Quan (biên khảo, <i>Hoàng Văn Chí</i>)	\$12.00
9322 • Trường Ca Lời Mẹ Ru (thơ, <i>Trương Anh Thụy</i>)	\$12.00
9323 • Trạm Nghỉ Chân (truyện, <i>Trương Anh Thụy</i>)	\$10.00
9324 • Con Đường Cải Tạo (ký, <i>Dương Tử</i>)	\$10.00
9325 • Lớp Sóng Phế Hưng (truyện, <i>Hồ Trường An</i>)	\$7.00
9326 • Một Đêm Thứ Bảy (truyện, <i>Mai Thảo</i>)	\$8.00
9327 • Mồ Hôi Của Đá (truyện, <i>Nhật Tiến</i>)	\$8.00
9328 • Giai Thoại Hồng (ký, <i>Hồ Trường An</i>)	\$14.00
9329 • Đêm Rồi Cũng Đi Qua (truyện, <i>Nguyễn Thị Ngọc Nhung</i>)	\$8.00
9330 • Phật Giáo Hòa Hảo (biên khảo, <i>Nguyễn Long Thành Nam</i>)	\$25.00
9331 • Miền Đất Hứa (truyện, <i>Trà Lữ</i>)	\$10.00
9332 • Hai Mươi Năm Thăng Trầm (ký, <i>Đinh Văn Ngọc</i>)	\$12.00
9333 • Những vấn Đề Việt Nam (Tuyển tập)	\$22.00
9334 • Tuyển tập (luận, <i>Nguyễn Kiến Giang</i>)	\$10.00
9335 • Trong Cõi (ký, <i>Trần Quốc Vượng</i>)	\$15.00
9336 • Đôi Điều Suy Nghĩ Của... (luận, <i>Hà Sĩ Phu</i>)	\$6.00
9337 • Trăng Mật (thơ, <i>Nghiêu Minh</i>)	\$15.00
9338 • Những Bài Không Tên Tiếp Nối (nhạc, <i>Vũ Thành An</i>)	\$12.00
9339 • Tình Khúc Hồi Hương (nhạc, <i>Phạm Anh Dũng</i>)	\$6.00

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ
NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**



Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn miễn tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sút mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, sắp sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

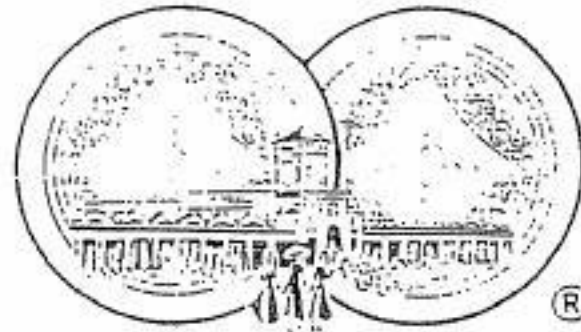
WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768

14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529

906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phố 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

**100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI**



LITTLE SAIGON SUPERMARKET

小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272



ĐẶC BIỆT



- * Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quý khách lựa chọn
- * Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
- * Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
- * Mua chén đĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
- * Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ



CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT



NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGON

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

**ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY**



**ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.**

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ NẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECK WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 • TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

Những dịch vụ thuộc Phòng Thí Nghiệm



A Partnership affiliated with
THE DYNACARE HEALTH GROUP INC.

Trung Tâm Y Khoa Cedars-Sinai,
với phòng thí nghiệm tọa lạc trên một khu đất
rộng 63,000 sq.ft., với máy móc điện tử tối tân,
với các bác sĩ và khoa học gia tên tuổi lừng lẫy
thế giới, là nơi quý vị phải tìm đến!

Liên lạc:

Dr. Tin Nguyen,

Canada & US Physician Services, Coordinator

115 Midair Court, Brampton, Ontario L6T 5M3, CANADA

Tel 1(800) 668-2714 - (905) 790-3000 - Fax (905) 790-2990

MARKETING REPRESENTATIVES:

Sharon Webb, MT (ASCP)
West San Fernando Valley

Deborah Brandt
*Santa Monica, Culver City,
Torrance, Inglewood*

Saul Stankus
*East San Fernando Valley,
Orange County*

Pete Hayes
*Beverly Hills, West Los Angeles,
Downtown Los Angeles*

Cedars-Sinai Laboratory Services
8711 W. Third Street
Los Angeles, CA 90048
Phone: (310) 724-6200 □ Fax (310) 273-3296